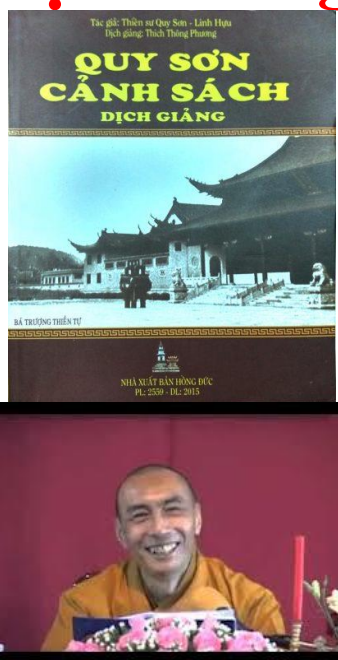


# Quy Sơn Cảnh Sách Dịch Giảng



**HT Thông Phương**

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

*Chuyển sang ebook 31-07-2019*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời Tựa

Lược Dẫn

Lược Sử Tổ Quy Sơn

Chánh Văn

"Xét bởi nghiệp trôi buộc mà thọ lấy thân, tránh sao khỏi khổ lụy về hình hài".

"Đi thể nhận từ nơi cha mẹ, mượn các duyên chung lại mà thành"

"Dù là bốn đại giữ gìn, nhưng vẫn luôn chống trái nhau"

"Vô thường, già, bệnh chẳng hẹn với người. Sớm còn tối mất, sát-na đã qua đời khác"

"Sớm còn tối mất, sát-na qua đời khác"

"Vị như sương mùa xuân, móc buổi sớm, thoát đó liền không; cây bờ thắm, dây giếng cạn nào có lâu dài"

"Niệm niệm chóng mau, trong khoảng sát-na, chuyển hơi thở liền thành đời sau, sao đành bình thản để qua sông?"

"Cha mẹ chẳng dưng món ngon vật lạ, sáu hàng quyền thuộc cố quyết xa lia. Chẳng ra giúp nước giữ yên, bỏ ngay nối dõi nghiệp nhà. Tránh xa làng xóm, cạo tóc theo thầy".

"Bên trong gắng công thẳng niệm, ngoài rộng đức kính hòa, vượt hẳn cõi trần, mong ngày thoát ra"

"Sao được vừa lên giới phẩm, liền nói ta đây Tỳ-kheo"

"Tiêu dùng của tín thí, ăn xài vật thường trụ, chẳng biết xét nghĩ từ đâu đem đến, còn bảo rằng lý tự nhiên phải nên cúng".

"Ăn rồi tùm đầu bàn tán lãng xăng, chỉ nói toàn chuyện thế gian tạp nhạp"

"Vậ thì một thuở đua vui, chẳng biết vui là nhân của khổ"

"Nhiều kiếp đuổi theo trần, chưa từng tỉnh trở lại"

"Thời giờ chìm mất, năm tháng dần dà, thọ dụng quá nhiều, lợi hưởng càng đậm. Nhiều năm dồn tới chẳng nghĩ buông rời, chất chứa càng thêm lo giữ vóc huyên"

Đấng Đạo sư có dạy, răn nhắc Tỳ-kheo: "Tiến đạo trau mình, tam thường chẳng đủ"

Còn "Người vì đối với việc này đắm say chẳng chịu dừng, ngày qua tháng lại thoảng chốc đã bạc đầu"

"Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải rộng hỏi các bậc thông trước. Há cho rằng xuất gia chỉ quý cầu cơm áo"

"Phật trước chế ra luật mở mang cho kẻ mới vào, phép tắc oai nghi, sạch như băng tuyết. "Chỉ trì tác phạm", kèm giữ sơ tâm, từng điều luật nhỏ nhặt nhằm sửa mọi điều dơ tệ"

"Nơi trường giảng luật nghi chưa từng đến thưa hỏi, pháp liễu nghĩa thượng thừa làm sao được rành rõ"

"Đáng tiếc, một đời để luống qua, sau ăn năn khó kịp"

"Giáo lý chưa từng để lòng, đạo mầu nhân đâu khế ngộ? Rồi đến tuổi cao hạ lớn, bụng trống lòng cao, chẳng chịu gần gũi bạn lành, chỉ cứ một bề ngênh ngang, ngạo nghễ"

"Chưa hiểu rành phép luật, hoàn toàn không kèm giữ, hoặc lớn tiếng nói to phát ngôn bừa bãi. Chẳng kính bậc thượng trung hạ tọa, khác gì nhóm Bà-la-môn tụ họp. Khua vang chén bát, ăn rồi dậy trước, tới lui trái phép, mất hết Tăng thể, ngồi đứng không yên, động tâm niệm người. Chẳng còn một chút phép tắc, may oai nghi. Lấy gì kèm giữ cho người sau, kẻ mới học nhân đâu bắt chước?"

"Vừa được nhắc nhở cho thì liền bảo: "Ta là thầy núi." Chưa nghe lời dạy của Phật để hành trì, cứ một mực giữ tánh tình thô tháo"

"Cái hiểu như trên bởi do tâm ban đầu biếng lười, ham mê ăn uống dần dà qua ngày. Thời gian thắm thoát trôi qua trong đời, trở thành kẻ quê dốt"

"Nào ngờ già nua lụm cụp, gặp việc ngu ngơ. Kẻ hậu học thưa hỏi không lời để tiếp dẫn. Dầu có bàn nói chẳng dính phép tắc, hoặc bị xem thường liền trách hậu sanh vô lễ, tâm giận phùng phùng, nói năng át người".

"Một mai bệnh nằm trên giường, mọi khổ bao vây bức bách. Ngày đêm lo nghĩ, trong lòng hoảng khiếp. Đường trước mờ mờ chẳng biết về đâu?"

"Từ đây mới biết ăn năn tội lỗi, khát đến đào giếng làm sao cho kịp? Hận mình sớm chẳng lo tu, tuổi già sanh nhiều tội lỗi. Sắp chết hoang phí sợ sệt hãi hùng, lưới thủng chim bay, thức tâm theo nghiệp. Như người mang nợ, ai mạnh đòi trước, tơ lòng nhiều mối, nặng đâu rớt đó".

"Quý sát vô thường, niệm niệm chẳng dừng, mạng chẳng kéo dài, thời chẳng thể đợi. Trời người ba cõi vẫn chưa thoát khỏi, thọ thân như thế số kiếp không cùng".

"Cảm thương than thở, lòng quá xót thay! Đâu thể lặng im, lần lượt răn nhắc cho nhau"

"Hận bởi đồng sanh thời tượng quý, cách bậc Thánh dần xa, Phật pháp sanh lờn, người nhiều giải đãi"

"Lược bày chỗ thấy cạn hẹp để nhắc bảo với người sau. Nếu chẳng sạch lòng kiêu căng thì thật khó xoay tránh"

"Chính người xuất gia là cát bước cao xa, tâm hình khác tục"

"Nói thạnh dòng Thánh, khiếp đảm quân ma, đền đáp cả bốn ân, cứu vớt trong ba cõi"

"Nếu chẳng như thế là lạm xen vào hàng Tăng, nói năng hành động rỗng tuếch, luống tiêu của tín thí"

"Chỗ sống năm xưa chẳng đời tác bước, lờ mờ một đời lấy gì nương tựa"

"Huống nữa Tăng tướng nghiêm trang, dáng vẻ đáng nhìn, đều do căn lành đời trước đã trồng, mới cảm quả báo khác thường nay có".

"Sao đành khoanh tay đứng đưng, chẳng quý tác bóng, chẳng chăm lo sự nghiệp thì công quả nhân đâu được thành? Lẽ nào để cho một đời qua suông, thật không ích gì với sự nghiệp đời sau".

"Từ bỏ cha mẹ, quyết chí xuất gia, ý muốn vượt lên chỗ nào? Sớm chiều xét nghĩ, há để kéo dài qua ngày tháng".

"Tâm hện là rường cột Phật pháp, khiến thành gương mẫu cho người sau"

"Thường cho như thế, vẫn chưa được chút phần tương ưng"

"Phát lời cần hợp với phép tắc, bàn nói phải có căn cứ, hình nghi vượt trội, ý khí cao nhàn"

"Đi xa cần nhờ bạn lành, thường thường sạch trong tai mắt. Dừng ở hẳn phải chọn bạn, luôn luôn nghe đến những điều chưa nghe. Cho nên nói: "Sanh ra ta là cha mẹ, làm thành ta là bạn bè". Gần gũi bạn lành như đi trong sương móc, dù chẳng ướt áo mà luôn luôn có thấm vào. Quen theo kẻ ác, lớn lên điều thấy biết ác, sớm tối tạo điều ác thì quả báo hiện trước mắt, chết rồi phải chìm sâu. Một phen mất thân người muôn kiếp khó gặp lại".

"Lời ngay trái tai, há chẳng khắc sâu vào lòng hay sao!"

"Liên hay rửa lòng nuôi đức, chôn vui thân danh, giữ sạch tinh thần, dứt hẳn ồn náo"

"Nếu muốn tham thiền học đạo, chóng vượt lên cửa phương tiện, tâm khế hợp bến huyền, xét tột chỗ tinh yếu, giải tỏ điều sâu kín, tỏ ngộ nơi nguồn chân thì rộng hỏi bậc thông hiểu trước, gần gũi với bạn lành. Tông này khó được chỗ diệu của nó, phải dụng tâm chín chắn".

"Trong đó chóng tỏ ngộ chánh nhân, chính là thêm bậc ra khỏi trần. Phá ba cõi, hai mươi lăm hữu"

"Các pháp trong ngoài đều biết không thật, từ tâm mà biến khởi, thể là giả danh, chẳng nên đem tâm ghé vào".

"Nếu tình chẳng gá vào vật thì vật há có ngại với người"

"Mặc cho pháp tánh chảy khắp, chớ đoạn chớ tiếp. Nghe tiếng, thấy sắc vốn là tầm thường, bên này bên kia ứng dụng chẳng thiếu"

"Sống được như trên đây thật chẳng uổng mang pháp phục, cũng chính là đền đáp được bốn ân, cứu vớt trong ba cõi".

"Đòi đòi nếu chẳng lui sụt thì quyết chắc có ngày lên thềm Phật, làm khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm khuôn phép cho người".

"Phép học này rất diệu, rất huyền, chỉ người đủ tâm tự nhận, hẳn chẳng lừa dối".

"Nếu có hạng trung lưu, chưa thể chóng vượt lên thì hãy để tâm nơi giáo pháp, ôn tầm kinh điển, tìm kỹ nghĩa lý, truyền bá rộng bày, tiếp dẫn người sau, đáp ân đức Phật".

"Cũng chẳng bỏ phí thì giờ, quyết phải lấy đây giữ gìn Phật pháp. Oai nghi cử động chính là pháp khí trong hàng Tăng".

"Há chẳng thấy, dây bìm nương theo cây tùng mà lên vút ngàn tầm, nương giá thẳng nhân mới hay được lợi ích rộng"

"Hãy hết lòng giữ gìn trai giới, chớ dôi bỏ sót vượt qua, đòi đòi kiếp kiếp nhân quả thù diệu"

"Chẳng thể dễ dàng qua ngày, lơ mơ hết buổi, thời giờ đáng tiếc, chẳng cầu tiến lên. Thật uổng tiêu của tín thí mười phương, cũng cô phụ cả bốn ân!"

"Chất chứa càng nặng, tâm trần dễ lấp kín, chỗ chỗ đều vương ngại, đều bị người coi khinh".

"Kia đã trượng phu, ta đây cũng vậy", chẳng nên tự khinh mình mà đành lui sụt. Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo, thắm thoát qua một một đời, thật không có ích"

"Kính mong phát khởi chí quyết liệt, mở cõi lòng rộng suốt"

"Hành động phải nhìn đến bậc trên, chớ theo hạng tầm thường. Đòi nay phải nên dứt khoát, lo tính chẳng do ai khác"

"Dừng ý quên duyên, chẳng cùng các trần đối tiếp. Tâm không cảnh lạng, chỉ vì vương lâu chẳng suốt"

"Hãy xem kỹ văn này, hằng luôn răn nhắc. Phải mạnh mẽ làm chủ lại, chớ thuận theo nhân tình"

"Đến lúc nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rành rõ há không lo sợ?"

"Nên biết hình phạt trong ba cõi quấn chặt, giết chết người. Phải gắng sức, siêng tu hành chớ để ngày giờ trôi qua suông".

"Đã biết sâu tội lỗi, mới khuyên nhắc hành trì. Nguyện trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi đồng làm bạn pháp".

---o0o---

**Quy Sơn Cảnh Sách Dịch Giảng**

**Lời Tựa**

*Quyển Quy Sơn Cảnh Sách Nghĩa Giải này được ghi lại từ những bài giảng cho Thiền sinh Tăng tại Thiền viện Trúc Lâm. Lời Cảnh Sách của Thiền sư Linh Hựu ở Quy Sơn thật ân cần, thống thiết, càng nghe càng thấm cho cả người học lẫn người giảng - Từng roi từng roi Ngài quát cho những ai giải đãi, buông lung phải thức tỉnh để tiến tới. Phải nhớ đến sự nghiệp xuất trần của mình như thế nào để sống cho tương xứng mà không uổng phí một đời tu. Đã biết ai cũng có chí lớn cao cả xuất trần mới chọn con đường xuất gia giải thoát, nhưng tập khí vô minh nhiều đời không phải liền đó chuyển theo. Do đó, thói quen phóng dật thảnh thoảng cũng lên vào, nếu không nhờ răn nhắc, thúc đẩy thì sao khỏi chìm theo nó mà làm mờ đi chí lớn cao cả kia! Song "lời ngay trái tai, há chẳng khắc sâu vào lòng hay sao?". Người có chí, thật lòng, phải dám nghe lấy và khắc sâu để tự sách tấn mình, mới cảm ân sâu của Ngài khó nói hết.*

*- Nghe nhiều không bằng thật tu, mong rằng những lời trong đây không đến nỗi khô khan đáng chán!*

*Nên nhớ kỹ, "quỷ sát vô thường, niệm niệm chẳng dừng, mạng chẳng kéo dài, thời chẳng thể đợi. Trời người ba cõi, vẫn chưa thoát khỏi. Thọ thân như thế, số kiếp không cùng. Cảm thương than thở, lòng quá xót thay! Đâu để lặng im, lần lượt răn nhắc cho nhau!"*

*Thiền viện Trúc Lâm*

*Cuối Đông Giáp Ngọ 2014*

**THÍCH THÔNG PHƯƠNG**

---o0o---

### **Lược Dẫn**

Lâu nay, người học bình thường nghe nói *Quy Sơn Cảnh Sách* là dành để dạy cho hàng Sa-di mới vào chùa. Nhưng không phải vậy! Mà cả các vị Tỳ-kheo, Sa-di cũ hay mới đều cần phải học.

Bởi Tổ Quy Sơn là một vị Tổ của Thiền tông, thuộc tông Quy Nguỡng, là một tông lớn trong năm tông của Thiền. Cho nên, tác phẩm của Sư viết ra đâu phải chỉ để chỉ dạy cho hàng Sa-di.

Cảnh Sách là sao? Chũ Sách là cây roi. Cây roi này dùng để răn nhắc Tăng chúng tu hành cho xứng đáng là bậc xuất gia cầu giải thoát. Nên Sư soạn cảnh sách này là chung cho tất cả Tăng chúng chứ không phải dành riêng cho hàng Sa-di. Lâu nay, bộ Cảnh Sách này thường ghép chung trong bốn bộ Luật tạng của Sa-di nên thường bị hiểu lầm Quy Sơn Cảnh Sách là để dạy cho hàng Sa-di.

Sự thật khi học Văn Cảnh Sách này rồi chúng ta mới thấy trong lòng phát sanh những cảm kích lớn. Chính tôi, mỗi lần đọc Quy Sơn Cảnh Sách, vẫn thấy có một độ cảm rất mạnh, không phải thường. Nhưng nếu chỉ đọc suông hay là đọc để chấm điểm thì sẽ thấy thường. Còn học mà đọc từ trong tâm đọc ra thì mới thấy được những ý sâu mà Sư muốn nhắc, muốn dạy.

Ở đây, muốn nhắc để tất cả Tăng chúng có ý thức và học kỹ, nhờ vậy sẽ có lợi ích lớn lao trên đường tu của mỗi người.

---o0o---

### Lược Sử Tổ Quy Sơn

Trước nói qua về lịch sử của Tổ Quy Sơn. *Tổ Quy Sơn hay Thiên sư Linh Hựu, hiệu là Đại Viên.* Chữ "Đại Viên" là hiệu của vua ban sau khi Sư tịch. Còn chữ "Quy Sơn" là vì Sư ở tại núi Quy. Vì người tôn kính nên gọi Sư là Hòa thượng Quy Sơn, hay Tổ Quy Sơn.

*Sư họ Triệu, quê ở huyện Trường Khê, Phước Châu.* Chữ Châu là tên hành chánh của một địa phương, nói Phước Châu là đọc quen theo từ Hán Việt, đúng ra phải nói là Châu Phước.

*Năm 15 tuổi, Sư từ giã cha mẹ xuất gia theo Luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại quận nhà. Sau thọ giới ở chùa Long Hưng - Hàn Châu.* Như vậy, Sư xuất gia từ bé, là bậc đồng chơn nhập đạo.

*Có sách ghi kỹ là ban đầu Sư theo hầu Luật sư Pháp Thường, sau mới học Tỳ Ni với Luật sư Nghĩa Tân ở Tiên Đường. Buổi đầu, Sư vào tu trong ngôi chùa giới luật tinh nghiêm nên học luật rất kỹ và thấy được ý nghĩa của Luật học. Sư học thông cả kinh luật Tiểu thừa, Đại thừa, tức thông về Giáo môn.*

*Năm 23 tuổi, một hôm Sư tự than: "Tốt đến chỗ luận bàn của chư Phật tuy là diệu lý sâu xa, nhưng rốt ráo chưa phải là chỗ ta nhắm đến", vì vậy Sư mới đi tìm học thêm Phật pháp.*

Sư không hài lòng về sự học trên giáo lý mà muốn tiến sâu hơn, nên nghĩ còn có một cái gì sâu xa chứ không phải chỉ ở trên những nghĩa giải đó, phải sáng được cái gì nữa kia. Để thấy chúng tử Bò-đề sâu dày hay chúng tử Thiên tông đã thúc đẩy Sư.

*Rồi, Sư đến Thiên Thai lễ di tích của Đại sư Trí Khải, Tổ của tông Pháp Hoa hay tông Thiên Thai, cùng đi theo có mấy vị tăng. Khi đến Đường Hưng thì gặp một ẩn sĩ đến cầm tay Sư cười lớn rồi nói: "Đời khác có duyên, già mà càng sáng rõ, gặp Đàm thì dừng, gặp Quy thì ở".*

Đây giống như lời huyền ký. Ẩn sĩ này chính là Hàn Sơn Tử, là hóa thân của Bò-tát Văn-thù. Có sách ghi là Tổ Quy Sơn trên đường gặp Ngài Hàn Sơn

làm giống như tiếng cộp rỗng, và nói: "Ông cùng với ta ở nơi hội Linh Sơn, ông năm đời làm Quốc vương, quên rồi hay sao?". Tức là Ngài Quy Sơn cùng với Ngài Hàn Sơn từng dự trong hội Linh Sơn. Cho nên, nhiều khi chúng ta thấy những vị hiện tướng bên ngoài bình thường, nhưng đâu biết là những bậc Hiền thánh tái lai.

*Khi Sư đến chùa Quốc Thanh thì gặp Ngài Thập Đắc. Trong chùa, Ngài Thập Đắc không trọng ai hết, nhưng khi gặp Ngài Quy Sơn thì lại trọng riêng với Sư.*

*Vị tăng chủ trong chùa mới trách Ngài Thập Đắc là có tâm thiên lệch. Tại sao trong đây bao nhiêu vị tăng không trọng mà lại trọng ông tăng này?*

*Ngài Thập Đắc bảo: "Đây là thiện tri thức của một ngàn năm trăm người, chẳng đồng với người thường". Lúc đó, Sư chỉ là vị tăng bình thường, chưa biểu lộ hiện tướng gì hết, mà các vị này biết trước nhân duyên của Sư.*

*Sau đó, Sư đi Giang Tây lễ Tổ Bá Trượng, rồi dừng ở đây tham học. Tức là khế hợp nhân duyên nơi Tổ Bá Trượng nên dừng lại.*

*Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng.*

*Bá Trượng hỏi:*

*- Ai?*

*Sư thưa:*

*- Con, Linh Hựu.*

*Bá Trượng bảo:*

*- Người vạch trong lò xem có lửa chăng?*

*Sư vạch ra rồi thưa:*

*- Không có lửa.*

*Ngài Bá Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được một chút lửa, đưa lên chỉ cho Sư, nói:*

*- Người bảo là không, vậy cái này là cái gì?*

*Sư nhân đó phát ngộ lẽ tạ, trình bày chỗ giải ngộ của mình.*

Chính chỗ này là chỗ sâu xa trong nhà Thiền. Trước kia, có lần tôi đọc một tư liệu của những học giả nghiên cứu về Thiền. Đến những đoạn này thì họ bình là bởi vì trước đó Sư vạch chưa sâu, đến lượt Tổ Bá Trượng vạch sâu vào nên thấy được lửa. Vì vậy, người muốn ngộ là phải vạch sâu vào trong

đó. Đây đúng là tính cách học giả nghiên cứu, còn người hành giả nhà thiền thì khác. Sư ngộ đâu phải ở chỗ nghiên cứu sâu hoặc vạch sâu tìm kiếm?

Đây cần phải thấy được ý nghĩa chính yếu ở chỗ **"đưa cái đóm lửa lên"**. Khi Tổ Bá Trượng đưa đóm lửa lên hỏi: "Ông bảo không, vậy cái này là cái gì?". Chỗ đó mới là chỗ quan trọng, chứ không phải là chỗ vạch sâu, vạch cạn. Chỗ vạch sâu đã qua mất rồi. Chỗ này mới là thực tế. Đưa ngay trước mặt ông, ông nhìn thấy rõ ràng đây nè! Phải thấy được chỗ đó. Sư ngộ chính chỗ đó. Về sau khi ra giáo hóa, Sư thường đưa cây phát tử lên khai thị cho người. Cũng như trước kia Mã Tổ chỉ bầy le le bay trên trời khai thị cho Tổ Bá Trượng. Thì ở đây Tổ Bá Trượng lại đưa đóm lửa lên truyền đạt lại cho Sư. Học rồi chúng ta thấy chư Tổ có sự liên hệ với nhau, Tổ Bá Trượng thì đưa đóm lửa, còn Sư đưa phát tử lên.

*Khi đó Tổ Bá Trượng Bảo:*

- *Đây là con đường rẽ tạm thời. Trong kinh nói: muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến thì như mê chợt ngộ, như quên chợt nhớ, mới tỉnh vật của chính mình không từ bên ngoài mà được.*

Ngộ như là nhớ trở lại vật của mình từ xưa đã quên, nên không phải là từ bên ngoài mà được. Cái sẵn nơi mình mà quên nay nhớ trở lại vậy thôi. Ngộ là vậy, chứ không phải ngộ là được cái gì khác.

*Tổ nói thêm:*

- *Cho nên Tổ Sư bảo "ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp", chỉ là không tâm hư vọng, phàm thánh v.v... Xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay người đã vậy tự khéo giữ gìn.*

Tổ bảo ngộ rồi nhưng phải khéo giữ gìn, chứ không phải ngay đó là xong rồi tự mãn. Chúng ta thấy người xưa dạy rất kỹ, không phải nghe nói kiến tánh thành Phật, ngay cái thấy đó thì đủ rồi. Mà còn phải bảo dưỡng tức là giữ gìn để sống cho được trọn vẹn trong đó. Nên đây mới là con đường rẽ tạm thời giữa mê và ngộ chứ chưa phải là rốt ráo. Tức cần phải sống trở lại cho được trọn vẹn nữa.

*Có lần Sư theo Ngài Bá Trượng đi làm việc trong núi, Bá Trượng mới hỏi:*

- *Đem được lửa đến chăng?*

*Sư thưa:*

- *Đem được.*

*Bá Trượng hỏi:*

- *Ở chỗ nào?*



*Sư cầm một cành cây thối vài cái đem trao cho Tổ Bá Trượng. Bá Trượng bảo:*

*- Như trùn đục cây.*

Chúng ta thấy thầy trò tuy làm việc, nhưng chính những lúc làm việc cũng không để tâm phân tán mà luôn luôn tham Thiền, luôn lấy đạo lý để khai thị cho nhau.

Vậy thì lừa ở chỗ nào? Cái gì biết thối vào đó? Đây nhắc lại cho tất cả thấy lẽ thật nơi chính mình, chứ không phải ở nơi cành cây. Ý của Tổ Bá Trượng cũng không phải muốn được lừa, mà muốn nhắc chỗ thấy của chính mình.

*Ngài Tư Mã Đầu Đà, người Hồ Nam giỏi về địa lý, đến yết kiến Tổ Bá Trượng, thưa:*

*- Quy Sơn là thắng cảnh nên lập đạo tràng kết tập bạn pháp.*

*Tổ Bá Trượng hỏi:*

*- Vậy lão Tăng muốn đến Quy Sơn có nên chăng?*

*Tư Mã Đầu Đà nói:*

*- Quy Sơn kỳ tuyệt có thể hợp 1.500 chúng, nhưng chẳng phải chỗ ở của Hòa thượng.*

*Tổ Bá Trượng hỏi:*

*- Sao vậy?*

*Ngài Tư Mã Đầu Đà nói:*

*- Hòa thượng là người xương, còn núi kia là núi thịt, dù có ở đó đệ chẳng đầy một ngàn.*

*Tổ Bá Trượng hỏi:*

*- Vậy trong chúng có người nào được chăng?*

*Tư Mã Đầu Đà nói:*

*- Phải đợi xem qua mới biết.*

*Bá Trượng sai thị giả gọi ông Đệ nhất tòa tức Thiền sư Hoa Lâm đến, hỏi:*

*- Vậy người này thế nào?*

*Đầu Đà bảo ngài Hoa Lâm tăng háng một tiếng, đi vài bước xong, mới thưa:*

*- Người này không được.*

*Bá Trượng sai thị giả gọi Diển tọa tức Thiền sư Linh Hựu đến, Đầu Đà thưa:*

*- Đây chính là chủ Quy Sơn.*

*Tối đến, Bá Trượng gọi Sư vào thất dặn dò:*

*- Ta hóa duyên tại đây, ngươi sẽ ở thẳng cảnh Quy Sơn để nối tiếp Tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học.*

Chúng ta thấy mỗi người có một nhân duyên, chứ không phải muốn mà được. Tổ Bá Trượng hỏi Tư Mã Đầu Đà: "Tôi lên ở đó được không?" Ngài Tư Mã nói Hòa thượng là người xương, là cái gốc là cốt cán, còn núi kia chỉ núi thịt không thích hợp với Ngài. Rồi Ngài Hoa Lâm là đệ nhất tòa, là bậc trên trước trong chúng nhưng không được cử đi. Còn Ngài Linh Hựu chỉ là Diển tọa, là bậc sau nhưng được cử đi.

Cho nên học sử người xưa để chúng ta thấy rằng mình không nên sanh tâm muốn này muốn kia, thấy mình là chúng lớn mà không cử đi, lại cử người sau đi làm Phật sự rồi sanh tâm ganh tị là không tốt.

Bởi vì các bậc Thầy sáng suốt đều thấy được nhân duyên khế hợp của mỗi người. Người khế hợp ở đây thì ở đây, người khế hợp ở kia thì ở kia. Hoặc là người có duyên để làm trách nhiệm này, người có duyên làm trách nhiệm kia, mỗi người đều có nhân duyên. Quan trọng là ở vị trí nào đều làm tròn trách nhiệm đó, là thành công. Còn muốn theo ý muốn của mình nhiều khi trái với chỗ nhân duyên của mình thì lại không thành công, mà thêm sanh Cái Ngã trong đó!

Trong nhà Thiền có câu chuyện về một Thủ tọa ngộ đạo. *Khi đó, thầy của Thủ tọa dặn: "Nhân duyên và phước của ông hơi mỏng nên phải lo ẩn tu bồi dưỡng, đừng ra trụ trì, giáo hóa".*

*Vị này vâng lời, nhưng thời gian sau có người đến tha thiết thỉnh cầu Sư trụ trì ngôi chùa địa phương nọ. Sư không từ chối được. Không lâu sau, ngôi chùa bị hỏa hoạn cháy. Sư thức tỉnh không dám trái lời thầy dạy, chỉ lo tu.*

Cũng như Thanh Tổ ở với Ngài Từ Minh, được ngộ đạo. Nhưng Ngài Từ Minh dặn: *"Thôi, ông hãy ở ẩn đừng ra độ người".* Khi gặp Ngài Chân Tịnh, lúc ăn trái vải, Sư vì khai thị cho Ngài Chân Tịnh. Khai thị rồi lại nói: *"Thôi, tôi thấy ông có duyên thì trợ giúp, nhưng tôi không làm thầy ông".*

Các Ngài là vậy đó, còn chúng ta nhiều khi ham làm thầy thì lại trái với nhân duyên của mình. Cho nên chúng ta cần phải học hạnh người xưa để rút kinh nghiệm.

Ở đây cũng vậy, Ngài Hoa Lâm là Đệ nhất tòa nhưng không được cử đi, còn Ngài Quy Sơn chỉ là Điền tọa, Điền tọa như tri khố coi kho nhà bếp, nhưng mà được cử đi.

*Khi đó, Ngài Hoa Lâm hay biết nên không vui, đến thưa:*

*- Con là thượng thủ, sao Linh Hựu lại được trụ trì?*

*Tổ Bá Trượng bảo:*

*- Nếu vậy, ai ở trong chúng này nói được một câu xuất cách thì ta sẽ cho đi trụ trì.*

*Tổ mới chỉ cái tịnh bình hỏi:*

*- Chẳng được gọi là tịnh bình, thì gọi là cái gì?*

Cái tịnh bình mà không cho gọi là tịnh bình, vậy gọi là cái gì?

*Ngài Hoa Lâm nói:*

*- Không thể kêu là khúc cây lũng.*

Ngày xưa, người ta lấy khúc gỗ đục thành tịnh bình đựng nước. Nên Ngài Hoa Lâm nói không thể gọi là khúc cây lũng.

*Tổ Bá Trượng cười bảo:*

*- Vậy thì Đệ nhất tòa thôi lui núi này rồi.*

Mới thấy căn cơ của Ngài Linh Hựu bén nhạy. Nên Tổ Bá Trượng mới sai Ngài Linh Hựu đến Quy Sơn. Nhưng đến Quy Sơn đâu phải là sẵn có chùa rồi lên đó trụ trì.

*Non Quy cao vót không có bóng người lai vãng, là hang ổ của cọp sói. Sư đến đây cất một am tranh, hàng ngày lượm trái lặt, trái dẻ làm thức ăn nuôi sống.*

Vậy buổi đầu, Sư đến núi Quy rất là cực khổ, không phải đến là liền có chùa ở, dần về sau mới khai hoang lập thành chùa. Khi đó vì còn hoang sơ không người biết nên đâu có ai đem vật phẩm lên cúng. Mỗi ngày, đều phải lượm trái lặt, trái dẻ ăn, như vậy trải qua bảy năm. Mới thấy ý chí người xưa kiên nhẫn đáng nể phục.

*Một hôm, Sư tự nghĩ: "Đạo là cốt tiếp vật lại sanh, ở một mình chẳng phải". Sư bèn đi lần xuống núi thì thấy cọp, sói, Sư mới bảo: "Nếu ta có duyên với núi này thì các người nên tránh đi chỗ khác; còn nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt ta". Nói xong thì các loài thú dữ đều đi tứ tán hết, Sư trở về am ở yên như trước.*

Đúng là các bậc vô úy. Đi xuống núi gặp con sói, Sư cũng không sợ, bảo thẳng: "Nếu ta có duyên ở núi này thì các người nên tránh đi! Còn nếu không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt!". Tinh thần vô úy của Sư là như vậy.

*Không bao lâu, dân chúng dưới chân núi dần hay biết nên rủ nhau kéo lên cất chùa cho Sư. Đến khi ấy mới bắt đầu có chùa. Về sau, Liên soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu là Đồng Khánh. Kế đến có thượng tọa Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá cho Sư.*

*Đại An nói:*

*- Tôi sẽ làm Điện tọa cho Hòa thượng.*

*Từ đó, số chúng lần lên đến cả ngàn. Tướng quốc Bùi Hưu cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ huyền áo.*

Trên đã cho chúng ta bài học kinh nghiệm gì? Người tu sáng cái thật bên trong rồi thì khi đủ duyên người ta sẽ tự tìm đến. Đừng sợ người ta không biết mình. Mình có cái thật bên trong thì cứ sống với cái thật bên trong, khi đủ duyên người ta biết người ta tìm đến. Có những trường hợp mình không muốn ra thì Long thần, Hộ pháp cũng đẩy mình ra, khỏi cần lo. Còn chưa có gì thì cứ tiếp tục tu khi duyên đến thì sẽ đến. Nhà Nho có câu: "Hữu xạ tự nhiên hương" giống như vậy.

Cũng như Ngài Đức Sơn, khi tu ngộ rồi đâu phải ra giáo hóa liền. Sư cũng ẩn trong núi, đến khi có người thỉnh, Sư còn không ra. Lúc đó, ông Thái thú bày kế cho người đem muối bỏ trong chỗ Sư ở, rồi phao lên là Sư trộm bán muối lậu. Lúc đó quan quân đến dẫn về, buộc lòng phải bị mời ra. Đúng là Long thần, Hộ pháp đẩy ra, tới duyên rồi phải đẩy ra thôi.

Đó là những kinh nghiệm trên đường tu học, chúng ta không phải vội vàng ham danh, chưa gì thích ra làm trụ trì, hoặc là làm việc này việc kia cho có tiếng. Nhưng vì chưa đủ duyên của mình thì sẽ đưa đến những cái không hay, mất một phần lợi ích lớn cho mình, cũng như cho người. Ở đây, chúng ta rút kinh nghiệm để thấy rõ là phải cố gắng tu cho vững, khi nhân duyên đầy đủ thì người ta sẽ đến mời.

*Một hôm, Sư thượng đường dạy chúng: "Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng, chân thật không dối gạt không tâm hạnh sau lưng trước mặt lừa phỉnh. Trong tất cả giờ thấy nghe bình thường, không có chịu uốn. Cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được".*

Sư dạy người học đạo là phải ngay thẳng, chân thật, không dối gạt, không có hai lòng. Trước mặt thì nói khác, sau lưng thì nói khác, đó gọi là tâm hạnh

sau lưng trước mặt. Phải giữ tâm ngay thẳng, chân thật làm căn bản, đừng để mất sự chân thật.

Thời này, con người dễ đánh mất sự chân thật. Ngay cả người tu trong nhà chùa, nhiều khi cũng xem thường sự chân thật. Nên đây Sư dặn kỹ như vậy.

Chúng ta tu hành học đạo là bỏ giả về thật, để đạt và ngộ được chân tâm. Nếu tâm mình không thật thì làm sao sáng chân tâm được? Không thể đem cái tâm hư dối mà sáng được cái tâm chân thật.

Muốn sáng được tâm chân thật thì tâm mình phải chân thật. Còn tâm mình không thật làm sao sáng được tâm thật? Cho nên cần phải hiểu kỹ, nếu không khéo thì người tu hành thời nay dễ bỏ mất sự chân thật. Đó là kinh nghiệm.

Đây nhắc trong tất cả thời thấy nghe bình thường, không có chịu uốn. Chịu uốn tức là cong queo. Cũng chẳng phải bịt mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng theo vật là được. Tâm phải giữ vững đừng chạy theo vật, để bị vật cuốn lôi. Phải giữ vững tâm của mình.

*"- Từ trước chư Thánh chỉ nói bên như bạn là lỗi lầm. Nếu không như thế thì lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng lập." Thường nghĩ đến điều ác, điều xấu đó là thuộc về việc tình kiến tướng lập, là sống theo tình tướng.*

*"- Ví như nước mùa thu lắng đứng trong trẻo lặng lẽ, không động, không ngại, gọi người này là đạo nhân, cũng gọi là người vô sự." Khéo giữ lòng không chạy theo vật. Đây là yếu chỉ để sống. Nhất là trong thời đại văn minh, vật chất như hôm nay, vật dục bên ngoài lôi kéo làm chóa mắt, nếu tâm mình không vững là bị nó chuyển, nên yếu chỉ này cần phải thực hiện cho chín chắn. Chúng ta cần phải giữ lòng không chạy theo vật, dù cho văn minh vật chất cách mấy đi nữa, vẫn sống giữ mình, giữ đạo.*

*Khi ấy có vị tăng hỏi:*

*- Người được đốn ngộ có tu chăng?*

*Sư bảo:*

*- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết. Tu cùng không tu là lời nói hai đầu.*

Người thật ngộ được gốc vững vàng, tâm đã sáng tỏ thì tự biết. Người còn tập khí thì phải tu thêm để gạn lọc tập khí. Còn đã sạch hết rồi thì tự biết.

*- Như nay có người sơ tâm tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chân lý nơi mình, nhưng vẫn còn tập khí nhiều kiếp từ vô thủy chưa thể chóng sạch, nên dạy hẳn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy.*

Nghĩa là người mới có một niệm đốn ngộ, tuy là có chút sáng nhưng tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp chưa hết được, thì phải dạy tiếp tục tu để gạn lọc những dòng nghiệp thức đó, tức là tu cho sạch hết tập khí, chứ không phải tu là được cái gì mới.

- *Không nói có một pháp riêng dạy hấn tu hành thú hướng. Từ nghe nhập được lý, nghe và lý sâu mâu, tâm tự tròn sáng, không ở chỗ mê lầm. Hiện thời, dù có trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trảm, hấn vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo kế sống. Nói tóm lại, chỗ lý chân thật thì không nhận một mảy bụi, còn trong cửa muôn hạnh thì chẳng bỏ một pháp. Nếu được như vậy là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm Thánh sạch, hiện bày chân thường, lý sự không hai, tức Phật như như.*

Người tu nếu còn tập khí thì khéo bảo nhậm, gạn lọc những tập khí đó thì cuối cùng hợp được lý tròn sáng, không bị che mờ nữa. Nói tu mà thực không có tu gì hết, tức không có gì để tu, chỉ gạn lọc những tập khí hư dối, khi nó sạch hết thì tự mình sống trở lại cái tròn sáng nơi mình, chớ không phải có thêm cái gì khác.

Hiểu được như vậy là có cái nhìn, có chỗ sống vững vàng thì dù cho "trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trảm, hấn vẫn được ngồi yên mặc áo". Tức là người này dù cho có ai đến nói những nghĩa lý sâu xa, hay đẹp cách mấy đi nữa cũng không làm y lay động. Còn người chưa vững thì lâu lâu nghe có ai nói phát minh lý gì hay là chạy đến, đó là lay động bị chuyển theo. Nghe lý này lý kia hay rồi cứ chạy hoài, rốt cuộc không đến đâu hết. Còn người đã nắm vững được cái gốc này thì ai nói gì tâm cũng không nghi mà thành thay đổi. Đó là người vững vàng.

Sự dạy căn bản về chỗ lý chân thật là không nhận một mảy bụi, còn trong cửa muôn hạnh thì không bỏ một pháp. Phải nắm vững điều này gọi là lý sự viên dung. Tức là về lý thì vốn tự thanh tịnh, không có cái gì để tu, không nhận một cái gì thêm vào trong đó. Lý thật là như vậy. Nhưng về sự thì phải tu đủ muôn hạnh, không cho thiếu phương tiện. Nhờ vậy không bị nghiêng lệch một bên.

Còn người không khéo, mới buổi sáng tu được cái gì đó rồi thì liền bỏ không ngồi thiền, tụng kinh gì hết, cho là bấy nhiêu đó đủ rồi. Đó là chỉ nghiêng về bên lý. Còn người chạy theo hình thức bên ngoài, theo những sự tướng thế này thế kia đủ hết mà bỏ quên lý thật thì cũng bị nó che mờ, cũng nghiêng lệch một bên. Đây phải nắm vững lý này thì không rơi một bên, mới tròn được chỗ đền của mình.

*Một hôm, Thiên sư Huệ Tịch (tức Ngài Ngưỡng Sơn) hỏi:*

- *Trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến thì phải làm sao?*

Đây là hỏi về chỗ sống. Tức khi trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến một lượt thì phải làm sao? Nếu đến từng cảnh một thì còn dễ đối phó, bây giờ đến một lượt thì phải làm sao?

*Sư đáp:*

- *Xanh chẳng phải vàng, dài chẳng phải ngắn, các pháp mỗi pháp ở một địa vị của nó, chẳng can hệ gì đến việc của ta.*

Chỉ là như thế. Xanh là xanh, vàng là vàng, cái nào là ở địa vị của nó, không can hệ gì đến việc của ta, thì đâu có gì khó. Dù cho trăm ngàn vạn cảnh đến thì cũng vậy, cái nào cứ để ở vị trí của nó. Tức là cảnh tự là cảnh, mình chớ sanh tâm trên đó là xong. Còn mình sanh tâm xen vào trong đó mới là sanh chuyện, không sanh tâm vào trong đó thì cái nào ra cái đó đâu có dính dáng gì! Cho nên trăm ngàn muôn cảnh đến mà cũng an nhiên.

*Hỏi:*

- *Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?*

*Sư chỉ cái lồng đèn bảo:*

- *Lồng đèn rất tốt.*

*Ngưỡng Sơn nói:*

- *Đâu chỉ cái ấy là phải sao?*

*Sư hỏi lại:*

- *Cái ấy là cái gì?*

*Nói:*

- *Lồng đèn rất tốt.*

*Sư bảo:*

- *Hắn là chẳng thấy.*

Hỏi ý Tổ sư, chỉ cái lồng đèn. Vậy ý Tổ sư là cái lồng đèn hay là cái gì? Chẳng lẽ ý Tổ sư ở cái lồng đèn hay sao? Đó là chỗ chúng ta phải thấy lại, không khéo là bị cái lồng đèn, cái ngón tay chỉ lừa gạt. Người có mắt sáng là phải thấy vượt qua tất cả, vượt qua cái lồng đèn và cái ngón tay chỉ, phải thấy trở lại chính nơi mình. Đó mới là ý chỉ của các Ngài.

\*\*\*

*Một hôm, Sư cùng với chúng đi hái trà, Sư bảo:*

- Huệ Tịch trọn ngày hái trà, chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, bây giờ hãy hiện bốn hình cho ta xem!

Sư nói Huệ Tịch cả ngày đi hái trà với Sư mà chỉ nghe tiếng nhưng không thấy hình, vậy lúc đó Ngài Huệ Tịch ở đâu? Huệ Tịch liền lấy cây trà đập vào cây trà.

Sư bảo:

- Con chỉ được cái dụng mà chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thể nào?

Sư im lặng. Huệ Tịch nói:

- Hòa thượng chỉ được cái thể mà không được cái dụng của nó.

Sư bảo:

- Tha cho con hai chục gậy.

Vậy tức là sao? Bảo hiện hình thì liền đập cây trà. Vậy là có hiện hình chưa? Ngài Quy Sơn bảo như vậy chỉ được cái dụng mà không được cái thể, có thật vậy không?

Chúng ta học thiền là phải sáng mắt, đừng để các Ngài gạt. Nghe Sư bảo là "Con chỉ được cái dụng của nó, không được cái thể của nó", rồi chúng ta cũng theo đó lý luận là chỉ được cái dụng, không có cái thể thì đó là bị ngôn ngữ gạt. Nếu không có thể thì làm sao hiện ra cái dụng đập cây trà. Cho nên nếu không khéo là bị ngôn ngữ lừa gạt. Vì cái dụng hiện ra thì bảo đảm là có cái thể rồi. Có thể mới hiện ra dụng, không có thể làm sao có cái dụng, mà bảo rằng được cái dụng không được cái thể.

Rồi khi Sư im lặng thì Huệ Tịch nói "Hòa thượng chỉ được cái thể mà không được cái dụng", cũng phải thấy thấu qua lời này.

Được cái thể mà không được cái dụng, có thật như vậy không? Nếu không có dụng thì sao biết thể, sao biết im lặng? Cho nên không khéo là bị ngôn ngữ gạt. Đây chính là các Ngài khéo léo để chúng ta bỏ túc vào chỗ đó. Chỗ đó là chỗ mỗi người cần bỏ túc, là chỗ thấy của mình. Đó là chỗ quan trọng. Người khéo thấy được chỗ này là thấy được các Ngài, còn không khéo là bị ngôn ngữ lừa.

\*\*\*



*Sư ngồi xuống thì Ngài Huệ Tịch đi vào, Sư bảo: "Tịch con, hãy nói mau! Chớ vào ám giới". Âm, giới tức là năm âm, 18 giới, vừa rơi vào trong đó là rơi vào trong cái suy nghĩ, cái sanh diệt.*

*Huệ Tịch thưa: "Huệ Tịch tin cũng chẳng lập". Đúng là lanh lợi, tin cũng chẳng lập nữa thì rơi vào cái gì?*

*Sư bảo:*

*- Con tin rồi chẳng lập, hay là chẳng tin mà chẳng lập?*

*Huệ Tịch thưa:*

*- Chỉ là Huệ Tịch thì lại tin cái gì?*

*Sư bảo:*

*- Nếu thế thì chỉ là định tánh Thanh Văn.*

*Huệ Tịch thưa:*

*- Huệ Tịch thì Phật cũng chẳng lập nữa.*

Chỗ này coi chừng! Khi Ngài Huệ Tịch nói là "Tin cũng chẳng lập" thì tổ Quy Sơn mới gạn lại "Con tin rồi chẳng lập hay là chẳng tin mà chẳng lập?" Đó là gài bẫy.

Tin rồi chẳng lập hay là chẳng tin mà chẳng lập đó là hai bên. Nếu người chưa sáng mắt thì đáp bên này bên kia, dính bên này bên kia là bị ló đuôi. Cho nên Ngài Huệ Tịch khéo léo đáp: "Chỉ là Huệ Tịch thôi, còn cái gì nữa nói là tin chẳng tin?" Là vượt qua được bẫy.

Rồi Tổ Quy Sơn gạn thêm: "Nếu như vậy thì chỉ là định tánh Thanh Văn", tức còn nghiêng một bên. Ngài Huệ Tịch nói "Huệ Tịch thì Phật cũng chẳng lập nữa". Cũng vượt qua cái bẫy hai bên Thanh Văn, Phật luôn. Đúng là chỗ thấy vượt thoát thường tình.

\*\*\*

*Rồi có lần Tổ Quy Sơn ngủ vừa thức giấc thì Ngài Huệ Tịch đến thăm, Sư liền xoay mặt vào vách không nói gì.*

*Huệ Tịch thưa:*

*- Hòa thượng đâu được như vậy.*

*Sư trối dậy bảo:*

*- Vừa rồi ta nằm một đêm chiêm bao, giờ con thử vì ta đem lại xem.*

Chiêm bao mà bảo đem lại? Ngày xưa các Ngài thử nhau để thấy chỗ tâm ngộ của học trò sáng tới đâu. Lúc đó, Ngài Huệ Tịch đi múc một thau nước

*đem lại cho Sư rửa mặt. Rửa mặt xong, giây lát thì Ngài Hương Nghiêm - Trí Nhân đến thăm, Sư bảo:*

*- Vừa rồi ta nằm một điềm chiêm bao, Huệ Tịch vì ta đem lại xong rồi. Bây giờ tới người lại đem cho ta xem!*

*Trí Nhân liền đi rót chung trà đem đến.*

*Sư bảo:*

*- Hai con thấy hiểu còn xa hơn Xá-lợi-phất.*

Chúng ta thấy các Ngài rất khéo léo. Thức dậy thì có nước rửa mặt, có trà uống xong rồi, nếu còn nhớ tới nữa là chiêm bao chứ gì. Đúng là hai Ngài Huệ Tịch, Trí Nhân lanh lợi, khéo léo.

\*\*\*

*Sư hỏi Ngài Vân Nham - Đàm Thạnh:*

*- Nghe huynh ở Dược Sơn lâu lắm phải chăng?*

*Vân Nham đáp:*

*- Phải.*

*Sư hỏi:*

*- Tướng Dược Sơn đại nhân thế nào?*

*Vân Nham đáp:*

*- Sau khi Niết-bàn mới có được.*

*Sư hỏi:*

*- Sau khi Niết-bàn có thế nào?*

*Vân Nham đáp:*

*- Nước rưới chẳng dính.*

Chỗ đó nước rưới vào cũng chẳng dính mới gọi là tướng Dược Sơn đại nhân. Làm sao thấy được chỗ đó mới đúng là thấy Ngài Dược Sơn, chứ không phải là thấy Ngài Dược Sơn là thấy hình tướng ông Hòa thượng chống gậy đi, không phải cái đó.

Cho nên Vân Nham mới nói là "sau khi Niết-bàn mới thấy được", còn cái hình tướng này thì ngay đây thấy được rồi. Nhưng thấy được rồi thì sao? Ít hôm là sẽ nhập Niết-bàn thì đưa vào thiêu hoặc là nhập tháp. Tướng này là như vậy, còn tướng Dược Sơn đại nhân là phải thấy được cái kia! Tướng đó

thì nước rưới cũng chẳng dính, tức không ướt, phải thấy được tướng đó mới là tướng thật.

\*\*\*

*Vân Nham lại hỏi Sư:*

*- Bá Trượng đại nhân tướng thế nào?*

*Sư đáp:*

*- Chẳng chạc vôi vọi, sáng suốt rục rờ, trước tiếng chẳng phải tiếng, sau sắc chẳng phải sắc, con muỗi đậu trên trâu sắt không có chỗ cho huynh cắn mổ.*

Hai Ngài đều là bậc sáng mắt cho nên đôi đáp có chỗ vượt ngoài hiểu biết thường tình. Tức là ngay sắc mà thấy thấu qua sắc, ngay tiếng mà thấu qua tiếng, chứ không có dừng ở trên thanh sắc, không có chỗ cho ông cắn mổ để sanh hiểu, thì đó mới là tướng thật.

\*\*\*

*Một hôm, Sư thấy Trí Nhân, Huệ Tịch làm bánh liên bảo:*

*- Bá Trượng Tiên sư đương thời thân được đạo lý này.*

*Ngài Huệ Tịch, Trí Nhân mới nhìn nhau nói:*

*- Người nào đáp được lời này?*

Đề thấy các Thiền viện ngày xưa thực hiện theo tinh thần của Tổ Bá Trượng là tu trong lao động, cho nên ở đây cũng có làm bánh... Vậy thì ngay khi làm bánh đó cũng là đang tu, cũng tham thiền sống thiền, chứ không phải là làm bánh chỉ lo nghĩ đến bánh, đến ăn thôi. Như vậy chúng ta mỗi ngày làm bếp cũng phải tham thiền sống thiền, chứ không phải làm bếp chỉ lo nghĩ đến rau, đến gạo, đến ăn... hoặc nghĩ lãng xãng thì càng không hay nữa.

*Sư nói:*

*- Có một người đáp được.*

*Huệ Tịch thưa:*

*- Là người nào?*

*Sư mới chỉ con trâu bảo:*

*- Nói! Nói!*

*Ngài Huệ Tịch liền chạy đi lấy bó cỏ đem lại, còn Ngài Trí Nhân thì lấy thùng múc nước đem lại để trước con trâu. Con trâu ngay đó có cỏ ăn, có nước uống thoải mái.*

*Sư bảo:*

- Cho gì, cho gì? Chẳng cho gì, chẳng cho gì?

*Huệ Tịch, Trí Nhàn ngay đó đồng lễ bái Sư.*

*Sư bảo:*

- Hoặc khi sáng, hoặc khi tối.

Để thấy các Ngài ngay trong công việc hàng ngày cũng khơi dậy lẽ thật nơi chính mình, chứ không để qua mắt. Chúng ta cần nhớ kỹ điều này. Trong công việc nhưng không để mất mình, ngay đó vẫn sáng tỏ được tự tâm.

Hai Ngài Huệ Tịch, Trí Nhàn nghe nói vậy cũng khéo biết được ý của Sư, liền lấy bó củ đem lại cho trâu ăn, múc thùng nước đem lại cho trâu uống. Có củ, có nước ngay trước mặt mà chưa chịu ăn, còn đợi gì nữa? Đó là nói lên chỗ sống, chỗ tu của người tu thiền chứ không phải lo nghĩ đến làm bánh thối.

Như vậy để nhắc nhở tất cả mọi người, đạo lý thiền luôn hiển hiện ngay trong việc làm hàng ngày của mình, chưa từng mất. Nên phải khéo ngay trong mọi lúc đó để mà thấy trở lại.

\*\*\*

*Một hôm, Sư thúc trong chúng trình ngữ:*

- Ngoài thanh sắc cho ta cùng thấy.

Làm sao mà thấy?

*Ông Thượng tọa Giám Huyền mới trình ngữ:*

- Chẳng từ đây ra, người ấy không mắt.

Sư chẳng nhận. Nói vậy thì cũng chưa được sáng tỏ lắm nên Sư chưa chịu nhận. Ngài Huệ Tịch ba phen trình ngữ.

*Lần đầu:*

- Thấy láy, chẳng thấy láy.

*Sư bảo:*

- Nhỏ như chót lông, lạnh tựa sương tuyết.

Sư cũng chưa chịu.

*Lần thứ hai:*

- Ngoài thanh sắc thì còn ai cầu thấy!

Tức là ngoài thanh sắc rồi thì ai cầu thấy nhau nữa?

*Sư bảo:*

*- Chỉ kẹt Thanh Văn, bên ngoài giường hẹp.*

Sư chưa chịu vì còn kẹt một bên.

*Lần thứ ba mới trình:*

*- Như hai gương chiếu nhau, ở trong không hình tượng.*

Tức là hai gương cùng chiếu nhau, bên trong không hình tượng gì hết. Cũng là khéo! Giống như là tâm tâm soi thấu với nhau, tâm thầy, tâm con soi thấu nhau mà bên trong không có hình tượng gì hết, tức là vượt ngoài thanh sắc thì đúng là khéo léo!

*Sư mới bảo:*

*- Ngươi này chính, ta phải ngươi chẳng phải, sớm lập hình tượng rồi vậy.*

Tức là khen khéo léo nhưng cũng còn có đây kia, có ta có người thì cũng là có lập rồi. Tuy nói không lập hình tượng nhưng mà cũng có lập hình tượng. Cho nên Sư mới nói "Ở đây ta phải nhưng ngươi không phải".

*Huệ Tịch hỏi lại:*

*- Tinh thần con tối tăm, hỏi đáp vụng về, chẳng biết Hòa thượng hỏi còn ở chỗ Sư ông Bá Trượng thì trình ngữ thế nào?*

*Sư bảo:*

*- Ta hỏi ở với Bá Trượng Tiên sư trình ngữ như vậy: "Như trăm ngàn gương sáng, soi sáng hình bóng, chiếu nhau cỡi cỡi, bụi bụi, mỗi mỗi chẳng làm lẫn".*

*Huệ Tịch liền lễ bái.*

Đúng là chỗ thấy của Sư tròn sáng. Ngài Huệ Tịch chỉ trình như hai gương soi nhau, còn ở đây Sư nói là như trăm ngàn gương soi sáng hình bóng chiếu nhau. Trong đó, mỗi cỡi mỗi cỡi, một hạt bụi, không làm lẫn cái gì hết.

Quả là tâm thật sáng mới thấy thấu được chỗ đó. Dù cho cỡi cỡi, bụi bụi nó hiện nhưng không một chút làm lẫn, một điểm cũng không dối được.

Thấy đến chỗ đó mới gọi là thấy tốt tâm. Còn chúng ta bây giờ quả núi to lớn cũng còn làm thì nói gì hạt bụi, ở đây một hạt bụi cũng không làm được. Mới thấy tâm các Ngài sáng tới đó, xét lại chúng ta thì còn phải tu nhiều, đừng có dễ duôi.

Trong tập Tổ Đường Tập có thêm phần Ngài Ngưỡng Sơn thưa hỏi Tổ Quy Sơn:

- Chỉ như Lục Tổ Hòa thượng sắp tịch, phó chúc cho các đệ tử là hãy lấy một miếng sắt mỏng nặng khoảng hai cân đặt trong cổ của ta, sau đó rồi sơn lại. Các đệ tử hỏi đặt sắt trong cổ là có ý gì?

Lục Tổ bảo:

- Hãy đem giấy bút lại đây ta huyền ký cho.

Sư nói kệ:

Trong năm sáu năm,

Trên đầu nuôi thân,

Trong miệng cần ăn,

Gặp phải nạn Mãn,

Dương Liễu làm quan.

Quy Sơn nói:

- Ông có hiểu ý huyền ký của Tổ sư chăng?

Ngưỡng Sơn thưa:

- Hiểu nhưng mà việc đó qua rồi.

Quy Sơn bảo:

- Việc ấy tuy qua rồi nhưng ông thử nói lại xem.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Trong năm sáu năm tức là ba mươi năm.

Đó gọi là những lời ẩn mật. Lục Tổ nói ra giống như sấm ký, lúc đó không ai biết. Năm lần sáu ba mươi tức là ba mươi năm.

"Trên đầu nuôi thân" tức là gặp hiếu tử. "Trong miệng cần ăn" là thường thiết trai. "Gặp phải nạn Mãn" tức là Trương Tịnh Mãn ở Nhữ Châu bị vị tăng ở Tân La là Kim Đại Bi đem tiền mua chuộc mới đến cắt lấy đầu Lục Tổ và trộm y bát. "Dương Liễu làm quan" tức là Thích sử Thiệu Châu họ Dương và Huyện lệnh Khúc Giang họ Liễu sau đó phát giác vụ trộm và bắt được trộm ở thành Giác Đài.

Ngài Ngưỡng Sơn giải thích bài kệ rõ ràng, rồi hỏi:

- Hòa thượng hiện nay có cái thấy này chăng?

Tức là Lục Tổ biết trước nên huyền ký như vậy, thì đúng 30 năm sau có việc đó xảy ra như lời huyền ký. Ngưỡng Sơn mới hỏi lại là Hòa thượng hiện nay có cái thấy như Lục Tổ chăng?

*Tổ Quy Sơn bảo:*

- Đây là Hành thông (cũng gọi Hạnh thông), là một pháp trong lục thông, ta cũng chưa được.

*Ngưỡng Sơn thưa:*

- Bạch Hòa thượng! Hòa thượng hiện nay thọ ký cho người có kiến giải thì được; nếu thọ ký cho người hành giải thì thuộc nhân tình, chẳng phải Phật pháp.

*Quy Sơn vui vẻ nói:*

- Tiên sư Bá Trượng thọ ký trong số mười người hiểu Phật pháp, hiểu Thiên, về sau trăm ngàn người vây quanh, kịp đến số tự trụ chẳng?

*Ngưỡng Sơn thưa:*

- Sợ e như thế. Nhưng mà Thánh ý khó lường, hoặc nghịch hoặc thuận cũng chẳng phải là chỗ Huệ Tịch biết được.

*Quy Sơn bảo:*

- Ông về sau lại thọ ký cho người chẳng?

*Ngưỡng Sơn thưa:*

- Nếu thọ ký, chỉ thọ ký kiến giải, chẳng thọ ký hành giải. Kiến giải thuộc khẩu mật, hành giải thuộc ý mật. Chưa ngang bằng với Tào Khê, chẳng dám thọ ký cho người.

Kiến giải là chỗ thấy. Chỗ đó thọ ký được. Còn chỗ hành giải là chỗ sống thực của người đó thì làm sao biết mà thọ ký. Cho nên Ngài nói chưa dám, phải ngang bằng với Tào Khê tức là Lục Tổ mới dám thọ ký.

*Quy Sơn bảo:*

- Ông có sao chẳng thọ ký?

*Ngưỡng Sơn thưa:*

- Việc trước Phật Nhiên Đăng, bên ấy thuộc chúng sanh, hành giải không dính dáng.

Tức là trước Phật Nhiên Đăng là thuộc về chúng sanh còn chưa sáng.

*Quy Sơn bảo:*

- Sau Nhiên Đăng thì ông lại thọ ký được cho y chẳng?

*Ngưỡng Sơn thưa:*

- Sau Nhiên Đăng thì họ tự có người thọ ký rồi, cũng chẳng đợi đến Huệ Tịch thọ ký.

Ngài đáp rất khéo léo, chỗ này để dành phần cho mỗi người.

Rồi Ngưỡng Sơn lại hỏi Hòa thượng Quy Sơn:

*Thức như bọt nổi của Hòa thượng gần đây chẳng biết đã dừng hay chưa?*

Nguyên văn là "Phù âu thức" hoặc có chỗ nói là "Thức lưu chú", tức là cái thức sanh diệt tương tục. Ở đây, Ngài Ngưỡng Sơn hỏi Tổ Quy Sơn là cái thức sanh diệt tương tục của Hòa thượng gần đây chẳng biết đã dừng hay chưa?

Tổ Quy Sơn bảo:

- Ta không đến đã trải qua năm sáu năm.

Ngưỡng Sơn mới thưa:

- Nếu như thế, hiện nay trước thân Hòa thượng lẽ ra khắp siêu tam-muội đánh rồi.

Tức vượt lên cả tam-muội đánh.

Quy Sơn bảo:

- Chưa.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Tánh địa bọt nổi còn dừng, thì trước thân Nhiên Đăng vì sao lại chưa?

Tức là cái sanh diệt trôi chảy đã dừng, thì trước thân Nhiên Đăng vì sao lại chưa?

Quy Sơn bảo:

- Tuy lý như thế, ta cũng chưa dám bảo nhậm.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Chỗ nào là chỗ chưa dám bảo nhậm?

Quy Sơn bảo:

- Ông chớ có miệng nói giải thoát. Ông chẳng nghe hai Thiên sư An và Tú được Võ Tắc Thiên một phen thử bằng cách cho cung nữ hầu tắm mới biết có người giỏi đến trong đây. Thật là Phật sắt cũng phải tháo mồ hôi. Ông phải tu hành, chớ trọn ngày miệng nói thao thao.

Tức là Ngưỡng Sơn hỏi Tổ Quy Sơn về "Thức trôi chảy sanh diệt của Hòa thượng gần đây đã dừng hay chưa?". Thì Tổ nói: "Ta không đến cũng đã trải



qua năm, sáu năm". Ngài Ngưỡng Sơn nói: "Nếu như vậy lẽ ra trước thân Hòa thượng đã vượt lên khỏi tam-muội đánh rồi", nhưng Tổ Quy Sơn nói là "Chưa". Ngưỡng Sơn mới thưa: "Vì sao lại chưa vượt qua?", Tổ Quy Sơn bảo: "Tuy trên lý như thế nhưng ta chưa dám bảo nhậm".

Chúng ta thấy các Ngài rất cẩn thận.

Ngưỡng Sơn hỏi chỗ nào là chỗ chưa dám bảo nhậm? Đây Tổ Quy Sơn mới bảo rõ là "Ông chớ có miệng nói giải thoát, phải làm sao tu cho được giải thoát, phải tâm giải thoát mới được". Còn nói giải thoát thì ai nói không được. Đó là điểm phải hết sức cẩn thận.

Tổ mới dẫn câu chuyện Thiền sư Lão An với Ngài Thần Tú được bà Võ Tắc Thiên cung kính như hai bậc Thầy. Một hôm, bà thỉnh hai vị vào cung rồi cho cung nữ hầu tắm, bà đứng ngoài rình. Chỉ có Thiền sư Lão An thì thân thái tự nhiên, nhưng Ngài Thần Tú chưa được. Mới thấy như lời Tổ Quy Sơn nói "Đến chỗ đó là Phật sắt cũng phải tháo mồ hôi", chứ không phải thường nên đừng vội tự hào. Bình thường nói gì cũng được nhưng đến lúc đó mới biết được tâm mình thế nào. Khi gặp chuyện như vậy thì mới biết được tâm mình động hay không?

Vì vậy mà Tổ mới nhắc Ngài Ngưỡng Sơn là ông phải tu hành, chớ có trọn ngày miệng nói thao thao. Nhắc kỹ như vậy, phải lo tu mới là thật, chớ đừng miệng nói hay thì cũng chưa đến đâu.

Người xưa tu hành kỹ như vậy, còn chúng ta ngày nay thì thế nào? Chỗ sống của mình được đến đâu rồi? Có sánh được với người xưa chưa? Vậy mà không chịu lo công phu cho kỹ!!!

Đó là chỗ muốn nhắc cho chúng ta chưa gì mà lo tự hào, rồi bỏ quên công phu. Có khi học đạo ít lâu thì coi như là đủ, rồi lơ là chuyện công phu. Hoặc có người sáng được một chút thì chấp vào đó, cũng xem thường công phu, điều này phải xét lại.

\*\*\*

*Sư thượng đường bảo chúng:*

*- Sau khi lão tăng trăm tuổi, đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái viết năm chữ "Quy Sơn Tăng Linh Hựu". Khi ấy gọi là "Quy Sơn Tăng" hay gọi là "con trâu"? Gọi thế nào mới đúng?*

Như vậy là sao? Tổ tu hành như thế mà nói là khi chết sẽ xuống núi làm con trâu. Rồi mới đặt câu hỏi "Lúc đó gọi là Quy Sơn Tăng hay gọi là con trâu?".

Chỗ này đúng là chỗ của những bậc thật sự đạt đạo, sạch hết kiến giải phàm Thánh, không còn dấu vết; không thấy có được, có chứng, có đắc mới nói

được như vậy. Điều này người tu hành thông thường thì chắc không ai dám nói, vì tâm còn phân biệt phàm Thánh.

Đây các Ngài sạch hết cái tình phàm Thánh, quên hết những sở đắc, tâm rất rỗng rang. Còn chúng ta nếu ngay đây nếu ai nói mình là con trâu hoặc nói mình ngu thì sao? Thì sanh chuyện liền. Mới thấy đó là tâm phân biệt còn mạnh, còn cái ngã; đây thì quên ngã, mà quên ngã thì còn cái gì để nói?

\*\*\*

*Sư truyền bá Thiên Giáo hơn bốn mươi năm, người đạt được lý thú không thể kể hết. Đệ tử nhập thất được 41 người. Đời Đường, niên hiệu Đại Trung năm thứ bảy, ngày mùng 9 tháng giêng, Sư tắm gội xong, ngồi kiết-già vui vẻ thị tịch, thọ 83 tuổi, 64 tuổi hạ. Vua ban hiệu là Đại Viên Thiên Sư, thụy hiệu là Thanh Tịnh. Sư có trước tác tập "Quy Sơn Cảnh Sách" rất được lưu hành ở trong Thiên môn.*

Sư là một vị Tổ của tông Quy Ngưỡng, tức là một trong năm tông của Thiên tông, và nhân duyên của Sư như vậy cho thấy Sư cũng là bậc hiền thánh tái lai để độ sanh, chứ không phải thường. Và chỗ sống, chỗ đạt đạo của Sư cũng thực là sâu.

Chúng ta học đây cũng là học từ những lời của bậc mà tâm thật sáng tỏ, lời nói không đồng với những người còn kiến giải. Tức là lời Sư phát xuất từ tâm trong sáng, thực chứng mà nói ra, đó là những lời thiết thực có ngữ có nghĩa.

Học ***Quy Sơn Cảnh Sách*** chúng ta sẽ có sức cảm rất lớn, rất mạnh nếu khéo biết nghe và nhận kỹ. Như vậy những lời *Cảnh Sách* mà chúng ta sắp học đây sẽ sách tấn chúng ta rất nhiều. Đúng ra lời này Sư dạy cho cả những hàng Tỳ-kheo lâu năm, không phải Tỳ-kheo mới hay chỉ là Sa-di thôi.

Cho nên ở phần sau, có những đoạn như là người tu ở lâu trong chùa mà không lo tu học kỹ nên "*bụng trống lòng không*", không có gì để dạy cho người sau, lỡ bị những người hậu học hỏi rồi đáp không được, liền bắt nạt trở lại nói là không được hỏi vậy! Để thấy rằng Sư cũng răn nhắc cho những bậc ở lâu trong chùa nữa. Người ở lâu trong chùa lợi dưỡng càng nhiều, thọ dụng càng đậm mà không lo tu thì Sư cũng răn nhắc.

Cho nên, mỗi người cần phải học kỹ để nghiên ngẫm sâu sẽ có sự sách tấn rất lớn trên đường tu của mình. Gọi *Cảnh Sách* là vậy.

---o0o---

**Chánh Văn**

***"Xét bởi nghiệp trôi buộc mà thọ lấy thân, tránh sao khỏi khổ lụy về hình hài".***

Mở đầu, Tổ Quy Sơn phá ngay cái chấp ngã về thân, tức là chỉ rõ nguyên nhân đưa đến thọ lấy thân này. Khi hiểu rõ rồi chúng ta trừ cái ngã chấp về thân, không còn tham luyến thân, được như vậy mới một bề thẳng tiến trên đường xuất gia.

Nghĩa là nguyên nhân đưa đến thọ lấy thân này là do nghiệp. Nghiệp thì có hoặc lành hoặc dữ, hoặc là vô ký. Vô ký tức là bình thường, không lành không dữ. Mà hễ có tạo nghiệp tức là còn đi trong sanh tử luân hồi. Chính vì tạo ra nghiệp rồi bị nó trôi trở lại, từ đó nó dẫn đi thọ lấy thân. Hoặc là thân trời, thân người, thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v..., cũng đều tùy theo nghiệp mà có sai khác.

Cho nên, hễ còn có nghiệp là còn có sanh, là còn đi trong sanh tử luân hồi, bảo đảm là không tránh khỏi, không có con đường nào khác. Phải nắm vững điều đó.

Chúng ta tu muốn giải thoát thì phải dừng nghiệp. Dừng tay tạo nghiệp thì mới giải thoát. Còn tạo nghiệp tức là còn sanh tử. Nói rõ hơn, chúng ta tu nghiệp vô lậu tức là nghiệp giải thoát, thì không tạo nghiệp sanh tử nữa. Nên nhà thiền thường nói "tùy duyên tiêu nghiệp cũ", chứ không tạo thêm nghiệp mới.

Tùy duyên là bởi vì chúng ta còn lỡ mang thân này nên phải tùy duyên với nó để sống. Nhưng sống là để cởi mở dần dần, để tiêu mòn những nghiệp cũ mà không tạo thêm nghiệp mới. Đó là con đường giải thoát.

Nhưng người tu chúng ta ngày nay khi kiểm lại thì vẫn còn tạo thêm nghiệp mới, nhiều khi nghiệp cũ chưa hết mà cứ lo tạo nghiệp mới nữa, thành ra tu hoài mà chưa thấy giải thoát. Cho nên nhiều vị có khi tu một thời gian rồi cũng hơi chán, sao tu hoài mà không thấy giải thoát lại chỉ thấy phiền não, là vì không nắm vững được nghĩa này.

Người đời tập theo những thói quen thế gian như đi chơi, rồi xem cải lương, ti-vi, tiểu thuyết, kiếm hiệp v.v..., thì vào trong đạo đáng lẽ là chúng ta phải dừng không gọi lại, không tô đậm trở lại. Nhưng có người lâu lâu cũng muốn mở ti vi xem vài bộ kiếm hiệp, rồi đọc vài bộ tiểu thuyết. Để chi? Để tạo thêm nghiệp mới, để tô đậm lại những tập khí cũ. Giống như viết chữ cứ tô đậm, thành ra khi ngồi thiền thì những hình ảnh đó nó khởi lên. Vì thế cái cũ chưa hết mà cái mới lại cứ thêm vào nên ngồi thiền không yên. Nếu như lâu lâu cứ gọi lại, mà tập khí cũ của chúng ta đã huân tập sâu dày nhiều đời, cứ gọi hoài thì tức nhiên nó phải nhớ hoài thôi.

Trái lại, biết những cái đó là những cái khiến tâm suy nghĩ theo duyên, theo sanh tử cho nên mình phải dùng nó để lo tu giới, định, tuệ, để cho tâm mình một bề hướng đi trên con đường giải thoát, như vậy ngồi thiền mới yên.

Như đã nói, đó là những tập khí sanh tử, vì huân tập nhiều đời thành ra thói quen, hễ gọi lại tới đâu là nhớ tới đó là dễ nhiễm. Còn nghiệp vô lậu hay nghiệp giải thoát giờ mới huân tập nên còn rất mới. Giống như bài học thuộc lòng mới bắt đầu nên hễ đọc câu trước là quên câu sau, quên tới quên lui nghiệp vô lậu này.

Chúng ta phải thường xuyên quán chiếu tu tập để huân sâu nghiệp vô lậu mà tiêu mòn những tập khí cũ.

Đừng để vào chùa tu, hôm nay thì buồn người này, mai kết oán với người kia, thử nghĩ có tạo thêm nghiệp mới chăng? Nếu vậy bảo đảm là không giải thoát được rồi. Vì buồn, oán đó là mình kết cái nghiệp để đời sau sanh ra sẽ gặp nhau trong ân oán nữa. Vì đời này kết ân, kết oán tức nhiên là đời sau sanh ra gặp nhau trong cái ân oán. Vậy có tốt gì đâu? Chỉ là làm trở ngại thêm cho đường tu tập của chính mình.

Biết vậy rồi thì phải dùng nghiệp, cố gắng làm sao để cuộc sống cởi mở, không để kết oán thân, gọi là kết nghiệp. Bởi vì buồn, oán không ưa với nhau tức là đời sau sanh ra sẽ tìm lại trong cách không ưa. Còn thân thiết thì gặp nhau trong cái duyên ái, đều là kết nghiệp hết. Cho nên mỗi người cần phải biết để giải trừ, đó là con đường giải thoát của mình.

Kế nữa, hoặc chứa chấp của cải, tạo sự nghiệp riêng. Tu rồi mà cứ chứa chấp của cải để tạo sự nghiệp, nhà cửa riêng, thì có tạo nghiệp mới không? Mới đi tu thì sẵn sàng xả hết, nhưng vào chùa ít lâu có khi lại tạo nghiệp trở lại, bắt đầu nắm lại, thu lại từ từ. Đó cũng là tạo nghiệp mới, tạo cái nhân để kéo dài thêm trong sanh tử.

Đây Ngài nói thẳng để chúng ta thấy rõ cái nhân thọ lấy thân này, đó là nghiệp. Mà nghiệp là cái gì? Tức là những hành động tạo tác của thân và tâm hay gọi là thân, khẩu, ý của chúng ta. Từ ba chỗ thân, khẩu, ý phát ra nhưng mà ý là chủ động. Cho nên có khi cái thân làm, miệng nói nhưng không có quyết tâm, không cố ý thì nghiệp còn nhẹ, mà có cộng với tác ý thì nghiệp thành nặng, gọi là định nghiệp.

Liên hệ đến quả báo của nghiệp thì có cộng nghiệp, biệt nghiệp, định nghiệp và bất định nghiệp.

"Cộng nghiệp" là những nghiệp chung với nhau. Thí dụ như chúng ta cùng tu ở chung trong một thiền viện, đó là "cộng nghiệp". Nhưng trong cộng nghiệp thì mỗi người có cái biệt nghiệp, nên tuy cùng vào chùa mà mỗi

người có nếp sống riêng, có những tập khí riêng không giống nhau. Người tu dễ tiến, người tu chậm tiến, có người tu lâu lâu gặp chướng nạn, còn người thì lại thấy suông sẽ hơn.

Hoặc có người nặng về tham ái, người nặng về sân hận, người nặng về si mê. Mỗi người đều có cái nghiệp riêng, đó là "biệt nghiệp". Nhưng dù là cộng nghiệp hay biệt nghiệp thì người tu phải thấy rõ những nghiệp do mình huân tập không phải là cái của mình. Phải nhớ kỹ! Tức là những cái đó không phải thật là của mình, bản tâm thanh tịnh mới là cái của mình. Còn những nghiệp tập này là cái mà chúng ta đã huân tập sau này nên có sai biệt.

Khi hiểu vậy rồi thì trong huynh đệ dễ thông cảm với nhau. Khi thấy người này, người kia không giống ý mình thì biết là do nghiệp huân tập riêng. Nếu lúc xưa mình huân tập theo nghiệp sân nhiều, còn người kia huân tập theo nghiệp tham nhiều, thì hai người có cách sinh hoạt không giống nhau. Ngay trong đời này, mỗi gia đình giáo dục con cái theo cách riêng, cũng là có huân tập sai biệt rồi, biết như vậy thì chúng ta có sự thông cảm với nhau, không đòi hỏi ai cũng như mình.

Rồi "định nghiệp và bất định nghiệp": "bất định nghiệp" tức là quả báo đến không nhất định, có khi mình tạo đời này nhưng đời sau đến, hoặc đời sau đời sau nữa mới đến. Rồi có khi do mình tạo nhân duyên mới nên quả có thể chuyển nên gọi là bất định. Còn "định nghiệp" tạo rồi thì quyết định là đời sau phải lãnh quả báo. Nhưng cũng có chuyển nặng thành nhẹ, chính vì vậy nên mới có tu tập.

Như tất cả mọi người đều có tạo nghiệp sanh tử này hết. Nhưng chính nghiệp sanh tử cũng không cố định cho nên chúng ta mới có thể tu để giải thoát. Nếu như nghiệp sanh tử mà cố định thì mình hết tu. Vì tu thì cũng không giải quyết gì được nữa. Còn đây mình có thể tu để dứt nghiệp sanh tử, giải thoát luân hồi. Chính đó là con đường mà chúng ta đang thực hành.

Nghiệp còn chia ra thành nhiều thứ như có "tích lũy nghiệp" và "cận tử nghiệp".

"Tích lũy nghiệp" tức là những nghiệp mình chứa chấp, huân tập mạnh về một chiều. Phật dạy tạo tích lũy nghiệp mạnh theo chiều nào, cũng giống như cây nghiêng theo chiều nào thì khi cưa nó ngã đổ theo chiều đó. Tích lũy nghiệp của mình cũng vậy. Tạo tích lũy nghiệp mạnh theo chiều nào thì khi chết mình sẽ đi theo chiều đó. Nếu tạo tích lũy nghiệp mạnh về giải thoát thì khi chết dù chưa hoàn toàn giải thoát nhưng đời sau sanh ra nhớ lại sớm.

Còn "cận tử nghiệp" tức là nghiệp của người sắp chết. Thí dụ như người bình thường tạo nhiều tích lũy nghiệp thiện, đến khi gần chết, do nhân duyên

với tập khí cũ sao đó thì nó lại khởi niệm sân hận, mà sân hận mạnh quá thì nó lại dẫn đi sai một chút. Đời sau sanh ra thời gian đầu bị ảnh hưởng cận tử nghiệp này nên không tốt, nhưng nếu nghiệp tích lũy mạnh, khởi lên thì sẽ chuyển. Cho nên, khoảng đầu cuộc đời của người ấy không tốt nhưng sau thì tốt. Chúng ta phải hiểu kỹ về nghiệp để biết mà ngăn ngừa.

Như vậy, người tu chúng ta phải khéo để chuyển nghiệp và dùng nghiệp mà đi đúng con đường giải thoát. Trong nhà Phật nói do nhân duyên là nghiệp đưa đến nên có thân này chứ không phải ai đem đến cho mình, cũng không phải ngẫu nhiên. Mà nghiệp là do mình tạo thì thọ thân tốt hay xấu thế nào cũng là trách nhiệm của mình, chứ không nên trách ai. Hiểu vậy, chúng ta sẽ có sức mạnh để can đảm nhận lấy trách nhiệm, chớ không phải buồn trách, than thở, đổ thừa cái này cái kia.

Và đã thọ thân thì phải chịu những cái khổ lụy về hình hài, thể xác nên nói "Xét bởi nghiệp trói buộc mà thọ lấy thân, tránh sao khỏi khổ lụy về hình hài". Nghĩa là có sanh, già, bệnh, chết, rồi có đói khát, nóng lạnh, thời tiết bức bách v.v... những cái khổ luôn kèm theo thân này. Và nếu không có thân này thì đâu có khổ như đói khát, nóng lạnh...

Chúng sanh vì mê lầm nên mới tham đắm thân mình, đâu biết khi mang lấy thân này là mang lấy một đống khổ theo sau chứ có vui gì! Dưới con mắt của bậc giác ngộ thì rõ như thế nên các Ngài không tham luyến thân là vậy. Khi kiểm lại sẽ thấy rõ.

Mang lấy hình hài, thể xác này là mất tự do; muốn gì cũng không được như ý, phải lệ thuộc vào nó. Muốn khỏe mà nó không khỏe, nó nóng mà muốn nó mát cũng không được luôn phải lệ thuộc vào nó, là cả một gánh nặng. Bởi vậy có thọ thân là có mang những cái khổ về thân.

*Một Thiền sư Thái Lan nói rõ:*

*- Bộ ở trong bụng người ta sướng lắm hay sao? Thật chẳng thoải mái chút nào! Thử nghĩ xem chỉ cần mình sống trong một căn chòi nhỏ một ngày thôi thì đủ khó chịu đến đâu rồi.*

Thiền sư khuyên mọi người hãy nghĩ đến tình trạng cả ngày phải sống trong một cái chòi nhỏ bít bùng, rất là khó chịu, huống chi phải ở trong bào thai thời gian dài thì đâu có sung sướng gì!

*- Khi đóng hết các cửa phòng lại là bạn đã ném mùi đau khổ.*

Ở trong một cái phòng nhỏ, đóng hết mấy cửa phòng lại, bít bùng không gió là rất khổ, không hề thoải mái.

- *Chao ôi! Vậy mà ở trong bụng người ta đến chín tháng, thì bạn còn muốn sanh ra lần nữa hay sao?*

Cho nên các vị A-la-hán không muốn sanh trở lại là vậy đó. Thấy chán sự sanh tử rồi.

Còn chúng ta khi học kinh, nghe lời của Phật, Tổ dạy thì cũng hơi chán, nhưng khi vào cuộc sống thì cũng như cũ. Vì vậy mà chúng ta phải có sự quán chiếu thường xuyên, miên mật, kỹ lưỡng để có sức cảm thật sâu trong lòng của mình, thì mới có sự chán mạnh là muốn thoát ly sanh tử. Lúc đó mới là độc chí quyết tu, chỉ còn muốn thoát ra mà không cần ai nhắc.

Đây Ngài chỉ nói cái khổ lúc thọ thai và ở trong thai. Rồi khi sanh ra thì bao nhiêu cái khổ chồng lên tám thân. Nên nhà Phật nói có bốn khổ, tám khổ, một trăm lẻ tám thứ khổ v.v... những cái khổ đó chồng hết lên thân người!!!

Trong kinh Di Giáo, Phật nói ở phần cuối:

- *Đây là cái sắc thân nên bỏ, là vật tội ác tạm gọi là thân, chìm trong biển sanh, già, bệnh, chết. Đâu có người trí nào khi trừ diệt được nó giống như là trừ giết được giặc thù mà chẳng vui mừng!*

Phật dạy là người trí thấy biết như vậy rồi thì khi bỏ thân cũng giống như là diệt được kẻ oán thù thì nhẹ nhàng, vui mừng thôi, đâu có buồn khổ gì! Nhưng người mê đó vì bám chấp vào thân nên rồi mang lấy khổ não. Như các bậc A-la-hán khi bỏ thân là thấy nhẹ nhàng, cởi mở. Đó là nói cho mình thấy rõ để không lầm chấp cái thân này, không có tham luyến trở lại nữa. Khi chúng ta đi xuất gia tu hành là đi thẳng một đường, chứ không ngó lại.

---o0o---

### ***"Di thể nhận từ nơi cha mẹ, mượn các duyên chung lại mà thành"***

Đây nói rõ: Khi thọ lấy thân này nhưng thân này cũng không phải của mình, chỉ nên gọi là di thể nhận từ nơi cha mẹ, tức là từ một phần của cha mẹ.

Ban đầu từ tinh cha huyết mẹ, rồi ở trong bụng mẹ một thời gian khi mẹ ăn uống gì đó cũng bồi bổ vào thai, nên một phần là của người mẹ; không phải nguyên vẹn là của mình từ đầu tới cuối; nếu thật sự là của mình, thì không phải lệ thuộc gì hết. Do điên đảo mà con người thấy là của mình, thật sự thân này không phải là của mình, một phần của cha mẹ, lấy của cha mẹ mà đi ra thôi.

Ngay đó đã cho thấy rõ sự thật vô ngã của thân này. Nó không phải là mình, không phải là của mình, rõ ràng như vậy. Nhưng nhiều người vẫn còn chưa

tĩnh, vẫn chấp là ta, là của ta để thành khổ. Chúng ta học rồi quán kỹ, thấy rõ lẽ thật của nó là vay mượn một phần từ nơi cha mẹ.

Rồi sau đó mượn thêm các duyên bên ngoài mới thành được cái thân như hôm nay ngồi đây. Tức là mượn từ nơi cha mẹ một phần rồi phải mượn các duyên đất, nước, gió, lửa bên ngoài bồi thêm, nên giờ mới được mấy chục ký như vậy. Bởi vì ban đầu đâu có ký lô nào chỉ có chấm nhỏ thôi, giờ được mấy chục ký này là mượn những cái bên ngoài đem vào thì sao gọi là của mình được?

Quán kỹ rồi chúng ta thấy rõ lẽ thật của thân để bớt vấp ngã về thân. Như vậy thân này có ra là từ đâu có? Thân này không phải là một cái ta duy nhất nào hết, mà là các duyên chung hợp lại, cho nên có là có từ duyên, không phải là một cái thể duy nhất. Phật nói vô ngã là vậy.

Thân này còn tồn tại ở đây thì cũng là tồn tại trong các duyên mà thôi, thiếu duyên là nó hết tồn tại, nó chia lìa rồi hoại, chớ không có cái ta nào trong đó. Lẽ thật của thân là như vậy.

Thấy đúng như vậy thì chúng ta sẽ cởi mở rất nhiều phiền não, chấp trước. Vừa vào đầu Ngài dạy chúng ta thật kỹ là cần phải quán chỗ này để buông xả cái ta hay cái chấp ngã này.

---o0o---

### **Chánh Văn (tt1)**

#### ***"Dù là bốn đại giữ gìn, nhưng vẫn luôn chống trái nhau"***

Mặc dù nó nhờ bốn đại bên trong, rồi hợp với bốn đại bên ngoài phụ giúp mà tạm tồn tại trong một thời gian, nhưng ngay khi nó tồn tại đây, thì bốn đại cũng lại thường chống trái nhau, không hề an ổn. Tức là đất trái với nước, nước trái với lửa, lửa trái với gió. Bản chất của bốn đại là thường nghịch với nhau nên bốn thứ trong thân luôn chống trái nhau. Vì vậy mà phải khéo điều hòa thì nó được tạm an ổn, mất điều hòa thì nó lại bất an, tức là sanh bệnh.

Để thấy rõ là chúng ta sống ở đây là sống trên sự luôn luôn bất an, chớ có vui gì! Chỉ vì con người mê lầm mà tham đắm vậy thôi. Bằng trí tuệ giác ngộ, thấy rõ lẽ thật này giúp chúng ta cởi mở những tình chấp về thân.

Đâu phải Phật, Tổ dạy chúng ta như vậy rồi bắt phải nghe theo, không phải vậy. Phật, Tổ dạy vậy nhưng chúng ta phải quán chiếu, và khi đã thấy bằng chính nhận định, bằng chính trí tuệ của mình thì chúng ta sẽ tự cởi mở tình chấp của mình, là tự chứng nghiệm chân thật lời Phật dạy.



Trong kinh Đại Niết-bàn, Phật có dạy một ví dụ về cái rương đựng bốn con rắn độc thì đây giống như thí dụ đó. Hằng ngày, thân này giống như cái rương đựng bốn con rắn độc đất, nước, gió, lửa. Vì bốn con rắn độc ở cùng chung một cái rương nên nó cắn lộn nhau hoài, phải khéo điều hòa bốn con rắn độc cho nó tạm yên. Đó gọi là tạm sống hạnh phúc.

Còn nếu nó chống trái bất thường, con nào mạnh hơn thì gây bất an liền. Thấy rõ điều đó rồi và có nhận định sáng suốt, chúng ta bớt dính mắc hoặc tham luyến về thân này, nhờ vậy mới yên tu hay thẳng tiến một đường xuất thế, giải thoát. Cho nên Tổ Quy Sơn dạy tu rất căn bản, mới vào đầu đã chỉ ra lẽ thật đó để chúng ta thấy rõ mà không phải luyến tiếc ngó lại.

---o0o---

***“Vô thường, già, bệnh chẳng hẹn với người. Sớm còn tối mất, sát-na đã qua đời khác”***

Đây chỉ cho lẽ thật về sự ngăn ngại của thân này, nó không có bền chắc, không lâu dài để phá trừ cái chấp thường điên đảo. Tức là thân này không phải thường mà cho là thường, vì cho thân thường còn nên mới vì thân mà tạo nghiệp. Nếu thấy rõ lẽ thật của thân là rất mỏng manh, ngăn ngại thì có đáng gì đâu để mà tham luyến rồi vì nó tạo nghiệp để vun bồi cho nó nên chịu khổ là chỗ đó.

Còn khi quán kỹ rồi liền trừ cái làm chấp thường điên đảo. Thấy rõ sự vô thường luôn luôn biến đổi, đi theo một bên. Nó cứ đến mà không cần phải hẹn với ai, cũng không cho người hẹn. Sớm còn tối mất, chỉ một sát-na là chuyện qua đời khác rồi. Mới trẻ đó liền già đó, mới khỏe đó rồi bệnh đó. Mới thấy đó là đã mất đó. Có khi sáng còn gặp nhau chiều lại đi điếu rồi. Chỉ một sát-na là qua đời khác thì còn cái gì gọi là ta để mà buồn vui, giận ghét, hơn thua với nhau?

Quán kỹ như vậy, thì có đáng để chúng ta chấp trong đó, để tạo nghiệp, để chịu khổ?

Nếu nhìn theo cặp mắt của các vị Trời cũng sẽ thấy là cuộc đời con người rất mỏng manh. Các vị Trời sống hàng trăm ngàn năm, nên một ngày, một đêm của các Ngài bằng dưới thế gian cả mấy trăm năm. Chưa nói đến các tầng trời cao thì tuổi thọ càng nhiều hơn nữa. Như vậy nếu nhìn bằng cặp mắt của các vị Trời thì mới sáng các vị nhìn xuống đây thấy người đó vừa sanh ra khóc oa oa, nhưng trưa nhìn lại thì đã chết mất rồi. Nên cuộc sống con người so với cõi trời thì nhanh như chớp vậy.

Cũng giống như chúng ta nhìn mấy con trùng, con kiến, bướm bướm... Mới thấy nó sanh hôm qua, thì hôm nay đã thấy chết rồi. Đời sống ngắn ngủi. Hoặc con gà, con vịt mới thấy nó đó, chừng vài tháng thì thấy chết rồi. Đời sống con người đối với các vị Trời cũng ngắn ngủi vậy thôi, nhờ thấy vậy chúng ta sẽ bớt chấp.

Đây Ngài chỉ ra lẽ thật vô thường, khổ, vô ngã của thân này rõ ràng. Chính vô thường, mỏng manh cho nên khổ, tức là không được như ý. Nó muốn già thì nó già, rồi nó muốn bệnh thì nó bệnh; đang hòa hợp, nó muốn chia ly thì nó chia ly. Tức là nó đi theo chiều của nó, con đường của nó chứ không theo sự chỉ đạo của mình, không theo ý mình muốn.

Mà không như ý tức là nó vô ngã, không thật có ngã, không thuộc vào cái ngã nào hết, không thuộc về mình. Quán kỹ thấu suốt được lẽ thật này, không còn chấp về thân nữa, bảo đảm là chúng ta đi sâu vào con đường chánh pháp. Các vị tu bên Nguyên thủy quán kỹ lẽ thật này rồi là tu đến chứng A-la-hán chứ không phải thường. Như vậy quán sâu về chỗ không này thì không còn gì để chúng ta tham luyến cái thân nữa. Cuối cùng thì sao? Chỉ là cái thân thôi, chứ có gì đâu!

Bây giờ thân còn tạm thờ đây, còn tạm tồn tại trên các duyên đầy đủ này thì nó còn hoạt động tới lui chút chút. Khi hết duyên rồi tắt thở thì chỉ còn là tro bụi thôi! Vậy mà chúng ta lại để tâm lo lắng, chăm sóc, nuôi dưỡng cho cái thân thú này quá. Lâu nay chúng ta bị nó gạt quá nhiều. Cứ lo bồi bổ, chăm sóc, lo cho cái thân thú này đủ thứ. Nhiều khi cũng vì nó phải tạo nghiệp nữa.

Nhờ có học đạo, quán kỹ mới thấy người đời đúng là đáng thương. Vì cái thân thú này mà cứ đâm chém, giết hại nhau rồi tạo thành nghiệp không lường trước được, rốt cuộc rồi cũng đưa cái thân thú này ra nghĩa địa thôi. Vậy thì chỉ vì cái thân thú này mà làm khổ cho nhau, tạo nghiệp để cùng chịu khổ, đúng là làm lẫn, điên đảo.

Thử nghĩ, mới sanh ra chưa có cái tên nào hết, lớn lên dán cho nó một chút danh từ A, B, C gì đó... rồi bám vào đó phân biệt với nhau chấp làm thật mình. Cái tên chỉ là cái nhãn hiệu tạm dán giống như món đồ, mới sản xuất ra chưa có nhãn hiệu giờ dán cho nó cái nhãn hiệu. Nhờ nhãn hiệu này để phân biệt với nhãn hiệu kia để dễ bán thôi.

Thì cái thân này cũng vậy, mới sản xuất ra nó cũng chưa có nhãn hiệu, rồi dán cho nó cái nhãn hiệu Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B... để biết mà phân biệt khi tiếp xúc với nhau. Người tu cũng vậy, dán nhãn hiệu khác để mà dễ phân biệt, không khéo lại bám chấp vào những cái nhãn hiệu đó để tạo thành

sự ngăn cách với nhau. Không phải điên đảo là gì? Chỉ là những nhãn hiệu mà chúng ta đành làm tổn thương cho nhau, làm khổ cho nhau.

Đặt câu hỏi lại thì theo lời Phật dạy, con người thuộc ngu hay trí? Phải nhận định đúng vị trí của mình. Khi sáng suốt, nhớ chánh pháp thì đúng là có trí. Nhưng khi đùng chuyện trở lại mê lầm chấp vào nó thì ngu như là chúng sanh. Cho nên các Ngài muốn chỉ rõ cho chúng ta thức tỉnh thấy suốt những lẽ thật này mà chuyển hóa thành trí.

Ở đây chúng ta học là học chỗ này, học thẳng vào lẽ thật chớ không phải học phân tích trên chữ nghĩa. Học để quán chiếu, để cởi mở những tình chấp.

Chùng ấy đủ cho chúng ta tỉnh chưa hay là vẫn còn mê ngủ? Ngay phần mở đầu thì Tô Quy Sơn đã lột thẳng cái mặt nạ của cái ta này ra cho chúng ta thấy rõ. Để rồi khi xuất gia thì không còn phải luyện tiếc, hay là ngoạn đầu Ngô lại gì nữa hết, mà chỉ một con đường đi thẳng tới.z

---o0o---

### ***"Sớm còn tối mất, sát-na qua đời khác"***

Sát-na tức là thời gian thoáng qua, hiểu đơn giản là một tích tắc. Đúng nghĩa chữ sát-na còn ngắn hơn cái tích tắc nữa.

Đây nói về sự vô thường, ngắn ngủi của thân. Về tâm thì sự sanh diệt còn vi tế hơn nữa. Các luận xưa kể, trong một đại niệm có tới 81.000 sát-na, rồi trong một sát-na có 900 lần sanh diệt. Mới thấy sự sanh diệt rất vi tế, nếu tính lại thì mỗi một đại niệm có tới 72.900.000 lần sanh diệt rất là ghê sợ. Chỗ này chỉ có người nhập định sâu mới thấy, còn chúng ta không thấy nổi chỗ đó.

Như vậy tất cả chúng ta sống ở đây là sống trên cái chập chờn, chợt có chợt không nhưng không thấy được chỗ này. Bởi con mắt của con người bị giới hạn.

Thí dụ như lấy cây nhang, mình quơ thành một vòng tròn, chỉ thấy một cái vòng lửa, nhưng sự thật đâu phải vòng lửa. Đó là từng điểm lửa ráp lại. Thì tâm niệm của mình cũng vậy, từng điểm sanh diệt ráp lại thành niệm. Chúng ta chỉ thấy một niệm thôi, thấy một niệm là khá tốt rồi, chớ đúng ra trong từng một niệm đó là biết bao nhiêu sát-na sanh diệt nữa.

Thấy rõ sự sanh diệt vi tế như vậy, thì hết còn muốn tham luyện về thân sanh diệt này. Ngài chỉ ra lẽ thật của thân mong manh, ngắn ngủi cho chúng ta tỉnh giác.

---o0o---

***"Vĩ như sương mùa xuân, móc mờ sớm, thoạt đó liền không; cây bờ thắm, dây giăng cạn nào có lâu dài"***

Mùa xuân sáng ra thấy sương, móc mờ mờ khi nắng lên liền tan. Hoặc là sáng ra thấy những hạt móc đó đọng trên đầu ngọn cỏ, trên lá cây, một lát sau nắng lên liền tan. Cái thân này sống mỏng manh, ngắn ngủi cũng như vậy, mới thấy đó là mất đó chứ không có gì bền.

Vậy ai là người trí sáng suốt ngay khi nó tạm còn đang đọng lại trên đầu ngọn cỏ, lá cây thì phải biết sống tốt với nhau một chút cho cuộc sống có ý nghĩa hơn. Ngược lại chỉ tạo những điều làm tổn thương cho nhau, rồi nó cũng tan, cuối cùng phải ân hận. Khi quán kỹ như vậy để mọi người có cuộc sống trí tuệ hơn, không giống như người mê điền đảo.

Rồi "cây bờ thắm, dây giăng cạn nào có lâu dài" cũng là thí dụ. Trong kinh nói có cái cây đứng gần sát bờ vực thẳm, sắp lở. Chỉ cần cơn gió mạnh thổi là nó nghiêng đổ dễ dàng.

Thân mình cũng vậy, đang đứng trên bờ vực thẳm, nên có thể chết bất cứ lúc nào. Một cơn gió độc thổi qua cũng có thể làm chết người. Nghe kể, có người tối ngủ trúng gió đi luôn. Rồi ăn trúng thực cũng có thể chết. Trượt té cũng có thể chết. Tức là con người có thể chết bất cứ lúc nào, mạng sống rất là mỏng manh, thì tại sao chúng ta lại phải cứ chấp thủ vào nó. Đó là các Ngài muốn nhắc nhở để chúng ta bớt tham luyến thân này mà quyết chí tiến tu, vì không khéo là tu không kịp.

Đừng nghĩ là thời gian còn dài, còn nhiều để làm việc nọ việc kia, rồi tu sau không muộn. Đó là cái nghĩ điên đảo. Có nhiều vị cứ nghĩ mình còn khỏe nên hôm nay còn lo làm việc này, việc kia dự định, hoạch tính khi xong những việc đó rồi thì mình quyết chí tu. Nhưng có khi chưa hết việc dự tính là nó đã đi trước rồi, cho nên tính cũng không kịp.

*Ngày trước khi tôi còn trẻ khoảng 18, 19 tuổi, hạ thủ công phu tu. Khi quán kỹ, cảm nhận sâu về lý vô thường này, lúc nào tôi cũng hồi hộp sợ mình tu không kịp. Cảm nhận sự vô thường luôn theo sát bên mình vậy đó. Lúc đó, tôi tu quyết liệt vì sợ không kịp nên không còn nghĩ chuyện gì khác, chỉ tu thôi. Mong sao có được sự an ổn trên đường tu mới được. Cho nên lúc đó gặp khách hay bà con đến là cũng ngó lơ, phớt lờ đi không cần phải chào, cũng không sợ ai bắt lỗi, không còn nghĩ lỗi phải gì hết.*

Chỉ một ý nghĩa vô thường này thôi, nếu chúng ta cảm sâu thì đã thấy được những lợi ích cho đường tu rất lớn, nói chi tới pháp tối thượng thừa. Nhiều

khi chúng ta cứ nghĩ tới những pháp tối thượng thừa cao siêu, mà bỏ qua những nền tảng căn bản, không khéo mình đi không có chân.

Trong Hàn Sơn Thi có bài nhắc nhở mọi người về ý nghĩa này:

*Vừa thấy cây bờ sông,*

*Suy tàn không thể bàn.*

*Vài ba búp hoa thừa,*

*Ngàn vạn vết dao búa.*

*Sương bóc lá vàng héo,*

*Sóng búa rễ khô mục.*

*Chỗ sóng chính như thế,*

*Cần cho oán trời đất.*

Vừa thấy tức là nói hôm qua, mới hôm qua thấy một cái cây bên bờ sông nó bị suy tàn rất nhiều. Nó chỉ còn dư lại vài búp hoa thừa mà bị cả ngàn, cả vạn vết dao búa đâm trên cây. Rồi sương đọng làm cho lá vàng càng ngày càng héo nhiều thêm, phía dưới sóng búa vào trong những cái rễ khô bị mục vì cây nằm bên bờ sông sắp lở. Chỗ sóng thật của tất cả mọi loài mọi vật là như vậy nên đâu cần phải oán trời oán đất làm chi!

Trong kinh Niết-bàn nói:

*Có người đi ở đồng trống bị con voi cuồng rượt đuổi, chạy gấp. Lại gặp một cái cây nằm bên bờ giếng cạn, phía dưới có dây giếng thông. Anh liền bám lần lần vào sợi dây đó. Thì ở giữa giếng, lại có ba con rồng và bốn con rắn độc nó đang ngán đầu nhìn lên, nếu rớt xuống thì rơi ngay vào miệng chúng thôi! Rồi hai bên bờ giếng có hai con chuột, một trắng, một đen đang cắn gặm dần dần đầu dây, còn chút nữa là đứt dây. Trên đầu lại có bầy ong bao phủ, nó làm rớt mấy giọt mật xuống. Khi ném phải năm giọt mật đó, anh quên hết sự nguy hiểm chung quanh.*

Đồng trống chỉ cho ba cõi tức tam giới. Còn cây dụ cho thân này, dây là dụ cho mạng căn mỏng manh. Hai bên bờ hai con chuột đang cắn dần mạng căn là ngày tháng thời gian. Con voi cuồng chỉ cho vô thường đang rượt đuổi. Còn cái giếng là chỉ cho huỳnh tuyến, là chỗ chết. Ba con rồng độc là chỉ cho tam độc tham sân si. Bốn con rắn độc là chỉ cho bốn đại. Mấy giọt mật là chỉ cho ngũ dục. Tất cả nguy hiểm đang chực sẵn bên mình, nhưng người ta vì vô minh điên đảo, ném được mấy giọt mật đó là quên hết bao nhiêu sự nguy hiểm.

Cũng như người đời vì đắm trong chút vui ngũ dục mà quên mất những sự nguy hiểm trong sanh tử luân hồi, trong khổ đau. Vì thế, các Ngài muốn nhắc nhở chúng ta là thân người mỏng manh, ngắn ngủi như vậy. Bao nhiêu nguy hiểm đang chờ một bên, chớ không có an ổn, vui sướng gì!

Chúng ta là người tu, tức là người xuất gia học đạo, biết được chánh pháp thì phải quán để sáng suốt nhìn theo cái nhìn của người trí, theo lời Phật dạy mà không tham luyến vào nó. Đó mới là con đường của mình đi.

---o0o---

***"Niệm niệm chóng mau, trong khoảng sát-na, chuyển hơi thở liền thành đời sau, sao đành bình thản để qua sông?"***

Trên là thí dụ, đến đây Ngài mới hợp pháp lại chỉ ra lẽ thật vô thường ngắn ngủi của thân này. Tức là mạng sống của mình được đếm qua từng hơi thở, chớ không phải là từng tháng từng năm. Ở ngoài đời thì đếm từng năm, còn người già, người bệnh mà sắp chết thì đếm từng tháng. Vậy cũng còn hơi dài. Đúng lẽ thật thì mạng sống đếm trong từng hơi thở. Ngắn ngủi, mỏng manh như vậy đó.

Hơi thở ra mà không hít vào là qua đời khác rồi, chớ không cần phải năm dài tháng rộng. Thấy được mạng sống đếm trong từng hơi thở, mới biết xưa nay điên đảo lầm chấp thân là thường, thấy nó lâu bền rồi vì nó mà tạo nghiệp, thật quá mê!

Quán thấu chỗ này thì hết còn bám chấp vào thân, chỉ quyết chí lo tu cầu giải thoát, không việc gì khác cũng không có đường nào khác nữa.

Người quán kỹ về phép tùy tức thì sẽ cảm nhận được sự vô thường ngắn ngủi này. Cứ theo hơi thở vô ra vô ra thì mới thấy mạng sống của mình nương theo hơi thở. Khi quán như vậy mà tâm yên rồi thì thấy hơi thở lại càng nhuyễn nữa, mỏng giống như sợi tơ, có thể đứt bất cứ lúc nào. Cảm nhận được điều này thì còn tâm nào để mình buông lung, để lo tính chuyện lãng xăng nữa?

Thân đã mỏng manh, ngắn ngủi thì sao lại đành bình thản để qua sông! Sao không chịu nỗ lực, tinh tiến tu hành để mà chóng cầu giải thoát. Đó là điều Ngài muốn nhắc. Bấy nhiêu cũng đủ để chúng ta phát tâm Bồ-đề tiến tu.

Thiền sư Đạo Nguyên từng dạy:

*- Nếu người khéo quán về vô thường là đủ phát tâm Bồ-đề rồi. Khi quán vô thường thì tâm ta chẳng sanh, niệm danh lợi chẳng khởi. Lo sợ thời gian qua nhanh chóng, do đó gấp rút tu hành như cứu lửa cháy đầu, nhìn lại thân*

*mạng không bền chắc mà tinh tấn quên cả mỗi mệ. Dù nghe tiếng thần Khẩn-na-la hay chim Ca-lăng-tần-già cũng như gió chiều thổi qua tai. Dầu thấy mặt Vương Tử, Tây Thi cũng như sương sớm che mắt vậy. Đã lìa sự trói buộc của thanh sắc thì tự hợp đạo lý quá rồi!*

Nhiều người nghĩ lý vô thường là pháp quán của Tiểu thừa, còn cạn. Nhưng không ngờ chỗ dụng là tùy tâm mỗi người. Khéo thì tâm tiểu thành đại, còn không khéo thì đại cũng thành tiểu. Cho nên Ngài Đạo Nguyên dạy người quán vô thường, khéo thì ngay đó chính là phát tâm Bồ-đề rồi.

Khi quán về vô thường, thì tâm không phát sanh, niệm danh lợi cũng không khởi. Vì thấy sự vô thường mỏng manh.

Quán thấy sự vô thường như vậy nên gấp rút tu hành. Chính lo gấp rút tu hành nên nhìn lại thân mạng này nó không có gì bền chắc. Do đó mà tinh tấn tu không thấy mỗi mệ, vì không nhớ tới thân thì đâu thấy mỗi mệ. Đâu còn tâm nào mà để ý tiếng hay, tiếng tốt; đâu phải đi ngang nghe tiếng nhạc liền đứng lại lóng tai nghe nữa, đâu có thời gian. Lúc đó không còn tâm nào để nghĩ mấy chuyện như vậy, chỉ lo tu sao để không kịp vô thường này thôi. Và khi đối với thanh sắc không còn vướng mắc trói buộc thì ngay đó hợp đạo lý rồi, chính là phát tâm Bồ-đề chứ gì nữa?

Cho nên, nếu người quán sâu về sự vô thường ngăn ngại của thân này là đủ tỉnh ngộ, thì đó chính là phát tâm Bồ-đề.

Vậy có ai tỉnh chưa? Bấy nhiêu đó đủ thấy Tổ Quy Sơn dạy cho hàng Sa-di hay dạy cho cả hàng Tỷ-kheo lâu năm chúng ta nữa. Lâu năm cũng chưa chắc quán thấu, đừng nói là Sa-di. Đâu có thể xem thường được!

Càng học kỹ càng thấy thấm thía những lời của chư Tổ dạy, còn nếu chỉ học phân tích chữ nghĩa, đọc tới đọc lui thì thấy cũng chán. Thì chán đó là do ai, hãy tự kiểm lại xem!

---o0o---

***"Cha mẹ chẳng dâng món ngon vật lạ, sáu hàng quyền thuộc cố quyết xa lìa. Chẳng ra giúp nước giữ yên, bỏ ngay nối dõi nghiệp nhà. Tránh xa làng xóm, cạo tóc theo thầy".***

Khi đi tu là từ già hết những việc thế gian nên bỏ hết những bồn phận ngoài đời. Như là không còn phụng dưỡng cha mẹ để trả hiếu; cũng chẳng dâng món ngon vật lạ; rồi đối với làng xóm quyền thuộc thì cũng từ già luôn. Sáu hàng luyện thuộc tức là cha mẹ, anh em, vợ con coi như từ già hết.

Trong bài kệ xuất gia có câu "*Cắt ái từ sở thân*", tức là cắt đứt tình ân ái ở thế gian, từ giã hết những người thân thiết với mình, chỉ còn một ý chí mạnh mẽ là cương quyết lo tu. Người mới xuất gia ai cũng có ý chí mạnh đó, nhưng dần dần về sau còn mạnh hay không là tùy mỗi người.

Nhiều vị ban đầu cha mẹ, ông bà ngăn cản cách mấy cũng không được, sẵn sàng cắt đứt, bỏ hết quyết đi tu. Coi như một đao chặt đứt đê vào chùa. Nhưng vào đây lâu rồi đao lụt dần cắt không đứt. Việc này cần phải kiểm lại để có lòng hổ thẹn.

Rồi bốn phận đối với nước nhà cũng thiếu sót luôn, đi tu rồi nên chẳng ra giúp nước, giữ yên bờ cõi. Còn việc nối dõi cũng bỏ luôn. Từ bỏ hết những sự nghiệp của thế gian, bước thẳng lên con đường thoát tục. Như vậy coi như chỉ còn con đường tu thôi mà tu không xứng đáng nữa thì sao?

Đang ở trong chỗ thân yêu, sum họp, vui vầy rồi bỗng phát tâm cắt đứt hết đê vào chùa là có chí lớn cao cả. Nhưng vào chùa làm gì thì đó là chuyện kế tiếp, quan trọng cả một đời tu của mình. Chúng ta phải biết tiếp tục cho xứng đáng với ý chí ban đầu của mình.

Cho nên người xuất gia về thân này thì lìa tục, ra khỏi thế gian là cao thượng. Tiên lên bước nữa là phải ra khỏi trần lao, thành tựu tâm giải thoát.

---oOo---

***"Bên trong gắng công thẳng niệm, ngoài rộng đức kính hòa, vượt hẳn cõi trần, mong ngày thoát ra"***

Đó là con đường sắp tới của chúng ta, không phải chỉ có thân xuất gia vậy là đủ rồi.

Tức là vào chùa là phải gắng công tu hành để gạn lọc bụi trần trong tâm, phải lo ra sức công phu để thắng những vọng niệm, hư dối, điên đảo có từ lâu xa.

Bên trong gắng công thẳng niệm, là khi tâm nghĩ nhớ vọng động theo duyên, theo trần mà lâu nay không làm chủ bị nó dẫn đi, giờ phải thắng được những niệm đó. Tu hành phải lo kiểm soát làm chủ lại nó, phải thắng cho được nó. Nếu mà cứ để cho nó thắng mình như xưa thì vào chùa có ích gì? Đây mới là chỗ quan trọng. Việc này mới là việc làm kỳ công. Đó mới xứng với chí nguyện cao cả ban đầu của chúng ta, còn không thì cũng tầm thường như thế gian.



Cho nên hai chữ "thắng niệm" nếu mà đọc suông thì thấy không có gì đáng kể. Nhưng nếu thực hành rồi mới thấy đúng là hết sức cay đắng. Phải đổ mồ hôi, chảy nước mắt cả đời chưa hẳn là xong, chứ không phải thường.

Hiện tại có những vị cũng ở chùa nhiều năm nhưng đã thắng niệm được chưa? Hay là cũng thường thường, có khi thắng nó nhưng có khi nó cũng thắng mình, dẫn mình chạy ra rồi trở lại nữa!

Chúng ta cần học sâu vào nghĩa thiết thực để ứng dụng công phu. Phải gắng công thắng niệm, đó là chỗ tu hành. Không phải lo chất chứa cái này, cái kia, hoặc là địa vị danh vọng hay là chùa cao Phật lớn, không phải cái đó. Mà chính chỗ phải thắng niệm mới là sự nghiệp của chúng ta.

Ngoài thì rộng đức kính hòa. Ngoài phải rộng tu hạnh đức hòa kính, tức sáu pháp hòa kính. Trong Thanh quy Thiên viện cũng chủ trương như vậy.

Sáu pháp Lục Hòa:

- *Thân hòa đồng trụ*: Tức là Thiên sinh phải sống hài hòa với nhau để cùng ở, cùng sống chung.

- *Khẩu hòa vô tránh*: Về phần miệng luôn luôn dùng lời hòa kính với nhau, không tranh cãi lớn tiếng, thô tháo giống như người thể tục.

- *Ý hòa đồng duyệt*: Tâm ý luôn luôn vui hòa, không có nghĩ thù nghịch, chống trái với nhau.

- *Kiến hòa đồng giải*: Theo chỗ hiểu biết cũng vui hòa, thông cảm với nhau chớ không chấp theo hiểu biết riêng tư, rồi tạo thành kiến với nhau.

- *Giới hòa đồng tu*: Cùng sống hài hòa trong giới luật, cùng tuân giữ nề nếp, quy cũ như nhau, chớ không tự làm theo ý riêng để trái quy luật chung, thành chướng cho mình.

- *Lợi hòa đồng quân*: Có lợi thì cùng chia đều để sống vui hòa với nhau.

Thiên sinh luôn giữ tinh thần hòa kính với nhau để cùng sống, cùng tu cùng làm sáng cái đức của mình, ai nhìn vào cũng mến. Muốn vậy thì trong tâm, ngoài thân đều thể hiện đúng tinh thần của người xuất gia tu hạnh xuất thế. Đó mới là sự nghiệp của người tu. Phật dạy xuất gia như vậy mới có ý nghĩa. Vì Tăng nghĩa là chúng Hòa hợp thì đều căn bản là đời sống người xuất gia tu hành phải hòa hợp, thiếu hòa hợp thì đâu còn ý nghĩa Tăng.

Về ý nghĩa Lục Hòa cũng có nhân duyên.

*Một lúc nọ, khi Đức Phật đi đến Lâm viên Đông Trúc, thuộc thành phố Karagama, nơi có ba vị A-nậu-lâu-đà, Kim-tỳ-la, Nan-đi-da cùng đang sống tu hành với nhau rất hòa hợp.*

*Khi Phật đến cổng thì bị người gác cửa vườn không biết ngăn lại: "Sa-môn, ông đừng đi vào trong e làm phiền các thầy đang thiền định".*

*Lúc đó, Phật chưa nói gì thì Ngài A-nậu-lâu-đà từ bên trong đi ra thấy, Ngài vui mừng xá chào, nói với người gác vườn: "Đây là Thầy của chúng tôi, ông hãy để Ngài vào".*

*Ngài A-nậu-lâu-đà đưa Phật vào bên trong, gặp Ngài Nan-đi-da và Ngài Kim-tỳ-la. Ba người, người thì nâng bát, người thì nâng áo tăng-già-lê, rồi thỉnh Phật đến ngồi gần cạnh bên khóm tre vàng, đem nước, đem khăn đến cho Ngài rửa mặt, rửa chân. Rồi cả ba chấp tay đánh lễ Phật.*

*Phật hỏi:*

*- Các thầy ở đây có an tịnh, sự tu học có thuận lợi không? Việc khát thực và hoằng hóa có dễ dàng không?*

*Ngài A-nậu-lâu-đà đáp:*

*- Bạch Thế Tôn! Chúng con ở đây rất là an ổn, cảnh trí thật an tịnh, việc khát thực và hoằng hóa cũng không có gì trở ngại. Nhờ vậy, chúng con đạt được nhiều tiến bộ trong sự tu học.*

*Phật hỏi:*

*- Các Thầy có thương mến và hòa hợp với nhau không?*

*Các vị bạch:*

*- Chúng con rất là thương mến nhau, cùng sống hòa hợp như nước với sữa. Mỗi khi có điều gì quan trọng, chúng con đều họp nhau lại để lấy quyết định chung. Khi học tập về giáo pháp, nếu có điều gì còn nghi ngờ, hoặc là không hiểu rõ thì chúng con cùng nhau thảo luận để tìm hiểu và trao đổi kinh nghiệm với nhau. Bạch Thế Tôn! Nhờ ba người ở chung hòa hợp nên chúng con thấy việc tu học của chúng con được dễ dàng và thuận lợi.*

*Phật bảo:*

*- Tốt lắm! Ở chung mà có sự hòa hợp với nhau là điều kiện thuận lợi nhất cho việc tu học.*

*Ba vị ở chung với nhau, hòa hợp, tu học tốt nên Phật khen ngợi.*

*Nhưng thường một người ở thì tốt, hai người thì bắt đầu có lục đục, rồi ba người thì mỗi người một ý. Nên sống một mình thì an ổn, sống hai ba người với nhau là có chuyện. Tâm con người rắc rối vậy đó.*

Còn ở đây ba người ở chung với nhau nên được thuận lợi hơn. Cùng trợ duyên tu học, có bạn tu hành thì càng tốt. Đó là điều chúng ta phải tập sống theo các vị.

*Khi đó, Phật khen và ở lại vườn Đông Trúc này một tháng để quan sát cách ăn ở và tu học của ba thầy, đồng thời chỉ dạy thêm về giáo lý và cách thực hành.*

*Trước khi từ giã, Đức Phật bảo các vị:*

*- Nay các thầy! Nếu tất cả Khất sĩ trong giáo đoàn có thể đối xử với nhau như các thầy thì rất lợi lạc và dễ dàng cho việc tu học chung. Từ nay Như Lai đề nghị áp dụng phép Lục Hòa đối với các Khất sĩ. (tức sáu phép Lục Hòa vừa kể ra)*

Đó là nhân duyên Phật dạy pháp Lục Hòa. Học rồi chúng ta cũng phải khéo ứng dụng để sống và tu tập.

Ở đây phân "giới hòa đồng tu" thì có giới Thanh Văn, giới Bồ-tát.

Giới Thanh Văn thì tại gia có năm giới, tám giới, thập thiện giới.

Xuất gia thì có giới Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Nếu người thọ giới nào thì phải khéo giữ gìn.

Về Đại thừa thì có giới Bồ-tát, thông cả tại gia lẫn xuất gia.

Đây cũng nói qua về nghĩa Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo có chỗ gọi là Tỷ-kheo, xưa dịch là Bí-sô, hoặc Bất-sô. Có ba nghĩa là Phá ác, Bồ ma và Khất sĩ.

Phá ác tức là phiền não, tội ác thì ma phải sợ, phải kính nể; rồi Khất sĩ là xin ăn.

Cho nên Tỳ-kheo mà sống sang quá thì mất hết ý nghĩa Tỳ-kheo rồi. Tuy phải sống nghèo một chút thì cũng không có gì mắc cỡ, đừng sợ mình mặc áo cũ, áo vá người ta cười. Hiểu rõ ý nghĩa này, thì phải ngăn ngừa tâm không cho chạy theo danh tướng để sanh cái ngã trong đó. Người Khất sĩ đi xin ăn tức nhiên phải khiêm tốn, nhẫn nhục. Tinh thần của người xuất gia là phải như thế, quyết tu hành để thoát khỏi cõi trần lao sanh tử này. Phải một lần đi là ra đi hẳn, không nhìn trở lại, không nuối tiếc nên gọi là vượt hẳn.

Bởi vì bao nhiêu kiếp chúng ta đã bị trói cột ở trong đây, chịu biết bao sự khổ trong luân hồi sanh tử này rồi, giờ gặp được duyên lành thoát ra thì phải thẳng tiến để thoát ra.

Ở trên là nói về thân thoát ra. Còn đây nói "mong ngày thoát ra" là thoát cái gì nữa? Chỗ này là chỗ phải hết sức đề tâm.

Nghĩa là phải thật sự đạt được tâm giải thoát, để vượt hẳn trần lao thì đó mới là chỗ nhắm của con đường xuất gia.

Ai là bậc Thượng Sĩ Xuất Trần phải xét cho kỹ để có sự dứt khoát tu tập, bắt đầu vượt hẳn ra. Nên gọi là "vượt hẳn cõi trần, mong ngày thoát ra", chớ không có dây dưa, không có ngó lại.

*Xưa Đức Phật khi còn ở trong thời tu Bồ-tát hạnh, có lần Ngài làm vua và tỉnh ngộ tỉnh tu. Ngài vào rừng xuất gia tu nhưng hoàng hậu cứ đi theo hoài.*

*Lúc đó vào rừng gặp một người nhắm con mắt lại để uốn tên cho thẳng, Ngài hỏi ông làm gì phải nhắm mắt vậy?*

*Người uốn tên nói là nếu mở cả hai con mắt thì mắt này tranh mắt kia, nhắm không thẳng được, nên phải nhắm bớt một con mắt.*

*Ngài mới nói với hoàng hậu là: "Uốn tên thôi mà còn phải làm như vậy, còn trăm đi tu mà hoàng hậu đi theo mãi thì làm sao thẳng được".*

*Cuối cùng, Ngài bẻ một nhánh cây, nói với hoàng hậu: "Cây này bẻ rồi có thể gắn lại được không? Cũng vậy, ta quyết chí tu hành là cắt đứt không thể ráp lại rồi. Thôi, bà hãy về để cho ta yên tu!". Dứt khoát như vậy.*

Đó cũng là một ý nghĩa để nhắc chúng ta trên đường xuất gia tu học phải có sự dứt khoát, thẳng tiến.

Đây gọi là vượt khỏi cõi trần, chớ không có dây dưa, hoặc là đi rồi cứ ngoái lại hoài. Phải nhắm bớt con mắt lại thì mới thẳng được, mới vượt hẳn ra cõi trần, mong ngày thoát ra.

---o0o---

### ***"Sao được vừa lên giới phẩm, liền nói ta đây Tỳ-kheo"***

Từ giới Sa-di thọ lên giới Tỳ-kheo là lên được một bậc, tức lên được giới phẩm. Vừa thọ giới xong thì liền nói ta đây Tỳ-kheo, như vậy là sao? Xung mình Tỳ-kheo thì có lỗi gì đâu? Vậy Ngài muốn nói gì? Đây Ngài ngăn ngừa tâm chạy theo danh tướng hay sanh cái ngã trong đó.

Chưa gì đã thấy mình là Tỳ-kheo, là bậc Thầy lớn để ăn trên ngồi trước, đó là không phải. Mới thọ giới chỉ được danh nhưng hạnh Tỳ-kheo thì chưa có, nên chưa xứng với danh nghĩa Tỳ-kheo. Ngài muốn nhắc người xuất gia còn phải tu tập nhiều nữa để xứng với hạnh của Tỳ-kheo.

Cho nên kinh Pháp Cú - phẩm Tỳ-kheo, Phật dạy:

*Người chế ngự tay chân,*

*Chế ngự lời và đầu,*

*Vui thích nội thiên định,*

*Độc thân vừa biết đủ,*

*Thật xứng gọi Tỳ-kheo.*

Phật dạy Tỳ-kheo là người biết chế ngự, biết kiểm soát tay chân lời nói, những cử chỉ hành động của mình chứ không buông thả. Vui thích trong thiên định, sống độc thân vừa biết đủ thì đó mới xứng gọi Tỳ-kheo.

*Tỳ-kheo chế ngự miệng,*

*Vừa lời, không cống cao,*

*Khi trình bày pháp nghĩa,*

*Lời lẽ dịu ngọt ngào.*

Tức là biết chế ngự miệng, luôn kiểm soát lời nói không phải muốn nói gì cứ nói nên gọi là vừa lời, cũng không cống cao, ngã mạn. Khi trình bày những pháp nghĩa thì lời lẽ dịu dàng, ngọt ngào.

*Hoàn toàn đối danh sắc,*

*Không chấp ta, của ta,*

*Không chấp, không sâu não,*

*Thật xứng danh Tỳ-kheo.*

Tỳ-kheo là không chấp ngã, không sâu não, phải như vậy mới xứng là Tỳ-kheo. Nên Tỳ-kheo còn gọi là Phá ác, tức là phá những phiền não, như vậy ma mới sợ nên còn gọi là Bồ ma.

Tức phải phá trừ phiền não không chấp vào cái ngã này, đối với danh sắc không chấp ta và của ta nên không có sâu não thì ma mới sợ, được vậy mới xứng danh Tỳ-kheo.

Ngài Luật sư Đại Trí Chiên, có bàn về danh hiệu Tỳ-kheo là:

- Tiếng Phạn là Tát-sô (hoặc dịch là Bất-sô, hay Bí-sô), tiếng Hoa dịch là Khất sĩ, nghĩa là trong xin pháp để sửa tính, ngoài xin ăn để nuôi thân. Cha mẹ là bậc chí thân của con người, vậy mà cắt bỏ tình nghĩa trước hết. Rồi râu tóc là thứ người thế gian coi trọng cũng đem cắt bỏ. Dầu thừa hưởng bảy thứ báu đều bỏ đi giống như quăng cỏ rác. Tôn quý đứng hàng đầu chẳng khác gì khói mây. Chán cảnh vô thường, muốn xét cho cùng gốc của vạn hữu, muốn làm cho chí cao thì ắt phải hạ mình thấp xuống. Cầm gậy tích trượng giống hệt cây găng khô. Mang bát người tu khác nào như đồ gốm vỡ. Vai khoác các hoại sắc, chính là áo rách. Khuỷu tay đeo túi đầy giống hệt cái bị cối. Kiệm ước tu thân tức dự trong hàng tứ y. Chín châu bốn

*biển đều là chỗ chơi; dưới cây, giữa má đều là những nơi nướng náu. Vin xe nhàn của Tam thừa, theo dấu xưa của chư Phật.*

*Đó là đệ tử chân chánh của Phật, gặp duyên thế tục chẳng đổi thay. Đó là bậc đại Trượng phu thật sự có thể đánh lui quân ma, xé toang lưới trần, nhận lễ cúng hậu tới ngàn vàng, quả thực cũng đều tiêu được. Họ là ruộng phúc của chúng sanh, thực chẳng uống công ký thác. Danh nghĩa của Khất sĩ tức là như vậy chẳng!*

Khất sĩ là xin ăn. Bên trong xin pháp Phật để sửa đổi tâm tính của mình, bên ngoài xin ăn để nuôi thân này. Cắt đứt tình thân đối với cha mẹ, râu tóc cũng cắt bỏ. Còn những người giàu có đi xuất gia rồi, thì bỏ của cải giống như quăng cỏ rác. Hoặc những người ở địa vị sang quý hàng đầu, được người kính trọng, cũng xem vương vị không khác gì khói mây. Giống như vua Trần Nhân Tông, Ngài xuất gia rồi xem địa vị quyền thế không quan trọng.

"Muốn làm cho chí cao thì ắt phải hạ mình thấp xuống", đó là tỷ lệ nghịch. Mang bát coi như đồ gốm vỡ không tham đắm; mặc y hoại sắc coi như áo rách.

"Tứ y" đây thuộc về Nhân Tứ y chứ không phải là pháp. Nhân Tứ y tức là bốn hạng người được chúng sanh tin cậy và xứng đáng y chỉ. Thứ nhất: bậc xuất thế phạm phu, tức phạm phu trong hàng xuất thế như bậc tam hiền, bậc tứ thiện căn: noãn, đánh, nhẫn, thế đệ nhất. Thứ hai: bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, bậc A-na-hàm, bậc A-la-hán. Đó là những bậc Nhân Tứ y đáng cho người nương tựa.

"Tỳ-kheo ở nơi gò má, dưới gốc cây làm chỗ nướng náu", không quan trọng về chỗ ở. Xưa, các Ngài tu hạnh đầu đà ở dưới gốc cây, nơi gò má, trong hang núi. Nên ở thì ở, cần đi thì phải áo đi, không luyến tiếc, không quan trọng.

"Vin theo xe nhàn của bậc Tam thừa để tiến theo dấu xưa của chư Phật", tức là con đường giải thoát. Gặp những duyên thế tục không đổi thay.

Danh nghĩa Khất sĩ hay Tỳ-kheo là như vậy. Ở đây, Ngài răn là người mới thọ giới chưa gì xung ta đây Tỳ-kheo, phải được sắp lên ngôi trên. Như vậy là chưa xứng đáng.

Đây Tổ Quy Sơn răn nhắc người tu phải biết khiêm tốn, chớ vội sanh tâm cao ngạo thì sẽ mất lợi.

---o0o---

**Chánh Văn (tt2)**

***"Tiêu dùng của tín thí, ăn xài vật thường trụ, chẳng biết xét nghĩ từ đâu đem đến, còn bảo rằng lý tự nhiên phải nên cúng".***

Nói ta đây Tỳ-kheo rồi tiêu dùng của tín thí mà còn bảo rằng lý tự nhiên phải nên cúng, vì mình là Tỳ-kheo nên họ phải cúng thôi! Đó là biểu lộ tâm kiêu ngạo, không xét kỹ nguyên nhân từ đâu mà có những vật này.

Tổ Quy Sơn nhắc tâm kiêu ngạo của chúng ta chưa gì đã lộ ra sanh tâm thọ dụng của đàn-na thí chủ và vật của thường trụ rồi. Đâu biết thí chủ có lòng kính tin Tam Bảo, tin nơi chư Tăng, nên họ mới nhín ăn nhín mặc đem đến cúng dường cho ta. Bởi họ nghĩ chúng ta là ruộng phước để họ gieo trồng, chứ không phải là cái gì của họ, bắt buộc họ phải đem cúng. Nếu đức của chúng ta chưa đủ thì có dễ tiêu của tín thí hay không? Đâu phải dễ dàng.

Cho nên khi thí chủ cúng dường chúng ta, thì mình giống như viên đá mài dao; họ đến mài, tức cầu phước. Càng mài thì cây dao của họ càng bén, nhưng cục đá của chúng ta càng mòn, tức phước của mình tiêu bớt, rất đáng sợ chứ không phải nghiêm nhiên, đâu nên mừng rồi sanh tâm thọ hưởng tự nhiên như vậy.

"Ăn xài vật thường trụ", vật thường trụ tức là vật chung của chúng Tăng, chứ không phải là của riêng mà chúng ta mặc tình ăn xài.

Thường trụ có bốn loại:

1- *Thường trụ thường trụ*: Nhà bếp, nhà kho, tự xá v.v... không được đem đi, vì thuộc về của chung.

2- *Thập phương thường trụ*: Thức ăn hàng ngày cung cấp cho chúng Tăng.

Hai loại này thuộc về tứ phương Tăng, chư tăng các nơi đến thì cũng có phần trong đó, không phải là riêng của chùa mình. Cho nên biết rồi thì chư Tăng các nơi đến, họ cũng được dự phần, phải tiếp đãi đàng hoàng chứ không được không cho.

3- *Hiện tiền hiện tiền*: Vật của chư Tăng hiện tiền, tức là ở tại chùa.

4- *Thập phương hiện tiền*: Các vật do vị tăng qua đời để lại, cũng thuộc về của hiện tiền Tăng. Như vậy hiện tiền Tăng cũng của chung chứ không phải là của riêng ai, cho nên cũng không thể mặc tình lấy dùng. Thế nên, xài của thường trụ là phải hết sức cẩn thận, không khéo thì nhân quả không lường được.

*Như câu chuyện Thiên sư Tự Bảo bị bệnh, sai thị giả xuống nhà bếp xin chút gừng để làm thuốc dùng. Nhưng thị giả xuống xin ông giữ kho không cho, bảo phải đem tiền mua đèn lại của chúng Tăng mới được, chứ không cho lấy tự do. Ngài biết, nên sai đem tiền tới mua, đó là cũng giữ đúng luật.*

Nếu là chúng ta liền tự ái, còn đây Thiên sư làm đúng luật. Không ý lại mình là người trên muốn xuống bếp lấy gì thì lấy. Người trên còn vậy đó, huống nữa là những chúng thường thường, muốn vào lấy gì cứ lấy thì đó là càng không phải phép nữa.

Như có những vị lâu lâu muốn ăn mì liền vô kho lấy đem về phòng để dành ăn, đó lấy trộm của chúng Tăng. Việc làm nhỏ này cũng có nhân quả không tốt, nên phải biết ngăn ngừa. Khi học hiểu rồi chúng ta nhận biết được những phép tắc để sống cho đúng, nếu không hiểu phép luật, phép tắc cứ làm thoải mái, nhiều khi bị ngăn rồi sanh phiền não.

Ngày xưa, có câu chuyện nhân quả:

*Có vị tăng xuống kho bếp lấy chút củi để nấu thuốc nhuộm áo, nhưng không xin nên cũng giống như lấy trộm. Sau chết bị mắc quả báo trong địa ngục bị lửa đốt chân, đốt da.*

*Một huynh đệ của người đó lúc đi trong khoảng đồng trống, sao chợt thấy giống như ngôi chùa, thấy có vị tăng trong đó đang bị đốt. Khi hỏi thì vị tăng này nói: "Đây là địa ngục, hồi xưa tôi có lỗi đó mà nay bị tội thế này. Nếu huynh thương thì về hóa duyên rồi về đền bù lại dùm cho tôi phần củi đã lấy."*

Đó là những câu chuyện nhân quả.

Cho nên đối với vật của chúng Tăng, của thường trụ khi xài phải hết sức cẩn thận, chứ không phải xài thoải mái tự nhiên vì là của chung. Luật chế mỗi bữa ăn người xuất gia phải thực hành năm pháp quán là để cho thấy được sự nặng nề của vật cúng dường mà chúng ta đang thọ phải hết sức dè dặt. Nhân đó lo tu để đền ơn của thí chủ, chứ không phải tiêu xài thoải mái, cho bọn phận họ là phải đem đến cúng dường. Không phải vậy!

*Cuối đời Tùy ở Trung Hoa, khi ấy có vị tăng ở Tân La (Triều Tiên) là người tu hành đức hạnh. Phần nhiều vị này riêng thọ sự cúng dường điều đặn của một nhà đàn-việt thân thiết trong khoảng 10 năm. Nhờ có phước nên gia nghiệp của gia đình này càng ngày lại càng phong phú, giàu có thêm và sớm chiều hết lòng dâng tứ sự cúng dường không hề lui sụt. Đến khi Thiên sư này tuổi già qua đời thì gia đình này cũng y theo pháp mà chôn cất.*

*Mấy ngày sau, trong vườn nhà của gia đình này có một cây khô bỗng nhiên mọc lên loại nấm ngon đặc biệt. Người nhà thấy vậy hái vào nấu canh thì vị của nấm giống như thịt nên cả nhà ai cũng đều thích ăn. Và cứ vậy, mỗi ngày ra canh hái đem vào dùng. Đặc biệt là nó mọc đều đặn đủ cung cấp cho gia đình này.*



*Thời gian sau những người hàng xóm lân cận biết được, rồi có một người ở xóm phía Tây, ban đêm trèo tường lên vào hái trộm. Mới đưa dao định cắt bỗng nghe nơi cây phát ra tiếng người bảo:*

*- Ai cắt thịt tôi đó? Tôi chẳng thiếu nợ anh.*

*Người này giựt mình sợ, nhưng cũng bình tĩnh hỏi:*

*- Ông là ai vậy?*

*Có tiếng đáp:*

*- Tôi là vị tăng lúc trước thọ nhận cúng dường của gia đình này, vì đạo hạnh kém mỏng, mà thí chủ là chủ nhân nhà này có tâm kính trọng cúng dường nên nghiệp không thể tiêu, bây giờ đến đây để đền nợ. Anh có thể vì tôi đi xin vật để đền trả lại cho chủ nhân thì tôi sẽ được giải thoát.*

*Người ấy nghe liền nhớ lại trước kia cũng từng thấy vị tăng này qua lại nơi đây, anh lấy làm lạ rồi than thở. Anh mới báo cho chủ nhà biết sự việc. Chủ nhà nghe được liền gào khóc, té xỉu. Sau đó, gia chủ đối trước cây nắm sám hỏi tạ lỗi và thưa là miễn hết không phải đền trả gì cả. Riêng người hàng xóm kia sau đó đi xin được một trăm thạch gạo đem đến cho vị chủ nhà, từ đó trong vườn không còn mọc cây nắm nữa.*

*Câu chuyện này được thuật lại trong quyển Thích Môn Tự Cảnh Lục. Tác giả thuật lại nói rằng: Vị tăng này pháp danh Đạt Nghĩa, tuổi gần 80, đến trú tạm núi tôi đang ở. Vì kính đức của vị này nên tôi cũng thường cung cấp y phục thuốc men cho vị tăng Đạt Nghĩa. Vị tăng này cảm sự cúng dường ấy nên đối trước tôi buồn khóc rồi thuật lại chuyện này và nói: "Đời khác chắc là cắt thịt để đền cho thầy".*

*Câu chuyện nhắc chúng ta suy gẫm để tự kiểm lại mình, tin hay không tin thì tùy mỗi người. Nhưng cần phải biết cẩn thận, dè dặt, đừng quá xem thường nhân quả. Bởi vì không thể lý luận biện hộ được tội lỗi của mình khi nhân quả đến. Cho nên hễ tiêu dùng của thường trụ, của đàn-na thí chủ thì chúng ta phải hết sức thận trọng, chớ có hời hợt thọ dụng mà không lo tu.*

*Đó là điều mà ở đây muốn nhắc, người tu chưa có gì mà vội sanh tâm tiêu dùng của tín thí, ăn xài của thường trụ tự nhiên thoải mái, còn bảo mình là Tỳ-kheo rồi nên họ có bốn phạm phải đem đến cúng dường, không được có những tư tưởng đó!*

---o0o---

***"Ăn rồi tùm đầu bàn tán lãng xăng, chỉ nói toàn chuyện thế gian tạp nhạp"***

Thử hỏi một vị thầy Tỳ-kheo, ăn rồi nhóm năm nhóm ba bàn nói những chuyện đầu đầu hoặc chuyện thế tục, nhiều khi bàn chuyện thị phi hoặc là chuyện ngũ dục vui chơi ngoài thế gian, không dính dáng gì đến chuyện tu hành thì làm sao tiêu của thí chủ! Rồi bàn tới bàn lui, nói qua nói lại một hồi cãi nhau, sanh phiền não; hoặc là bàn chuyện thị phi người kia phải, người nọ quấy, người kia đáng ghét, rồi lỡ người nghe đi thuật lại người kia thì sanh chuyện phiền não. Đó thuộc về khẩu nghiệp, không khéo là mang quả báo khẩu nghiệp lại tổn đức của mình. Như mình nói xấu người kia thì không lâu sẽ mắc quả báo người khác nói xấu lại mình, gọi là nhân quả.

Đây là điều mọi người dễ bị mắc phải, vì rảnh ngồi một mình buồn, nên tìm hai ba người ngồi nói chuyện chơi. Đứng ra ngồi một mình thì lấy kinh xem để huân tập thêm chủng tử trí tuệ, hoặc là ngồi chiêm nghiệm lại công phu của mình, xét lại tâm niệm tu hành thì hay hơn. Cho nên thay vì nói một câu chuyện thế tục thì tốt hơn chúng ta ít nói một câu hoặc nói thêm một câu về Phật pháp. Nếu như không có thêm câu gì về Phật pháp thì chúng ta ít nói bớt lại thì sẽ có rảnh thời gian xem kinh, tọa thiền nên có ích lợi hơn.

Chẳng hạn ban đầu có nói chuyện đạo lý cũng hay hay, nhưng nói một lúc hết chuyện rồi thì phải bắt qua chuyện khác. Bảo đảm với mọi người là khi ngồi nói chuyện một hồi mà không rơi vào nói chuyện thế gian, nói chuyện thị phi thì đúng là đáng kính, đáng lạ đó! Cho nên ở đây Tổ Quy Sơn dùng roi quất cho một cây. Cảnh sách mà! Chữ sách là cây roi, lâu lâu quất cho một roi mới thấy đau!

*Thiên sư Toàn Bá, lúc Ngài sanh ra không giống người khác. Mọi người khi sanh ra đều khóc oa oa, còn Ngài ra đời đặc biệt không có tiếng khóc, lớn lên không nói năng gì hết, nên người trong xóm gọi là "thằng câm". Một hôm, người nhà dân Ngài đi đến chùa, khi nhìn thấy tượng Phật thì Ngài mới lên tiếng nói.*

*Cha mẹ thấy vậy vui mừng hỏi:*

*- Ủa! Con nói được rồi à! Sao mấy năm qua im lặng không nói gì hết?*

*Ngài đáp:*

*- Con nghe lời bàn bạc đối đáp hàng ngày, phần nhiều là những việc thế tục tầm thường, nên con chẳng nói.*

Mới còn bé mà đã biết nói câu đó, còn chúng ta nhiều khi đầu muốn bạc nhưng chưa chắc nói được câu đó. Những vị như vậy đúng là đáng kính lễ, chúng ta lạ đâu có tiếc.

Đó là những tấm gương khi học rồi chúng ta tự kiểm lại mình, để có sự sửa đổi răn nhắc bản thân.

Người thật sự có tâm cầu tiến thì càng học càng sáng tỏ nhiều vấn đề, càng học càng có thêm nhiều lợi ích chứ không phí. Đừng nghĩ rằng những điều tôi học qua rồi giờ không cần học nữa, không phải vậy! Tuy có những điều chúng ta đã học rồi nhưng khi học lại thì thấy có nhiều điều mới hơn, có sự nhắc nhở sách tấn thêm và đều có lợi ích.

Tóm lại người muốn sách tấn mình, thì nên bớt tùm ba tùm bảy, nói bàn chuyện lãng xãng tạp nhạp phí thời gian vô ích, đôi khi lại mang khẩu nghiệp, tổn đức của mình.

*Như Thiên sư An ở chùa Quang Hiếu. Sư vốn họ Ông quê ở Vĩnh Gia, lúc còn bé cũng đã có tư cách nghiêm chỉnh, không thích nơi ồn náo (tức là chúng tử Bồ-đề có sẵn từ bé). Người cha thấy vậy cho là lạ nên mới cho đi xuất gia.*

*Sau khi xuất gia, Sư qua ngọn Vân Phong ở Thai Châu kết am tranh ở tu, sống đạm bạc, thường ngồi chăng năm, ngày ăn một bữa, chẳng mặc đồ lụa là, quanh năm chỉ mặc một chiếc áo nạp.*

Tu như vậy thì mau được thành tựu. Vì ở am tranh đơn giản thì tâm đầu bận rộn mong cầu gì nhiều. Thường ngồi chăng năm tức là thường ngồi thiền, không mặc đồ tốt chỉ mặc chiếc áo nạp quanh năm nên không phải lo lắng gì. Còn chúng ta hiện giờ có nhiều nhu cầu, muốn cái gì cũng phải tiện nghi, thiếu chút là chịu không được, thành ra gọi tập khí tham mà không hay.

*Sau, Sư đến gặp Quốc sư Đức Thiền. Quốc sư hỏi:*

*- Ba cõi không pháp, chỗ nào tìm tâm? Bốn đại vốn không, Phật nương đâu mà trụ? Vậy ông nhằm chỗ nào để thấy được lão Tăng?*

*Sư đáp:*

*- Ngày nay bắt được Hòa thượng thua rồi.*

*Quốc sư bảo:*

*- Là cái gì?*

*Sư mới lật ngã đài hương đi ra thì ngay đó Quốc sư thâm nhận.*

*Một hôm, Sư xem kinh Hoa Nghiêm đến đoạn: "Nơi thân không chỗ thủ, nơi tu không chỗ dính mắc, nơi pháp không có chỗ trụ. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại rỗng lặng". Ngay đó Sư liền hoát nhiên nhập định.*

Chúng ta thấy người xưa tu rất miên mật, lúc nào cũng tu cũng giữ tâm niệm nên khi đang đọc kinh mà tâm luôn chuyên nhất. Sư nhập định trải hơn 10 ngày.

Sau 10 ngày Sư xuất định, thấy thân tâm trong sáng nhẹ nhàng, liền sáng tỏ được chỗ sâu mâu.

Trung Ý Vương nghe đạo đức của Sư sanh lòng ngưỡng mộ, thỉnh về trụ chùa Thanh Thái ở Việt Châu. Nhưng Sư không thích theo công việc, chỉ thường ngồi yên nơi trượng thất như là nhập đại định vậy.

*Một hôm, ở trong định Sư thấy hai vị tăng đứng dựa lan can nơi chánh điện nói chuyện, có vẽ cung kính. Một lát sau, thấy có con ác quỷ tới mắt nhắm, mũi quét dấu chân như khinh rẻ.*

*Sau khi xuất định, Sư mới đến hỏi thăm hai vị tăng lúc đó nói chuyện gì mà có các tình trạng như vậy xảy ra. Hai vị mới thật tình nói cho biết là ban đầu hai người bàn luận về Phật pháp rồi mới bàn sang chuyện thế tục, vì vậy mà quỷ mới tới khạc nhổ, mũi quét dấu chân có vẽ khinh rẻ.*

Đó là kinh nghiệm mà chúng ta học của người xưa rồi nhớ kiểm lại mình mà cẩn thận. Bởi vì chúng ta đâu biết được chung quanh, nhất là ở những đạo tràng thì có hộ pháp thiện thần hoặc những thần hộ giới cho người tu. Nếu tâm hạnh chúng ta đúng pháp, đúng luật thì các vị thiện thần cung kính hộ vệ rất tốt. Ngược lại, sanh tâm lăng xăng thế tục những vị thần này bỏ đi thì quỷ sẽ đến, mà quỷ đến thì gây chuyện không tốt cho chúng ta. Cho nên, đừng nghĩ rằng chúng ta làm nhưng không ai biết.

*Khi nghe biết chuyện rồi Sư mới nói:*

*- Bàn suông những chuyện không đâu còn như vậy, huống nữa là bậc chủ pháp đánh trống thăng đường mà nói việc vô ích ư?*

*Từ đó, trọn đời của Sư chưa từng bàn đến chuyện thế tục.*

*Khi Sư tịch, trà-tỳ xong, cái lưỡi vẫn còn mềm mại, màu như hoa sen đỏ chớ không có hư hoại.*

Đây là bài học nhắc cho chúng ta phải rất cẩn thận cái miệng, nên bớt nói chuyện khào, bớt nói chuyện tạp nhạp.

Ở đây, Tổ Quy Sơn nhắc người xuất gia tránh tùm đầu nói chuyện thế tục, khiến cho loạn tâm vô ích, lại tổn đức của mình, khiến quỷ thần khinh chê. Đồng thời cũng là nhân sanh phiền não.

---o0o---

***"Vậy thì một thuở đưa vui, chẳng biết vui là nhân của khổ"***

Tức là vì si mê, điên đảo nên chúng ta cứ lo theo cái vui nhất thời mà phải chịu khổ ngàn năm chìm đắm, sa đọa không hay. Thí dụ như vui để được ăn ngon mặc đẹp, được ở nhà cao cửa rộng, ngồi xe sang cho thỏa chí mà đi chơi đây đó, hay là vui để tiêu dùng thọ dụng cho thoải mái. Đó là những cái vui theo tâm vọng tưởng, trái với đạo tâm rồi phải chịu đọa chịu khổ lâu dài mà không hay. Cho nên đây Ngài mới nói là một thuở đùa vui, không biết vui vô thường giả tạm, hết vui thì sẽ đến khổ, phải biết cẩn thận.

*Xưa có vị tu sĩ tên Huệ Mân, họ Cố ở chùa Sách tại Ích Châu thời nhà Chu. Lúc còn trẻ xuất gia mà không lo đạo nghiệp tu hành, chỉ thích chuyện buôn bán đổi chác. Do cũng biết việc nên được giữ chức vụ trông coi kho bếp, và thường lấy tiêu xài riêng. Khi coi sóc kho vải của chúng Tăng, ông cũng phương tiện cắt xén bớt.*

*Sau đó ông bị bệnh rồi mất, bèn thác sanh vào trong bụng trâu một nhà nợ để đền nợ. Khi con trâu sanh ra, hình dáng nó to lớn sáng sủa, sừng móng đều đẹp, nên mọi người đều yêu mến nuôi cho ăn uống riêng. Lúc nợ, trâu phải kéo xe tre lên sườn núi, nó dùng hết sức kéo lôi đến mệt đừ mà lên không nổi, cuối cùng chân quỵ xuống đất mũi ra máu. Ngay lúc đó có vị Sư ở Miên Châu, là bậc dị nhân không giống người bình thường, có khi ngang ngang ngông ngông, đang trên đường đi đến Ích Châu, thấy vậy Ngài liền than: "Đây là người chứ không phải trâu!"*

*Ngài mới lấy tay nhẹ nhàng sừng trâu rồi hỏi:*

*- Đâu không giống Mân Công đền nợ khổ sở ấy ư?*

*Khi ấy, con trâu rơi nước mắt đầm dề. Chúng Tăng biết vậy ai nấy đều hết sức xót thương, bèn báo cho đệ tử của ông Huệ Mân biết. Các đệ tử thương thầy nên cùng nhau đem tiền đến để chuộc con trâu, sau đó con trâu bỏ ăn mấy ngày rồi chết.*

Đó là câu chuyện để cho thấy rõ là một thuở đùa vui, không biết vui là nhân của khổ. Trước là mặc tình cắt xén rồi tiêu xài thoải mái, nhưng đâu biết nhân quả rõ ràng!

Nghe đây rồi chúng ta mới thấy việc tiêu dùng của chúng tăng là phải cẩn thận như thế nào, đừng để như Tổ Quy Sơn nói ở đây, đừng có để một thuở đùa vui thỏa thích trong nhất thời rồi phải khổ sở lâu dài sau này, ân hận không kịp! Phải nhớ "**vui là nhân của khổ**", giờ thì buông thả cho vui mặc tình, nào ngờ về sau thì khổ sở nhiều kiếp gọi là ăn năn không kịp. Chỉ có cái vui dứt phiền não, cái vui giác ngộ để sống với pháp thân chân thật, đó mới là cái vui chân thật, phải chọn niềm vui đó.

## ***"Nhiều kiếp đuổi theo trần, chưa từng tỉnh trở lại"***

Sư đánh thức mọi người chớ có mê nữa, nên nói nhiều kiếp đuổi theo trần chưa từng tỉnh trở lại. Biết bao nhiêu kiếp trôi qua vì mê lầm chạy theo trần nên mới lẫn lộn, nổi chìm luân hồi khổ đau sanh tử trong ba cõi lên xuống này, đến hôm nay mà chưa thấy đủ hay sao?

Quán kỹ thì mới thấy sợ, vì chúng ta chưa có thiên nhãn, hoặc chưa có túc mệnh nhớ hết những đời đã qua nên còn chưa sợ. Nếu thật sự có được túc mạng nhớ lại những đời trước của mình thì mới thấy sợ. Lúc đó hết còn ham muốn gì nữa, mà phải lo tu để vượt ra. Hiện tại chúng ta cũng còn có duyên tốt là biết tu, nghe những lời Sư nhắc khéo cảnh tỉnh để quán kỹ rồi thức tỉnh trở lại.

Như vậy, hôm nay chúng ta được xuất gia tức là đi theo chí xuất trần. Xuất trần tức là vượt ra khỏi trần. Vượt mà chưa tỉnh hay sao? Còn làm cái gì nữa? Đây là điếm mà Sư muốn nhắc.

Chúng ta đã nhiều kiếp đuổi theo trần, bị nô lệ theo tình trần, mất hết tự do. Tức là bị nó dẫn giống như tội nhân bị ngục tốt dẫn đi đâu thì phải đi theo đó, vậy có vui gì mà ở trong đó? Cho nên người tu chúng ta phải tỉnh để làm chủ trở lại, không nô lệ cho nó, mà cởi mở cái ách nô lệ này, luôn sống tự do giải thoát.

Kiểm lại mới thấy, khi bị tình trần lôi kéo thì chúng ta mất hết nghị lực, mất hết sáng suốt, yếu đuối nhu nhược đến độ chỉ còn biết cúi đầu theo nó rồi ra sao cũng mặc. Đến lúc đó thì không ai nói gì được mà nói cũng không nghe, tưởng là cứng cỏi nhưng thật là nhu nhược. Nên tu là phải chuyển lại để có một sức mạnh vươn lên, chứ không theo chiều đó.

Sư nhắc để chúng ta có sức mạnh tiến lên, chứ không yếu đuối để nó dẫn đi như vậy. Lời cảnh tỉnh này dành cho người cứ lo đuổi theo trần. Tức là học đạo phải chuyển trở lại giống như Thiền sư Thuận ở Bạch Dương từng bảo: *"Nếu người nghĩ về đạo giống như nghĩ về tình thì chắc chắn là thành Phật đã lâu rồi"*.

Nghĩ về tình tức là theo trần, bị nó dẫn đi; còn nếu nghĩ về đạo cũng giống như vậy thì tu hành sẽ mau thành đạo.

Nhưng người tu hiện nay nghĩ về đạo thế nào? Nghĩ chập chờn gián đoạn. Mới nghĩ về đạo chút chút là bị ngăn bị kéo nghĩ về trần nên mau quên đạo. Vì lâu đời bị trần hút, ăn sâu trong người nên không cần cố ý nhớ mà cũng nhớ. Tập khí là vậy, hễ càng đồ càng đậm thêm, giống như tập viết, một lần đồ là một lần đậm thêm. Cứ mỗi lần cho nó theo duyên tức là gọi nó nhớ trở lại. Giờ đây tu là chuyển trở lại để nghĩ về đạo cũng như nghĩ về trần không

cần nhớ mà cũng nhớ, vậy thì mau đăc đạo. Cho nên, chúng ta phải chuyển lại, phải cắt bớt những duyên trần chứ không chiều theo nó.

Trong Duy Thức Học dạy phải loại những chủng tử ra chứ đừng đem chủng tử vào. Đem chủng tử vào thì nó gieo vào trong tàng thức, giống như những hạt mầm hạt cỏ dưới lòng đất không thấy, nhưng trời mưa xuống nó liền nảy mầm. Nhắc để tất cả phải khéo làm sao mỗi người có cái ham thích về đăc mạnh cũng như ham thích về tình, như vậy bảo đảm con đường đăc đạo của mình không khó lắm.

Thế nên, đừng bao giờ biện hộ tại cái này cái kia, nói thẳng ra là phải nói tại tôi muốn, tôi ham thích, phải biết thật thà nhận ngay lỗi đó, rồi biết chỗ điên đảo đó mà chuyển. Cho nên khi học những lời này một cách toàn tâm toàn ý thì cảm sâu đưọc từng lời của Sư, càng đăc thì càng thấy mới chứ không cũ.

---o0o---

***"Thời giờ chìm mất, năm tháng dần dà, thọ dụng quá nhiều, lợi hưởng càng đăm. Nhiều năm đôn tới chẳng nghĩ buông rời, chất chứa càng thêm lo giữ vóc huyễn"***

Sư nói là người tu mà cứ để thời giờ trôi qua theo năm tháng, rồi cứ lo thọ dụng, lo lợi đưong càng ngày càng chất chứa nhiều thêm không chịu rời bỏ thì chỉ cật nặng thêm, giống như con voi bị sa lầy. Con voi đã nặng rồi mà cứ bước vào chỗ bùn lầy nên bị lún. Rồi hễ nó càng quậy càng lún sâu thêm, cuối cùng đành chịu chết thôi!

Thì đây cũng vậy, nếu không biết vượt ra, vươn lên mà cứ để cho nó lún giống như con voi sa lầy thì rồi càng ngày càng bị đăc xuống đành chịu chết là vậy. Tức là nhiều năm đôn tới chẳng nghĩ buông rời, chất chứa càng nhiều thì càng nặng thêm nên đâu thể giải thoát. Do đó, nói tu giải thoát mà càng ngày càng thấy trói chặt thêm, không thấy giải thoát đâu cả.

Lâu lâu chúng ta kiểm lại thì mới thấy hổ thẹn. Người mới xuất gia ban đầu vào chùa xách túi với mấy bộ đờ, ở một thời gian chớ cả xe còn chưa hết! Nên đây Tổ Quy Sơn nhắc để người biết tu thì cần phải tỉnh, chớ có lo thụ hưởng quá nhiều rốt cuộc chỉ là bận bịu vì thân sắc huyễn này mà thôi, chứ không ý nghĩa gì. Nếu không có thân thì có gì để lo? Cho nó ăn, cho nó mặc, cho nó đi chơi, cho nó vui cái này, vui cái kia cũng là vì cái sắc huyễn này thôi, vì ngoài nó đâu còn gì để lo.

Nhưng lo cho cái sắc huyễn này rốt cuộc rồi thì sao? Cuối cùng còn lại gì? Chỉ là cái thân thúí nằm trơ đó chứ có nghĩa lý gì đâu! Cho nên mỗi người khi nhìn vào cái thân thúí phải nhớ kỹ: cái mà mình cung đưong, tâng tiu, nuông chiều bấy lâu nay cuối cùng chỉ là cái thân thúí như thế thôi. Lẽ thật

là vậy, nó sờ sờ trước mắt chớ đâu ẩn giấu. Mà đời tu của chúng ta chẳng lẽ chỉ có bấy nhiêu hay sao?

*Như câu chuyện Thiền sư Thạch Song Cung, vốn nương theo Thiền sư Hoằng Trí - Chánh Giác ở Thiên Đồng. Thời gian ở trong chúng, Sư làm qua hết những chức vụ lớn nhỏ trong Viện. Một hôm, Sư trở về thăm mẹ, thì mẹ của Sư là bà mẹ kỳ đặc không phải tầm thường.*

*Thấy Sư về thăm thì bà mẹ mới hỏi:*

*- Con đi hành cước vốn vì việc sanh tử độ cha mẹ mà thường vì người làm chủ sự, nếu chẳng thấu suốt được nhân quả thì sẽ làm lụy đến ta ở tuổi vàng.*

Tức bà nhắc con đi tu là cũng vì độ cha mẹ, độ người thì ở trong chùa có làm những chức chủ sự..., cũng phải biết nếu không thấu suốt nhân quả thì sẽ làm lụy đến bà ở nơi tuổi vàng.

*Sư nói:*

*- Đối với của thường trụ, con chẳng dám khinh thường. Dù mảy may như một ngọn đèn, một cây đuốc con đều chia cho mọi người cùng dùng, mẹ chớ lo cho con.*

*Bà mẹ nói:*

*- Nhưng khi qua sông thì con có giữ được không để ướt chân chưa?*

Một câu nói nhẹ nhưng mà nặng ngàn cân, không phải vừa. Đúng là một bà mẹ kỳ đặc. Bà mẹ như vậy, thì phải có đứa con như vậy. Bà mẹ này biết thương con và nhắc nhở con rất đáng kính nể.

Chúng ta nghe những lời này có thấy tháo mồ hôi không? Nghe lời bà nhắc "Con qua sông mà có giữ được chẳng ướt chân chưa?", chừng ấy thôi là mình thấy tháo mồ hôi chứ không phải vừa.

Tức là lội qua sông qua suối chứ không phải ngồi ở trên thuyền. Ngồi ở trên thuyền thì khỏi ướt chân dễ rồi, nhưng lội qua sông qua suối mà giữ không để ướt chân, làm sao giữ? Chỗ đó mới là khó. Tức ý hỏi có sanh tâm không?

Chúng ta sống làm việc phục vụ hết thấy nhưng đừng sanh tâm, chuyện đó không phải dễ. Việc làm này có khi cả đời chưa được. Một câu nói nhẹ nhàng của bà mẹ mà chúng ta làm cả đời chưa chắc xong. Chúng ta ngày nay thì sao? Có khi ngồi trong nhà khỏi cần lội qua suối mà cũng ướt chân. Đó là những chỗ chúng ta phải nghiệm kỹ cho ăn sâu vào lòng để mình thức tỉnh. Mỗi người cần phải rất tỉnh để giữ mình, không vì lợi dưỡng vật chất khiến phải sa đọa uổng cuộc đời tu. Đó là điều nên nhớ.



Khi quán kỹ rồi mới thấy lâu nay chúng ta đã bị cái thói này nó gạt quá nhiều mà không hay. Nó đòi cái này, cái kia, cái nọ, bắt mình phải chiều theo nó có khi phải tạo tội. Cuối cùng tất trở rồi nó bỏ mình ra ngoài nghĩa địa nằm, còn nghiệp và tội lỗi thì bắt mình phải chịu qua đời sau nhận, đau thiết là đau! Như vậy mà chúng ta vẫn chưa sáng mắt ra, tức là mù!

Tổ Quy Sơn quát một roi quá mạnh, nhưng không biết ở đây có ai đau chưa? Để tỉnh mà lo tu, không theo tình trần để rồi bị chôn vùi theo nó, thì đó thật là đáng tiếc!

Đây là những lời cảnh tỉnh chân tình hết sức thiết tha của Sư. Càng nghe chúng ta càng thấm tậ xương tủy, được vậy bảo đảm sẽ lo tiến tu, không phải nghĩ chuyện gì khác.

---o0o---

***Đấng Đạo sư có dạy, răn nhắc Tỳ-kheo: "Tiến đạo trau mình, tam thường chẳng đủ"***

Ở đây Sư nhắc đấng Đạo sư tức là đức Phật. Phật chỉ là bậc thầy dẫn đường, phần còn lại là chúng ta phải đi, phải thực hành thì mới có lợi ích thiết thực, không được hoàn toàn ỷ lại nơi Phật bên ngoài, nên Sư gọi Phật là bậc Đạo sư.

Sư nhắc lời Đức Thế Tôn dạy cho hàng Tỳ-kheo là phải trau sửa thân tâm của mình để tu hành tiến đạo, làm sao thành tựu được giải thoát giác ngộ, đó mới là việc quan trọng. Còn đối với những việc thường ngày như là ăn, mặc, ngủ thì phải luôn biết đủ, chớ quá đòi hỏi, bớt nhu cầu càng nhiều thì có thời giờ tu tiến càng tốt. Cho nên, Phật dạy hàng Tỳ-kheo là phải tam thường bất túc.

Tỳ-kheo đúng nghĩa như Phật đã dạy là người Khất sĩ, tức là ăn xin. Phật chế cái bát dành để đi khất thực xin ăn gọi là Ứng lượng khí, nghĩa là cái bát không quá to, chỉ chứa thức ăn vừa sức dùng của mình, chứ không được quá lượng.

Khi đi khất thực thì xin được thứ gì ăn thứ nấy. Hôm nào xin được đầy đủ thì ăn đầy đủ, ngày nào xin thiếu thì cũng phải đành chịu ăn thiếu. Tức là khi đi khất thực nhằm những nơi xa xôi người dân cũng thiếu thốn, hoặc là có nhiều người khất thực nên người ta cho ít, ăn không đủ no, cũng phải chịu mà không đòi hỏi.

Phật dạy khất thực phải theo thứ lớp, đi từng nhà, không được lựa nhà giàu bỏ nhà nghèo. Khi thấy đủ dùng liền về, không được xin tới hai ba bát. Đó là ăn biết đủ.

Đến mặc thì mặc vải người ta quăng bỏ, lượm về may vá, giặt giũ nhuộm lại rồi mặc; có khi là vải người ta quần thầy chết quăng bỏ ngoài nghĩa địa, lượm đem về mặc. Do vậy mà không có lòng tham đắm. Các vị tu hạnh đầu-đà phải thực hiện hạnh này càng kỹ nữa.

Ngủ cũng vậy, Phật dạy phép ngủ nghỉ của người xuất gia ngày xưa đâu đây đủ tiện nghi như chúng ta hiện giờ, đôi khi các vị ngủ nơi gốc cây gò má, hoặc nơi núi rừng. Về sau có tinh xá nhưng xây cất đơn giản, không phải tự ý muốn xây cất theo ý muốn riêng. Nhưng không ở một chỗ mà chỗ ở thường thay đổi vì không cho tham đắm chỗ ở. Nhờ vậy mà người xưa chỉ lo tiến đạo tu hành, nên các Ngài tu hành mau đắc đạo. Vì tất cả thời giờ luôn ứng dụng công phu tu hành thì đâu có thời gian để lo cho chuyện ăn, mặc, ngủ nghỉ.

Còn người xuất gia hiện giờ đòi hỏi nhiều nhu cầu mà nhu cầu tức là theo bản ngã. Do đó mà Tổ nhắc lời Phật dạy là Tỳ-kheo phải lo giữ mình, tiến đạo tu hành, ăn, mặc, ngủ nghỉ phải vừa biết đủ chứ không quá tham cầu. Lấy việc giải quyết vấn đề sanh tử khổ đau, dứt trừ phiền não làm việc căn bản, đó mới là việc trọng yếu.

Chúng ta đọc sách thấy người xưa lo tu hành có khi không có thời giờ cắt móng tay, không thời giờ quét nước mũi nữa, các Ngài tu kỹ vậy đó. Nhìn lại người xuất gia bây giờ nhiều vị lo cung dưỡng cái thân này nên mất thời giờ tu học rất nhiều. Kiểm lại xem, một đời người của chúng ta đã phí mất bao nhiêu thời gian cho việc ăn, việc mặc, việc ngủ nghỉ?

Ngày có 24 tiếng thì ngủ hết 5,6 tiếng, đó là đã bớt rồi. Ngủ lúc 10h đến 3h15 thì chưa đầy năm tiếng, thêm một tiếng đồng hồ ngủ trưa nữa là sáu tiếng. Mỗi ngày chúng ta ngủ 6 tiếng, hết một phần tư thời giờ. Tính ra thì chúng ta đã ngủ hết phần tư cuộc đời. Nếu người sống 60 chục năm thì ngủ hết 20 năm. Như vậy chúng ta đã bỏ phí 20 năm đó không làm được gì! Đó là chỉ mới nói chuyện ngủ thôi.

Rồi sáng, trưa ăn thì thời gian khoảng hơn một tiếng, cộng rửa chén, và chiều uống nhẹ chút tạm cho hai tiếng ăn. Rồi mặc, tắm, giặt nữa cộng lại là hơn một tiếng. Rồi đi chơi, nói chuyện cho một tiếng nữa, là mất hết một phần ba thời gian rồi.

Một cuộc đời sống sáu mươi năm thì bỏ phí hết mấy chục năm. Hai, ba chục năm cho cái việc ăn, mặc, ngủ nghỉ, vậy mà vẫn chưa thấy đủ! Đó là nói về người tu.

Nếu là người đời thì còn phải lo việc ăn chơi, tiệc tùng, xem ti vi, báo chí v.v... thì mất bao nhiêu thời gian nữa? Cho nên kiểm thời gian còn lại cho đời con người đâu có bao nhiêu!

Tính kỹ vậy đó mới thấy đáng tiếc, chứ còn bình thường thì không thấy hết. Vậy mà chúng ta không biết quý tiếc thời gian, sống đơn giản lại một chút để có thêm thời giờ cho mình tu tập mới là quý báo hơn, đây là điều Phật dạy rất kỹ.

Đức Phật chế ra 12 hạnh đầu-đà cho các vị quyết chí tu khổ hạnh. Người tu hạnh đầu-đà phải ngủ gò cây, nơi gò mả, ngày ăn một bữa, mặc đồ giẻ rách cũ...

Nói ngày ăn một bữa mà lại chỉ ăn vật thực trong bát mình xin được thôi. Như đi xin được trong bát, khi về chùa có người cúng thêm thì không được dùng, chỉ ăn trong cái bát mình xin. Nếu hôm đó đi xin chỉ có cơm trắng, không được ăn các món do Phật tử dâng thêm, tu kỹ vậy đó.

Ăn xong đứng dậy là thôi, không để gì vào miệng nữa, coi như xong ngày đó. Chứ không phải ăn xong ra thấy người ta dâng món gì ngon thì ăn thêm chút nữa, không được vậy. Mười hai hạnh đầu-đà phải giữ như vậy, nên các vị tu để giải thoát, để đắc đạo.

Còn ngày nay kiểm lại mới thấy chúng ta đầy đủ hơn người xưa nhiều. Vậy mà còn chưa biết đủ, đôi khi còn đòi hỏi. Kiểm lại mới thấy đạo tâm của chúng ta để đâu rồi?! Biết rồi thì hổ thẹn phải bớt nhu cầu đòi hỏi lại!

Người xuất gia mà không có học, không lo tu, mãi lo nghĩ đến nhu cầu này kia, rốt cuộc nhu cầu đó là để cung dưỡng cái thân thú chứ không gì hết, nhưng nghiệp đã tạo rồi phải chịu, phải mang theo. Quán kỹ mới thấy rùng mình, lo sợ cho mình lấy cái gì để đền nợ cho thí chủ đây? Cho nên đây Tô Quy Sơn ân cần nhắc chúng ta!

Trong bài Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca, Sơ Tổ Trúc Lâm kể lại cuộc sống của Ngài khi tu ở núi là sao? Là một vị vua, coi như bậc nhất thiên hạ, nhưng khi đi tu rồi thì sống rất là đơn giản: Không đi kiệu, không đi ngựa, mặc áo vải sô, uống nước suối, ăn thức ăn trên núi. Kể là:

***Dem mình nấu tới,***

***Cảnh vắng ngàn kia,***

***Dốc chí tu hành,***

***Giấy sôi dỏ vá.***

Tức là nung nấu nơi cảnh rừng vắng vẻ lo dốc chí tu hành; mặc áo lấy giấy dán, hoặc vải gai thô rồi vá vúi tạm vậy thôi! Cho đến "**Thân này chẳng quản, bữa đói bữa no**". Còn chúng ta ngày nay đa số là thường dân đi tu, thì có gì phải nhu cầu đòi hỏi nhiều quá, so với các Ngài thì thấy hổ thẹn chẳng?

Học rồi chúng ta cần phải y theo lời Phật dạy, khéo biết đủ để dành thời giờ tiến tu, đó mới là "**việc bốn phận chính yếu của người xuất gia**", nghĩa là ít muốn biết đủ, chứ không đòi hỏi nhu cầu nhiều để mất thì giờ tu hành của mình.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: "*Tỳ-kheo các ông, thọ các thức ăn uống phải xem như là uống thuốc*". Tức là Phật dạy các Tỳ-kheo khi thọ những thức ăn uống phải xem như uống thuốc vậy thôi chớ không nên có lòng tham đắm.

*"Dù ngon hay dở cũng chớ có sanh tâm thêm bớt, chỉ cốt giúp cho thân này trừ đói khát"*. Ăn uống giống như là dùng thuốc để trừ bệnh đói chứ không gì hết, không có trên đó mà sanh tâm phân biệt ngon dở, thêm bớt là càng nuôi phiền não.

*"Như con ong hút mật hoa, chỉ hút lấy nhụy hoa mà không làm tổn hại đến sắc và hương. Tỳ-kheo cũng vậy, được người cúng dường để trừ khổ não, chứ không cầu nhiều làm mất thiện tâm của người"*. Được người Phật tử cúng dường là để giúp chúng ta trừ những cái khổ đói khát mà lo tu, không nên tham cầu nhiều làm mất thiện tâm của người. Đó là về ăn.

Còn về ngủ, Phật dạy: "*Tỳ-kheo các ông! Ban ngày thì chuyên tâm, đầu hôm và gần sáng cũng chớ bỏ qua. Giữa đêm tụng kinh để tiêu mòn những nghiệp dữ, thêm lớn nghiệp lành, không để vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến một đời luống qua, không có được gì"*. Phật dạy người xuất gia, tâm phải chuyên cần tu tập pháp lành không để thời giờ qua mất. Tức là đầu hôm, giữa đêm, gần sáng cũng lo dành thời giờ để tu tập. Người tu phải có cái nhìn đúng đắn như vậy, xem việc ăn, mặc, ngủ là phương tiện tạm thời, giúp cho thân này sống còn để tu hành, không phải cung dưỡng nó, lo tham đắm trong việc ăn, ngủ.

Ở đây, Tô Quy Sơn nhắc lời đức Phật dạy để nhắc hàng Tỳ-kheo muốn tiến đạo sửa mình, là phải tam thường chẳng đủ.

---o0o---

***Còn "Người vì đói với việc này đắm say chẳng chịu dừng, ngày qua tháng lại thoáng chốc đã bạc đầu"***

Người đời cứ theo chiều mê của mình, không rõ được sự giả tạm của thân này. Hiện tại tạm mượn nó mà không hiểu nên mới vì nó tham đắm

trong việc ăn, mặc, ngủ nghỉ, rồi quên mất thời gian quý báu trôi qua không tìm lại được, thoáng chốc nhìn lại thì tóc đã bạc rồi không hay. Đến khi trả về cho bộ mặt thật của nó là cái thân thúì rồi ra nghĩa địa, vậy mà không tỉnh hay sao?

Kiểm lại mỗi ngày, chúng ta lo cung dưỡng cho nó thứ này thứ kia, nó muốn ăn gì thì cũng chiều theo nó; mặc cũng chiều theo, ngủ cũng chiều theo nó... nhưng cuối cùng thì nó trả lại bộ mặt thật là cái thân thúì. Nếu lúc đó ra đi mà còn sáng suốt, nhìn lại thấy cái thân thúì liền tỉnh giác thì hay biết mấy? Nhưng không dễ, lúc đó là đi theo nghiệp rồi!

Ngay đây, chúng ta còn sáng suốt thì nên nhìn thấy người khác liền biết đến mình. Nhìn thấy mọi người cuối cùng trở thành cái thân thúì nằm ngoài nghĩa địa, thì biết mình rồi cũng vậy. Lẽ thật đó sờ sờ chứ đâu phải không thấy, nhưng tại sao người ta cứ nhắm mắt lờ qua? Đó là điếm mà chư Tổ răn nhắc để chúng ta nhớ lo tu, không đắm say trong việc ăn, mặc, ngủ nghỉ. Đâu ai biết được tuổi thọ của mình như thế nào? Sống bao lâu? Và sức khỏe của mình khỏe tới đâu? Cho nên tốt hơn hết là phải cố gắng tận dụng thời gian nó đang còn có mặt đây để tiến tu.

Trong kinh Pháp Cú thí dụ, Phật từng răn vị Tỳ-kheo ăn rồi cứ lo ngủ mà không biết chỉ còn bảy ngày nữa là chết, nên Phật đến cảnh tỉnh, nói bài kệ:

*Ôi! Hãy dạy đừng mê,  
Loài sâu, ốc, trai, mọt,  
Ẩn mình trong bất tịnh,  
Mê hoặc chấp làm thân.  
Đâu có bị chém thương,  
Mà tâm như trẻ bệnh,  
Đối trước bao ách nạn,  
Lại tham đắm ngủ nghê.*

---o0o---

### **Chánh Văn (tt3)**

***"Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải rộng hỏi các bậc thông trước. Há cho rằng xuất gia chỉ quý cầu cơm áo"***

Tức là người mới học đạo sau, chưa rõ ý chỉ tu hành để tiến tu đạo nghiệp, thì phải lo thưa hỏi những bậc đi trước để biết đường tu. Đường tu

chưa rõ ràng mà không lo thừa hỏi, cứ lo chuyện ăn, ngủ thì đời tu sẽ đi đến đâu?

Vì vậy, Tổ Quy Sơn mới quát cho một roi để thức tỉnh: "Ông há cho rằng mình xuất gia vào đây là chỉ để cầu cơm ăn, áo mặc hay sao?" Ngoài đời thì lo cầu cơm ăn áo mặc, người xuất gia vào chùa tu đâu phải cũng để cầu cơm ăn áo mặc! Đúng là quát cho một roi, không biết có ai nghe rồi thấy đau hay không?

Cho nên mỗi người phải tự kiểm lại xem mình xuất gia vì cái gì? Có vì cơm ăn áo mặc không? Các Ngài răn nhắc là phải biết xuất gia để tu hành, cầu giải thoát chứ không phải vì việc cơm ăn áo mặc thì có khác gì ngoài đời!

Một Thiền sư Thái Lan từng nói: *"Vào thời kỳ của các Thiền sư Ajahn Mun và Ajahn Sao thì đời sống của các vị tu hành quả thật là hết sức đơn giản. Nó ít phức tạp, ít có rắc rối như ngày nay"*. Khoảng gần giữa thế kỷ 20 mà Ngài còn than như vậy, huống nữa là thời của chúng ta bây giờ là thế kỷ 21, là thế kỷ của văn minh vật chất xí thịnh.

*"Ngày ấy các vị xuất gia ít có những công việc liên hệ đến bên ngoài và chỉ thực hiện một vài hình thức lễ nghi thông thường thôi"*. Còn hiện nay người tu liên hệ nhiều với bên ngoài, nào hình thức lễ nghi rồi đám tiệc, hội hè đủ hết, mất thì giờ tu rất là nhiều.

*"Họ sống nơi những cánh rừng không nhất định ở nơi nào, nơi đó họ có thể dành trọn tâm tâm để thực hành thiền định, đâu bận bịu nhiều. Lúc bấy giờ người ta hiếm khi nhìn thấy những vật dụng đắt tiền mà so với thời nay những thứ ấy đã là vật tầm thường"*. Thời xưa đâu có những vật dụng đắt tiền như bây giờ, đâu có tivi, tủ lạnh, quạt máy..., đời sống rất là đơn giản. Đời sống các vị xuất gia thời ấy đơn giản, đến mức hầu như là không có gì sở hữu, nên đâu có gì để tham đắm nhiều.

*"Các thầy đã lấy ống tre làm ly uống nước, và tự chế tác ra những vật dụng thông thường khác để dùng. Thịnh thoảng các vị cư sĩ tại gia mới đến thăm viếng. Mọi người đều hài lòng với những gì đang có và không ai mong cầu hay chờ đợi điều gì khác. Họ đã sống và sống với hơi thở của thiên"*. Sống với hơi thở của thiên, chứ không phải là sống với những vật chất này nọ kia.

*"Các thầy đã chấp nhận cuộc sống với nhiều khó khăn, thiếu thốn như vậy. Trước đây thuốc men cũng không có sẵn đầy đủ như bây giờ"*.

*Khi ai đó có bệnh sốt rét đến xin thuốc thì vị thầy thường nói: "Thôi con không cần phải uống thuốc, hãy cố gắng duy trì sự thực tập cũng là một cách trị bệnh"*. Như vậy, tất cả mọi người đều là những cây thuốc mà gốc rễ của nó đã cắm sâu và sanh trưởng ở trong rừng". Tức là mọi người hãy là

cây thuốc cho mình, bởi đâu có thuốc để uống, đời sống tu hành đơn giản đến như thế!

Người tu bây giờ được đầy đủ, nhưng chính vì quá đầy đủ nên rồi sức nhẫn nại yếu.

*"Trong một môi trường như vậy thì các thầy đã vận dụng sự nhẫn nại và sức chịu đựng thật là thâm hậu. Họ không hề than phiền, lo lắng khi ốm đau, bệnh tật. Còn ngày nay, chỉ mới hơi nhức đầu, sổ mũi một chút là bạn có thể đã dùng đến thuốc hay phải đi đến bệnh viện rồi".* Ngài nói trường hợp này giống như trường hợp của chúng ta ngày nay, mà còn hơn vậy nữa.

Còn chuyện ăn mặc thì *"Đôi khi các thầy phải đi bộ từ mười đến mười hai cây số để khát thực"*. Chúng ta thì ở tại chỗ nấu ăn, còn các Ngài phải đi bộ nhiều cây số để khát thực như vậy!

*"Buổi sáng, bạn có thể khởi hành lúc mặt trời vừa ló dạng và trở về khoảng 10 giờ hay 11 giờ. Những thứ khát thực được thưởng không nhiều, có thể là một ít cơm hoặc xôi, một ít muối hay là một vài loại trái cây. Đôi khi chỉ có cơm mà không có thức ăn cũng không thành vấn đề. Cuộc sống diễn tiến bình thường, tự nhiên như vậy mà không một ai lên tiếng than phiền về sự thiếu thốn hay là mệt mỏi vì bệnh tật. Họ không những không than phiền mà còn học cách để mà tự bảo vệ mình nữa. Họ đã tu tập trong rừng bằng tất cả sự kiên nhẫn và chịu đựng với rất nhiều mối hiểm nguy rình rập xung quanh. Họ phải đối với nhiều loài thú hoang dã và hung dữ đang sống trong rừng rậm nhiệt đới, cũng như sự chịu đựng khắc khổ của thân tâm trong việc thực hành hạnh đầu-đà dành cho một sơn tăng. Sức nhẫn nại và khả năng chịu đựng của những vị xuất gia thời đó quả thật là tuyệt vời. Còn ngày nay thì hoàn cảnh buộc chúng ta phải đối diện trực tiếp với nhiều vấn đề, so với trước kia thì con người ta chỉ biết đi bộ, rồi có đến thời kỳ đi xe ngựa, nhưng mà mấy vị Khất sĩ này đâu có đi xe ngựa"*.

So với trước kia thì người ta biết đi bộ rồi tiến đến thời kỳ sử dụng các loại xe gọi là xe thú kéo tức là xe ngựa, xe bò.

*"Và bây giờ người ta sử dụng các loại xe hơi hiện đại, thì sự mong muốn và tham vọng lại càng ngày càng tăng. Để đến ngày nay nếu xe hơi mà không có máy điều hòa không khí thì người ta sẽ không sử dụng. Họ không thể đi nếu như trên xe không có máy điều hòa. Điều này cho thấy đức tính kiên nhẫn và chịu khó của con người trở nên ngày một yếu đi thì những chuẩn mực của thiền tập và các pháp thức để hành trì cũng càng ngày càng trở nên lỏng lẻo và thiếu nghiêm túc hơn; cho đến mức chúng ta cảm thấy những người thực tập thiền ngày nay chỉ làm theo những quan niệm và sở thích riêng của họ. Rồi khi lớp người đi trước họ kể những cuộc sống của những*

*ngày tháng hồi xưa thì dường như các bạn đang nghe một câu chuyện thần thoại hay là hoang đường".*

Đó là những điều mà các Ngài kể cho biết để so sánh với cuộc sống của người tu hiện nay, để bớt mà không đòi hỏi nhu cầu nhiều quá rồi quên mất chuyện tu hành của mình.

Hãy nhớ kỹ lời Tổ Quy Sơn muốn nhắc: *"Nếu người chỉ lo đắm say đối với việc ăn, mặc, ngủ không chịu dừng thì ngày qua tháng lại thoáng chốc đã bạc đầu, kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú phải rộng hỏi các bậc đã thông trước, há cho rằng xuất gia chỉ quý cầu cơm áo".* Chúng ta ngày nay kiểm lại mình xem đã thông được những chỉ thú tu hành hay chưa, rồi xuất gia là vì đạo hay xuất gia là vì cơm áo? Không khéo bị các Ngài quở là "cái bị gạo" thì đó là không hay, là thật đáng hổ thẹn!

---o0o---

***"Phật trước chế ra luật mở mang cho kẻ mới vào, phép tắc oai nghi, sạch như băng tuyết. "Chỉ trì tác phạm", kèm giữ sơ tâm, từng điều luật nhỏ nhặt nhằm sửa mọi điều dơ tệ"***

Tổ nhắc Phật chế luật để mở mang cho những người mới vào đạo. Luật tức là Tỳ-ni, gồm oai nghi và giới luật, là bước đầu cho người mới vào đạo thực hành để ngăn ngừa tội lỗi, nên gọi là nhằm sửa mọi điều dơ tệ.

Ban đầu, tâm người mới vào đạo giống như con trâu hoang, nếu không có giới luật kèm giữ thì nó mặc tình ăn cỏ mạ của người. Cho nên phải biết giới luật để giữ gìn ngăn ngừa, do đó không nên xem thường phép tắc oai nghi.

Người thọ giới Sa-di phải học 24 oai nghi và 10 giới. Tỳ-kheo thì có 250 giới, 3.000 oai nghi và tám muôn tế hạnh. Giữ kỹ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, coi như từng cử chỉ hành động đều phải làm trong sự kiểm soát, chứ không để buông lung, mặc tình thô tháo. Cho nên ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh là mỗi cử chỉ, mỗi hạnh động đều sống theo luật, có sự kiểm soát. Đừng nghĩ người tu thiền không cần thiết đến những hình thức oai nghi bên ngoài, trong khi tâm vẫn còn thô động chưa kiểm soát được, lại không lo giữ gìn những hình thức, oai nghi thì càng thô động thêm, nhiều khi chúng ta tự dối mình dối người mà không hay.

Chính ngay như tôi lúc ban đầu mới vào đạo cũng học thuộc lòng các bài kệ trong Tỳ-ni Nhật dụng và ứng dụng thực sự trong các hành động, thấy có lợi ích thức tỉnh rất nhiều. Ngày nay, quý vị Sa-di vào đạo nhiều khi cũng làm biếng học, có vị học để về sau đến khi thọ giới mà tụng luật nhưng chắc cũng không có sử dụng.



Ý chú Tô nhắc chúng ta trong mỗi hành động là phải đọc bài kệ có ý nghĩa với hành động đó. Như ngủ dậy vừa bước xuống giường đọc một bài kệ, rửa mặt đọc một bài kệ, đi vệ sinh đọc một bài kệ..., nhờ vậy tâm mình nhớ thu thúc trở về khiến tỉnh giác.

Như vừa thức dậy muốn bước chân xuống phải lo đọc bài kệ không vội vàng đặt chân xuống, còn chúng ta nhiều khi bước xuống cái cụp, làm người nằm bên giựt mình, đó là thiếu oai nghi. Vào nhà vệ sinh cũng vậy, tức là mỗi mỗi hành động đều có bài kệ đọc theo giúp thu thúc tâm trở về khiến tỉnh giác, trợ duyên cho định tâm sau này. Cho nên, Tỳ-ni có lợi ích rất lớn chứ không phải nhỏ. Tôi thực hành thấy có ý nghĩa, có kết quả rõ ràng.

Nếu chúng ta thực hành với cả một tâm chân thành thì giúp tâm dễ an định dễ tập trung trở lại. Còn nếu cứ hành động thoải mái, thành ra thô động rồi tâm cũng buông lung. Nay nhìn lại thấy đa số huynh đệ có phần hơi xem thường thiếu sót về oai nghi không ít. Cả những vị lớn lớn có khi cũng còn thiếu cũng mắc phải nữa, đây là điều cần xét lại.

Thí dụ Tỳ-kheo vừa đi vừa chạy thì mất oai nghi rồi, tức là lúc đó tâm không có kiểm soát. Còn nếu mà nhớ lại, vừa muốn bước chân chạy thì phải nhớ mình là Tỳ-kheo phải có oai nghi. Rồi Tỳ-kheo mà ngồi trên chân chữ ngũ thì lúc đó tâm mình chắc đi đâu rồi, hoặc ra đường chen lấn với người thế tục hoặc là mắt liếc đông, liếc tây thì đúng là hết oai nghi cũng thiếu tu tập, còn có tu tập thì lúc đó phải có kiểm soát.

Đúng theo luật thì các vị Tỳ-kheo đi phải mắt ngó xuống không quá tầm mắt, không được ngó qua ngó lại, liếc đông, liếc tây. Ngày nay phương tiện nên phần nhiều đi xe, thì ông thầy chạy xe cũng phải có oai nghi của ông thầy, cho nên người nào đi với tôi, tôi thường hay nhắc chuyện đó.

Bởi vì mình là ông thầy, chạy xe thì phải có phong cách khác với người thế tục, tức là có tư cách của người tu. Tôi thì có duyên ngồi trên xe do nhiều người lái, như cả quý huynh đệ xuất gia tu hành mà luôn cả những người đời nữa. Tôi thấy có những người đời họ chạy xe thật là trầm tĩnh, đằm thắm hơn là người tu nữa. Do đó chúng ta phải biết để tự mình có sự kiểm soát lại.

Nếu Đức Phật còn sống thì thế nào Ngài cũng phải chế luật cho những vị nghe điện thoại di động, những vị lái xe, chắc chắn như vậy, vì thời Phật không có những thứ đó nên Ngài không chế luật.

Đây Tô Quy Sơn nhắc là Phật trước chế ra luật để mở mang cho kẻ mới vào, có phép tắc oai nghi sạch như băng tuyết. Rồi phải thông cả những phép "chỉ trì tác phạm", dùng để kèm giữ sơ tâm của mình không chạy lung tung, và để ngăn ngừa tội lỗi.

"Chỉ trì", chữ chỉ là dừng, trì là giữ. Dừng lại không làm thì đó là trì giới. Thí dụ mình không sát sanh thì đó là trì giới. Không nói dối là trì giới.

Còn "Tác phạm", là làm tức phạm. Nói dối là phạm, gọi là tác phạm...

Chúng ta phải thông những phép đó để lo giữ giới; cái nào làm là phạm tội, phải biết để ngăn dừng. Nếu không thông, nhiều khi phạm giới không hay rồi biện luận để bào chữa. Cho nên, các Ngài nhắc người xuất gia phải biết học cho thông. Đó là nói về giới Thanh Văn.

Đôi với Bô-tát có khi dừng là phạm, mà làm mới là trì. Thí dụ thấy người ta khổ mà không cứu là phạm, còn giúp đỡ mới là trì. Chúng ta cần phải hiểu những phép đó để làm không sai.

Tổ dạy: "Tùng điều luật nhỏ nhất, nhằm sửa mọi điều dở tệ", tức là Tỳ-kheo phải giữ 250 giới, mỗi điều giới nhằm ngăn một lỗi tức là sửa một điều dở tệ.

Hiểu rồi thì phải học những phép tắc oai nghi, giới luật cho thông suốt, để không làm tạo tội mà không hay. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải cần tỉnh sáng để giữ trở lại nơi tâm của mình, đó mới là chính yếu. Giữ giới là giữ nơi thân, nhưng gốc là giữ nơi tâm mới là chỗ chính.

Tóm lại, bước đầu vào đạo thì giới luật là hàng rào để ngăn ngừa tội lỗi, cho nên người xuất gia không được xem thường.

---o0o---

***"Nơi trường giảng luật nghi chưa từng đến thưa hỏi, pháp liễu nghĩa thượng thừa làm sao được rành rõ"***

Tức là ở nơi trường giảng luật nghi chưa đến học, nền tảng giới luật chưa thông, lại học nhảy lên pháp thượng thừa thì e rằng là nói rỗng, phải cẩn thận!

Pháp liễu nghĩa thượng thừa tức chỉ cho pháp rốt ráo chân thật. Tổ Quy Sơn ngăn ngừa những kẻ nói suông bấn bồng, căn bản giới luật thì chưa thông, còn nhiều lỗi lầm sai sót, mà cứ nói lý cao siêu thì e rằng đó là thiên trên miệng thôi!

Đọc thấy trong Ngũ Lục kể về Thiên sư Chí Phùng ở chùa Hoa Nghiêm núi ngũ Vân. *Một hôm, Sư đi vào điện Phổ Hiền để an tọa thì chợt có vị thần quỳ ở trước.*

*Sư hỏi:*

*- Ông là ai vậy?*

*Vị đó nói:*

- Tôi là thần hộ giới.

Sư hỏi:

- Tôi lo những tội trước của tôi chưa sạch, ông có biết chăng?

Vị thần đáp:

- Thầy thì có tội gì, chỉ có một cái lỗi nhỏ mà thôi!

Sư hỏi:

- Đó là lỗi gì?

Vị thần đáp:

- Phàm nước rửa bát cũng là vật của thí chủ, thầy thường đổ đi thì không nên vậy.

Nói xong thì vị thần ẩn mất.

- Từ đó về sau, Sư lấy nước rửa bát uống hết.

Xưa ăn bằng bát, ăn xong phải rửa bát rồi uống nước đó luôn. Không giống như người đời, ăn rồi để qua bên, uống trà bằng ly tách khác. Người xuất gia mỗi lần ăn cơm là lấy nước chế trong bát tráng rồi uống, gọi là không phung phí của đàn-na thí chủ sợ tổn phước.

Ở đây, ông thần hộ giới nhắc chỉ lỗi cho Ngài là ăn rồi nước rửa bát đổ đi là không phải. Nhiều khi trong chùa ăn uống dư dả, rồi đem vung vải bừa bãi thì tôn phước bớt của mình. Vì vậy xưa hai Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc hóa thân của Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền ở chùa Quốc Thanh, muốn cảnh tỉnh các vị tăng trong chùa, nên các Ngài hiện tượng giống như những người gàn dở, ở chùa đợi chư Tăng ăn xong xuống nhà bếp lấy thức ăn thừa rồi rửa gạn lọc bỏ vô ống tre đem đi ăn. Đó là các Ngài ngầm nhắc cho chúng Tăng phải biết tiết kiệm của thí chủ. Đây là nói rộng ra nhắc cho nhà bếp, phải biết đề cẩn thận!

Trên đây là Tổ Quy Sơn nhắc để chúng ta chớ có xem thường giới luật. Và nên nhớ tuy là những việc nhỏ mà cũng có thần minh soi xét thấy được, đừng nghĩ là mình làm không ai biết. Nhiều khi ở trong phòng đóng cửa kỹ, rồi ăn uống lén lút tưởng đâu không ai biết, nhưng có thần minh biết. Vừa khởi một niệm là thần minh biết rồi chớ nói gì đến việc làm. Như câu chuyện hai ông tăng đứng dựa lan can nói chuyện thế tục, bị quỷ tới chà dẫu chân thì quỷ cũng thấy biết được. Hiểu rồi chúng ta phải luôn giữ gìn cẩn thận, đừng nghĩ mình làm không ai biết, đó là điều mà các Ngài muốn nhắc.

Tóm lại đoạn này, Tổ Quy Sơn cảnh tỉnh người học đạo không thể bỏ qua giới luật, phải lấy đó làm nền tảng để tiến lên. Đừng nghĩ đọc sách Thiên,

thấy các Ngài nghe một câu liền ngộ rồi tưởng dễ dàng không cần phải học gì hết. Đâu biết trước đó là các Ngài phải tốn biết bao nhiêu công phu khổ nhọc, nhưng sách vở không ghi hết. Cho nên phải học kỹ.

---o0o---

***"Đáng tiếc, một đời để luống qua, sau ăn năn khó kịp"***

Ngài than dùm cho người vào đạo mà không lo tu học đàng hoàng, chỉ nghĩ đến những việc thụ hưởng vật chất, ăn mặc, ngủ nghỉ, cung dưỡng cho xác thân này để ngày tháng trôi qua, không được phân lợi ích gì ở trong đạo. Đến khi cơn vô thường đến, ăn năn không kịp! Thời gian qua rồi đâu có thể kéo lại được, mà tuổi lớn, sức khỏe suy giảm lúc đó muốn tu cũng không được như ý. Cho nên Tổ nhắc chớ có bỏ qua thời cơ quý báu của mình hiện có, không khéo thì đáng tiếc cuộc đời luống qua, sau ăn năn khó kịp!

Điều này tôi có chứng kiến, không phải nói suông. Trước kia thầy Hạnh Vệ chết ở Thường Chiếu vào khoảng năm 1993, chỉ mới 39 tuổi, còn trẻ. Trước thầy tu ở thành phố, cũng theo chuyện lãng xăng bên ngoài, sau nhờ thân duyên gặp được Hòa thượng Tôn sư nên thầy về nương tu học ở Thường Chiếu. Thời gian sau bị bệnh nặng, lúc gần sắp mất, thầy ở tạm cái thất nay là trong khu Lâm Viên Niết-bàn Thường Chiếu. Lúc chưa mất thì tôi thỉnh thoảng đến thăm, có lần thầy kể là tiếc vì gặp Hòa thượng hơi muộn, khi còn trẻ còn khỏe lo phung phí thời gian vào chuyện đâu đâu, giờ biết tu thì hơi trễ. Thì đây kể lại là để nhắc tất cả phải khéo lo tu, đừng để một đời luống qua rồi ăn năn khó kịp.

---o0o---

***"Giáo lý chưa từng để lòng, đạo mầu nhân đâu khế ngộ? Rồi đến tuổi cao hạ lớn, bụng trống lòng cao, chẳng chịu gần gũi bạn lành, chỉ cứ một bề nghênh ngang, ngạo nghễ"***

Lâu lâu, Tổ Quy Sơn quất từng roi, từng roi cho tỉnh.

Ở trên là quất cho một roi để cảnh tỉnh kẻ giới luật không thông, học thì nhảy vọt, còn đây trách giáo lý không sáng tỏ. Tu mà không lo học giáo lý cứ tính những chuyện đâu đâu, để rồi cuối cùng ngộ được cái gì? Hoặc được chút là tự mãn coi như đủ, không khéo cái ngã càng to thành bệnh.

Thiền tông tuy nói là "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền", tức là không lập văn tự, truyền ngoài kinh giáo, nhưng cần phải đạt ý đó như thế nào, không thể chấp vào lời được.

Nói vậy không phải là phá bỏ kinh giáo, mà là nhằm đánh thức cho những người học phải vượt qua chữ nghĩa để đạt được ý sâu của Phật, Tổ.

Cho nên quý huynh đệ nghiên cứu trong Đại tạng, Tục tạng, trong các Ngũ lục thì thấy Thiên tông nói là bất lập văn tự, nhưng sách vở của Thiên tông thì rất nhiều, như Truyền Đăng Lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, Liên Châu Hội Yếu, Chỉ Nguyệt Lục v.v... đó là kể tượng trưng vài bộ lục, còn các bộ của các vị Thiên sư viết ra như Quy Sơn Cảnh Sách của Thiên sư Quy Sơn... Như vậy tuy nói "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" mà không trái bỏ kinh giáo, phải thấy được cái ý đó. Vì vậy mà ở đây Hòa thượng Tôn sư mới chủ trương Thiên Giáo đồng hành hay Thiên Giáo song tu. Người không hiểu kinh Giáo mà nhảy ngang vào Thiên nhiều khi đâu biết gì, rồi tu càng về sau càng bấn bồng.

Nếu người mới vào đạo không chịu học giáo lý; cứ ngày tháng trôi qua, thì Tổ Quy Sơn bảo: "Rồi đến tuổi cao hạ lớn, bụng trống lòng cao, chẳng chịu gần gũi bạn lành, chỉ cứ một bề nghênh ngang, ngạo nghễ". Tức là xuất gia rồi không chịu lo học gì hết, ở chùa nhiều năm lại lớn tuổi mà không hiểu giáo lý, lòng lại cống cao, cho ta đây là tu lâu nhưng mà bụng thì trống rỗng nên sẽ bị người khinh chê, gọi là bị hậu sanh khinh thường. Cũng không chịu gần gũi bạn lành để học hỏi thêm, chỉ một bề ngạo nghễ, đó là thêm bệnh.

Phật dạy trong kinh Pháp Cú:

*Không phải là Trưởng lão,*

*Nếu cho có bạc đầu,*

*Người chỉ tuổi tác cao,*

*Được gọi là lão ngu.*

Phật bảo không phải tuổi cao là Trưởng lão, không phải đầu bạc là Trưởng lão. Có trường hợp Sa-di bảy tuổi nhưng chúng A-la-hán nên được gọi là Trưởng lão. Đây Phật dạy người chỉ tuổi tác cao thì đó gọi là lão ngu. Phật cảnh tỉnh người tu tuổi cao mà không thực học, thực tu thì chớ có lấy tuổi cao, đầu bạc mà xưng là Trưởng lão. Rồi không chịu gần gũi bạn lành để học hỏi thêm những điều hay điều tốt, lại chỉ một bề nghênh ngang, ngạo nghễ. Nhưng ngạo nghễ với ai?

Đây cũng là một roi mà Tổ Quy Sơn quất mạnh để cho người lòng trống rỗng mà nghênh ngang, ngạo nghễ. Thử hỏi giới luật thì không thông, giáo lý cũng không rành mà cứ nghênh ngang là sao? Cho nên Ngài cảnh tỉnh, cần phải chuyển hóa tâm hạnh này để không làm trò cười cho bậc trí, đó là ngăn ngừa.

***"Chưa hiểu rành phép luật, hoàn toàn không kèm giữ, hoặc lớn tiếng nói to phát ngôn bừa bãi. Chẳng kính bậc thượng trung hạ tọa, khác gì nhóm Bà-la-môn tụ họp. Khua vang chén bát, ăn rồi dậy trước, tới lui trái phép, mất hết Tăng thể, ngồi đứng không yên, động tâm niệm người. Chẳng còn một chút phép tắc, mảy may oai nghi. Lấy gì kèm giữ cho người sau, kẻ mới học nhân đâu bắt chước?"***

Tổ Quy Sơn chỉ cái tệ hại căn bản của sự thiếu học. Giới luật không rành nên không biết phép tắc, oai nghi. Bởi vậy khiến cho cử chỉ nói năng thô tháo, mất hết Tăng thể, tức là tư cách của ông thầy. Đây gọi là chưa hiểu rành phép luật nên lấy gì để kèm giữ mình? Rồi lớn tiếng nói to, phát ngôn bừa bãi, không có kính bậc thượng trung hạ tọa, nhóm họp thì lộn xộn, giống như Bà-la-môn tụ họp. Ăn rồi thì khua chén khua bát, đứng dậy trước v.v..., đó là mất hết oai nghi, không có phong cách của vị Tỳ-kheo.

Thử hỏi thầy Tỳ-kheo mà nói năng ôn ào, bừa bãi, giống như kẻ thể tục thô lỗ thì mất hết Tăng thể. Người ta nhìn vào ông thầy thì mất hết tín tâm.

Đó là Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta phải khéo biết giữ gìn lời nói, hành động, oai nghi. Thầy Tỳ-kheo không phải là muốn nói bừa bãi được, bởi vì thầy khác với người thể tục. Như thầy Tỳ-kheo mà kêu mày tao, thằng này, thằng nọ thì có xứng đáng không? Nếu Phật tử lỡ nghe chắc là không chấp tay cung kính đâu!

Ở đây Ngài nói là phát ngôn bừa bãi hoặc là lớn tiếng nói to, nói ôn ào thì đó là mất hết oai nghi của thầy Tỳ-kheo. Làm mất tín tâm của người Phật tử thì vừa Tồn phước, vừa Tồn đức của mình. Vậy rồi người mới vào đạo lấy cái gì để bắt chước theo đây? Nên nói lấy gì để kèm giữ cho người sau? Thí dụ như mình nhỏ mà cứ ngồi trên người, không kính nhường ai cả, thì đây giống như Bà-la-môn tụ họp, ngồi lộn xộn bừa bãi, không trật tự.

Còn đi thì vừa đi vừa chạy hoặc là đi sau mà chen lấn lên trước, thì đúng là mất hết những thể thống trật tự. Đó là do trước không lo học phép tắc, oai nghi, nếu có học biết lo giữ gìn thì đâu đến nỗi.

"Ăn rồi dậy trước, khua vang chén bát, làm mất hết Tăng thể". Đúng pháp lên bàn ăn thì phải khéo giữ gìn chánh niệm, kiểm soát mọi cử chỉ. Còn đây thì khua đĩa khua muống ôn ào, ăn trong tư thái đó tức nhiên là bữa ăn tồn phước đức.

Nhắc tất cả là phải biết trong từng cái gặp của mình, từng cái muống đưa vào miệng của mình, là ăn trong chánh niệm, trong sự kiểm soát thì sẽ nhẹ nhàng mà có ý nghĩa. Cho nên đây phải tập ăn trong tư thái nhẹ nhàng, có sự kiểm soát, chứ không có gì phải hấp tấp, đâu phải sợ người ăn hết mà lo tranh.

Thí dụ mâm bốn người, trong đĩa có miếng đậu hũ cắt làm tư thì mình phải biết là gấp một góc thôi, người ta cắt làm tư tức là mỗi người một miếng. Còn cái này mới gấp một miếng bỏ vô, sợ mấy người kia gấp hết, gấp thêm miếng nữa thì đó là hiện tượng tham.

Ngoài thế gian người ta nói "ăn coi nôi, ngồi coi hướng", là phải biết nhìn, chứ không phải theo cái thích mà làm. Như vậy chỉ một phép ăn này thôi, kiểm lại mình còn chưa làm xong thì nói gì đến chuyện cao siêu, đây là điều phải biết.

Học đây là để nhắc lại mỗi người phải tự kiểm lại chính mình, để mình làm đúng pháp, có oai nghi, phép tắc đàng hoàng và cũng là giúp cho tâm mình bớt thô tháo, bớt phóng túng.

Rồi ngồi đứng không yên, là sao? Tức là thân luôn trạo cử, ngồi chưa yên lại đứng, đứng chưa yên lại ngồi, hoặc động chân động tay, lúc lắc thân mình..., hoặc đi dậm chân bộp bộp làm động niệm cho người kế bên; hay lâu lâu đóng cửa cái rầm làm động tâm niệm người là tổn phước của mình. Chúng ta là người trong nhà thiền thì làm việc gì đều phải cẩn thận.

*Như câu chuyện vị tăng xin thầy xuống núi. Vị thầy không đáp là cho hay không cho mà bảo:*

*- Ông tới đóng dùm cửa sổ cho ta.*

*Vị tăng đi đến đóng cửa làm vang ra tiếng động.*

*Vị thầy nói:*

*- Không được! Phải ở lại ba năm nữa.*

Vị tăng nghe thầy nói mừng quá đến đóng cửa cho xong rồi đi xuống núi, nên phát ra tiếng động mạnh, qua đó biết rõ là tâm thầy còn thô động, do đó người thầy bảo ở lại học đạo thêm ba năm. Chỉ đóng cửa mà phải học đạo thêm ba năm, để cho thấy thiền trong mọi phút giây, chứ không phải là chỉ trên bờ đoàn. Cái đóng cửa cũng thiền, bước đi cũng thiền, giăng mùng cũng thiền.

Trong Phật có dạy: "Không được sáng ngủ dậy xếp mùng, giữ phạch phạch làm động tâm niệm người kế bên. Hoặc là dậy trước thì phải ngồi nhẹ rồi bước xuống êm không cho người kế bên giật mình". Đó là những cử chỉ oai nghi cần phải học kỹ.

Người xuất gia đệ tử Phật mà không có phép tắc, oai nghi thì lấy gì để làm gương cho người sau? Cho nên, mỗi vị phải kiểm lại mình xem có phạm lỗi hay không? Học kỹ để nhắc mình, và như vậy mới thấy rằng lời dạy của chư Phật, chư Tổ luôn là mới, lúc nào cũng mới hết.

*Luật sư Độc Thê hiệu là Kiến Nguyệt đã soạn phần luật Tỳ Ni, Ngài kể câu chuyện lúc còn đi tham học:*

*"- Có lần ở Am Viên Giác nghe Pháp sư Giác Ngộ giảng kinh Lăng Nghiêm, gặp ngày đàn-việt thiết trai cúng dường, một mâm hai người có bốn đĩa thức ăn cùng ngồi đối diện nhau. Luật sư cùng ngồi chung với vị tăng du phương, vị ấy vừa ngồi vào xong liền cầm đũa gấp liền miên chưa gì đã sạch trơn hết thức ăn, còn Sư gấp không kịp!*

*Thọ trai xong, Sư đi ra cửa nói với hai người bạn cùng đi rằng:*

*- Về sau, nếu chúng ta có nhân duyên vì chúng làm việc thì thức ăn không kể là nhiều hay ít, đều cho chung vào một bát rồi tùy đó mà mặc tình dùng. Một là oai nghi của vị tăng được tốt đẹp, kể là khiến người tin kính, chứ còn như hôm nay tăng thể của vị tăng này mất hết, đâu khác gì kẻ đói".*

Đây là bài học để nhắc nhở chúng ta. Mình phải biết giữ gìn phép tắc, oai nghi để không hổ thẹn là bậc xuất gia có giới hạnh, không có mất lòng tin kính của người Phật tử.

---o0o---

***"Vừa được nhắc nhở cho thì liền bảo: "Ta là thầy núi." Chưa nghe lời dạy của Phật để hành trì, cứ một mực giữ tánh tình thô tháo"***

Đến đây Tổ nói đến người biểu lộ cái tâm không biết hổ thẹn sửa đổi. Đứng ra với người thực lòng tiến tu thì khi được người nhắc nhở cho đó là một hân hạnh. Chúng ta phải khiêm tốn nhận lỗi, cảm ơn huynh đệ đã nhắc cho biết, để mình biết lỗi mà sửa đổi, đó là người thật lòng tiến tu. Còn đây, lại ương gàn không chịu sửa mà còn tự bảo vệ lỗi lầm của mình. Khi được huynh đệ nhắc cho thì bảo: "Ta đây thầy núi". Thầy núi không cần những hình thức, oai nghi, tu ở rừng núi mà! Luôn bảo vệ cho lỗi lầm của mình. Chẳng lẽ là thầy núi thì mặc tình thô tháo hay sao? Tổ Quy Sơn nhắc vì Sư cũng là thầy núi nhưng Sư không như vậy.

Đó là điều mà ở đây Sư muốn nhắc chung. Chúng ta phải biết khiêm tốn thành tâm nhận lỗi, ai có nhắc thì điều đó là điều hân hạnh cho mình, không được ương gàn; luôn luôn thấp mình để sửa, đừng cố chấp theo bản ngã sai lầm của mình.

Phật dạy trong kinh Pháp Cú:

*Nếu thấy bậc Hiền trí,*

*Chỉ lỗi và khiển trách.*

*Như chỉ chỗ chôn vàng,*



*Hãy thân cận người trí.*

*Thân cận người như vậy,*

*Chỉ tốt chứ không xấu.*

Tức là gặp người trí chỉ lỗi cho, giống như chỉ chỗ chôn vàng cho mình, thì đó là quá hay!

*Thật khó tìm ở đời,*

*Người biết thẹn tự chế.*

*Biết tránh né chỉ trích,*

*Như ngựa hiền tránh roi.*

Bạc Hiền là phải như vậy, chúng ta cũng phải vậy, cũng cần sống với tính cách của bậc Hiền trí. Đừng theo kiểu ương ương gàn gàn mà Tô Quy Sơn đã nói, không chịu nghe lời Phật dạy để hành trì, mà cứ một mực giữ tánh tình thô tháo, bảo vệ lỗi mình. Đó là con đường đi xuống, là đóng cửa chân lý, đóng cửa lẽ thật.

Trái lại, chúng ta phải chọn con đường đi lên, con đường tiến đến bậc hiền, sẵn sàng mở cửa chân lý để thấy được lẽ thật. Đó là những điều mà Tô Quy Sơn thấy được nêu ra để nhắc người sau khéo biết để không phạm.

Đây học để chúng ta kiểm lại mình, chứ không phải học rồi để chê bai người, chỉ trích người ta không chừng mình lại còn hơn nữa, lại phải mang thêm tội khẩu nghiệp. Học để tu, phải nhớ kỹ điều đó! Tổ dạy tiếp:

---o0o---

***"Cái hiểu như trên bởi do tâm ban đầu biếng lười, ham mê ăn uống dần dà qua ngày. Thời gian thấm thoát trôi qua trong đời, trở thành kẻ què dốt"***

Sư chỉ ra lỗi ban đầu do lười biếng, không chịu học hỏi, cứ vui đầu trong việc ăn uống để ngày qua tháng lại, chùng lón lên trở thành kẻ què dốt. Đó là hậu quả của tâm biếng lười.

Đây nhắc người xuất gia phải biết tu học để ngăn ngừa hậu quả biếng lười, thời gian thấm thoát trôi qua rút cuộc thành kẻ què dốt, không làm được việc gì cho đạo.

---o0o---

***"Nào ngờ già nua lụm cụt, gặp việc ngu ngơ. Kẻ hậu học thừa hỏi không lời để tiếp dẫn. Dầu có bàn nói chẳng dính phép tắc, hoặc bị xem thường liền trách hậu sanh vô lễ, tâm giận phùng phùng, nói năng át người"***

Lâu ngày sống trong đạo người hậu học thấy tượng đầu là bậc Trưởng lão trong chùa nên mới đến thưa hỏi. Lúc đó mới xấu hổ không biết trả lời sao! Dầu có đáp cũng không dính dáng gì đến phép tắc, lúc đó mới thấy khổ. Lỗi do biếng lười không lo tu học nên khi tuổi già gặp việc ngu ngơ, bị kẻ hậu học thưa hỏi không lời để tiếp dẫn, dù có gắng gượng nói bàn, cũng là nói bừa không dính gì đến phép tắc.

Rồi bị kẻ hậu học khinh thường vì nói không trúng lý, mới liền lấy tư cách của người lớn trách họ vô lễ mà không biết lỗi là do mình. Hoặc đổ mặt nạt nộ để át họ, không cho hỏi tới càng lộ ra cái quē dốt thêm.

Đó là những lỗi mà Tổ Quy Sơn nhắc để chúng ta biết ngăn ngừa. Đây cũng là kinh nghiệm để sau này các vị đó đi ra ngoài lỡ gặp người hỏi trả lời không được, tức là mình chưa hiểu tới, chưa nghiên cứu kỹ thì đừng nói càn nói đại mà thật thà nói điều này tôi chưa có nghiên cứu hẹn lại lần sau, lúc đó người ta thấy thật thà thì họ càng quý thêm.

Ở đây Tổ nêu lên trường hợp người đã không biết điều dở và sai sót của mình, còn tỏ thái độ bất nạt người thì đó là càng bày ra cái dở thêm, tức là càng lộ ra cái thiếu học của mình nữa. Tổ Quy Sơn nhắc kỹ để chúng ta biết ngăn ngừa, tránh không rơi vào lỗi đó. Cho nên người tu chúng ta phải tập là người thành thật, chớ có dối mình dối người.

Đây Tổ chỉ ra thái độ thô tháo của người lười biếng thiếu tu học chính chắn. Ngài nhắc và mong những người học sau này phải biết suy nghĩ để không rơi vào tình trạng như trên. Thật đáng buồn! Khi chết rồi không biết sẽ đi về đâu?

---o0o---

***"Một mai bệnh nằm trên giường, mọi khổ bao vây bức bách. Ngày đêm lo nghĩ, trong lòng hoảng khiếp. Đường trước mờ mờ chẳng biết về đâu?"***

Tức là khi bệnh nặng nằm trên giường chờ chết, thì lúc đó mọi thứ khổ kéo đến bức bách không chạy đâu khỏi. Thật ra thì không ai muốn mình như vậy, nhưng dù muốn hay không muốn cũng phải đành chịu. Bởi vì thân này là vô ngã, không chủ động được. Đến lúc đó thì mới lo sợ hoảng khiếp, ngày đêm lo nghĩ không biết lấy gì để đối phó đây! Khi cái chết đến thì những nghiệp tập mình đã tạo đều hiện ra, lại không có gì đối phó rồi không biết chết sẽ đi đâu? Tâm hoảng hốt mất tự chủ càng lo sợ thêm, mà càng lo sợ thêm, mà càng lo sợ thêm thì càng đi bậy. Nên đây là khổ nạn lớn.

Đến đây mới thấy sự nghiệp tu hành của mình lâu nay không có điểm tựa, giờ làm sao được an tâm để ra đi, thật là khổ! Nên Tổ nói là đường trước mờ mờ mịt mịt, chẳng biết sẽ đi về đâu! Lúc đó đâu có ai đi theo đưa tiễn, cũng

không ai làm bạn, một mình đi cô độc mà không có gì để nương mới thấy khổ trăm bề. Nếu như ngay đây mà nghĩ xét được đến chỗ đó thì còn có lòng nào để buông lung, để lơ đãng không lo tu hành!

Các huynh đệ đọc kỹ trong kinh Lăng Nghiêm đến phần sau nói về người lúc sắp chết thì tưởng đi lên, tình chìm xuống và sáu cái giao báo của sáu căn rất đáng ghê sợ. Nghĩa là mắt thì thấy những cảnh ghê rợn, tai thì nghe những tiếng làm cho loạn tâm, khổ sở trăm bề, không có gì làm chủ được.

Vậy ngay đây chúng ta phải tập, phải lo tiên tu để có được những bước đi vững vàng sáng suốt, vì đây là con đường mà ai cũng phải đi qua. Tức là có sanh thì phải có tử, phải đi đến thôi. Nếu người không lo tu học, không có thiện nghiệp thì đến lúc cuối đời là một nỗi khổ lớn. Chết trong tối tăm mờ mịt, lo sợ hoảng hốt, đó là điều nguy hiểm!

Đây là Tổ Quy Sơn cảnh tỉnh rất cả người tu phải biết để chuẩn bị cho mình, chứ đừng để đến lúc cuối rồi ăn năn không kịp.

---o0o---

***"Từ đây mới biết ăn năn tội lỗi, khát đến đào giếng làm sao cho kịp? Hận mình sớm chẳng lo tu, tuổi già sanh nhiều tội lỗi. Sắp chết hoang phí sợ sệt hãi hùng, lưới thủng chim bay, thức tâm theo nghiệp. Như người mang nợ, ai mạnh đòi trước, tơ lòng nhiều mối, nặng đầu rất đó".***

Tức là đến đây mới biết ăn năn nhưng làm sao kịp! Nên gọi là khát đến mới đào giếng thì sao cho kịp. Phải lo chuẩn bị trước, lúc còn khỏe mạnh sáng suốt thì phải lo tu tập đạo nghiệp để tạo cái phao cho mình, đừng đợi đến phúc cuối thì sao kịp nữa.

Lúc đó nhớ lại không có chút công phu làm chỗ nương tựa, thêm bao nhiêu tập khí tội lỗi kéo đến, càng làm cho rối rắm thân thức của mình, chỉ thấy khổ và khổ thôi! Nhưng tội lỗi này do ai đem đến cho mình? Mỗi người hãy thật lòng kiểm lại sẽ thấy được chỗ mình cần phải làm.

Bắt đầu ngay từ giờ phút này phải làm lại từ đầu thì cũng còn kịp, nếu để đến thời tiết về sau thì là muộn rồi.

Đây Tổ Quy Sơn nhắc người sắp chết thì sự hoang phí một đời, bao nhiêu những sợ sệt, hãi hùng kéo đến còn kêu cứu với ai được nữa. Lúc đó hận mình sớm chẳng lo tu, tuổi già sanh nhiều tội lỗi.

Người xuất gia tu hạnh giải thoát, tức là bậc Thượng Sĩ Xuất Trần. Bậc thượng sĩ có chí xuất trần mà đến lúc chết lại đành phải khoanh tay cúi đầu hoảng khiếp, sợ sệt như thế này hay sao? Đó là điều chúng ta cần phải suy nghĩ kỹ để mình có những bước đi sáng sủa.

Bởi vì đến lúc này gọi là lưới thủng chim bay, thức tâm theo nghiệp. Như người mang nợ thì nó dẫn mình đi thọ sanh theo cảnh giới đó, không tự chủ tự do gì hết, gọi là hoàn toàn bị nô lệ theo nghiệp. Lúc này nặng đâu rút đó, ai mạnh đòi trước; trong tâm thì rối bời, mất hết sáng suốt tự chủ để lựa chọn nên đành theo nghiệp.

Lưới thủng chim bay là trong kinh nói có con chim sẽ bay vào trong cái bình. Có người lấy miếng lụa thưa bịt miệng bình lại. Được thời gian miếng lụa bị thủng đi, con chim sẽ liền bay ra.

Chim sẽ dụ cho thức thân hay thức A-lại-da, còn cái bình dụ cho thân, miếng lụa thưa là dụ cho mạng căn của mình. Đến lúc mạng căn hết rồi giống như tấm lụa thủng, thức thân liền bay ra. Như thân năm âm của mình, khi mạng căn hết thì thức A-lại-da liền bỏ thân này mà đi theo nghiệp để thọ sanh đời khác. Chúng ta là người hiểu đạo biết tu, thì phải khéo làm chủ trở lại.

Trong Nguồn Thiên, Ngài Khuê Phong có giải thích:

*"Hỏi: Như người ngộ lý, dứt vọng thì không kết nghiệp, vậy thì sau khi mạng chung linh tánh sẽ nương vào đâu?"*

*Đáp: Tất cả chúng sanh đều có tánh giác linh minh không tịch, chỉ do từ vô thủy kiếp đến nay chưa từng liễu ngộ. Do đó mà vọng chấp thân là tướng của ta, nên mới sanh tình yêu ghét, rồi theo tình tạo nghiệp, theo nghiệp mới thọ báo, sanh già bệnh chết luân hồi nhiều kiếp, nhưng mà giác tánh ở trong thân thì chưa từng có sanh tử. Như nằm mộng thấy bị xua đuổi mà thân vẫn nằm yên ở trên giường, vốn tự vô sanh thì đâu có chỗ nương gởi. Cái tinh lanh không mờ mịt, rõ ràng thường biết, không từ đâu đến cũng không đi đâu. Song vọng chấp nhiều đời huân tập thành tánh thì mừng giận, vui buồn, trôi chảy nhỏ nhiệm. Tuy đã đốn ngộ chân lý mà tình này không dứt liền, cần phải hằng xét nét dần dần tổn giảm.*

Ngài nói là tuy đốn ngộ thấy được lý thật, nhưng cái tình này không phải ngay đó dứt liền, do đó mà còn phải tu.

*Như gió dừng mà sóng dần dần mới lặng, đâu thể tu hành một đời mà đồng lực dụng của chư Phật. Chỉ nên lấy không tịch làm thể của mình, chớ nhận sắc thân này. Tức là phải nhớ lấy cái không tịch, cái rỗng lặng làm thể của mình, chớ nhận sắc thân này làm mình.*

*Lấy cái linh tri làm tâm của mình chớ nhận vọng niệm. Cái biết sáng suốt gọi là linh tri, nhận cái linh tri đó làm tâm mình, đừng nhận vọng niệm.*

*Vọng niệm nếu khởi không nên theo nó, khi sắp mạng chung tự nhiên nghiệp không thể ràng buộc. Nghĩa là vọng niệm có khởi nhưng không theo nó mà*

nhớ trở lại cái linh tri tức là cái biết sáng suốt. Được vậy thì đến khi mạng chung tự nhiên được làm chủ trở lại, không bị ràng buộc theo nghiệp.

*Tuy có thân trung ám mà đi tự do tùy ý, đến cõi người, cõi trời thọ sanh. Nếu niệm yêu ghét đã hết tức không thọ thân phần đoạn, tự đổi dở thành hay, đổi thô thành diệu. Còn nếu phần trôi chảy nhỏ nhiệm lắng sạch tất cả, chỉ riêng còn Viên giác đại trí sáng suốt, tùy cơ ứng hiện trăm ngàn ức thân độ chúng sanh hữu duyên, gọi đó là Phật."* Nếu chưa được tự do tự tại trong sanh tử thì phải nhớ cái linh tri sáng suốt của mình, không theo vọng niệm thì khi sắp chết cũng được phần làm chủ. Tuy có thân trung ám là cũng còn sanh trở lại, nhưng đi tự do hay tùy ý đến cõi người cõi trời, đó cũng được phần tự chủ.

Do đó chúng ta học nhớ để lo tiên tu, nhớ nơi mình có tánh giác thường trụ rồi sống trở về tánh giác chớ không theo vọng niệm, theo cái sanh diệt. Muốn vậy thì ngay đây phải lo công phu tu tập để huân sâu hạt giống này, còn đợi tới lúc gần chết thì làm sao kịp? Khát đến mới đào giếng là muộn rồi!

---o0o---

#### **Chánh Văn (tt4)**

***"Quý sát vô thường, niệm niệm chẳng dừng, mạng chẳng kéo dài, thời chẳng thể đợi. Trời người ba cõi vẫn chưa thoát khỏi, thọ thân như thế số kiếp không cùng".***

Quý sát vô thường tức là thân chết. Cái chết luôn chực sẵn bên mình, lúc nào cũng chực chờ thừa cơ hội là nó dẫn chúng ta đi, không hẹn hò chờ đợi ai hết. Nên đây, Tổ nói là mạng chẳng kéo dài, thời chẳng thể đợi. Vì vậy chúng ta phải luôn thiết tha "dán chữ Tử trên đầu", lúc nào cũng phải nhớ cái chết nằm sẵn bên mình thì không dám buông lung phóng dật.

Vừa có một niệm tham hay niệm sân, niệm giải đãi thì liền nhớ đến "chữ Tử" để cảnh tỉnh mình, lúc nào cũng luôn tinh tấn đối phó với con quý sát vô thường thì có thời giờ đâu để mà tham, sân, buồn, hận, giải đãi. Nếu nghĩ là còn có thời gian, còn mấy chục năm nữa mới chết thì lúc đó niệm buông lung liền xen vào.

Nếu khéo nhớ kỹ như vậy thì sẽ là động lực thúc đẩy chúng ta cảnh tỉnh tiến tu và bớt niệm phóng dật. Nhớ rằng tất cả chúng ta đang ngồi đây là ngồi trên cái chết thì còn tâm nào buông lung phóng dật.

Và ở đây Tổ nói là cái chết đến thì không thể hẹn hò, chờ đợi được nữa, như vậy mà không lo tu thì còn làm gì nữa? Trừ khi mấy huynh đệ được công phu như ông chủ sự hẹn với Diêm vương bảy ngày tới đón.

*Ở trong hội Thiền sư Diêm Quan có vị tăng làm chủ sự, có hôm bỗng thấy một quý sứ đến bắt đi. Tăng ấy nói: "Tôi vì làm chủ sự chưa có rảnh tu hành, xin cho hẹn bảy ngày sau được chăng?" Quý sứ nói: "Đợi tôi trình lại với vua, nếu chấp thuận sau bảy ngày sẽ đến, chẳng vậy thì giây lát liền đến". Nói xong nó liền biến mất. Sau bảy ngày, quý sứ đến tìm vị tăng ấy trọn chẳng được.*

Thật ra không phải là đợi đến lúc bảy ngày đó ông chủ sự này mới tu, trong thời gian làm việc ông cũng có tu rồi, công phu cũng khá chứ không phải thường, nhưng chưa đủ chín muồi, chưa đủ sức nên nỗ lực thêm bảy ngày nữa cho tròn. Nếu mà thời gian trước ông không có tu thì tới lúc này mà tu trong bảy ngày chắc là khó được.

"Trời người ba cõi vẫn chưa thoát khỏi" tức là lẩn quẩn trong tam giới này. Rồi "thọ thân như thế số kiếp không cùng", nghĩa là bỏ thân này lấy thân khác, mà cứ tới lui tới lui vậy, lẩn quẩn trong ba cõi, số kiếp không cùng, không biết bao giờ mới xong. Nghĩ đến đó không thấy sợ sao?

Chúng ta phải biết là mỗi một lần thọ thân là mỗi lần chòng thêm một lớp mê cách ám, mà chòng một lớp mê cách ám tức là chòng thêm lớp khổ. Cho nên, nếu chúng ta công phu không kỹ hoặc không sâu thì đời sau ra đời sẽ quên đâu có nhớ sớm trở lại lo tu, rồi phải tạo thêm những nghiệp mới nữa. Trừ khi mình công phu kỹ gọi là tích lũy nghiệp mạnh thì đời sau sanh ra sẽ nhớ tu sớm. Bởi vậy có những đứa bé mới bảy, tám tuổi không ai dạy lại đời đi tu, thì đúng là nó nhớ sớm. Đó là những người có nghiệp tích lũy mạnh. Khi nó nhớ sớm thì chúng ta cũng phải tạo những cái duyên lành tốt để nó được xuất gia trở lại tu sớm. Nếu không khéo gặp những duyên gì đó che hoại, tới chừng lớn lên không đi tu được phải lập gia đình rồi làm ăn, lại tạo thêm nghiệp mới.

Do đó, chúng ta phải lo huân tập kỹ tích lũy nghiệp cho mạnh, cho sâu thì dù chưa thật sự giải thoát hoàn toàn nhưng đời sau sanh ra thì nhớ sớm rồi tiếp tục con đường của mình, chớ không để kéo dài trong đường sanh tử này, thật đâu vui sướng gì!

Như câu chuyện về vị Thánh A-la-hán Đạt-ma-mật-đa ở xứ Kế Tân sống sau thời Phật. Nói chứng A-la-hán đó thuộc về chứng trong nội tâm, đã sạch hết nghiệp sanh tử, hình thức bên ngoài thì cũng giống như vị Tỳ-kheo bình thường. Ngài ở một ngọn núi có ba hang động.

*Bấy giờ có hai vị tăng từ xa nghe danh tiếng của Ngài nên tìm đến lễ bái. Khi đến hang động ở dưới cùng thì thấy có một vị Tỳ-kheo mặc y cũ kỹ, lộ vẻ tầm thường đang đốt lò chụm lửa trước cái bếp. Hai vị tăng không biết là ai mới đến hỏi thăm:*

*- Xin hỏi Trưởng lão Đạt-ma-mật-đa ở nơi nào?*

*Vị tăng đốt lò đáp:*

*- Ở trong phòng, trên lớp hang trên cùng kia.*

*Ngài lấy tay chỉ. Tức lớp hang thứ ba phía trên.*

*Hai vị tăng này theo lời chỉ đó mới lần tìm lên. Khi đến thì đã thấy vị tăng chụm lửa ngồi sẵn đó. Hai người mới giựt mình sanh nghi, nghĩ vị này chắc là Thánh tăng rồi. Mới nói:*

*- Đại đức là bậc Thánh, uy danh vang khắp cõi Diêm-phù-đề, vì sao lại tự cúi thấp mình làm vị tăng đốt lò như thế?*

*Tôn giả Đạt-ma-mật-đa đáp:*

*- Tôi nhớ đến việc sanh tử thọ khổ lâu dài, giả sử có đem cả đầu và tay để được đốt lò thì tôi cũng sẽ vì chúng tăng mà đốt không tiếc, huống chi đem chút thân phần thừa này làm việc đốt lò thì có đáng gì!*

*Ngài nói thêm:*

*- Tôi nhớ thuở xa xưa tôi đã từng làm thân chó đói khổ suốt năm trăm đời, và chỉ được hai lần ăn no. Đó là một lần có người uống rượu say ói mửa ở bên đường, tôi nhân đi qua gặp nên được một bữa no. Lần thứ hai sanh làm thân chó ở một gia đình nghèo, hôm đó nhân hai vợ chồng nấu niêu cháo (cái niêu có cổ cong miệng nhỏ, cái bụng bầu lớn ra) rồi có việc phải tạm đi vắng. Tôi vì đói nên liền chui đầu vào niêu ăn, khi ăn no rồi thì rút đầu không ra. Ngay lúc đó, người nhà lại trở về, họ thấy vậy giận quá lấy dao chặt đứt cái đầu tôi luôn. Tôi nhớ mình đã mang thân chó năm trăm đời, thì trong đó tuy có hai lần được ăn no nhưng lại mất mạng hết một lần. Cho nên suy nghĩ đến việc sanh tử lâu dài, xoay quanh trong năm đường chỗ nào sanh ra cũng đều là thọ khổ. Bởi vậy hôm nay tôi có ngại gì nhục nhằn mà không sẵn sàng làm vị tăng đốt lò?*

*Ngài kể lại quá khứ của mình để cảnh tỉnh mọi người, vì là bậc Thánh A-la-hán nên Ngài có túc mạng thông, nhớ lại trước 500 đời từng làm chó mà chỉ có hai lần được ăn no.*

*Mới thấy trong kiếp sanh tử luân hồi này có vui sướng gì đâu? Kiểm lại xem! Nghe rồi chúng ta mới thấy rùng mình cho kiếp luân hồi sanh tử này.*

Không lẽ còn muốn kéo dài ở trong đây để thọ khổ lâu dài nữa hay sao? Hôm nay, mỗi người chúng ta cũng được phước làm thân người, được thêm một phước nữa đó là tu hành, vậy nếu không lo tu thì sẽ rút trở lại, không thấy lo sợ hay sao?

Bởi chúng ta sanh ra rồi bị cái mê cách ám nên quên hết đời trước, nếu còn nhớ được đời trước của mình có nhiều đời gặp những cảnh khổ như vậy thì lúc đó mới rùng mình sợ, lo tu không kịp. Còn bây giờ không nhớ nên cứ nghĩ mình có được thân người mạnh khỏe là tự hào. Có những vị sanh trong gia đình tương đối khá, từ nhỏ lớn lên không gặp cảnh nhọc nhằn rồi đi tu; và người sau này cũng không gặp thời chiến tranh khổ sở, sống trong hoi hộp nên dễ sanh tâm buông lung. Ngược lại cần quán kỹ những cảnh khổ trong sanh tử mà lo tu để giải thoát việc lớn của mình, chứ không để kéo dài như vậy.

Nên đây Tổ Quy Sơn nhắc: "Không khéo rồi trời người ba cõi vẫn chưa thoát khỏi". Tức là lên xuống trong ba cõi và số kiếp thọ thân trong đó không biết bao giờ mới hết.

---o0o---

***"Cảm thương than thở, lòng quá xót thay! Đâu thể lặng im, lần lượt răn nhắc cho nhau"***

Nghĩ đến đây thì Tổ Quy Sơn thật lòng cảm thương cho mọi người, do đó mà phải lên tiếng để răn nhắc tất cả khéo biết tỉnh trở lại. Thấy cái khổ sanh tử lâu dài như thế, nên đâu thể ngậm im được, mà phải lên tiếng nhắc nhau nhưng không biết có ai nghe không? Nhưng vẫn cứ nhắc!

Nói đây thì chắc có người cũng còn chưa tin, bởi chưa thấy được hết vấn đề sanh tử khổ sở lâu dài, chỉ thấy hiện tại thôi. Nhưng nếu là người biết suy nghĩ rồi nghiệm trở lại thì cũng sẽ thấy được hiểu được, sẽ cảm thông những lời dạy của Tổ Quy Sơn, là những lời chân tình nhắc nhở nhau.

Nếu thực tâm xét lại thì chúng ta mới thấy mình tu là giải thoát cho mình, chứ không phải tu là mình giải thoát cho Ngài. Nhưng vì sao Ngài phải ân cần nhắc nhở thiết tha như vậy? Đó đúng là lòng chân thành thương xót vì nhau nhắc nhở thôi! Hiểu vậy mới có lòng cảm thông! Tiếp theo:

---o0o---

***"Hận bởi đồng sanh thời tượng quý, cách bậc Thánh dần xa, Phật pháp sanh lờn, người nhiều giải đãi"***

Ngài buồn cho mình sanh muộn trong thời tượng quý, cách bậc Thánh dần xa nên sanh lờn Phật pháp, nhiều người giải đãi.



"Tượng quý", tượng tức là chỉ cho thời tượng pháp. Phật pháp được chia làm ba thời: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Tượng tức giống giống thôi, qua thời chánh pháp đến thời tượng pháp còn tương đối gần với chánh, đến mạt thì cuối luôn.

Còn chữ quý là mượn từ trong nhà Nho bên Trung Hoa: Mạnh, Trọng, Quý. Mạnh là đầu, Trọng là giữa, Quý là cuối. Thí dụ: Mạnh đông là đầu mùa đông, còn Trọng đông là giữa mùa đông, Quý đông là cuối mùa đông.

Như vậy, thời của Ngài cách nay là bao nhiêu năm? Trên cả ngàn năm, mà Ngài còn than là Phật pháp bị sanh mòn, nhiều người giải đãi. Nếu như Ngài sanh vào thời này thì còn than cỡ nào nữa?

Phật pháp là phương thuốc hay để cứu chúng sanh ra khỏi cái khổ sanh tử, để trừ dứt phiền não đó là hy hữu quý báu trên thế gian chứ đâu phải thường, mà lại sanh mòn, không để lòng! Đó là điểm mà Ngài thấy buồn nên than!

Trong khi Phật pháp thì sanh mòn nhưng thế gian pháp thì lại chú tâm, dù ngăn cản cũng cứ lao vào nên giờ tôi có câu nhắc chung là:

*Cửa giác mở toan ít người đến,*

*Ngục mê đóng kín cứ chen vào.*

Tức là cửa giác là đang mở sẵn nhưng ít ai chịu đi đến, còn chỗ ngục mê đóng kín không cho vào nhưng cứ chen vào. Mới thấy cái làm mê điên đảo của con người là như vậy. Cho nên đây là những lời thật tình của Tổ Quy Sơn nhắc nhở cho tất cả phải hết sức thức tỉnh tiến tu!

Nói chi xa, kiểm lại những năm đầu ở Thiền viện Trúc Lâm này, đa số huynh đệ đều nhận thấy tin thần tu tập cũng mạnh hơn bây giờ. Tôi nhớ hồi xưa nhờ duyên lành nên gặp được chánh pháp sớm, và sớm rõ được đạo lý thiền này. Nếu tính đến hôm nay thì cũng trên ba mươi năm nhưng còn chưa dám buông lung giải đãi. Trong khi đó, thấy huynh đệ bây giờ không biết có bao nhiêu người sáng được việc lớn của mình nhưng lại dám giải đãi!!! Như vậy nếu xét kỹ hơn nữa thì rốt cuộc rồi đời tu của mình sẽ ra sao, sẽ đi đến đâu?

Ở đây, Tổ Quy Sơn than là cũng để nhắc mọi người phải biết lo tu tinh tấn. Thời đó mà Ngài còn than như vậy, nghĩ đến chúng ta thời nay thì sẽ thế nào đây?

Cần hiểu kỹ thêm, tuy đã nói có thời Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp đó là nói theo thời gian thuộc về con người, chứ pháp thì đâu có mạt. Nếu chúng ta khéo tu, và thiết tha tu tập thì thời mạt pháp sẽ được chuyển thành chánh pháp. Như thời nay cũng có được những người giác ngộ, chứ không

phải là cửa giác ngộ đóng kín hết, không cho mình thành tựu. Nghĩ vậy chúng ta có thêm niềm tin để tiến tu.

---o0o---

***"Lược bày chỗ thấy cạn hẹp để nhắc bảo với người sau. Nếu chẳng sạch lòng kiêu căng thì thật khó xoay tránh"***

Đây là lời khiêm tốn của Tổ Quy Sơn, Ngài nhắc bảo với người học là ở đây Ngài nói lược bày chỗ thấy cạn hẹp thôi. Mục đích nhắc cho người học đạo phải biết quên cái ngã để học đạo tu hành thì mới mong có ngày giải thoát, đừng quá đề cao cái ngã, mà phải sạch lòng kiêu căng.

Phải tự thấy mình là còn nhiều điều phải học, đừng chưa gì mà đưa cái ngã mình lên cao quá, sống theo tình mê rồi không nghe ai khuyên nhắc thì không biết lỗi lầm để sửa, như vậy dễ đi xuống vì xem thường nhân quả khó tránh khỏi những quả khổ đau đến cho mình.

Bởi vì nhân quả mình làm là mình chịu chứ không ai đem đến. Hôm nay được đủ duyên lành để tiến tu nhưng lại không chịu nhận duyên lành đó mà tiến tu, để cho lòng kiêu căng chắn ngang làm rào cản rồi chìm trở lại trong mê lầm, thật đáng tiếc!

Nên phải biết khéo nghe lời nhắc nhở để lo tiến tu, đừng theo kiểu như mình làm lỗi rồi huynh đệ thương tình nhắc cho, chẳng những không chịu nhận còn sùng sộ trở lại, nói: *"Tôi tự biết rồi! Chuyện của tôi để tôi lo, không dính dáng gì đến ông, chớ xen vào chuyện của người ta."* Đó là biểu lộ lòng kiêu căng, tự phụ không tốt.

Huynh đệ thương tình nhắc lỗi mà không chịu nhận, lại sùng sộ giống như khóa lấp, để người ta không nhắc, như vậy tức là làm cho mình thêm lỗi. Vậy rồi huynh đệ đâu có thêm nhắc nữa, tức là tự mình nhận chìm mình sâu trong tội lỗi, đi con đường đọa lạc. Cho nên phải khéo tránh.

Như câu chuyện ông Đề điếm Huệ Châu, là đệ tử Thiền sư Hồ Khâu. *Vốn thông minh lanh lợi, có tài nên ông được giao giữ việc thường trụ trong chùa hơn 30 năm.*

*Nhưng nhân nắm giữ việc thường trụ nên mặc tình lấy của thường trụ tiêu xài phung phí. Cũng có huynh đệ thấy vậy thương tình đem lý nhân quả nhắc nhở, coi chừng mang lông đội sừng đền nợ, ông lại không nghe mà còn nói kiểu kiêu căng: "Trọn năm có mang sừng đến thì Châu này cũng chỉ mang được một cặp thôi". Vậy đâu có gì phải lo. Cho nên đâu còn ai nhắc gì được nữa.*

*Không lâu sau, gặp lúc Cao Nạp Lân lãnh việc ở Tuyên Chánh Viện, thì những người thân thuộc của ông như Tịnh Kha..., đem đầy đủ những cáo trạng về việc làm của ông tố cáo. Ông bị kết tội đánh bằng gậy, rồi đuổi về thế tục luôn. Trước nhân quả chưa đến, còn nói kiêu kiêu căng. Khi nhân quả đến, đâu còn nói gì được.*

*Sau đó ông ở ẩn nơi Viện Hóa Thành, lại bị bệnh tê bại tay chân co quắp giống như con nhím, đuổi không ra. Mọi người thấy vậy mới kéo tay chân ông ra, càng kéo càng đau. Qua ba năm thì ông chết.*

Tác giả Sơn Am Tạp Lục kể lại câu chuyện này, rồi có lời bàn: *"Ông Huệ Châu trước kia dùng tâm thô thiển để nhận việc, rồi khinh thường nhân quả, cho nên nói trọn năm mang sừng chỉ mang được một cặp thoi. Nhưng với tôi thì tôi cho rằng, trong quả báo ở tam đồ thì năm tháng dài lâu, một cặp này đi rồi cặp kia lại đến, vô lượng kiếp. Nên mang một cặp sừng này đâu chỉ là một năm mà thoi!"*

Tức là trong quả báo ở ba đường ác thì năm tháng dài lâu chứ không phải dễ dàng như ông nói. Một cặp này đi, một cặp kia đến, cứ cặp này đi, cặp kia đến vậy đó thì mang vô lượng kiếp cũng không hết nữa, chứ đừng có nói một năm chỉ một cặp thoi! Đó là Sư nhắc nhở để cảnh tỉnh cho người sau!

Bởi vì đó là lời nói kiêu căng, chứ đứng ra người khéo biết lắng nghe khi huynh đệ nhắc thì lo sợ rồi sửa đổi là quá hay! Còn đây không những là không nghe mà còn nói kiêu đó. Đó gọi là xem thường nhân quả đến, đâu có tránh được! Chúng ta phải khéo hiểu rõ để ngăn ngừa.

Cho nên tu hành là phải biết thấp mình, lắng nghe chứ không có kiêu căng. Đây nói nếu chẳng sạch lòng kiêu căng thì khi nhân quả đến rồi thật khó tránh khỏi.

---o0o---

### ***"Chính người xuất gia là cất bước cao xa, tâm hình khác tục"***

Đây Tổ Quy Sơn nhắc đến tinh thần trách nhiệm của người xuất gia. Người xuất gia phải có chí hướng cao cả gọi là xuất trần, là cất bước cao xa. Nghĩa là người xuất gia là người cất bước cao xa. Nghĩa là người xuất gia là người cất bước lên những bước cao xa, vượt hơn thế tình, chứ không để cho bước chân dính đầy bùn như đi xuống thấp kém, thì còn ý nghĩa gì của bậc xuất trần!

Lại phải tâm hình khác tục. Chỗ này Ngài nhắc thật là chân tình, là người xuất gia đúng nghĩa là tâm hình khác tục, về cả hình tướng nơi thân cho đến trong tâm.

Về thân thì cạo tóc, mặc áo nhuộm, khoác ca-sa tức là mặt áo hoại sắc không giống người thế tục. Nhưng vào chùa rồi nếu không khéo lại đua chen theo vải lụa, màu sắc trang sức thế này thế nọ thì đâu khác gì thế tục. Đó là về hình tướng.

Kế quan trọng là phải chuyên hóa trong tâm, phải trừ bỏ những thói quen suy nghĩ tính toán, tư tưởng theo thế tục. Tâm phải nghĩ theo chánh pháp, theo con đường xuất thế; trái với phiền não tham sân si để tiến lên con đường xuất trần, do đó tâm cũng phải khác tục.

Nếu vào đạo mà tâm cứ nghĩ theo hơn thua yêu ghét, tính chuyện lợi danh như thế tục thì có khác gì người thế tục. Vậy thì tâm xuất gia ở chỗ nào?

*Có câu chuyện về một vị viên chức làm việc trong hoàng cung rất lâu. Càng lâu về già thì ông càng nhìn thấy những việc tranh chấp nhỏ nhen, những thủ đoạn ngầm để giành giật địa vị ở chốn quan trường với nhau. Ông thấy chán. Vì vậy khi về hưu thì ông xin vào tu ở một Thiền viện cách xa kinh thành và tự hẹn với mình là ở đây coi như không còn những phiền nhiễu của con người thế tục nữa. Nếu không sáng được đạo thì ít ra mình cũng được yên ổn, không còn phải chen lấn trong chốn giống như bùn lầy.*

*Nhưng ở trong Thiền viện một thời gian thì ông lại phát hiện ra mình cũng dần được cất nhắc lên chức vị này kia, cả chức vụ cao trong viện. Rồi những thủ thuật cũ trong triều đình trước kia mà ông cảm thấy chán thì khi kiểm lại nó cũng len lỏi sống dậy trong con người ông lúc nào không hay, nhưng còn tốt là ông thấy được.*

Bởi vậy khi kiểm lại, ông thấy được những điều tệ đó, ông mới giật mình, nói: "Ưa, sao mà lại vậy nữa? Trước mình đã chán những thứ đó rồi, đã hẹn đến đây sống như vậy là an ổn được rồi, nhưng bây giờ sao cũng như cũ vậy?".

*Sau đó ông quyết định rời khỏi Thiền viện, vào ở một hang đá trong núi, sống đơn giản, sơ sài như đời sống của một vị Khất sĩ. Có người thấy vậy mới hỏi lý do thì ông trả lời:*

*- Đi đâu rồi cũng vẫn một thứ phân bò cũ mèm đó thôi!*

*Ông quá chán, quyết không để dính vào những thứ đó nữa.*

Đó là một câu chuyện trong Ngụ ngôn Thiền mà cũng là một bài học để nhắc nhở, cảnh tỉnh cho người tu chúng ta cần phải suy gẫm kỹ trở lại. Chúng ta phải làm sao để xứng với ý nghĩa tâm hình khác tục. Về hình thức nơi thân thì cũng phải khác tục, về tâm hạnh bên trong cũng phải khác tục để xứng với tâm hạnh của người xuất gia, không thì cũng hổ thẹn lắm!

Đừng để lâu lâu kiểm lại thấy những tâm tình thế tục lại len lỏi vào lúc nào không hay. Không khéo việc sáng đạo ở đâu không thấy nhưng thấy sáng mắt vì danh lợi, sáng mắt vì ngũ dục, thì thật là hổ thẹn. Đó là cái điểm mà ở đây Tổ Quy Sơn muốn nhắc.

Mỗi huynh đệ luôn luôn nhớ lời của Tổ Quy Sơn đã cảnh sách là người xuất gia phải cất bước cao xa, tâm hình khác tục, để chi? Để còn phải:

---o0o---

***"Nói thanh dòng Thánh, khiếp đảm quân ma, đền đáp cả bốn ân, cứu vớt trong ba cõi"***

Bốn phận người xuất gia còn trách nhiệm nặng như thế. Người xuất gia là thay Phật để truyền bá chánh pháp, nên phải tu hành thế nào để mà nói thanh dòng Thánh ở thế gian. Tức là không để dòng Thánh này phải đứt đoạn nên gọi là nói thanh.

Làm sao phải chứng minh đạo quả giải thoát cũng vẫn còn đây, để mọi người thấy có niềm tin tu theo, thì đó mới gọi là nói thanh dòng Thánh. Và chứng minh cửa giác ngộ cũng vẫn còn đang mở khiến cho người tiến tu cố gắng đạt đến giác ngộ giải thoát, đó gọi là nói thanh dòng Thánh không có gián đoạn, không có đứt đi.

Câu chuyện trong thời Ngài Ajahn Mun cũng vậy. Ngài đọc kinh rồi cũng đọc sách, nghĩ rằng thời của mình chắc là những Thánh quả hay cửa giải thoát đóng kín rồi. Thời nay cách Phật xa nên chỉ tu phước để gieo duyên đời sau. Đó là quan niệm chung của nhiều người tu cùng thời với Ngài.

Sau Ngài mới nghĩ lại là không thể như vậy được. Ngài quyết tìm ra con đường chứng minh được là cửa giải thoát vẫn còn đang mở.

Cuối cùng nhờ nỗ lực tu tập, Ngài cũng thành tựu được những điều mà Ngài mong muốn và Ngài cũng chứng tỏ cho mọi người biết đúng là cửa giải thoát vẫn còn đang mở. Đó cũng gọi là nói thanh dòng Thánh.

Nhưng nếu chúng ta vào tu rồi tâm mình không khác tục gì hết thì làm sao nói thanh dòng Thánh được? Đó là những điểm nghe rồi chúng ta cần kiểm và nhắc lại mình để có hướng đi đúng đắn. Muốn vậy, phải cất bước cao xa, tâm hình khác tục, để nói thanh dòng Thánh, làm khiếp đảm quân ma, đền đáp được bốn ân, cứu vớt được ba cõi. Còn không thì mình cứu mình còn chưa xong nữa mà. Tổ Quy Sơn nhắc tiếp:

---o0o---

***"Nếu chẳng như thế là lạm xen vào hàng Tăng, nói năng hành động rỗng tuếch, luống tiêu của tín thí"***

Nếu người xuất gia không được như vậy, không phải bậc tâm hạnh xuất gia siêu thoát như Tổ Quy Sơn dạy, thì làm sao xứng đáng dự vào trong hàng Tăng bảo. Không khéo nói năng hành động không có đạo lý thì làm sao tiêu được của đàn-na thí chủ?

Trong kinh luật có giải thích về "Tăng", có bốn hạng Sa-môn:

Một là "thắng đạo Sa-môn", tức những vị Sa-môn đã được đạo thù thắng, như Đức Phật, Bồ-tát, Thanh Văn và Duyên Giác.

Hai là "thị đạo Sa-môn", "thị" tức là chỉ dạy, tức là hàng Sa-môn đem đạo lý thù thắng chỉ bảo cho người, như các Ngài Xá-lợi-phất từng thuyết pháp, dạy đạo nên gọi là Thị đạo Sa-môn.

Ba là "mạng đạo Sa-môn", tức là hàng Sa-môn có thể giữ chánh mạng, sống chánh mạng như là Ngài A-nan lấy giới định tuệ làm chánh mạng, làm mạng sống của mình. Ở đây cũng gọi là "hoạt đạo Sa-môn", là sống vì đạo. Những vị này có thể điều phục phiền não, tinh tiến tu tập thiện pháp, có sức trường dưỡng mạng căn trí tuệ của mình.

Bốn là "ô đạo Sa-môn", tức là hạng Sa-môn làm ô uế đạo. Như những hạng phạm tứ trọng pháp tức là phạm giới, cũng gọi là "hoại đạo Sa-môn". Đó là hạng Sa-môn làm hư đạo, đáng trách.

Rồi "Tăng" cũng có bốn hạng:

Một là "có thân tướng tăng nhưng không có trí tuệ" thì Phật gọi là "si tăng", tức là ông thầy u mê.

Hai là "có cái lưỡi này mà chẳng biết thuyết pháp" thì Phật gọi là "á dương tăng", tức ông thầy dê câm. Có lưỡi mà không biết thuyết pháp cho người.

Ba là "giống như tăng mà chẳng phải tăng, giống như tục mà chẳng phải tục" thì Phật gọi là "điều thử tăng". Tức là ông thầy chim chuột hoặc gọi là cư sĩ trọc. Tức là cư sĩ không phải cư sĩ mà thầy không phải thầy.

Bốn là "thanh tịnh tăng", tức người sống chân thật đúng pháp.

Luật Đại Trí Độ có nêu ra bốn hạng "Tăng":

Một là "thật tăng", tức là thanh tịnh tăng, sống chân thật đúng pháp.

Hai là "hữu tu tăng", tức là những vị tăng tuy có thọ trì giới luật tu hành nhưng mà vẫn phạm tội, rồi sau đó sám hối.

Ba là "á dương tăng", tức là những vị tăng ngu muội, không phân biệt được thiện ác.

Bốn là "vô tu tăng", tức là những vị tăng phá giới, không biết hổ thẹn.

Mỗi người chúng ta phải chọn cho mình một hướng đi đúng đắn, là hạng tăng nào xứng với ý nghĩa "Tăng" mà Phật đã dạy. Đừng để thành ông tăng nói năng hành động rộng tuếch, luống tiêu của tín thí; mà không tiêu được của tín thí tức là sẽ phải đền nợ, không được xem thường!

---o0o---

### **"Chỗ sống năm xưa chẳng đời tắc bước, lò mờ một đời lấy gì nương tựa"**

Tuy là người xuất gia mà không thực hành theo pháp người xuất gia cho nên không có những bước tiến trên đường xuất trần. Do đó gọi là chỗ sống năm xưa không có đời tắc bước, tức cứ y như cũ. Xuất gia ở chùa mà sống như tâm thế tục ngày trước thì không có gì để chuyển hóa, để tăng tiến nên nói không có đời tắc bước.

Nghĩa là vào đạo mà vẫn sống theo thói quen thế tục, tham sân cũng vẫn không chừa, phiền não vẫn không chuyển, rồi nghiệp xấu vẫn y nguyên, vậy xuất gia để làm gì? Không thấy hồ thẹn sao?

Bởi vậy mà Hòa thượng Trung Phong có lời nhắc nhở môn nhân:

*- Sanh tử không có chỗ cho ông thoát khỏi. Một việc lớn sanh tử nơi chính mình lại dính da, kẹt xương, niệm niệm không gián đoạn. Bởi vì tâm này chẳng chịu thôi nghĩ, luống hướng về ngàn Phật muôn Tổ thề thốt cho lắm. Cho đến hôm nay đứng phải ở dưới ba y mà gọi là đạo lưu. Nhưng ngặt nỗi vẫn y như cũ, chỗ nhận biết trước mắt họ chẳng thấu vỡ, động một chút liền sanh tâm, dấy niệm. Thấy đều là giúp thêm cho sanh tử trôi chạt lâu dài, quên mất cả chí hướng xuất gia ban đầu. Giống với sự rối rắm như thế thì đành chịu ngàn muôn đời luống kéo dài nghiệp luân hồi. Đối với giáo lý nào có ích gì?*

Ngài Trung Phong răn nhắc xuất gia tu hành mà không lo giải quyết việc lớn sanh tử, cứ theo thói cũ, động chút là sanh tình rồi kéo dài nghiệp luân hồi trong sanh tử làm uổng đi chí nguyện xuất gia cao cả ban đầu. Nghĩ lại lời thề thốt với Phật với Tổ thì trở thành nói dối. Trong khi đó thì những chỗ sống, những tư tưởng vẫn y như cũ. Đó là điều muốn nhắc mình phải hết sức hồ thẹn để chuyển hóa, vươn lên trên đường xuất thế; trừ bỏ những thói xưa, những tật cũ xấu dở cho xứng đáng với hạnh xuất gia giải thoát. Thì đó mới không hồ thẹn con đường mình đã đi. Cho nên nói là chỗ sống năm xưa chẳng đời tắc bước thì lò mờ một đời lấy gì nương tựa được?

Ngài Châu Hoàng cũng có lời cảnh tỉnh về người xuất gia rằng:

*- Hầu như mọi người khi mới xuất gia thì chí nguyện của họ tuy có lớn nhỏ nhưng ít nhiều cũng đều có đạo tâm. Nhưng rồi dần dà đều bị danh lợi làm ô*

*nhiễm, tiếp đó thì xây dựng phòng xá, trồng rừng vàng, mua nhà đất, nuôi tôi tớ, tích chứa tiền tài, hết mình làm chuyện thế gian, phan duyên chẳng khác gì người thế gian cả. Trong kinh Phật nói: "Có một người xuất gia học đạo thì Thiên Ma Ba-tuần liền lo sợ. Khi người xuất gia biến thành một kẻ không khác thế tục thì Ma Ba-tuần liền uống rượu chúc mừng".*

Tức là chúng ta xuất gia thì ma sợ vì mất quyền thuộc, rồi mình kéo thêm những người xuất gia nữa cho nên nó lo sợ. Còn khi xuất gia rồi lại biến thành kẻ không khác thế tục thì nó uống rượu chúc mừng lại có thêm quyền thuộc.

*- Người xuất gia phát Bồ-đề tâm đầu tiên phải biết việc này mới phải. Tôi có gặp qua một Sa-môn tu khổ hạnh ở trên núi, vừa xuống núi thì có mấy mươi nam nữ Phật tử đến quy y cúng dường, lâu dần rồi thì mất hết đạo lực, bận bịu túi bụi, hướng hồ gì làm những việc tội tệ. Người xưa nói sau khi xuất gia rồi cần phải lại ra khỏi nhà phiền não, phải lại cắt đứt trần duyên là xuất gia sau xuất gia. Xuất gia trước gọi là xuất gia trước xuất gia thì dễ, còn xuất gia sau xuất gia là khó. Tôi vì việc này cẩn thận hết sức, ngày đêm vô cùng lo lắng, sợ rằng mắc lỗi như trên.*

Đó là lời ân cần nhắc nhở chân thành của các vị tiên đức, các Ngài kinh nghiệm răn nhắc. Cho nên chúng ta học để thấy lại, để nhắc mình, cảnh tỉnh mình sống cho xứng đáng là người xuất gia đúng nghĩa. Không để theo chỗ sống năm xưa chẳng đời tác bước, rồi cuối cùng lờ mờ một đời không biết nương tựa vào đâu. Không có chỗ công phu gì hết thì lấy cái gì để mà nương tựa, để mà làm chỗ tiến lên cho mình. Thì đó rất là hổ thẹn, mà cũng rất là đáng lo cho nhân quả sau này nữa!

---o0o---

***"Huống nữa Tăng tướng nghiêm trang, dáng vẻ đáng nhìn, đều do căn lành đời trước đã trồng, mới cảm quả báo khác thường nay có".***

Đến đây Tổ Quy Sơn khích lệ, hôm nay chúng ta được mang Tăng tướng nghiêm trang "đường đường Tăng tướng" thế này, người ta nhìn vào thấy mến, thì cũng không phải là ngẫu nhiên mà có, tức là đều có nhân quả trước sau cảm nên.

Hiểu được vậy thì sẽ khích lệ chúng ta có thêm niềm tin. Nghĩa là đời trước cũng đã từng gieo trồng căn lành xuất gia nên hôm nay mới cảm được quả báo này. Đây gọi là quả báo khác thường, chứ không phải là chuyện dễ dàng, chuyện ngẫu nhiên. Nhưng vì chúng ta còn mắt phàm chưa có túc mạng nên không nhớ hết, nhưng đối với lẽ thật thì nó đều có nhân quả.



Thử nhìn kỹ một chút thì mới thấy chỉ việc xuất gia cũng phải dễ, huống nữa là xuất gia có được tăng tướng dàng hoàng. Nếu đời trước chúng ta chưa trồng căn lành gieo nhân xuất gia thì cũng không dễ gì làm được, đừng có xem thường. Nhiều khi chúng ta không quán kỹ, nên có được duyên lành rồi lại không trân trọng để nó qua sông thì đó là đáng tiếc!

Nhìn lại xem, có biết bao nhiêu người, cũng có tâm muốn xuất gia, nhưng rồi bị duyên này duyên kia ngăn trở, không thực hiện được. Như khi Hòa thượng tuyên bố làm người vô sự, thì có nhiều vị sợ Ngài nghỉ rồi không biết còn làm gì nữa không, mới tranh thủ xin Ngài vá kéo gieo duyên; nhưng từ đó tới nay có người cũng chưa xuất gia được. Mới thấy việc xuất gia đâu phải chuyện dễ, có duyên này duyên kia ngăn lại. Hoặc khi được duyên lành rồi lại không giữ được đời xuất gia. Chuyện này thì quý vị thấy rõ ràng.

Ở đây, Tổ Quy Sơn nhắc mỗi người nên nhận định kỹ nhân quả, biết được căn lành của mình đã có mà trân trọng, rồi lo vun bồi cho nó càng ngày càng tốt hơn để xứng đáng với duyên làm mình đã có. Đừng để qua mất một cách luống uổng!

---o0o---

***"Sao đành khoanh tay đứng đưng, chẳng quý tác bóng, chẳng chăm lo sự nghiệp thì công quả nhân đâu được thành? Lẽ nào để cho một đời qua sông, thật không ích gì với sự nghiệp đời sau".***

Tác bóng tức là thời gian. Trước là nhắc đến căn lành đã có để chúng ta biết trân trọng; đây mới khuyên hãy lo tu hành để có được những công quả tốt lành đáp lại. Nếu khoanh tay đứng đưng tức là để cho thời gian mặc tình trôi qua, không biết quý tiếc. Có những vị xuất gia, được vào chùa rồi thì khoanh tay đứng đưng, thông thả qua ngày, không biết quý tiếc thời gian của mình để lo tu nên Ngài nhắc.

Phải nhớ kỹ là theo dòng vô thường thì không thể tắm hai lần trong một dòng sông. Nghĩa là chúng ta xuống tắm dòng sông đó rồi lên, khi xuống trở lại lần nữa thì dòng nước sông lúc này đã trôi qua không còn mà dòng nước khác trôi tới, nên không thể tắm hai lần trong một dòng sông.

Thông thường ai cũng thấy hôm qua tắm dòng sông đó, hôm nay cũng tắm. Nhưng sự thật không phải vậy. Hễ bước lên rồi là dòng nước sau chảy tới thì dòng nước trước đi mất rồi.

Đây cũng vậy, duyên lành của chúng ta đang có không dễ có lại được lần thứ hai, mà lần thứ hai đến thì đã khác đi rồi, vì đã đổi mới không phải như trước. Có khi nó được tốt hơn hoặc có khi xấu hơn chứ không như cũ nữa,

cho nên gọi là không thể lặp lại. Do đó chúng ta phải biết tận dụng duyên lành sẵn có để lo tiên tu, chớ không để qua rồi khó tìm lại.

Đây Ngài nhắc nếu người xuất gia không chăm lo sự nghiệp tu hành, để cho thời gian trôi qua vì những việc vô ích thì cuối cùng thành được cái gì?

Như Hòa thượng Diễm ở chùa Ngũ Tổ từng kể: *"Thiền sư Tú ở viện Viên Thông, một hôm nhìn thấy tuyết rơi có cảm nên nói: "Tuyết rơi có ba hạng tăng: kẻ bậc thượng thì ở Tăng đường tọa thiền, kẻ bậc trung thì mài mực chấm bút làm thơ nói về tuyết, kẻ bậc hạ thì ngồi vây quanh ở bên lò để nói chuyện ăn uống"*.

*Hòa thượng Ngũ Tổ Diễm nhắc lại lời đó, rồi nói: "Vào mùa đông năm Đinh Mùi tại Hồ Khâu, tôi đích thân thấy ba hạng tăng này đúng như vậy, bắt chợt bật cười, mới biết rằng lời nói của bậc tiên bối không có hư dối"*.

Chúng ta nếu nhìn kỹ thì cũng sẽ thấy có ba hạng tăng như vậy, nhiều khi ngay trong viện của mình cũng không chừng. Cho nên đây chính là lời cảnh tỉnh người xuất gia chúng ta. Nếu người khéo biết quý tiếc thời gian thì nhân tuyết rơi không làm việc, được rảnh rồi thì đi tọa thiền; còn có người nhàn rảnh rang không biết làm gì rồi ngồi chấm bút làm thơ cho đỡ buồn; hoặc những người không chấm bút làm thơ thì tụ quanh nhau bàn chuyện ăn uống lãng xãng, làm loạn tâm thêm chứ không có ý nghĩa gì! Có đáng trách, đáng tiếc không?

Thí dụ ở đây có những hôm trời mưa dầm dề, không làm công tác gì được thì ở Tăng đường lấy bồ đoàn tọa cụ lên Thiền đường ngồi thiền, thấy đáng quý! Trái lại nhân trời mưa không làm công tác không biết làm gì thì tụm ba, tụm bảy uống trà nói chuyện tạp, khiến thêm loạn tâm sanh phiền não là phung phí thời giờ vô ích.

Đó là những kinh nghiệm của người xưa nhắc để chúng ta biết rồi kiểm lại mình, để không rơi vào những hạng trung, hạng hạ như thế. Phải là hạng người khéo biết tu, biết quý tiếc thời gian quý báu qua rồi không tìm lại được.

Có câu chuyện về Thiền sư Như Tịnh: *Một hôm, nhân Sư đi qua Tăng đường thấy có vị tăng ngồi ngủ*. Bởi vì Tăng đường ở các Thiền viện xưa cũng là Thiền đường luôn không giống như Tăng đường của chúng ta hiện nay. Tức là ở Thiền đường có ngăn từng phần, chia mỗi người một ô, chứa mền, nệm... cả trong đó, rồi ngồi thiền luôn. Đến chừng nghỉ thì cũng trải ra nằm xuống đó nghỉ.

*Sư liền bước vào bảo: "Việc này là cần phải rớt sạch cả thân tâm mới được. Nếu mà chỉ cứ lo ngủ nghỉ như thế thì đến năm nào mới có được việc ngày nay?". Rồi cởi giày đánh vị tăng ấy.*

Người xưa nghiêm khắc như vậy. Đó là cách răn nhắc học chúng của các bậc tiên đức xưa, giúp người xuất gia nhớ chăm lo việc tu hành của mình để thành tựu đạo nghiệp, chớ không để thời gian qua suông vô ích. Chúng ta học ở đây là để răn nhắc lại mình cho nhớ, càng học kỹ thì càng có khích lệ thêm. Tổ Quy Sơn khéo léo, vừa răn rồi vừa khen, vừa khích lệ, chớ không phải nói một chiều.

---o0o---

***"Từ bỏ cha mẹ, quyết chí xuất gia, ý muốn vượt lên chỗ nào? Sớm chiều xét nghĩ, há để kéo dài qua ngày tháng".***

Chúng ta thấy từng câu, từng lời của Tổ Quy Sơn nói ra có cái gì đó hết sức mạnh mẽ đánh thức người học. Ngài bảo phải xét kỹ lại xem chúng ta đã từ bỏ cha mẹ, quyết chí đi xuất gia thì vào đây ý muốn vượt lên chỗ nào? Phải tự hỏi lại mình một cách thiết tha chân thành. Không lẽ vào đây là ý muốn để rớt trở lại bùn lầy thêm lần nữa. Nếu không khéo thì chỉ là bỏ nhà này vào nhà kia vậy thôi, lẩn quẩn không ra khỏi bùn lầy thế gian.

Đó là ý Ngài muốn nhắc phải vượt lên khỏi những bùn lầy thế gian, đi trên con đường xuất thế, mới gọi là xuất gia, vì xuất gia là xuất trần mà! Cho nên phải sớm chiều luôn xét nghĩ để lo tu, chứ đâu thể kéo dài cho qua ngày tháng. Vào đây rồi mà cứ kéo dài qua ngày tháng để làm gì? Không khéo là đi xuất gia rồi mà không tu hành gì hết, chỉ kéo dài ngày tháng để chờ chết thôi.

Đó là chỗ mỗi người hãy tự kiểm lại mình, xem có uổng thọ của tín thí đàn-na không? Có cô phụ chí xuất gia của mình không?

---o0o---

***"Tâm hện là rường cột Phật pháp, khiến thành gương mẫu cho người sau"***

Xuất gia là phải vậy đó. Tâm hện làm rường cột cho Phật pháp, khiến thành gương mẫu cho người sau. Tức nói lên cái chí hướng cao cả của bậc xuất gia, tâm phải tự hện với mình là vào đây xuất gia thì phải làm sao là người rường cột cho Phật pháp, tức là người giữ gìn khiến Phật pháp trụ lâu dài, thay Phật truyền bá chánh pháp cho thế gian chứ đâu phải tầm thường com áo qua ngày. Thấy như vậy là thấy được trách nhiệm của mình.

Bởi vì Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, giờ Ngài đã nhập Niết bàn nhưng giáo pháp còn để lại. Mà giáo pháp còn để lại tức là trông cậy vào hàng Tăng bảo để truyền trì mạng mạch Như Lai, làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng người xuất gia lại không thấy được trách nhiệm của mình rồi cứ để cơm áo qua ngày thì sao?

Thấy hiểu rồi phải lo gắng tu học để có được chỗ đứng trong đạo, đó mới là quan trọng. Vì có chỗ đứng trong đạo thì mới làm rường cột cho Phật pháp, và người sau mới có chỗ nương theo để học hỏi tiến tu, gọi là gương mẫu cho người sau. Cho nên bài kệ xuất gia:

*Xuất gia hoằng Thánh đạo,*

*Thệ độ nhất thế nhân.*

Xuất gia là để hoằng truyền Thánh đạo, tức là đạo giải thoát của Phật, rồi thệ nguyện độ tất cả mọi người. Như vậy, nếu người xuất gia mà không cố gắng tu học thì không khéo như là Ngài Trung Phong bảo: "*Đối trước Phật Tổ thệ thốt, là thệ thốt sông trôi*". Tức là không khéo đối trước Phật Tổ phát lời thệ nguyện hay lắm, nhưng đó chỉ là thệ thốt sông ngoài miệng, tức có ngữ mà không có nghĩa, thật đáng hổ thẹn!

Đến đây, Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta phải lo gắng tu học sao cho xứng đáng là người rường cột của Phật pháp, là gương mẫu cho người sau nương theo học hỏi.

---o0o---

### ***"Thường cho như thế, vẫn chưa được chút phần tương ưng"***

Đọc tới chỗ này thì chúng ta thấy có run sợ chưa? Thường được như vậy mà Tổ Quy Sơn còn nói chưa được chút phần tương ưng. Là Ngài hạ thêm một câu để ngăn ngừa. Vì sợ không khéo thành ngạo mạn. "Nghĩ là Ta phải là người rường cột Phật pháp, làm gương mẫu cho người sau, Ta quan trọng như thế!". Nhưng đó cũng là nghĩ sông trôi! Nên đây nói dù cho thường có tâm nghĩ như vậy vẫn chưa được chút phần tương ưng. Nghĩ như vậy cũng là cao thượng nhưng còn phải làm sao thực hành để cho ý nguyện đó thành sự thật thì mới gọi là có phần tương ưng.

Trước hiểu được bốn phận của mình là người xuất gia theo Phật thì phải như thế, mới là quý. Tiến thêm bước nữa là phải thực hành để thành tựu được cái ý đó, chứ không phải chỉ là lý tưởng sông trôi. Cho nên, đây là Ngài nhắc khéo.

Đây là cách nói ngược để nhấn mạnh khiến mỗi người chú ý hiểu sâu hơn. Thường như vậy mà vẫn còn chưa được chút phần tương ưng, huống nữa là còn có những tư tưởng buông lung, thông thả qua ngày. Ý là chỗ đó.

Nghĩa là người có tâm tốt như vậy, tự hèn cho mình phải là bậc rường cột của Phật pháp..., là quý; nhưng với Ngài thì cho là chưa được chút phần tương ứng, huống nữa là còn những tư tưởng buông lung, tư tưởng thông thả qua ngày tháng!

---o0o---

***"Phát lời cần hợp với phép tắc, bàn nói phải có căn cứ, hình nghi vượt trội, ý khí cao nhàn"***

Đây là những chỗ Ngài cảnh tỉnh rất kỹ. Người biết sống hợp với đây rồi thì xứng đáng là bậc xuất gia. Nói là, phát lời cần phải hợp với phép tắc, bàn nói phải có chứng cứ rõ ràng. Tức nói ra có xét theo sách vở, lời người xưa đáng hoàng, chứ không phải bịa đặt. Phát lời, bàn nói là phải hết sức chính chắn, đúng lý khiến người đầy đủ lòng tin.

Đây nhằm ngăn ngừa những vị hay nói bừa, nói cần theo ý riêng của mình. Trong nhà thiền thường gọi là hạng bịa đặt, tức tự ý bịa đặt ra nói hoặc là tự ý sáng tác ra những lý luận để mê hoặc người không hiểu, nhưng với người trí thì thấy ngay không dối được. Đó là điều chúng ta phải ngăn ngừa, phải tránh.

Đọc trong Thiền sư Việt Nam, thấy bà Thái hậu nhà Lý hỏi chuyện với Quốc sư Thông Biện, Sư đáp và dẫn chứng đầu đó rõ ràng, khi nghe xong bà rất cảm phục.

Hòa thượng Tôn sư có lần ra Bắc họp về việc xin xây cất Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Ngài nói là lập Thiền viện Yên Tử để khôi phục lại tinh thần của Yên Tử, rồi hỏi các vị kia biết vì sao Yên Tử nổi tiếng? Ngài dẫn chứng đây là nơi có nhiều bậc tu hành, lòng người muốn hướng về, mới dẫn câu ca dao: *"Dù ai quyết chí tu hành..."*. Nói có chứng cứ đáng hoàng, người ta nghe phải chấp nhận. Còn chúng ta nhiều khi nói khơi khơi, không có chứng cứ thì người ta bắt bẻ lại. Đây là điều chúng ta phải biết mà ngăn ngừa.

Rồi "hình nghi vượt trội, ý khí cao nhàn", tức là dáng vẻ, phong cách vượt hơn người thường. Chỗ này là chỗ chúng ta cũng phải luôn kiểm lại. Làm sao giữ gìn phong cách của bậc xuất gia, chứ không để lời thôi người nhìn vào mất lòng tin. Trừ khi quý vị là Bồ-tát nghịch hạnh thì không nói, còn chưa phải thì ráng giữ gìn kỹ tự cách của người xuất gia để mọi người nhìn vào có lòng tin, gọi là phước điền cho họ gieo. Nhưng phong cách này phải chân thật chứ không phải làm ra vẻ đạo mạo cho người ta cung kính. Cái đó là không phải nữa. Mà phải do chân thật tu hành, kiểm thúc sáu căn nên hình dáng lộ ra như vậy.

Rồi ý chí cao nhàn tức là trong tâm hồn siêu thoát, không cố chấp, nhỏ nhoi thấp hèn. Nghĩa là trong tâm, ngoài tướng đều xứng hợp nhau, đáng làm gương mẫu cho người sau, chứ không phải là chỉ có hình tướng bên ngoài. Bậc tu hành xuất thế thì tâm hồn phải thanh cao, siêu thoát như vậy.

Hòa thượng Quảng Khâm cũng từng nhắc về người xuất gia, Ngài bảo rằng: *"Đã khoác trên mình tấm áo cà-sa rồi thì bạn phải tu đến chỗ mà không còn bị việc gì làm quái ngại, hay là bận tâm. Không quái ngại bận tâm về việc thế sự, không vướng vào việc nhân tình v.v... hết thấy mọi sự hễ quái ngại là thừa rồi"*.

Ngài nhắc người xuất gia phải có tâm hồn thanh thoát như vậy, gọi là vượt lên ý khí tầm thường của thế tục, không bận tâm về những chuyện thế sự, không để vướng vào những việc nhân tình, đó là quái ngại.

---o0o---

### Chánh Văn (tt5)

***"Đi xa cần nhờ bạn lành, thường thường sạch trong tai mắt. Dừng ở hẳn phải chọn bạn, luôn luôn nghe đến những điều chưa nghe. Cho nên nói: "Sanh ra ta là cha mẹ, làm thành ta là bạn bè". Gắn gũi bạn lành như đi trong sương móc, dù chẳng ướt áo mà luôn luôn có thấm vào. Quen theo kẻ ác, lớn lên điều thấy biết ác, sớm tối tạo điều ác thì quả báo hiện trước mắt, chết rồi phải chìm sâu. Một phen mất thân người muôn kiếp khó gặp lại"***.

Tổ Quy Sơn nhắc lợi ích của việc gắn gũi bạn lành, tức là phải biết chọn bạn để gắn gũi, đây gọi là ăn cơm có canh tu hành có bạn. Bạn lành thì thường gắn gũi, giúp đỡ mình rất nhiều. Bởi vì thầy thì mình ít gặp, còn bạn là hàng ngày gắn kể bên.

Như xưa Ngài Tông Nguyên giúp Đạo Khiêm. Tức là Đạo Khiêm được Thiền sư Đại Huệ bảo đem thơ đi xa. Sư không muốn đi bởi sợ mất thời gian tu hành của mình. Ngài Tông Nguyên mới khuyên nên đi rồi Ngài sẽ đi theo giúp. Nhân đó trên đường Sư được tỏ ngộ. Đúng là bạn lành giúp đỡ nhau.

Ngài Hám Sơn với Ngài Diệu Phong cũng là bạn bè giúp nhau. Rồi Ngài Nham Đầu giúp Tuyết Phong thành đạo ở Ngao Sơn. Thì xưa các Ngài là bạn bè giúp nhau rất nhiều. Đó là những tấm gương bạn lành giúp nhau. Cho nên, ở đây Tổ Quy Sơn nhắc phải biết chọn bạn lành, đề nương nhau tiến tu.

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Tôn giả Xá-lợi-phất cùng đi du hành với Phật sang nước Câu-tát-la. Trên đường đi, hai Ngài dừng nghỉ ở một nơi nọ.

*Hôm đó, Tôn giả Xá-lợi-phất bỏ quên y tăng-già-lê ở dưới đất rồi đứng dậy đi.*

*Bấy giờ Đức Phật nhớ, mới bảo A-nan: "A-nan! Hãy đem y bạn thân mà giữ cái tăng-già-lê này!". Tức là giữ dùm cho Ngày Xá-lợi-phất.*

*Tôn giả A-nan hỏi:*

*- Bạch Thế Tôn, thế nào là đem y bạn thân mà giữ?*

*Phật bảo:*

*- Tùy theo chỗ bạn cần mà làm cho bạn được hoan hỷ, đó gọi là tùy theo y bạn thân.*

*Tôn giả A-nan lại hỏi thêm:*

*- Thế nào là tùy theo chỗ bạn cần mà làm cho bạn hoan hỷ?*

*Đức Phật mới dạy:*

*- Có bảy pháp làm cho bạn thân đem lại sự lợi ích và thương mến.*

*Một, điều khó cho mà hay cho. Những cái dễ cho thì không nói. Những cái khó cho mà cũng có thể cho được, gọi là quên mình vì bạn, chứ không tính toán, đó mới đúng là tinh thần người bạn.*

*Hai, điều khó làm mà hay làm. Có những điều khó làm mà hay làm được cho nhau, thì đó mới đúng là vì bạn.*

*Ba, điều khó nhẫn mà hay nhẫn. Những cái nhẫn thường thì dễ rồi, nhưng mà điều khó nhẫn vẫn hay nhẫn được với bạn. Có những việc bạn lỡ làm gì đó mình cũng khó chịu hay muốn nổi sân, nhưng mà vì bạn nên nhẫn.*

*Bốn, việc kín đáo nói cho nhau nghe. Có việc kín đáo cũng nói cho nhau nghe.*

*Năm, là cùng giữ kín việc bí mật. Là bạn bè biết chuyện của nhau, nhưng đối với những việc kín của thường giữ cho nhau. Lại có khi không vui với nhau thì sao? Đi nói với người này nói với người kia, để bày cái xấu của bạn mình ra, thì đó không phải tinh thần của bạn bè. Nhà Nho nói đó là tâm của tiểu nhân, không phải quân tử, người quân tử không làm chuyện đó. Cho nên đây Phật dạy việc kín đáo thì nói cho nhau nghe, lại cùng giữ kín việc bí mật của bạn, chỉ mình với bạn biết. Đó đúng với tinh thần là bạn vì bạn.*

*Sáu, gặp khổ chẳng bỏ nhau. Điều này rất khó. Tức là dù gặp khó khăn, gặp khổ mà không bỏ nhau.*

*Bảy, là nghèo hèn chẳng khinh nhau. Lúc nào cũng giữ tinh thần trước sau, dù gặp khó cũng không bỏ nhau. Lúc còn hàn vi thì sống với nhau rất tốt, rồi*

khi có chức, có quyền hoặc là giàu có rồi thì bắt đầu thay đổi, đó gọi là vì giàu mà bỏ nhau.

Còn vì nghèo mà bỏ nhau tức là trong lúc bạn khó khăn nghèo thì liền bỏ nhau. Hồi xưa bạn bè họ có tiền của, giúp đỡ thì qua lại với nhau, sau gặp họ nghèo rồi thì thôi, gọi là đổi mặt. Như vậy không phải tinh thần vì bạn.

*Xong, Phật mới bảo:*

*- Này A-nan! Như vậy người có bảy pháp này gọi là bạn thân, có lợi ích và thương mến, làm cho bạn được hoan hỷ.*

*Rồi Đức Phật nói bài kệ:*

*Khó cho mà hay cho,*

*Khó làm mà hay làm,*

*Khó nhẫn mà hay nhẫn,*

*Ấy là bạn thân thiện.*

*Việc kín nói nhau nghe,*

*Rồi cùng nhau giữ kín,*

*Gặp khổ chẳng bỏ nhau,*

*Nghèo hèn chẳng khinh nhau.*

*Người nào thực hiện được,*

*Bảy pháp đã kể trên,*

*Mới phải là bạn thân,*

*Nên gần gũi người ấy.*

Đó là bạn thân gần gũi giúp ích cho mình rất nhiều. Vì vậy nếu được bạn lành gần gũi thì đúng là quá hay! Cho nên mình cũng phải học tinh thần đó để cùng nhau làm bạn, chứ đừng có kiêu đổi mặt thay lòng là không tốt.

Người tu còn phải khác hơn người đời. Người đời như vậy là không tốt rồi, người tu như vậy càng không tốt thêm, nên phải biết để ngăn ngừa.

Tổ Quy Sơn nói là "*gần người lành như đi trong sương móc, dù không thấy ướt áo nhưng có thấm vào*". Tức là có lợi ích ngầm, giống như đi trong sương móc, tuy là không thấy ướt áo nhưng mà đi lâu thì cũng thành ướt.

Ở đây, Tổ Quy Sơn dẫn lời của nhà Nho: "*Sanh ra ta là cha mẹ, làm thành ta là bạn bè*". Tức là bạn bè gần gũi thường xuyên với mình, nhiều hơn cả



thầy nữa, bạn giúp đỡ, chia sẻ rất nhiều cho mình. Nên chúng ta cần phải học tinh thần vì bạn.

Có câu chuyện nói về tình bạn, tức là chuyện của Ngài Đông Châu - Hồ Khâu với Ngài Độc Cô - Linh Ân.

*Hai Ngài là người đồng hương, vừa là đồng học, kết bạn với nhau rất thân. Lúc Ngài Đông Châu ở Hồ Khâu thì cũng vừa khi ở chùa Vạn Thọ trong thành thiếu trụ trì, nên mọi người định cử Ngài Độc Cô đến đây trụ trì. Ngài Đông Châu nghe vậy, hết sức ngăn cản việc này, không biết lý do gì? Đúng ra là bạn bè thì phải tùy hỷ thêm nữa, nhưng đây Ngài lại ngăn cản? Bây giờ, Ngài Độc Cô đang ở chùa Thiên Ninh tại Hồ Châu, từng theo thứ lớp mà tiến lên đã có địa vị rồi, và cũng biết việc đó nhưng không để lòng.*

*Hơn một năm sau, Ngài Đông Châu có duyên sự đi đến Hồ Châu hóa duyên. Ngài Đông Châu trong ý cũng muốn đến thăm Ngài Độc Cô, nhưng trong lòng hồ thẹn nên do dự. Nghĩ xưa mình xử sự như vậy, không biết ông còn nhớ chuyện đó rồi còn ngăn cản phá hỏng việc của mình hay không? Mới nghĩ hay là nên đợi ông đi đâu vắng, rồi mình hãy qua đó để xem sao?*

*Ngài Độc Cô khi được tin báo là có Ngài Đông Châu đến thăm, lúc đó Ngài đi vắng nhưng liền tức tốc trở về. Ngài tiếp đãi lễ nghi đầy đủ. Rồi nghe Ngài Đông Châu tính đi hóa duyên nên đem của cải riêng ra trước Ngài Đông Châu thông thả nói chuyện, bày tỏ tình bạn y như ngày trước không chút gì thay đổi, làm như không có chuyện gì hết.*

*Đến khi Ngài Đông Châu trở lại chùa của mình ở Hồ Khâu, một đêm khuya, ở trên gác cao nơi phương trượng, Ngài vừa đi vừa tự ca ngợi rằng: "Độc Cô quân tử, Thọ Vĩnh tiểu nhân". Tức là khen Ngài Độc Cô xử sự đúng với tinh thần quân tử, còn chính mình có tâm tiểu nhân, nên tự trách mình.*

Nếu là chúng ta khi được cử đi trụ trì, lại có người bạn ngăn cản, thì có hận bạn không? Hãy thử kiểm lại xem! Rồi mai kia chúng ta có được duyên là người có uy tín tại địa phương đó, người bạn kia đến vùng thuộc quản lý của mình, thì có nhớ chuyện xưa, có xử sự tốt bình thường hay không? Kiểm lại xem!

Đây Ngài Độc Cô đúng là người có tinh thần quân tử, dù hồi xưa bạn đôi xử xấu với mình nhưng giờ gặp lại bạn cũng tiếp đãi ân cần, giúp đỡ nhau. Tâm của bậc quân tử đối với tình bạn là như vậy. Đó là những tấm gương để nhắc nhở chúng ta phải sống tốt với nhau.

Tác giả tập Sơn Am Tạp Lục khi kể xong câu chuyện này, mới có lời bình: "Tôi xem kể ở trong từng lâm ngày nay thì những người làm bạn với nhau lại tranh với nhau từng lời nói, rồi hiềm khích cái lợi với nhau từng sợi

*tơ. Đến nỗi đưa đến bài báng nhau, lán át nhau, hận chẳng liền chết đi mới thỏa lòng. Tìm được người mà khoan hậu như Độc Cô, rồi người mà tự biết trách mình như Đông Châu thì thật là rất hiếm có vậy".*

Tức là bạn bè với nhau mà lời thì bắt bẻ thế này thế kia, gọi là tranh nhau từng lời nói, rồi hiềm khích nhau vì cái lợi bằng từng sợi tơ. So với đây, Ngài Độc Cô đúng là người có tâm khoan hậu không ích kỷ, hẹp hòi; còn Ngài Đông Châu thì tự biết trách mình, quả thật đều là người tốt. Ngày nay có tìm được nhiều những người như thế chăng?

Đây Tô Quy Sơn nhắc nhở cũng như dẫn lời Đức Phật dạy để chúng ta biết tinh thần bạn bè là vậy đó. Ngài dặn là phải biết chọn bạn lành gần gũi để giúp thêm điều lành, nên nói gần gũi bạn lành thì như đi trong sương móc.

"Quen theo kẻ ác lớn thêm đều thấy biết ác, sớm tối tạo điều ác, quả báo hiện trước mắt, chết rồi phải chìm sâu. Một phen mất thân người, muôn kiếp khó gặp lại". Nghĩa là đã nhiễm theo những điều thấy biết ác rồi thì nó sẽ phát ra những lời nói hành động ác. Rồi sớm tối tạo điều ác, chuốc lấy quả báo ác. Khi tạo quả ác nặng nề thì quả báo hiện tiền chứ không phải xa xôi. Khi chết rồi thì còn phải chìm sâu nữa, khó được thân người trở lại. Đó là điều mà mỗi người phải cẩn thận.

Hãy nhớ, gần bạn lành sẽ giúp chúng ta rất nhiều lợi ích trên đường tu của mình, còn gần bạn ác lại thêm lớn điều ác. Cho nên thế gian thường nói: "*Muốn biết người đó thế nào thì hãy xem coi họ thường gần gũi những ai?*". Tức là hãy xem họ thường gần gũi với những ai thì biết họ là hạng người gì. Nếu cứ quen theo những anh bợm rượu thì biết thế nào rồi. Còn tìm những người lo siêng năng học hành, làm ăn thì biết người đó thế nào! Đó cũng là kinh nghiệm.

Trong kinh Đại bát Niết-bàn, Phật từng bảo Bồ-tát Ca Diếp về ông Thiện Tinh, Ngài bảo rằng:

*- Thiện Tinh dầu là đọc tụng 12 bộ kinh, chứng được Tứ thiên nhưng mà chẳng hiểu nghĩa một kệ, một câu, nhãn đến một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất Tứ thiên, rồi sanh kiến chấp tà ác (tức là kiến), mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết-bàn.*

Do đó, chúng ta cần phải biết người để gần gũi, phải biết chọn bạn.

---o0o---

***"Lời ngay trái tai, há chẳng khắc sâu vào lòng hay sao!"***

Những điều này là những điều chúng ta phải hết sức ghi khắc trong lòng để học. Bởi người chân thật tu hành, phải dám nghe những lời nói thẳng, dù có trái tai nhưng mình sẽ nghe được nhiều điều lợi ích.

Lời nói thẳng là lời nói thật thì đâu có uốn cong, tức là không có chịu theo ý của mình, không có dua nịnh. Đã không dua nịnh thì có khi cũng khó nghe nên gọi là trái tai. Nhưng dám nghe thì được lợi ích. Nếu chỉ thích nghe những lời êm tai thì không khéo sẽ sống theo chiều dua nịnh. Điều này người có kinh nghiệm sẽ thấy rõ.

Cứ nói êm tai thì đâu dám nói sự thật, nhiều khi chúng ta làm sai mà cũng khen không dám nói sai nữa. Rồi mình cứ tưởng vậy là tốt, làm tới nữa là nguy hiểm rồi. Còn làm sai mà bạn bè dám nói cái sai của mình, nói thẳng với mình thì đó gọi là nói ngay, thì mình mới biết sai mà sửa.

Vậy thì "há chẳng khắc sâu vào lòng hay sao!". Tuy trái tai nhưng cũng phải dám nghe để khắc vào lòng thì có lợi ích rất lớn. Bởi vì lời ngay, lời thẳng là sẵn sàng chỉ ra những lỗi lầm để chúng ta sửa mình, lời chỉ lỗi thì đâu có thuận theo tai, nhưng đó là những lời lợi ích thiết thực.

*Như câu chuyện Linh Nguyên cùng với hai vị tăng trong chùa đi vào trong thành chơi đến chiều tối mới về.*

*Hòa thượng Hối Đường hỏi:*

*- Bữa nay ông đi đâu vậy?*

*Linh Nguyên thưa:*

*- Con mới vừa đi đến chùa Đại Ninh trở về.*

*Lúc đó, Ngài Tử Tâm đứng kế bên biết, liền lớn tiếng bảo:*

*- Huynh Thanh, là người tham thiền muốn thoát khỏi sanh tử, phát lời thì cần phải thành thật chứ! Đâu được nói dối như vậy!*

Ngài Tử Tâm nói thẳng ngay mặt thì đúng là trái tai. Làm sao dám nghe? Nhưng mà nghe được những điều đó thì đúng là lợi ích. Cho nên, Ngài Linh Nguyên lúc đó hổ thẹn tự sửa, từ đó về sau không còn dám đi vào trong thành chơi nữa, cũng không còn dám phát ra những lời nói bừa bãi như nói dối. Đó là lợi ích của việc dám nghe những lời nói thẳng.

Nên đây Tô Quy Sơn nhắc há chẳng khắc sâu vào lòng hay sao?

Cũng như Ngài Hoàng Trí - Chánh Giác, thuộc tông Tào Động, lúc còn đang tham học chưa làm trụ trì. Một hôm, Sư cùng với vị tăng gạn hỏi nhau về công án thì bỗng húng cười to. Lúc đó, Ngài Tử Thuần ở Đơn Hà, nghe được mới quở: "*Một tiếng cười của ông là đã đánh mất đi bao nhiêu việc tốt.*"

Ông không nghe nói: **"tạm thời chẳng còn giống như người chết"** hay sao?".

Ngài Hoàng Trí ngay đó làm lễ lãnh nhận liền. Rồi từ đó cho đến về sau luôn ghi khắc, dù cho ở trong thất vắng một mình cũng không dám sơ xuất nữa. Đó là tấm gương của những bậc gương mẫu xưa, rất đáng kính.

Nếu gặp người thiếu đạo tâm khi nói bàn về công án mà húng cười lớn bị quở vậy thì sao? Thì cũng âm ức trong lòng. Vui cười một chút có gì đâu phải quở? Còn ở đây, Ngài Hoàng Trí nghe nói liền đánh lễ lãnh nhận. Đúng là tinh thần của người dám nghe những lời nói thẳng.

Cho nên Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta cũng phải học như vậy. Bởi vì nghe được những lời nói thẳng thì mới nghe được những lời chân thật. Thí dụ huynh đệ vì thương biết mình làm điều sai sót nên nói thẳng chỉ cho mình điều sai để sửa. Nếu nghe nói thẳng mình liền bác lại hoặc là còn nổi sân, rồi lần át lại nữa thì sau huynh đệ đâu có dám nhắc, thế là chỉ nghe những lời dua nịnh thôi. Đó là điều chúng ta phải học để tránh.

---o0o---

**"Liền hay rửa lòng nuôi đức, chôn vùi thân danh, giữ sạch tinh thần, dứt hẳn ồn náo"**

Học rồi, chúng ta mới thấy Tổ Quy Sơn dạy rất kỹ. Dạy là phải biết ẩn mình lo tu để thanh tịnh tâm mình mà nuôi lớn cái đức của mình. Chớ có đua tranh theo chiều danh lợi lãng xãng, mà phải chôn vùi thân danh tiếng tăm của mình nhằm quên đi cái ngã. Chưa gì mà muốn cho nhiều người biết để thêm lớn cái ngã thì đó là kẹt danh. Còn đây không cần ai biết để lo tu, để nuôi lớn cái đức, để rửa sạch cõi lòng tức là gạn lọc nội tâm của mình. Đây rất quan trọng vì trong lòng có đạo là quý hơn hết, chứ không phải là cần nhiều người biết mới quý.

Bởi vậy người xưa khi nhận được đạo lý rồi thì ẩn mình nuôi dưỡng. Như Ngài Nam Tuyền tiếng tăm vậy đó, nhưng ban đầu khi nhận rõ được đạo lý thì Ngài ẩn trên núi Nam Tuyền, mặc áo lá, đội nón cỏ, đi chăn trâu trà trộn trong đám tiều phu và mục đồng không cần ai biết, cả 30 năm như vậy. Chính Lục Tổ cũng 16 năm ẩn trong nhóm thợ săn, còn Ngài Thạch Sương ẩn trong xóm thợ gốm vùng Lưu Dương. *Khi có vị tăng từ Động Sơn tới, Sư hỏi:*

- Sau khi giải hạ thì Hòa thượng nói gì?

Ông tăng mới kể câu chuyện Ngài Động Sơn nhắc: *"Khi giải hạ, huynh đệ có đi đông, đi tây, nhưng đi đến chỗ nào không có tác cỏ mà đi"*.

*Sư mới hỏi:*

*- Vậy có ai nói được không?*

*Ông tăng nói:*

*- Không ai đáp được.*

*Sư nói:*

*- Sao không đáp: "Vừa ra khỏi cửa liền là cỏ"?*

*Ông tăng về thuật lại cho Ngài Động Sơn. Ngài Động Sơn nói:*

*- Ở Lưu Dương có Cổ Phật.*

*Lúc đó, tiếng tăm Sư mới lộ ra.*

Còn Ngài Tuyết Đậu lúc còn đi tham học, thì được thư giới thiệu của ông Tăng Công đến chùa Linh Ẩn. Chùa Linh Ẩn là một ngôi danh lam nổi tiếng ở Tiên Đường, được ông Tăng Công tức là quan lớn giới thiệu nữa thì đúng là danh dự rồi.

*Nhưng khi Ngài Tuyết Đậu đến chùa Linh Ẩn thì vẫn tu tập theo đại chúng bình thường, không trình thư ra. Một hôm, ông Tăng Công có việc đi ngang qua, ông nhớ nên ghé qua chùa Linh Ẩn để thăm Ngài Tuyết Đậu, xem mấy năm nay Ngài ở đây tu hành ra sao?*

*Nhưng khi đến chùa Linh Ẩn hỏi thì không ai biết Tuyết Đậu cả, chùa này có hơn 1.000 vị tăng, đâu dễ gì biết tên! Ông mới xin được kiểm tra danh sách và tìm gặp. Ông nói:*

*- Lá thư trước đây tôi viết đưa cho thầy đâu rồi? Sao không đem đến cho thầy trụ trì xem?*

*Lúc đó, Ngài Tuyết Đậu mới thò tay vào trong tay áo lấy thư ra, vẫn còn nguyên chưa mở. Sư nói:*

*- Tôi rất cảm kích lòng tốt của Ngài. Nhưng một người hành cước như tôi chẳng cầu danh lợi thế gian, như vậy thì đâu có dám trông mong vào sự giới thiệu của Ngài để được hiển đạt?*

*Ông Tăng Công nghe xong hiểu ra vấn đề, bèn cười lớn.*

*Lúc đó, thầy trụ trì chùa Linh Ẩn biết được việc này mời đối xử khác, Sư càng được kính trọng hơn nữa.*

Đó là những tấm gương gọi là ẩn giấu thanh danh, không phô trương để chạy theo danh lợi. Nếu người thích danh lợi thì khi được ông quan giới thiệu liền đưa thư để được đối xử ưu đãi, còn Sư chỉ giữ bình thường, cốt sao

rửa lòng nuôi đức để giữ sạch tinh thần của mình, còn chuyện danh lợi không quan trọng.

Đó là những điều chúng ta nên học. Đừng chưa gì lảng xãng chạy theo chồn ồn náo thành vẩn đục tâm hồn, đó là điều Phật, Tổ quả trách.

Đây là những kinh nghiệm của người xưa mà Tổ Quy Sơn cũng có kinh nghiệm. Chính Tổ Quy Sơn cũng từng như vậy.

Khi đến Quy Sơn trong giai đoạn đầu thì Ngài cũng ẩn giấu thanh danh, ở nơi rừng hoang đầy cọp sói, đâu ai biết. Thời gian sau khi nhân duyên đến, lúc đó người ta biết mới tìm đến. Đâu cần phô trương ra để ai cũng biết. Như vậy Ngài nói đây là Ngài đã trải qua, không phải nói suông. Không phải nói khuyên người ta rồi mình không làm gì hết. Đó cũng là điều chúng ta học, để cảnh tỉnh mình.

---o0o---

***"Nếu muốn tham thiền học đạo, chóng vượt lên cửa phương tiện, tâm khế hợp bến huyền, xét tột chỗ tinh yếu, giải tỏ điều sâu kín, tỏ ngộ nơi nguồn chân thì rộng hỏi bậc thông hiểu trước, gần gũi với bạn lành. Tông này khó được chỗ diệu của nó, phải dụng tâm chín chắn".***

Trước Tổ Quy Sơn chỉ dạy tu về giới, rồi học giáo lý để có căn bản, không để thời giờ qua suông. Đó là phương tiện căn bản để tiến vào đạo. Đây nói thẳng đến tham thiền.

"Tham thiền học đạo, là vượt lên cửa phương tiện để thấu tỏ lại nguồn tâm của mình". Đó là con đường trực chỉ, nên gọi là vượt lên cửa phương tiện.

"Tâm khế hợp với bến huyền", tức là hợp chỗ sâu xa, vượt qua những phương tiện bên ngoài, không mắc kẹt trên văn tự chữ nghĩa. Vì nếu trên phương tiện nói năng hiểu được hết rồi thì đâu gọi là huyền.

"Xét tột đến chỗ tinh yếu", là không chạy theo những phân tích ngọn ngành.

"Giải tỏ điều sâu kín", sâu kín là chỗ mà ngôn ngữ nói không tới, thức tình suy nghĩ không đến. Chỗ sâu kín đó chỉ có tham Thiền chân thật mới thấu tột, chứ không thể học hiểu, nói suông mà được.

"Tỏ ngộ nguồn chân", tức là ngược dòng sanh diệt hư dối để sáng tỏ trở lại chỗ không sanh diệt, mới là nguồn chân thật của mình. Tham thiền là phải tham thấu đến chỗ đó, chỗ này không thuộc trên nói bàn mà được nên gọi là huyền diệu.

"Cần phải rộng hỏi bậc thông hiểu trước, gần gũi bạn lành", tức là những người có kinh nghiệm đi trước. Chữ Hán là "tiên tri", nếu dựa theo nghĩa

thông thường thì lại lầm theo nghĩa. Thường người đời gọi là những bậc tiên tri là thầy bói hoặc là những nhà sám giảng biết trước mọi việc nên gọi là tiên tri. Chữ "tiên tri" ở đây là chỉ cho những bậc đi trước, thông hiểu trước, có kinh nghiệm mới biết để hướng dẫn chúng ta. Đây gọi là con đường thẳng tắt vào đạo mà không mắc kẹt phương tiện. Do đó không phải dễ dàng, không phải hời hợt mà được.

Bởi vậy, để đạt được chỗ diệu đó, thì phải hết sức chín chắn dụng tâm chứ không phải chỉ nghĩ bàn suông mà được, phải một phen chết thức tình này đi. Trong nhà thiền gọi "tuyệt hậu tái tô" tức là chết đi rồi sống lại.

Chết tức là chết cái thức tình này, rồi sống dậy cái vi diệu kia đó mới là thấu được. Do đó trong nhà thiền các Ngài dùng những phương tiện nói nghe chát tai hoặc là nói ngược đời để người nghe hết chỗ cho thức tình suy nghĩ.

*Thí dụ hỏi:*

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

*Đáp:*

- Cây bách trước sân.

Thì mình hiểu sao? Thức tình mà suy nghĩ sao cho tới? Ý Tổ sư mà là cây bách hay sao?

*Hoặc có chỗ hỏi:*

- Thế nào là đạo?

*Đáp:*

- Cục đất.

*Hỏi:*

- Thế nào là pháp?

*Đáp:*

- Đất lặn.

Vậy thì làm sao suy nghĩ? Nhưng chính chỗ không thể suy nghĩ, là chỗ thức tình không đến được, thì mới sống dậy được cái vi diệu kia.

Cho nên trong Tín Tâm Minh, Tam Tổ bảo: "*Chẳng phải chỗ suy, Thức tình khó lường. Chân như pháp giới, Không người không ta. Cần gấp khế hợp, Chỉ nói không hai*". Đó mới là chỗ sống trở lại.

*Có vị tăng hỏi Ngài Pháp Nhãn:*

- Mươi phương Hiền thánh đều vào tông này, thế nào là tông này?

*Sư đáp:*

- *Mười phương Hiền thánh đều vào.*

Vậy thôi! Chớ không phải như giảng sư. Giảng sư thì hỏi mười phương Hiền thánh đều vào tông này, vậy thế nào là tông này thì mình đáp tông này tức là Thiền tông, tức là tông chỉ thẳng v.v...

Nói như vậy thì dễ hiểu. Nhưng đúng với tông này chưa? Như vậy thì làm sao thấy được tông này?

Có thể dụng tâm hơi hợt mà vào được không? Phải là chỗ tự mình trực tiếp vào, gọi là phải tham cho thấu tận nguồn chân, để trở về cái trước khi động niệm, trước khi có sanh thì tâm tự khế hợp, gọi là vượt ngoài ngôn ngữ chỉ bày. Nhà Thiền gọi đó là khai phát trí vô sư, là trí không thầy. Trí này không phải là thầy dạy mà tự mình phát ra nơi chính mình.

*Cho nên, khi Ngài Huệ Tịch hỏi Tổ Quy Sơn:*

- *Thế nào là chỗ ở của chân Phật?*

*Tổ Quy Sơn đáp:*

- *Dùng cái diệu tư mà không tư; xoay cái tinh anh, sáng suốt cho đến không cùng, Tánh tướng thường trụ, sự lý không hai, chân Phật như như.*

Diệu tư là nghĩ xét nhiệm mầu, dùng cái diệu tư mà không tư tức là cái nghĩ xét nhiệm mầu nhưng không có nghĩ. Nghĩ mà không có nghĩ đó mới là diệu.

Rồi xoay cái nghĩ tinh anh, sáng suốt, không lẫn lộn cho đến cùng, khi tư hết thì trở về nguồn. Ngay câu đó thì Ngài Huệ Tịch liền đốn ngộ. Chỗ ở của chân Phật là vậy.

Xoay cái nghĩ xét đó, mà nghĩ đến chỗ không nghĩ, chứ không phải nghĩ để mà nghĩ. Xoay đến cái chỗ sáng suốt tinh anh không cùng tức là hết chỗ để nghĩ. Khi cái nghĩ hết thì liền trở về nguồn. Tức là thức tình chết, không còn chỗ để nghĩ đến, phân biệt được. Đó mới là chỗ tánh tướng thường trụ, sự lý không hai là chỗ ở của chân Phật.

Mới thấy dụng tâm là phải dụng đến không chỗ dụng thì mới mong có được tin tức, chứ không phải dễ dàng, không phải thông thả qua ngày mà được. Ở trước, Tổ Quy Sơn nhắc là phải rửa lòng nuôi đức, rồi chôn vùi thân danh, quên mất cái ngã này đi, chớ không phải nói suông mà được.

---o0o---

***"Trong đó chóng tỏ ngộ chánh nhân, chính là thêm bậc ra khỏi trần. Phá ba cõi, hai mươi lăm hữu"***



Phá ba cõi, hai mươi lăm hữu là quan trọng, nhưng trước cần chóng tỏ ngộ được chánh nhân thì đó là thêm bậc để ra khỏi trần lao sanh tử. Cho nên tu Thiền tông thì căn bản cần phải tỏ ngộ chánh nhân này. Đó là điểm quan trọng, chúng ta cần phải nắm được yếu chỉ này.

Cái gì là chánh nhân? Là chân tâm thường trụ không sanh diệt. Người tu Thiền tông, thứ nhất là phải tin chắc nơi mình có chân tâm thường trụ, tức là lẽ thật xưa nay không sanh diệt. Rồi phải chóng tỏ ngộ được cái chánh nhân này thì đó gọi là thêm bậc để ra khỏi trần. Đây gọi là căn bản sanh tử luân hồi mà cũng là căn bản của Bồ-đề, Niết-bàn.

Khi một niệm bất giác chợt khởi, mê nó liền đi vào sanh tử luân hồi; còn ngộ trở lại là vượt lên Bồ-đề, Niết-bàn. Bởi vậy tu thiền là phải đủ lòng tin và nắm vững căn bản trọng yếu này. Ngài Hoàng Bá từng bảo: *"Tâm này là cội nguồn thanh tịnh, Phật và người đều có. Các loài bò bay, máy cưa, cùng chư Phật, Bồ-tát một thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo tác các thứ nghiệp mà thành có"*.

Nghĩa là tâm này là gốc của chư Phật và chúng sanh. Tu là tu cái tâm này và ngộ cũng là ngộ cái tâm này, rồi giác cũng là giác cái tâm này, mê thì cũng mê cái tâm này chứ không gì khác. Nó trọng yếu như vậy nhưng mọi người lại tự bỏ qua, đó là chỗ đáng tiếc! Cho nên chư Tổ dùng mọi phương tiện để đánh thức chúng ta nhớ trở lại cái đó thôi.

Nếu tin chắc mỗi người đều đủ chánh nhân này, là căn bản để ra khỏi sanh tử luân hồi; cho đến thành Phật, làm Tổ cũng không ra ngoài tâm này. Thành Phật là cũng thành ngay tâm này, mà làm Tổ cũng làm ngay tâm này. Còn cầu có cái gì đó để mình thành Phật, có cái gì đó để mình làm Tổ, là xa.

Chính chỗ này khi nghe chúng ta cũng phải thấy được ý của Tổ. Ngài nói **"chóng tỏ ngộ"** bởi vì nó là cái sẵn có nơi mình chứ không phải từ đâu lại. Ngộ là chợt đó liền hiện không có thời gian. Gọi là chóng mà! Ở trong nhà thiền thường gọi là chợt hoặc là hoát nhiên tỏ ngộ. Nếu còn có một niệm để chờ ngộ là không thể ngộ.

*Như khi Thiền sư Sùng Tín trao cây đèn, Đức Sơn đưa tay nhận, Sùng Tín liền thổi tắt thì Đức Sơn tức khắc đại ngộ.* Hết sức là nhanh chóng, không có chỗ suy nghĩ kịp.

Rồi "ngộ được chánh nhân này là thêm bậc để ra khỏi trần, là phá ba cõi, hai mươi lăm hữu", tức giải thoát sanh tử luân hồi. Đó là con đường giải thoát.

Tổ Quy Sơn chỉ dạy rất là căn bản.

Chữ "hữu" là còn có cội để mình sanh đến, tức địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, bốn chỗ đó gọi là chỗ ác. Rồi bốn châu là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hó Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, là tám. Cộng với sáu cõi trời Dục giới tức là Tứ Thiên Vương, Đạo-lợi hay Tam thập tam thiên, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, là mười bốn. Đến trời Sắc giới: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên; đây lại xen Sơ thiên là 15, 16 là Đại Phạm thiên, rồi 17 mới là Nhị thiên, 18 là Tam thiên, 19 là Tứ thiên; rồi kể 20 là xen vào cõi Vô tướng, 21 là cõi Tịnh cư A-na-hàm.

Đó là xen vào thêm mấy cõi Đại Phạm thiên, cõi trời Vô tướng, cõi trời Tịnh cư (Tịnh cư tức là cõi mà những bậc A-na-hàm sanh lên đó, rồi ở đó vào Niết-bàn luôn).

Rồi bốn cõi trời Vô sắc giới từ là Không xứ, Vô sở hữu xứ và Phi phi tướng xứ. Đó gọi là 25 hữu. Như vậy là trong vòng luân hồi này không ra ngoài 25 hữu này, gọi chung đó là tam giới.

Như vậy, người tu hành giải thoát là phải phá ba cõi, ra khỏi 25 hữu, nếu còn lẫn quẩn trong đó thì còn nằm trong luân hồi. Cho dù có sanh lên tới cõi trời Vô sắc giới hoặc là cõi trời Vô tướng nhưng cũng còn nằm trong luân hồi chứ chưa ra khỏi, chưa giải thoát.

Như những vị ngoại đạo ở Ấn Độ tu tiên họ thiên định rất cao, chúng tới Tứ thiên hoặc là chúng tới Vô sắc định, Phi phi tướng định nhưng rồi cũng chưa ra khỏi sanh tử, vì còn cái ngã. Cái ngã nguy hiểm như vậy, hễ còn có chút ngã là còn trong sanh tử.

Tổ Quy Sơn dạy chúng ta phải chóng tỏ ngộ chánh nhân này, là thêm bậc để ra khỏi sanh tử luân hồi. Bởi chân tâm thường trụ này vốn chưa từng sanh diệt thì đâu có luân hồi; mà nó lại là thể bình đẳng của chư Phật và chúng sanh. Cho nên, chư Phật và chúng sanh cũng đồng cái thể không hai đó; cái đó tuy ở trong sanh tử nhưng nó đâu có chịu sanh tử. Vì thế chúng ta lấy đó, ngộ đó làm chánh nhân thì mới thành tựu được chánh quả.

Tức là lấy cái nhân không sanh diệt thì cái quả mới không sanh diệt. Còn nếu tu mà lấy cái nhân sanh diệt thì được cái quả sanh diệt. Người tu mà cứ lấy thân này khổ hạnh, ép xác thì rồi cũng là cái nhân sanh diệt. Hoặc là lấy tâm vọng tưởng suy nghĩ, phân biệt làm nhân thì đó cũng là nhân sanh diệt sẽ được cái quả sanh diệt. Còn đây là cái nhân không sanh diệt thì mới đến cái quả không sanh diệt.

Nắm vững và thấy rõ nhân quả tương ứng như vậy thì tu đâu có sợ lạc. Đây gọi là thể bình đẳng của chư Phật và chúng sanh. Bởi vậy tuy nói ra là sanh

tử hoặc là vào luân hồi, đó cũng là phương tiện đối với người mê mà nói, vì do vô minh điên đảo mà vọng có ra, có vào vậy thôi. Chứ còn trên lý thật là xưa nay nó không sanh diệt thì có gì ra vào? Lý đốn giáo của Thiền tông là như vậy.

*Có vị tăng hỏi Thiền sư Thạch Củng:*

*- Thế nào là ra khỏi sanh tử?*

*Sư liền đáp:*

*- Dùng khỏi làm gì?*

*Tăng hỏi:*

*- Làm sao mà khỏi được?*

*Sư đáp:*

*- Cái ấy chẳng sanh tử.*

Chẳng sanh tử thì ra cái gì? Cho nên ngộ được chánh nhân đó thì mới thấy được chỗ giải thoát chân thật. Đây nói rõ chóng tỏ ngộ chánh nhân thì chính là thêm bậc ra khỏi trần lao phá được ba cõi, hai mươi lăm hữu.

---o0o---

***"Các pháp trong ngoài đều biết không thật, từ tâm mà biến khởi, thế là giả danh, chẳng nên đem tâm ghé vào".***

Những đoạn này chúng ta phải nghe kỹ, rồi suy gẫm thì thấy được chỗ tu. Đây rất là quan trọng trên đường tu của chúng ta.

Tổ Quy Sơn chỉ chỗ căn bản tham thiền của Thiền tông. Tức là các pháp trong ngoài đều là không thật, từ tâm mà biến khởi, thế là giả danh chẳng nên đem tâm ghé vào. Tức là ngộ được cái tâm này rồi thì liền rõ các pháp trong ngoài đều không thật, mà không có pháp thật thì có gì là ra vào. Chúng ta vì thấy có pháp thật nên mới thấy có trong có ngoài, có ra có vào. Đây rõ trong tâm ngoài cảnh nói chung đều không có một pháp thật. Không có pháp thật tức là có mà không thật có, chớ không phải là không có gì hết.

Hiểu kỹ rồi, biết nó có mà như không là không có thực thể thì có cái gì gọi là để sanh, để chứng? Thấu rõ được chỗ này mới thấy lẽ thật mà các Ngài chỉ dạy.

Bởi ngoài tâm thì cái gì biết pháp? Xét kỹ xem! Pháp có biết được pháp không? Pháp thì cũng phải từ tâm mà biết, không thể rời ngoài tâm mà riêng có pháp được. Ai có thể chỉ được một pháp nào mà ngoài tâm riêng có? Nếu chỉ ra là có tâm rồi. Dù cho chỉ pháp gì cao siêu cách mấy đi nữa, đã chỉ tức

là có tâm, có tâm chỉ tức là đâu rời ngoài tâm được. Rời ngoài tâm lấy gì chỉ?

Cho nên không pháp nào rời tâm mà riêng có được hết. Chúng ta phải thấy thấu được chỗ đó. Mà đã ngoài tâm không riêng có thì tại sao vì nó để sanh tâm? Thấu rõ rồi thì mỗi pháp, mỗi pháp đều từ tâm sanh, nếu không tâm thì pháp sẽ trụ vào chỗ nào? Pháp từ tâm mới có, mà không tâm thì nó trụ vào đâu? Ngay đó giải thoát thôi!

Thí dụ như cái bàn, cái ghế nếu mà không có tâm thì cái gì đặt thành cái bàn, cái ghế? Nên ở đây mới nói các pháp trong ngoài đều là không thật, chỉ từ tâm biến khởi, đều là giả danh. Cho đến ông trời, rồi ông thần này thần kia, cũng phải từ tâm mà biến khởi, từ tâm mà đặt ra, ngoài tâm thì không thể riêng có được; và đặt là nam, là nữ, là tốt, là xấu v.v... thì cũng không thể ngoài tâm mà có được.

Quán thấu được chỗ này thì tâm bám ở chỗ nào để sanh? Không có pháp nào thật hết, thì tâm lấy gì để mà bám để mà sanh?

Chính chỗ đó là chỗ chúng ta trở về, nhưng vì người tu thường nghe việc này bằng danh từ nên nghe qua mà không có đi sâu vào, vì vậy không thấy được chỗ tu của mình. Chứ nếu mà nghe kỹ, quán thấu chỗ này là đủ giải thoát.

Bởi vì các pháp đều từ tâm biến khởi, đều là giả danh không có pháp gì thực hết, thì có chỗ nào để sanh tâm? Bởi chúng ta thấy là thật cho nên mới có sanh tâm là chỗ đó. Nghĩa là tất cả mọi pháp đều là nhân duyên sanh mà nhân duyên sanh là không có thực thể, không có một pháp nào tự nó có thể tồn tại, cho đến chư Phật, chúng sanh cũng nương nơi tâm mà lập. Ngoài tâm cũng không thể có, tất cả thuộc về giả danh.

Còn cái thể bình đẳng kia vốn đâu có hai, đâu có sai biệt. Sở dĩ đặt tên là chư Phật, đặt tên là chúng sanh thì đó cũng là cái tên, nếu thấy được cái thể không hai đó thì tỏ được chánh nhân này. Đó chính là chỗ thêm bậc để ra khỏi sanh tử, giải thoát. Mới rõ các pháp không pháp nào thật hết, chỉ ngộ được tâm này là chính yếu.

Cho nên, bài kệ Đức Phật truyền pháp:

*Pháp gốc pháp là vô pháp,*

*Pháp vô pháp cũng là pháp,*

*Nay khi trao vô pháp này,*

*Pháp pháp đâu từng là pháp?*

Âm:

Pháp bốn pháp vô pháp,  
Vô pháp pháp diệt pháp,  
Kim phó vô pháp thời,  
Pháp pháp hà tăng pháp?

"Pháp gốc của pháp là vô pháp". Như vậy cái pháp gốc của các pháp, là không pháp, còn có pháp thì là pháp ngọn. Không pháp còn có pháp thì là pháp ngọn. Không pháp thì tức là chính cái tâm ấy chứ không có pháp gì khác. Chính cái pháp gọi là không pháp đó thì cũng là pháp. Bởi vì còn nói ra là còn có tên, mà còn có tên tức là còn ở trong đối đãi, chứ có chấp vào đó.

Thí dụ nói nó là không pháp thì người ta liền theo thói quen nghĩ là cũng có cái không pháp, rồi nghĩ cái gì là không pháp? Thì chính cái đó làm chướng ngại tâm mình tức là theo cái tên đó mà khởi tưởng. Bởi vậy các Thiền sư thường không chịu nói ra là chỗ đó, vì nói ra rồi chúng ta cứ theo đó tưởng tượng nên các Ngài hoặc tạm gọi "*cái ấy*" thôi.

Bởi con người quen sống theo tình thức, nghe nói liền theo tên mà khởi tưởng. Chính cái chỗ đó làm cho chướng ngại. Cho nên các Ngài phải đập cho chết cái tình thức đó là như vậy. Hết tình thức thì không có gì để tưởng nữa, ngay đó liền sáng tỏ.

"Nay khi trao vô pháp này", tức là nếu mà người tỏ ngộ, thậm khế hội được cái không pháp này thì liền rõ là mỗi pháp hiện có đây đều là không thật, ngoài cái bốn pháp kia, không có pháp nào thật hết.

Cho nên nói là "pháp pháp đâu từng là pháp". Rõ được chỗ này, liền rõ cái pháp không pháp kia chỉ là tâm này thôi chứ không có một pháp gì khác. Và khi rõ mọi pháp đều không pháp nào thật hết thì còn có chỗ nào để tâm sanh? Không có chỗ nào để sanh tức là vô sanh, giải thoát. Ngược lại còn thấy có pháp thật thì tức là còn có chỗ để sanh. Còn có chỗ để sanh tức là còn đi trong luân hồi.

Ở đây căn bản là cần phải tỏ ngộ ngay cái bốn pháp kia, thì liền thấu suốt tất cả pháp, không mắc kẹt trong pháp nào hết.

Do không thấy có một pháp nào thật nên chóng tỏ ngộ được bốn pháp này, và cũng là tỏ ngộ được chánh nhân, không còn chấp vào một pháp nào bên ngoài cả. Nên nói ngoài cái tâm này thì không có một pháp nào thật.

Ở đây Tổ Quy Sơn nói, đã không pháp nào thật hết thì tại sao lại đem tâm ghé vào làm chi để cho thành chuyện. Chính chỗ này là chỗ chúng sanh điên đảo thành ra sanh tử, khổ đau. Bị vọng tưởng gạt thôi! Vì thế đức Phật dạy là tất cả chúng sanh đều sống trong vọng tưởng là vậy đó.

Hiểu được chỗ này rồi thì thấy được lý vô sanh rõ ràng. Nghĩa là thấy rõ mọi pháp, không có pháp nào thật thì không có chỗ nào để sanh tâm nên không đem tâm ghé vào. Nếu tâm không sanh trên pháp thì mỗi pháp mỗi pháp tự là như như, đâu có chuyện gì xảy ra, đâu thành sóng gió. Ngay đó là cõi nước thanh bình. Đơn giản.

---o0o---

### **Chánh Văn (tt6)**

#### ***"Nếu tình chẳng gá vào vật thì vật há có ngại với người"***

Tâm mà chẳng sanh ở trên vật thì nó tự giải thoát, đâu có gì trói buộc; thì mỗi vật tuy có cũng như không, đâu có ngại gì với người. Chừng ấy thôi thì chúng ta đủ tu suốt đời.

Thí dụ thấy cái bàn là cái bàn, cái ghế là cái ghế thôi không sanh tâm trên đó thì cái bàn, cái ghế có ngại gì đâu? Chính vì mình sanh tâm trên đó thì nó mới có ngại, mới sanh chuyện. Người có kinh nghiệm tu hành rồi mới thấy rõ việc này.

*Ngài Ajahn Chah Thiền sư Thái Lan, có kể lại kinh nghiệm của Sư lúc ở trong rừng. Sư kể hôm đó, khoảng 11 giờ đêm có lễ hội ở dưới xóm làng ca hát rộn rịp vang xa tới trong rừng. Nhưng hôm đó, Sư cảm thấy tâm mình không phải như ngày thường, bao nhiêu tiếng đó cứ vang vang, nhưng không dính dính gì với mình (giống như tiếng là tiếng, mình là mình vậy thôi). Mặc dù bao nhiêu tiếng vang như vậy nhưng Sư không nghe gì hết).*

*Một lúc sau, tâm Ngài đi sâu vào trong định thì trạng thái đó thật là đặc biệt. Giả sử như muốn nghe thì cũng nghe được tiếng đó nhưng nó không làm tâm xao động, còn nếu không có ý muốn nghe thì không gì hết, giống như vắng bặt hay tiếng nó đi đâu mất. Đó là kinh nghiệm của những người thực tu, thực chứng đã kể lại.*

Chúng minh lời Phật, lời Tổ nói đâu đó rõ ràng, chân thật chứ không phải nói trên chữ nghĩa, nếu chúng ta tu đến nơi thì sẽ cảm nhận rõ ràng. Đây cũng vậy, tình mà không gá vào vật thì vật há có ngại gì người. Đó là lẽ thật.

Hiểu rồi mới thấy đó là vì người ngại vật, chứ không phải là vật ngại người. Hãy nhớ kỹ điều đó! Nghĩa là người sanh tâm ở vật rồi tự mình trói vào vật cho nên thành ngại, chứ không phải vật nó làm ngại người. Nếu không sanh

tâm trên vật thì người vật tự giải thoát từ thuở nào rồi, chứ không phải mới đây.

Trong nhà Thiền, người thấy rõ rồi thì nói không có được gì hết, vì nó tự giải thoát từ thuở nào rồi, chứ không thấy là mình mới được. Vì vậy mà không sanh tâm nữa, đó mới gọi là chỗ diệu của tông này. Do đó đối với chỗ này chúng ta phải chính chắn dụng tâm sâu xa, chứ không nói bàn mà được.

*Có vị tăng hỏi Thiền sư Phổ Tế:*

*- Khi đối cảnh tâm chẳng động thì thế nào?*

*Thiền sư Phổ Tế đáp:*

*- Ông không có sức đại nhân.*

*Tăng hỏi:*

*- Thế nào là sức đại nhân?*

Đối cảnh mà tâm chẳng động là quá hay rồi tại sao Ngài còn nói là không phải sức đại nhân? Cho nên ông tăng mới hỏi lại thế nào là sức đại nhân?

*Thiền sư Phổ Tế đáp:*

*- Đối cảnh tâm chẳng động.*

*Tăng thắc mắc:*

*- Vừa rồi tại sao thầy nói rằng không có sức đại nhân?*

*Thiền sư Phổ Tế mới bảo:*

*- Ở nhà nói là dễ dàng, đến sông mới biết bắt cá khó.*

Tức là ở nhà nói chuyện bắt cá nghe dễ dàng nhưng khi đến sông mới biết là khó bắt. Đây cũng vậy, nói thì dễ nhưng cần phải thực hành mới biết. Chỗ này là chỗ sống, chứ không phải là chỗ nói bàn. Do đó mà khéo quán kỹ, quán sâu chỗ này để thấy được chỗ tu của mình.

Vậy thì nếu khi rõ được rồi thì thấy cái bàn, cái ghế, đóa hoa nó có biết gì đâu mà trói mình? Chỉ vì mình sanh tâm với nó thành nó trói. Còn nếu thầy chỉ là thấy hoặc là nghe chỉ là nghe không sanh tâm phân biệt, thì đóa hoa vẫn là đóa hoa, cái bàn là cái bàn, không có sanh chuyện gì hết. Nếu được như vậy thì có khi thấy hoa đào liền sáng tâm ngộ đạo vì không còn chướng ngại.

*Có lần Ngài Thiệu Long vào thất Ngài Viên Ngộ, Ngài Viên Ngộ dẫn một đoạn trong kinh Lăng Nghiêm: "Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du*

ly kiến, kiến bất năng cập". Tức là khi thấy cái thấy thì cái hay thấy chẳng phải là cái thấy đó; cái hay thấy còn lia cái thấy, cái thấy chẳng theo kịp.

Xong, Ngài liền đưa nắm tay lên nói:

- Thấy chăng?

Ngài Thiệu Long thưa:

- Thấy.

Ngài Viên Ngộ bảo:

- Trên đầu lại thêm đầu.

Ngay đó Ngài Thiệu Long liền bỗng nhiên khế ngộ, Ngài Viên Ngộ mới quá:

- Thấy cái gì?

Ngài Thiệu Long thưa:

- Tre dày chẳng ngại nước chảy qua.

Đó là thấy thấu suốt qua cái nắm tay không ngăn ngại. Giống như tre mà đan dày cách mấy nước cũng chảy thấu qua. Thấy thì thấy nắm tay nhưng mà không có dừng ở nắm tay, thấy thấu qua nắm tay luôn, nắm tay không thể làm ngại.

Còn đưa nắm tay lên hỏi: "Thấy không?"

- Thấy.

Thường mọi người cũng thấy như vậy. Mà thấy như vậy gọi là trên đầu lại thêm đầu, tức là trên cái thấy như vậy gọi là trên đầu lại thêm đầu, tức là trên cái thấy lại sanh thêm cái thấy nữa. Nếu vậy trước khi đưa nắm tay lên là không thấy sao? Tức là trên cái thấy để thêm cái thấy nữa, không khéo là lại kẹt trên vật nên bị chướng, bị ngại.

Còn ở đây thấy trước khi nắm tay đưa lên nữa. Thường chúng ta chỉ thấy nắm tay đưa lên, còn người ngộ là thấy trước khi nắm tay đưa lên, phải thấy đến chỗ đó. Đợi nắm tay đưa lên mới thấy thì đúng là trên đầu thêm rồi. Còn trước khi đưa nắm tay lên vẫn thấy thì khi đưa nắm tay lên không thành vấn đề. Thấy thấu qua nắm tay luôn thì cái thấy của người tỏ ngộ là thấy như vậy. Tuy nhiên đây cũng chỉ là gợi ý đừng chấp theo lời.

Tóm lại người thường khi thấy nắm tay thì liền bị nắm tay làm ngại nên gọi là mê. Chứ sự thật thì nắm tay nó đâu có ngại gì mà chỉ vì người sanh tâm ở trên nắm tay đó cho nên thành ngại. Hiểu rõ rồi mới thấy đến chỗ, nếu tình chẳng gá vào vật thì vật há có ngại với người.



---o0o---

***"Mặc cho pháp tánh chảy khắp, chớ đoạn chớ tiếp. Nghe tiếng, thấy sắc vốn là tâm thường, bên này bên kia ứng dụng chẳng thiếu"***

Những chỗ này gọi là yếu chỉ tu hành, nếu nghe kỹ quán kỹ thì đủ vốn sống cho mình. Nghĩa là mặc cho pháp tánh chảy khắp, tự nhiên hiện bày khắp nơi, không có xen cái ta vào trong đó để thành chướng.

"Chớ có đoạn, chớ có tiếp", là chớ có sanh tâm đoạn hoặc tâm tiếp nối theo đó. Tức là thấy cảnh liền bị chướng ngại thì sanh tâm đoạn dứt nó. Nếu không sanh tâm đoạn dứt nó thì sanh tâm tiếp nối theo, tức duyên theo nó. Thì cũng đều nằm trong hai trường hợp bị Tổ quở. Còn đây Tổ dạy là không sanh tâm đoạn nó mà cũng không sanh tâm tiếp nối theo nó; tức là trả các pháp về tự nhiên, nó là như vậy thôi. Đó gọi là trả về cho các pháp tự nhiên như vậy thì tâm thông suốt đi qua tất cả, không gì ngăn ngại.

Rồi "Nghe tiếng, thấy sắc vốn là tâm thường", không vấn đề gì hết. Nếu không xen vào nó thì nó đâu có thành vấn đề gì. Vì chúng ta xen vào nó, chính chỗ đó mới thành vấn đề. Đây sống trở về thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, rồi thanh sắc chỉ là thanh sắc, không sanh thêm cái gì hết thì không có sóng gió, cõi nước tự yên bình, an ổn.

"Bên này bên kia ứng dụng chẳng thiếu", tức là vượt qua cả hai bên, lúc nào cũng thường biết rõ ràng không vắng mặt lúc nào hết. Không phải bên này có rồi bên kia mất, hoặc là bên kia có bên này mất, kẹt bên này hoặc bên kia. Đây vượt lên trên căn và trần. Do mắc kẹt trong căn và trần nên có khi mắc kẹt bên này, khi mắc kẹt bên kia; có bên này thì thiếu bên kia, có bên kia thì thiếu bên này. Còn ở đây là vượt lên trên cả căn trần, là một cái biết suốt cả xưa nay, đó mới là chỗ thật vi diệu. Cho nên, người sáng được chỗ đó là sáng được tâm, là thấy được chỗ trở về.

Ngài Hoàng Bá thường nhắc: *"Người phạm thì phần nhiều bị cảnh ngại tâm, sự ngại lý nên thường muốn trốn cảnh để an tâm, đuổi sự để còn lý. Không biết chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự, chỉ khiến cho tâm không thì cảnh nó tự không, cũng như chỉ khiến cho lý lặng thì sự tự lặng, chớ có dụng tâm lộn ngược như vậy"*.

Đó là chỗ mà các Ngài chỉ rõ ràng. Vì cứ sợ cảnh làm ngại tâm, sự ngại lý cho nên muốn trốn cảnh để an tâm. Nhưng đây Ngài nói rõ là không phải vậy, chính là tâm ngại cảnh. Tâm mà không sanh ở trên cảnh thì cảnh nó tự an thôi; chớ đâu phải cảnh làm cho mình bất an. Thấy được chỗ đó mới thấy được rõ ràng chân lý giải thoát vốn rất đơn giản, nhưng vì không hiểu tự che ngại mình rồi suy nghĩ xa xôi thế này thế kia càng tự trái, tự mê thêm.

Thiền sư Thanh Tùng thượng đường dạy chúng: "*Mười phương chư Phật thường ở trước các người, các người lại thấy chăng? Nếu nói thấy là đem tâm thấy hay là đem mắt thấy? Do đó nói là: "Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt. Nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền."*

Ngài dẫn kinh Hoa Nghiêm nói tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt. Nếu người hay hiểu như thế thì thấy chư Phật thường hiện tiền, Phật chưa từng nhập Niết-bàn. Còn nếu trên cảnh sanh tâm thì ngay đó là Phật Niết-bàn không thấy được Phật.

Rõ được chỗ này thì sáng được ý Tổ Quy Sơn nói trong đây. Tức là mười phương chư Phật thường ở trước các ông chứ không đâu hết mà tại sao các ông không thấy? Lại lo thấy cái gì?

Người thường nghe câu này giống như đàn khảy tai trâu, không dính dáng gì hết. Các pháp sanh diệt rõ ràng đây mà nói tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt. Rõ ràng thấy pháp nào cũng có sanh có diệt hết mà nói rằng các pháp là không sanh không diệt là sao?

Nhờ có tu, chúng ta nghe rồi quán kỹ mới thấy lẽ thật của nó đúng là thâm sâu. Như Tổ Quy Sơn dạy là các pháp trong ngoài đều là không thật thì có gì là sanh? Mà không sanh thì có chỗ nào diệt? Nếu chẳng đem tâm ghé vào thì pháp pháp tự nó lặng lẽ, tự nó như như thì đâu từng có sanh diệt.

Thí dụ như đóa hoa này có sanh yêu ghét gì đâu? Nếu như thấy chỉ là thấy thôi, không sanh tâm ghé vào trên nó thì nó tự là nó, nó tự như như. Ngay đó là tâm sáng ngời, đâu có từng mê thì Phật hiện tiền. Chỗ đó là chỗ thấy của chư Phật, còn chính ngay đó mà sanh tâm thì không thấy Phật đâu hết. Chừng đó là đủ cho chúng ta thấy rõ chỗ tiến tu của mình.

---o0o---

***"Sống được như trên đây thật chẳng uổng mang pháp phục, cũng chính là đền đáp được bốn ân, cứu vớt trong ba cõi".***

Tức là tổ ngộ chánh nhân này, rồi thấu suốt được pháp tánh vượt lên tình phân biệt trệ ngại nơi vật, là trong tâm có đạo, như vậy mới xứng đáng mang pháp phục. Pháp phục là mặc áo phước điền, làm ruộng phước của trời người, sống được như vậy thì mới có chỗ để mình đền đáp bốn ân, cứu vớt ba cõi. Nếu không thì lấy gì cứu vớt?

Được vậy thì mới gọi là không lạm dự vào hàng Tăng bảo, tức là có phần tự độ, độ tha, tu hành vậy mới thấy lòng nhẹ nhàng. Đây là lời ân cần khích lệ của Tổ Quy Sơn cho những người xuất gia thật sự đạt được lợi ích của bậc xuất gia.

---o0o---

***"Đòi đòi nếu chẳng lui sụt thì quyết chắc có ngày lên thêm Phật, làm khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm khuôn phép cho người".***

Khi sống được với chánh nhân Phật đạo, và nếu đòi đòi chẳng lui sụt, không thối chuyển, thì quả Bồ-đề quyết có ngày chín, quyết chắc có ngày lên thêm Phật. Tức là cái chánh nhân đã có thì cái quả sẽ chín thôi. Bởi vì thành Phật là thành trong tâm chứ đâu phải thành chỗ nào khác. Mà thành tựu tâm này rồi, sống được trong tâm này rồi là có chánh nhân, có chánh nhân thì nắm chắc được cái quả. Sống được trọn vẹn, đầy đủ công đức trong đó thì quả Phật sẽ đến.

Chính chỗ này mà các Tổ Thiên tông luôn nhấn mạnh hay nêu cao tông chỉ *Minh Tâm Kiến Tánh*. Tức là phải sáng được tâm, thấy được tánh, chớ không phải là chỉ tu phước thôi, làm sao phải sáng được lẽ thật này. Cho nên Lục Tổ khi sắp tịch nói trong bài kệ dặn dò:

*Pháp thân, Báo thân và Hóa thân,*

*Ba thân xưa nay là một thân.*

*Nếu nhằm trong tánh hay tự thấy,*

*Chính là nhân Bồ-đề thành Phật.*

Lục Tổ chỉ rõ ba thân: "Pháp thân, Báo thân, Hóa thân"; tuy nói ba thân nhưng mà xưa nay cũng chỉ là một thể. Nếu thấy được tự tánh mình thì chính trong đó đầy đủ nhân Bồ-đề thành Phật rồi.

Mới thấy chư Tổ xưa nay lời nói đều hợp nhau. Ngày nay chúng ta cũng vậy, tu hành đúng theo tinh thần nhà thiền thì cũng phải đến chỗ sáng được bản tâm, tỏ được bản tánh, chứ không phải dừng trên công phu bên ngoài.

Nghĩa là sáng tỏ được lẽ thật này rồi và sống được trong lẽ thật đó, không thối chuyển nữa thì mới là chỗ an tâm. Như đây Tổ Quy Sơn nói là làm khách qua lại trong ba cõi, làm khuôn phép cho người; cần đến thì đến, cần đi thì đi; tự tại không tham luyến đắm mắc, như người khách đi đến nhà trọ hay là khách sạn tạm mướn ở một đêm, hai đêm rồi đi. Chúng ta thì ngược lại, thấy là nhà của tôi thành ra khổ là chỗ đó.

Được vậy thì mới ra vào làm khuôn phép cho người noi theo ra khỏi sanh tử mê lầm, mới là cứu vớt trong ba cõi. Đó là phần lợi tha.

Như vậy mới đúng với ý nghĩa chí xuất trần ban đầu, mới xứng với duyên lành hy hữu mà mình đã có.

Tổ Quy Sơn răn và khuyên nhắc như vậy. Nếu được vậy thì càng tu chúng ta càng thấy nhẹ nhàng, càng thấy phấn khởi, càng bớt phiền não và thấy con đường giải thoát càng rõ. Cho nên người tu đúng thì thêm lợi ích phấn khởi, an lạc; còn tu không đúng thì thêm phiền não mất lợi. Đó là cũng do mình chớ không phải do ai. Nên phải hết sức cẩn thận, chớ để nhân lành mà thành quả dữ. Đúng ra nhân lành thì được quả lành chứ sao nhân lành mà thành quả dữ? Tức là nhân lành là được xuất gia, được vào đạo; nhưng quả dữ là bị thoái đạo. Đó đúng là một điều đáng buồn mà cũng đáng tiếc!

Ở đây Tổ Quy Sơn răn nhắc rồi cũng vừa khuyến khích để chúng ta thấy được bổn phận trách nhiệm, những việc làm để mình sống sao cho đúng ý nghĩa. Nên có lúc Ngài nói rất mạnh giống như là răn, có lúc thì cũng an ủi, lúc chỉ ra những lẽ thật, yếu chỉ tu hành.

Nếu học kỹ rồi tự nghiền ngẫm, ứng dụng sống và tu thì mới thấy được giá trị của những lời mà chư Tổ đã ân cần chỉ dạy chúng ta. Nhiều khi nghe thì nghe nhưng chỉ nghe chữ nghĩa nên nghe quen quen thành chán. Đó gọi là học chữ nghĩa.

Còn người học thấu ý sâu của người xưa mà không dừng trên những chữ nghĩa thì mới cảm được những điều vi diệu. Đây là những đoạn Ngài chỉ yếu chỉ tu hành rất kỹ, chúng ta phải khéo học rồi nghiền ngẫm kỹ để thấy được chỗ tu hành của mình.

---o0o---

***"Phép học này rất diệu, rất huyền, chỉ người đủ tâm tự nhận, hẳn chẳng lừa dối".***

Pháp này tức là pháp Thiên tông mà Ngài đã chỉ dạy ở trên. Vì thuộc về tâm tông nên nó vượt ngoài ngôn ngữ văn tự, gọi là bất lập văn tự. Nên nói là nó rất diệu rất huyền, hết sức màu nhiệm, khó nghĩ bàn; còn nếu nghĩ bàn được thì nó không còn là diệu, là huyền rồi.

Bởi vậy ở đây học là học đến chỗ tuyệt học. Như Chúng Đạo Ca nói *"tuyệt học vô vi"*, học đến chỗ đạt ý quên lời, chứ không phải học để thêm kiến giải, không phải trệ ngại nơi ngôn ngữ, nơi văn tự hay là phương tiện. Chư Tổ gọi đó là nhai gặm bã mía. Ngôn ngữ, văn tự không phải là chân lý, mà chân lý là nằm ở ngay nơi mình, nó còn vượt ngoài ngôn ngữ, nên học là phải học đến đạt được ý sâu trong đó. Đến chỗ rốt ráo phải là tâm tự thâm hợp chứ nói không thể đến. Cho nên Thiên tông gọi là tâm ấn tâm hay là tâm tâm tương khế, chỉ là tâm thầy và tâm trò thâm hợp với nhau.

Do đó ở đây nói người đủ tâm tự nhận thì chẳng lừa dối nhau, và liền tự biết nó không thể nghĩ bàn, vượt ngoài ngôn ngữ nên có đủ lòng tin vững chắc,

không gì lay động. Đây là chân thật trăm phần trăm, chớ không có gì dối nhau.

Người đến đây thì được lòng tin chắc chắn, thấy được bằng chính trí tuệ của mình, từ nơi tự tâm thâm nhận nên sự nghi ngờ không còn.

Thí dụ như có hòn ngọc từ xưa truyền lại, người này đồn, người kia đồn thế này thế kia. Khi nghe chưa nắm được nên còn nghi ngờ, còn mơ hồ. Nhưng khi nắm được hòn ngọc đó trong tay rồi thì dù có ai nói là hòn ngọc đó người ta nói dối chớ không có thật; họ nói gì nói mình nghe rồi thì chỉ cười thôi vì chúng ta đã nắm hòn ngọc trong tay.

Ở đây cũng vậy, đủ tâm tự nhận và thấy rõ không nghi ngờ. Giống cũng như là Ngài Đại Mai khi nghe Mã Tổ nói: *"tức tâm tức Phật"*, liền tin nhận rồi về ở núi, đủ lòng tin. Từ đó về sau dù có nghe chính ông Thầy mình nói khác đi cũng không nghi ngờ, không lay chuyển. Bởi vì đã nắm sẵn trong tay rồi. Đó gọi là niềm tin chắc chắn. Còn nếu chưa nắm vững trong tay, có khi nghe nói khác thì mình nghi ngờ, hoặc nghe nói có cái gì hay hơn thì cũng muốn sanh tâm chạy theo. Đó là lòng tin chưa vững.

Cũng như Ngài Đức Sơn, khi sáng tỏ được lẽ thật này rồi, Ngài liền nói rằng: *"Từ nay về sau, không còn nghi đầu lưỡi các lão Hòa thượng trong thiên hạ nữa"*.

Cho nên quan trọng là có đủ tâm tự nhận hay không đủ tâm tự nhận. Tức là lẽ thật nó sờ sờ ngay nơi chính mình, ngay chỗ thấy nghe hiện tiền đây thôi chứ không đâu xa hết. Nhưng tại sao người ta không tự nhận? Ai ngăn cản không cho mình nhận?

Đức Phật trên hội Pháp Hoa đã nói hết tình mà! Ngài nói rõ ràng là đến đây Ngài xá bỏ phương tiện, mở bày lẽ thật, nói rõ bản hoài của chư Phật ra đời đều vì chỉ cho chúng sanh *Ngộ Nhập Tri Kiến Phật* này thôi, ngoài ra là không có gì khác.

Sau này Lục Tổ mới bảo với Ngài Pháp Đạt là, ông đâu biết rằng chính mình đang ngồi trên xe trâu trắng, mà lại đi tìm ba xe ngoài cửa. Tức là chạy theo phương tiện, đòi được cái này được cái kia, trong khi mình đang ngồi trên xe trâu trắng. Đó là những điều cần nghiệm kỹ để có đầy đủ niềm tin là các Ngài đều vì việc đánh thức mọi người tin nhận trở lại lẽ thật đó thôi.

Cũng như Quốc sư Huệ Trung ba lần gọi thị giả, thị giả đều *"Da!"*.

Xong rồi Ngài liền bảo:

- *Tưởng đâu là ta cô phụ người, nhưng không ngờ người cô phụ ta.*

Gọi, ông "dạ!". Dạ hoài! Vậy ông thiếu cái gì mà ngay đó không nhận. Nhận ra thì đủ. Đó là lẽ thật mà các Ngài muốn đánh thức cho mọi người đủ lòng tin tự nhận, thật là chẳng có lừa dối nhau. Chỗ đó gọi là tông chỉ rất diệu rất huyền, sâu xa, vượt ngoài ngôn ngữ cho nên nói không hết.

Do đó bắt buộc các Ngài phải dùng phương tiện này phương tiện kia, những phương tiện khéo léo để gợi ý khơi dậy, đánh thức cho người tự nhận chớ nói không đến được. Thấy được, hiểu được điều đó rồi chúng ta sẽ có đầy đủ lòng tự tin về con đường Thiên tông hay Đốn giáo.

---o0o---

***"Nếu có hạng trung lưu, chưa thể chóng vượt lên thì hãy để tâm nơi giáo pháp, ôn tâm kinh điển, tìm kỹ nghĩa lý, truyền bá rộng bày, tiếp dẫn người sau, đáp ân đức Phật".***

Ngài nói nếu chúng ta chưa được như vậy, tức là chưa thể ngay đó chóng vượt lên để tỏ ngộ thẳng vào lẽ thật thì phải nương theo giáo pháp mà nghiên tâm kinh điển, thấu rõ nghĩa lý đó rồi truyền bá, tiếp dẫn người sau, cũng là báo đáp được ân đức của Phật.

Bởi vì chưa sáng tỏ được tâm tánh thì chúng ta phải hiểu thông giáo lý để hướng dẫn cho người đến đúng với chánh pháp, từ đó tu hành không sai lạc. Đó cũng là một cách để báo ân Phật.

Đức Phật đã nhập Niết-bàn giờ chỉ còn kinh giáo để lại, nên chúng ta phải y theo kinh giáo để học hỏi tu hành và giáo hóa chúng sanh. Cho nên nói *"Đền ơn chư Phật, Là ơn chẳng đền, Giáo hóa chúng sanh, Là đền ơn Phật"*.

Ở đây Tổ Quy Sơn nhắc kỹ là phải ôn tâm kinh điển, tìm hiểu nghĩa lý. Tức là học kỹ chứ không phải học sơ sài, học qua loa rồi tự mãn. Xét lại, chúng ta đối với chỗ đó có được phần nào tương ứng?

---o0o---

***"Cũng chẳng bỏ phí thì giờ, quyết phải lấy đây giữ gìn Phật pháp. Oai nghi cử động chính là pháp khí trong hàng Tăng".***

Đây Tổ Quy Sơn lại ân cần nhắc lần nữa là chẳng bỏ phí thì giờ, quyết phải lấy đây để giữ Phật pháp. Nghĩa là phải biết quý tiếc thời gian quý báu hiện có để lo tinh tiến tu học cho kỹ, lấy đó làm vốn liếng giữ gìn Phật pháp lâu dài trên thế gian.

Có chư Tăng thực tu, thực học rồi đem chánh pháp đến với người thì Phật pháp nhờ vậy mà trụ thế lâu dài.

Trái lại, Phật pháp còn mà chư Tăng không lo tu học, thì Phật pháp soi sáng cho ai? Hiện tại Phật pháp vẫn còn thì chư Tăng phải theo đó thực học, thực tu, nhân đó mới đem chánh pháp soi sáng đến với mọi người, nhờ vậy Phật pháp trụ thế được lâu dài. Bởi pháp nhân nơi người mà hoằng, nhưng người không chịu hoằng thì pháp sẽ thế nào? Chúng ta phải thấy được ý nghĩa đó để biết được bổn phận của mình và sống sao cho thật có ý nghĩa, không để bỏ phí thời giờ qua suông.

*Thiền sư Phật Quang có vị đệ tử tên là Đại Trí xin phép thầy đi tham học một thời gian khoảng 20 năm. Xong, mới trở về vào kể lại đủ chuyện thầy nghe trên đường đi tham học. Thiền sư Phật Quang lắng nghe xong cười nhẹ không nói gì.*

*Đệ tử Đại Trí mới thưa:*

*- Bạch Thầy! Thầy thấy là qua 20 năm đi tham học, con có trở thành một người tốt không?*

*Thiền sư Phật Quang bảo:*

*- Ờ thì tốt, tốt lắm. Giảng dạy, thuyết pháp, trước tác, thuyết kinh ngày ngày rầm rộ trong pháp đường như thế thì thật là vui, ta cũng vui lây nữa đó.*

*Đại Trí thưa:*

*- Nhưng bạch thầy! Cũng phải có một chút thời gian nghỉ ngơi chứ.*

*Lúc ấy trời về khuya, nên Thiền sư Phật Quang bảo:*

*- Thôi thì ông hãy về nghỉ đi.*

*Đại Trí về nghỉ. Trời mới vừa gần sáng ông còn đang nửa tỉnh nửa mê đã nghe tiếng tụng kinh trong phòng của Thiền sư Phật Quang vang ra. Sáng ra lại thấy Thiền sư vui vẻ giảng pháp khai thị cho tín chúng các nơi kéo đến nghe. Ngài làm việc liên tục.*

*Đại Trí thưa:*

*- Bạch thầy! Hai mươi năm nay sinh hoạt của thầy vẫn bận rộn như thế sao? Thầy không hay là thầy đã già rồi sao?*

*Thiền sư Phật Quang bảo:*

*- Ta không thấy có thời gian để già.*

Tức là ông đệ tử này thấy mình đi xa 20 năm rồi về sao thấy thầy cũng vẫn cứ bận rộn lăng xăng cho những Phật sự như vậy mà không nhớ là mình đã già. Thiền sư Phật Quang nói: "Ta không thấy có thời gian để già".

Đó là một bài học cho chúng ta. Những ai cứ đổ thừa thời gian thế này thế kia, hoặc là phung phí thời gian một cách vô ích, hãy lấy bài học này để mà nhắc mình. Nhớ lời của Thiên sư Phật Quang là không có thời gian già, tức là đâu có rảnh mà nghĩ đến già.

Không thời gian rảnh để nghĩ đến già hay là không có phung phí thời gian trống rỗng để mà nhớ đến cái già. Như vậy là không lúc nào để thời gian trôi vô ích. Các Ngài là như vậy.

Còn chúng ta có nhiều thời gian rảnh để nghĩ chuyện lung tung, đó là phung phí thời gian. Cho nên Tổ Quy Sơn nhắc đừng bỏ phí thời giờ mà giải quyết lấy đây để gìn giữ Phật pháp và tu hành.

Rồi oai nghi, cử động đều phải khế hợp phép tắc chính đó là pháp khí trong hàng Tăng. Tức là những cử chỉ hành động đều phải khế hợp với phép tắc, không được thô tháo, bừa bãi, đó là biểu hiện bậc pháp khí trong hàng Tăng. Pháp khí tức là bậc hữu dụng. Chúng ta sống đừng thành kẻ vô dụng trong hàng Tăng, đó là điều không hay, gọi là đáng tiếc, đáng trách!

---o0o---

***"Há chẳng thấy, dây bìm nương theo cây tùng mà lên vút ngàn tầm, nương giá thẳng nhân mới hay được lợi ích rộng"***

Tức là dây bìm, dây sắn nương theo cây tùng cao vót, nên nó mới bò lên cao vút được. Nếu không thì nó chỉ bò dưới đất đâu có chỗ để bò lên. Đây là Ngài ví dụ.

Cũng vậy, mỗi người chúng ta phải biết tạo thẳng nhân tốt lành cho mình rồi nương đó mà được lợi ích rộng lớn, chứ không được khoanh tay ngồi chơi.

Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta phải có nhân tu học chính chắn, thì cái mới tương ứng.

---o0o---

***"Hãy hết lòng giữ gìn trai giới, chớ dối bỏ sót vượt qua, đòi đòi kiếp kiếp nhân quả thù diệu"***

Thù diệu tức là tốt đẹp, thù thẳng. Ngài khuyên thiết thực, là hãy lo tu tập giữ gìn trai giới kỹ lưỡng, chớ bỏ sót vượt qua. Vì nghĩ giới luật không quan trọng, rồi bỏ sót không cần giữ giới. Đó gọi là bỏ qua giới luật, mà bỏ qua giới luật tức là thiếu mất nền tảng căn bản nên mất chỗ đứng để vươn lên cao.

Cũng giống như dây bìm mà bám vào hư không thì nó bò lên được đâu? Vì không có chỗ làm nền tảng căn bản. Giới luật không giữ mà cứ nói chuyện



trên mây thì đó là rỗng. Cho nên hiện tại chúng ta cần phải giữ giới đức thanh tịnh, trang nghiêm thì đời đời kiếp kiếp được nhân quả thù diệu tốt lành, tức là không có bị sa đọa. Được vậy nếu chúng ta chưa thật sự giải thoát thì cũng từng bước, từng bước tiến lên chỗ thù thắng, chứ không rơi xuống đường ác. Đó là con đường bảo đảm.

Còn giờ chưa giải thoát mà giới đức bỏ sót không giữ thì đó là con đường nguy hiểm, rớt xuống không có lương được. Mỗi người phải lấy đó để tự nhắc mình gọi là chớ có xem thường nên tăng giới luật.

*Thời Phật, có hai Tỳ-kheo đi trên đường đến gặp Phật, cả hai đều khát nước. Phật chế luật là hàng Tỳ-kheo khi uống nước phải có dĩa lọc nước, nếu nước có trùng thì không được uống.*

*Một vị quá khát nghĩ rằng thôi mình cứ tạm uống để giữ lấy mạng sống đến gặp Phật. Còn một vị thì thôi thà chịu chết, chứ không thể phạm giới, vì vậy mà thầy ấy chết; nhưng ngay đó sanh lên cõi trời. Sau đó, vị này mới hiện xuống đảnh lễ Phật trước khi vị Tỳ-kheo uống nước đến gặp Phật.*

*Lúc đó, Đức Phật bảo:*

*- Người tuy sống xa ta mà giữ gìn giới luật thì cũng như gần bên ta. Còn vị này tuy gần bên mà như cách xa ta.*

Vì không giữ gìn giới luật nên Phật nói tuy thấy được Phật nhưng mà cũng như cách xa Phật. Còn vị kia tuy chết tức là xa, nhưng lại gần bên Phật, mà cũng được gặp Phật trước nữa. Đó là những điều Tổ Quy Sơn đã kinh nghiệm nhắc để chúng ta thấy được, biết được mà lo hết lòng giữ gìn trai giới, không trái lời Phật dạy.

---o0o---

***"Chẳng thể dễ dàng qua ngày, lơ mơ hết buổi, thời giờ đáng tiếc, chẳng cầu tiến lên. Thật uống tiêu của tín thí mười phương, cũng cô phụ cả bốn ân!"***

Nghĩa là sống thong thả qua ngày, lơ mơ hết buổi không làm gì hết, để cho thời giờ qua sông thật là đáng tiếc, không cầu tiến lên thì lấy gì để tiêu của thí chủ?

Đây Tổ Quy Sơn lại ân cần khuyên nhắc thêm lần nữa là lo tinh tiến tu hành, quý tiếc thời gian chớ để qua sông. Chúng ta thấy tấm lòng của Tổ Quy Sơn, kiểm lại từ đầu đến đây Ngài nhắc về chuyện này mấy lần rồi?

Lần thứ nhất: *"Niệm niệm chóng mau trong khoảng sát-na, chuyển hơi thở liền thành đời sau. Sao đành bình thản để qua sông?"* Tức là lấy thân vô thường nhanh chóng để nhắc chúng ta lo tu.

Lần thứ hai: *"Ngày qua tháng lại, thoáng chốc đã bạc đầu"*. Tức là lấy ngày tháng qua mau để khuyên nhắc người xuất gia chớ có lo mê ăn, mê ngủ phải lo tu học.

Lần thứ ba: *"Đáng tiếc một đời luống qua, sau ăn năn khó kịp!"*. Là khuyên phải tận dụng thời gian hiện tại để lo tu, chớ để sau rồi ăn năn không kịp.

Lần thứ tư: *"Sao đành khoanh tay chẳng quý tác bóng!"*. Là khoanh tay, không làm gì hết, để thời gian qua suông mà không biết quý tiếc thời gian. Đó là nhắc phải biết quý trọng duyên lành đã có của mình, chớ để nó qua rồi khó tìm lại.

Lần thứ năm: *"Chớ để dễ dàng qua ngày, lơ mơ hết buổi"*. Cứ thong thả qua ngày, lơ mơ hết buổi, như vậy không biết sống để làm gì? Hay là sống để chờ chết. Đó gọi là hiện tượng của lười biếng, không lo tu học, lỏng lỏng qua ngày, để cho thân này nhàn nhã, sợ nó nhọc. Nhưng đâu biết là cung chịu nó như vậy để rồi phải chịu đọa lạc, khổ sở về sau.

Lại than thở: *"Thời giờ đáng tiếc, chẳng cầu tiến lên"*. Đáng tiếc cho thời giờ qua suông vô ích mà không cầu tiến lên. Tức là kéo lê cái xác này qua ngày tháng, không cầu tu tiến. Mà không cầu tiến lên tức là để rớt xuống. Vậy mà không lo!

Cuối cùng kiểm điểm lại làm sao tiêu được của tín thí, rồi lấy gì để mà đền đáp bốn ân? Không lo tu học, lỏng lỏng qua ngày, kéo lê cái xác cho nó qua ngày để mà chờ chết, như vậy không được gì hết thì đó là kẻ phụ bạc bốn ơn lớn, là khó tiêu của tín thí. Thấy xấu hổ hay không?!

Mà nếu không tiêu được của tín thí mười phương thì con đường phải đến là chịu đọa lạc để mà đền nợ. Nghĩ đến đó thì mới thấy lo. Bởi đâu thể giựt nợ người ta được, thọ ơn đó thì đâu thể giựt nợ được.

Phải thấy như vậy mà nhắc nhở, sách tấn chính mình để lo tu. Cho nên ai là người có tâm thì hãy tự xét lại kỹ xem, mình có thể sống được như vậy hay sao? Nghĩa là sống mà dễ dàng thong thả qua ngày, lơ mơ hết buổi để không được gì hết, cuối cùng rồi thì phải chịu đền nợ. Đó là những điều mà Tổ Quy Sơn hết sức ân cần, thiết tha nhắc nhở chúng ta phải hết sức lo tu.

---o0o---

***"Chất chứa càng nặng, tâm trần dễ lấp kín, chỗ chỗ đều vương ngại, đều bị người coi khinh"***.

Tu không lo tu nhưng lại lo chất chứa, thu gom để thêm lớn tâm tham. Tức là càng chìm sâu trong tham dục thì càng chất càng nặng, mà càng nặng thì càng rơi xuống. Nhẹ thì lên mà nặng thì xuống thôi. Đây là hiện tượng

của tham dục nặng nề, càng ngày sẽ càng lún bùn, bị tâm ô nhiễm, bụi bặm lấp kín. Mà tâm ô nhiễm, bụi bặm lấp kín tức là không có chỗ ló đầu. Phải nhớ điều đó!

Tức là toàn sống trong phiền não. Xoay qua xoay lại đều là đưng trần cấu bị nó lấp kín, rồi càng ngày nó càng đóng bụi dày thêm. Như vậy thì càng chìm sâu thêm nữa, thấy đáng sợ! Gọi đó là sống trái xa với chánh pháp. Chánh pháp Phật không dạy Tỳ-kheo như vậy.

Đây là những lời ngay, lời thẳng của Tổ Quy Sơn, nói thật mà không vượt ve. Tức nói thẳng lẽ thật để chúng ta biết mà tránh. Là hàng đệ tử Như Lai mà lại sống trái xa với chánh pháp, để bụi trần lấp đầy, ô nhiễm che tâm thì phải nói sao đây? Chúng ta có muốn rơi vào trong hạng người đó không? Đây là một roi răn nhắc của Tổ Quy Sơn. Cảnh sách là như vậy đó, lâu lâu quát một roi cho tỉnh.

Nếu cứ sống như thế thì sẽ ra sao? Mở mắt ra xoay qua xoay lại đều dính hết thì có chỗ nào thông được? Nên gọi là chỗ chỗ đều vướng ngại. Mà như vậy thì hậu quả cuối cùng là bị người coi khinh thì mới thấy đau! Đáng lẽ mình là bậc vượt lên, là bậc thầy của Trời người; phước điền cho Trời người, mà trái lại bị người coi khinh thì thật là đau!

Thiền sư Huyền Giác cũng có lời răn đề chúng rằng:

*- Các ông đã xuất gia thì giống như kẻ tù được ra khỏi ngục, phải ít muốn, biết đủ, chớ có tham nhiễm theo sự vinh hoa, phú quý hư dối của thế gian. Phải chịu đói, chịu khát, để chí nơi vô vi. Được ở trong Phật pháp, dù gặp lúc chín phần chết, một phần sống cũng chớ có ném bỏ.*

Phải nhớ kỹ vậy đó. Mình là người xuất gia, giống như kẻ tù mà được ra khỏi ngục. Được ở trong Phật pháp là quá quý rồi. Thì dù cho gặp lúc gọi là thập tử nhất sinh, chín phần chết một phần sống cũng chớ có ném bỏ.

Chúng ta lấy những lời chân thành răn nhắc của các Ngài để luôn tự cảnh tỉnh mình, để sống làm sao không cô phụ chí xuất trần của mình, cũng không để mang tiếng là kẻ phụ bạc mười phương tín thí, phụ bạc cả bốn ân thì mặt mũi nào ngó cha mẹ, Thầy bạn nữa!

Chúng ta phải làm sao để một phen đi ra là đi thẳng luôn, chớ không để ra rồi mang gông trở lại. Phải dám chịu đói, chịu khát, để chí nơi vô vi. Như vậy mới cảm được, mới thấy được những lợi ích chân thật của người xuất gia. Còn không thì thành kẻ cô phụ chí xuất trần của mình, như vậy lợi ích của người xuất gia là ở đâu?

Ngài Châu Hoàng có lời cảnh tỉnh nói về lợi ích người xuất gia:

"Chư Đại đức xưa nay có nói rằng: "Người thuộc hàng đệ nhất đẳng đó là người xuất gia". Dân gian cũng có một câu lưu truyền mãi là một người xuất gia thì cha mẹ chín đời được giải thoát. Những lời này đều tán thán xuất gia nhưng không nói rõ ràng những lợi ích của xuất gia. Vậy thì thực sự xuất gia lợi ích chỗ nào? Chẳng lẽ nói là không cần cày ruộng, dệt vải cũng có cơm ăn, áo mặc chính là lợi ích của người xuất gia hay sao? Hoặc là nói không cần mua nhà, thuê phòng cũng có chỗ ở chính là lợi ích của xuất gia phải vậy không? Hoặc là nói rằng vua quan, đại thần ủng hộ, Phật tử cung kính cúng dường. Trên không bị quan lại sai sử, dưới thì phiền nhiễu vì dân, rong chơi tự tại chính là lợi ích của người xuất gia hay sao?

Người xưa có một bài kệ:

*Một hạt cơm tín thí,*

*Nặng hơn núi Tu-di.*

*Nếu vẫn chưa liễu đạo,*

*Sau làm trâu ngựa đi!"*

Nếu cho rằng chúng ta không cần làm việc cày cấy, không cần dệt vải mà cũng có đủ cơm ăn, áo mặc thì đó là lợi ích xuất gia. Vậy chẳng lẽ chúng ta vì cơm ăn, áo mặc hay vì không có nhà ở mà xuất gia sao? Đâu phải vậy.

Người xuất gia nên nhớ là một hạt cơm của đàn-na thí chủ nặng hơn núi Tu-di, nếu tu hành mà chưa liễu được đạo thì sẽ phải làm trâu, làm ngựa để đền lại,

Đó là câu kệ của Cổ đức nhắc cho người tu phải hết sức cẩn thận, vì hạt cơm của tín thí nặng lắm chớ không phải thường. Đừng thấy có sẵn cơm ăn rồi xem thường là mang họa.

*Có câu chuyện là ông thầy bảo đệ tử giặt y. Ông đệ tử bỏ y vào thau giặt, nhưng sao cái y cứ nổi lên, dè hoai không xuống. Ông lấy chân đạp cũng không xuống.*

*Bất chợt, ông thầy đi ra thấy vậy hỏi:*

*- Làm gì vậy?*

*Đệ tử nói:*

*- Cái y này bữa nay sao kỳ quá cứ nổi lên hoai, con lấy đá dằn xuống mà cũng không xuống.*

*Ông thầy nói:*

*- Thôi thì con vào lấy ít hạt cơm buộc vào đó thì y sẽ chìm xuống.*

*Đệ tử nghe lời làm theo thì cái y liền chìm xuống.*

*Vị thầy nhân đó nhắc:*

*- Con thầy không? Hạt cơm của tín thí nặng như vậy đó.*

Cho nên chúng ta ăn hạt cơm của tín thí thì phải thấy rất nặng như thế, ăn làm sao cho tiêu?

*"Lại nói rằng:*

*Ngày sao lão Diêm Vương,*

*Đòi ông tiền cơm gạo,*

*Nếu không chịu tu hành,*

*Coi ông trả làm sao?"*

Người tu phải nhớ kỹ, không khéo ngày sau gặp lão Diêm Vương sẽ đòi tiền cơm gạo. Nếu không chịu lo tu hành thì xem ông làm sao trả? Lúc đó mới biết khổ thì đã muộn!

Đây là những lời chân thành, tha thiết của các Ngài nhắc người tu chúng ta phải biết khéo lo tu. Không khéo thì không biết lấy gì để đền trả lại.

Cho nên, Ngài Châu Hoàng nói tiếp: *"Từ đó có thể thấy, nếu xuất gia ngược lại là thậm mang một tai họa lớn, còn nói gì đến lợi ích".* Người xuất gia mà như thế là mang họa, chớ đúng ra là lợi ích của người xuất gia tu hành chân chánh thì rất lớn.

*"Lợi ích xuất gia chính là phá phiền não, đoạn vô minh, chứng vô sanh pháp nhãn, liễu thoát sanh tử. Đây mới là việc thiên thượng nhân gian tối tôn nhất, đồng thời cha mẹ dòng họ mới có thể được che mát bằng đức hạnh, ân trạch của mình. Nếu không thì cho dù giàu có tiền rương, bạc vựa, được làm Quốc sư vinh quý đến bảy đời vua cũng chẳng có lợi ích đáng nói. Tôi quả thật rất lo sợ, e mắc cái đại họa này, đồng thời báo cho chư vị để cảnh giác lẫn nhau."*

Đó là Ngài Châu Hoàng ân cần nhắc nhở. Ngài nói tôi nghĩ đến điều này lo cho cái họa đó mà ân cần nhắc các vị để cảnh giác lẫn nhau lo tu tiến, đừng để xuất gia rồi trở thành tai họa.

Chúng ta phải nhớ những điều này để tự răn nhắc mình lo tiến tu cho kỹ, không thể xuất gia rồi rơi vào những tai họa thì không biết nói sao!

***""Kia đã trọng phụ, ta đây cũng vậy", chẳng nên tự khinh mình mà đành lui sụt. Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo, thối thoát qua một một đời, thật không có ích"***

Trên Tổ Quy Sơn răn, giống như quất cho một roi mạnh thật đau. Đây Ngài vuốt ve trở lại. Cốt là để người tu chúng ta thức tỉnh lo tu, cùng vượt ra khỏi trần lao mà từ lâu đã chôn lấp mình nên mới nói ra những điều như trên. Không phải nói như vậy là để hạ thấp người xuất gia, hoặc là để làm nhục cái chí của mình, mà nói là để răn nhắc chúng ta không rơi vào trong hạng người như đã nói trên. Tâm của Ngài là như vậy!

Ý là muốn chúng ta nhẫn những cái khó để vươn lên, vượt qua khó khăn mà tiến tới, để ý chí càng kiên cường thêm chứ không phải cứ nói lời nuông chiều khiến chúng ta thành nhu nhược, hư tệ.

Như câu ca dao:

*Thương cho roi cho vọt,*

*Ghét cho ngọt cho bùi.*

Học rồi chúng ta mới thấy được tấm lòng chân thành vì người hậu học của Tổ Quy Sơn, thật là đáng kính!

Ở trước có nhiều đoạn Ngài nói rất mạnh, giống như quất roi cho thật là đau. Thấy vậy tưởng đâu Ngài chê trách. Nhưng không nên hiểu như thế rồi thành ra lui sụt, thành ra nhục chí là hiểu lầm!

Đến đây Tổ Quy Sơn bảo rõ: "Kia đã trọng phụ, ta đây cũng vậy. Không thể tự khinh mình mà thành lui sụt".

Ngài nói những bậc đi trước tu hành, đã đạt được đạo quả trên đường giác ngộ thì ta đây cũng vậy, cũng có thể tu hành, có thể đạt đến những đạo quả như thế, đâu phải là kém phân. Đây là khích lệ trở lại, chứ không phải để cho mình lui sụt. Bởi vì những bậc đi trước đó đã có tâm thì ta đây cũng vậy. Các vị có Phật tánh thì ta cũng có Phật tánh. Như vậy về cái thể chân thật thì đâu có gì khác, đâu có gì hơn kém. Đó là chỗ cần phải tin để mạnh mẽ vượt lên. Phải có lòng tự tin xác quyết như vậy.

Như Lục Tổ lúc đầu đến gặp Ngũ Tổ. Lúc đó, Lục Tổ còn là anh chàng tiểu phụ mới hai mươi mấy tuổi, quê vùng biên địa xa xôi, xưa là vùng Tân Châu - Lãnh Nham, là nơi lưu đầy những vị quan bị tội.

Một anh tiểu phụ nhà quê, ở vùng sâu vùng xa, không biết chữ mà lại gặp một vị đại Hòa thượng Tổ sư cao vòi vọi như vậy mà Ngài vẫn không rụt rè nhút nhát, lại rất mạnh dạn đầy dũng khí. Ngài thưa với Ngũ Tổ: "*Người có Nam Bắc, còn Phật tánh của con với Hòa thượng thì không khác*". Ngài có

đầy đủ lòng tự tin chắc chắn như vậy. Quả đúng với câu "Kia đã trọng phu, ta đây cũng vậy". Chúng ta cũng phải có niềm tin vững như vậy để tiến lên.

Ngài Lâm Tế cũng từng nhắc người học: "*Người học hiện nay chẳng nhận được là bệnh ở chỗ nào? Bệnh ở chỗ là chẳng tự tin. Nếu các ông tự tin chẳng kịp thì liền lãng xăng theo tất cả cảnh chuyển, bị muôn cảnh khác chi phối, chẳng được tự do*". Ngài nói người tu mà thiếu lòng tự tin nên không nhận được lẽ thật, rồi theo cảnh, bị cảnh chuyển.

*"Này các bậc Thiên đức! Chớ có lầm! Ngay đây chẳng gặp thì muôn kiếp ngàn đời luân hồi trong ba cõi, theo cảnh tốt lỗi đi, sanh trong bụng trâu, bụng lừa."* Tức là ngay đây mà không sáng được lẽ thật này, không lo tu thì muôn kiếp ngàn đời cứ luân hồi trong ba cõi; có khi theo cảnh tốt lỗi đi, có lúc sanh trong bụng trâu, bụng lừa thì thật là đáng tiếc!

Ở đây, Tổ Quy Sơn nói gần gũi hơn là nếu chẳng như thế thì luống ở trong cửa đạo thậm thoát qua một đời, thật không có ích gì.

Đây là lần thứ sáu Tổ Quy Sơn nhắc nhở là chớ để thời giờ qua suông vô ích. Nhờ có học lời dạy của chư Tổ chúng ta lấy đó để tự nhắc nhở mình lo tiến tu. Muốn vậy, mỗi người cần phải có đầy đủ lòng tự tin nơi chính mình, để vượt lên những tâm niệm trần tục thế gian này, những tâm niệm yếu hèn như vậy.

Ngài Huyền Sa - Sư Bị, lúc còn ở trong hội của Ngài Tuyết Phong, một hôm Ngài Tuyết Phong vừa gạn cũng vừa dạy:

- *Đầu-đà Bị, vì sao chẳng đi tham vấn các nơi?*

Huyền Sa thưa:

- *Đạt-ma chẳng đến Đông Độ, Nhị Tổ chẳng sang Tây Thiên.*

Tức Tổ Đạt-ma không có đến Trung Hoa, còn Nhị Tổ không có sang Ấn Độ. Đây là lời xác quyết, đầy đủ lòng tự tin nơi mình có việc lớn sẵn rồi, không phải đi tìm ở đâu hết. Đạt-ma không đến đây để truyền cái gì khác, Nhị Tổ cũng không có đi qua kia để cầu. Tự tin nơi mình có đủ việc đó.

Hiểu rồi chúng ta mới thấy nơi mỗi người có đủ việc lớn, nó siêu xuất thế gian không gì sánh kịp, thì tại sao chúng ta không chịu tin nhận để tiến tu? Lại đành chịu khuất phục theo con đường bụi bặm, chôn vùi tánh linh sao? Chúng ta cần soi trở lại mình, có lòng tự tin xác quyết vuron lên, để là những bậc pháp khí trong đạo, không thể cô phụ ân sâu của Phật, Tổ. Đó là điều chúng ta phải thấy trở lại.

## Chánh Văn (tt7)

### ***“Kính mong phát khởi chí quyết liệt, mở cõi lòng rộng suốt”***

Tổ Quy Sơn ân cần khuyến khích mọi người phải phát khởi chí quyết liệt, mạnh mẽ chứ không thể do dự yếu đuối nữa. Phải quyết chí tiến lên thêm bậc giác ngộ giải thoát, không chịu thua vô minh, phiền não. Nghĩa là phải tu cho đến nơi, phải tốt con đường xuất thế của mình.

Rồi lại phải mở cõi lòng rộng suốt, tức là phải sáng tỏ bản tâm của mình, sạch hết những mê mờ, buông sạch những vướng ngại nên nói mở cõi lòng rộng suốt. Nếu để cho những thứ này đóng kín cửa lòng của mình thì dù cho đạo có đến gõ cửa cũng vô ích. Còn cõi lòng sẵn sàng mở rộng, thì chỉ cần gõ nhẹ một cái là sáng lên.

Nhà thiền có câu *“Đất tâm nếu không thì mặt trời trí tuệ tự chiếu”*. Đất tâm của mình được rộng suốt thì mặt trời trí tuệ tự chiếu soi, khỏi cần phải tìm đâu hết. Làm sao cho tâm mình nó được trống, được rộng suốt thì trí tuệ tự sáng. Cho nên người tu hành cần phải nắm rõ yếu chỉ này để tu tập cho đúng, chớ để cõi lòng bí lấp mà thành ngăn ngại.

---o0o---

### ***“Hành động phải nhìn đến bậc trên, chớ theo hạng tầm thường. Đời nay phải nên dứt khoát, lo tính chẳng do ai khác”***

Nghe những lời này chúng ta càng thấy thấm thía. Ngài dạy phải biết cách so sánh để tiến lên. Nhìn là phải nhìn đến bậc trên để thấy hạnh cao quý của các Ngài mà học theo, để tiến tới. Đó là cách biết học, biết nhìn. Phải nhớ.

Thấy huynh đệ kia sao họ tu hành tinh tiến, mà ham. Còn mình sao mà giải đãi, thật là xấu hổ; hoặc là nhìn lên thấy các cụ già lớn tuổi như vậy mà còn siêng năng tu hành, thời khóa đều đặn; còn mình tuổi trẻ sao lại kiếm cớ để nghỉ ngơi. Nên nhìn là phải nhìn ở bậc trên, nhìn lên người trên để sách tấn mình.

Trái lại người có tâm giải đãi, cứ nhìn theo những người giải đãi rồi tự an ủi mình. Nếu nhìn theo kiểu đó là đi xuống, đâu có tiến được. Cho nên Ngài nhắc chớ có bắt chước theo hạng tầm thường để rồi đi xuống.

*Như Ngài Triệu Châu, khi xuất gia tu ở chùa quê rồi đi tham học. Có lần về lại chùa quê thăm Bốn sư. Bà con thân thuộc nghe Ngài về bàn tính với nhau mai sẽ đến thăm Ngài. Nghe bà con tính toán như vậy, sáng sớm hôm sau Ngài quảy gó đi trước, không để cho tình cảm thế gian làm vướng bận. Đây là những bậc trên mà chúng ta cần phải nhìn để tiến theo. Đừng so*



sánh là anh kia cứ về thăm nhà hoài thì mình cũng về thăm. So sánh như thế là cái nhìn đi xuống, nhìn theo kiểu tầm thường.

*Rồi Thiền sư Đạo Nguyên là vị Tổ tông Tào Động - Nhật Bản. Sang Trung Hoa tham học một thời gian thì sáng tỏ việc lớn, Ngài về lại Nhật trụ ở chùa Vĩnh Bình, lúc đó Ngài khoảng 48 tuổi.*

*Một hôm, có vị đệ tử hân hoan đến thưa là có vị tướng quân phát tâm sắp dâng cúng một mảnh đất lớn cho Thiền viện.*

*Không ngờ, khi vừa nghe xong thì Thiền sư Đạo Nguyên không những sai người lột y của vị này mà còn đuổi ra khỏi Thiền viện luôn. Nhưng vẫn chưa xong, Ngài lại còn sai người đào sâu xuống đất chỗ sàn ván mà vị ấy thường tọa thiền hàng ngày, quăng bỏ hết đất đó ra ngoài. Quả là nghiêm khắc.*

*Rồi Ngài bảo chúng rằng: “Dính mắc vào danh lợi còn xấu xa hơn phạm giới. Phạm giới (tức là phạm việc gì trong giới luật cấm đoán) thì chỉ khổ trong chốc lát, còn dính mắc vào danh lợi là bệnh khổ cả đời”.*

Quả thật Ngài quá nghiêm khắc, nhưng cũng là để răn nhắc trong chúng. Đó là những tấm gương cần phải nhìn lên để học. Để người có tâm dính vào danh lợi thấy những gương như vậy thì không dám móng tâm.

Rồi đời nay phải dứt khoát tu tập, không hện hò lần lựa đời này đời kia. Phải tu cho sáng được đạo lý, phải có được công phu tương đối cũng được an tâm, cũng phải có phần giải thoát. Phải dứt khoát như thế, chứ không phải tu từ từ gieo phước, làm lành để đời sau tu tiếp. Đó là gọi là tu kiểu hện hò.

Bởi vì giải thoát hay không giải thoát là do chính mình chứ không ai giải thoát thay cho mình được, không ai tu thay cho mình được. Vậy còn chờ ai nữa mà lại lo chân chừ? Phải có tâm hồn dứt khoát mạnh mẽ như vậy để lo tiến tu.

---o0o---

***“Dừng ý quên duyên, chẳng cùng các trần đối tiếp. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì vướng lâu chẳng suốt”***

Tức là buông sạch tâm ý để không phóng theo duyên thành mắt mình, bị nô lệ nơi cảnh. Phải làm chủ trở lại để các trần nó tự đến rồi nó tự đi, đừng có nhiệt tình hiếu khách. Nó vừa đến liền mời, chưa đến cũng mời, đó là bị khách trần dẫn đi xa.

Mà không dính với trần tức là không có sanh tâm trên cảnh, trên trần thì tự nhiên tâm không cảnh lặng. Tức là trần nó đến thì đến, đi thì đi, không có dính gì hết thì tâm trống không. Chớ không phải tâm không là phá bỏ gì đó

cho nó thành không, mà tâm không là không có dính gì hết thì nó liền tự rỗng lặng. Ngay đó thành giải thoát.

Còn trái lại, người tu hành mà cứ buông lung tâm ý chạy theo duyên, theo trần không chịu dừng thì phải nô lệ cho các trần, rồi chìm sâu trong sanh tử. Đó là sống nô lệ, mà sống như vậy thì sẽ vướng bận cho nên bị ngăn ngại, không thông suốt. Vậy là tự mình làm ngại mình chứ không ai khác làm ngại mình. Cho nên đừng trách người này, người kia sao cứ gây chướng cho mình hoài, mà phải thành thật soi trở lại, thấy rõ lẽ thật rồi tự trách mình mà cầu tiến lên.

Tổ Bá Trượng có lời kệ:

*Tâm tánh không nhiễm,*

*Vốn tự viên thành.*

*Chỉ lìa vọng duyên,*

*Tức như như Phật.*

Nếu tâm tánh chúng ta không nhiễm thì sẽ thấy rõ là vốn tự viên thành, sẵn đầy đủ không thiếu. Nó tự thanh tịnh rồi nên chỉ cần lìa vọng duyên thì tức là như như Phật. Lìa vọng duyên tức là không có theo trần thì tâm không cảnh lặng. Đó là chỗ sống chân thật của mình.

Nên phải khéo hiểu rõ, nhận định kỹ như vậy để tiến tu. Tâm mạnh mẽ, dứt khoát quyết giải thoát ngay đời này, chứ không hẹn hò lần lữa. Như vậy thì trên đường tu, chúng ta sẽ có được những bước tiến tốt, ném được phần nào mùi vị giải thoát, giác ngộ. Vậy thì đời xuất gia của mỗi người mới có ý nghĩa.

---o0o---

***“Hãy xem kỹ văn này, hằng luôn răn nhắc. Phải mạnh mẽ làm chủ lại, chớ thuận theo nhân tình”***

Đến đây Tổ Quy Sơn khuyên chúng ta hãy học kỹ văn Cảnh Sách này, rồi ứng dụng cảnh tỉnh lấy mình, cốt là phải sáng suốt để nhận rõ lẽ thật hư. Tức là biết rõ cái thật, cái giả rồi mạnh mẽ làm chủ trở lại, chớ thuận theo nhân tình mà thành mất mình.

Đây là chỗ chúng ta phải hết sức cẩn thận, vì không khéo thiếu sức tự chủ là bị nhân tình lôi đi. Xét lại ban đầu chúng ta đã cắt đứt tình ân ái để đi tu, chẳng lẽ bây giờ lại để cho nhân tình xô mũi dẫn đi, là sao? Đó là chỗ chúng ta phải luôn nhớ, răn nhắc lại mình để sáng suốt làm chủ trở lại.

*Như Thiền sư Văn Chuẩn, lúc vừa 8 tuổi thì gặp Ngài Hư Phổ đến nhà khát thực. Gọi lại duyên lành đời trước như đã từng đi xuất gia, nên Sư xin cha mẹ đi theo Ngài Hư Phổ về chùa luôn.*

*Về chùa, nhưng phải công quả chuẩn bị chứ chưa được xuất gia. Một hôm, có ông Phạm Công là quan Kinh lược của đất Thiểm Tây đến chùa thăm Ngài Hư Phổ. Lúc này, Ngài Hư Phổ vì lớn tuổi ít nói chuyện nên chỉ ứng đối lơ là. Khi đó, Văn Chuẩn đứng hầu bên cạnh mới thay thầy giải thích đầu đó rõ ràng, tới lui có quy củ.*

*Ông Phạm Công thấy vậy cảm mến, muốn dẫn Sư về Thiểm Tây giúp cho tiến thân. Ngài Văn Chuẩn từ chối, nói: “Lên núi là để cầu ngọc, còn vào biển là để tìm châu, mỗi người có cái chí của mình. Người học đạo có bốn hạnh, thì việc đẹp ở đời không phải là chỗ tâm thích”. Sư từ chối.*

Đó để thấy Thiền sư Văn Chuẩn lúc còn nhỏ mà đã có chí khí làm chủ lấy mình, chứ không thuận theo nhân tình để bị lôi đi.

Ngày nay, nhìn trở lại thì có khi chúng ta là những người ở chùa nhiều năm mà sức làm chủ thật sự chưa có, cũng thường thuận theo nhân tình để bị nó lôi đi. Đó thật là xấu hổ. Do vậy, chúng ta phải hằng nhớ để ngăn ngừa!

---o0o---

***“Đến lúc nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rành rõ há không lo sợ?”***

Tổ Quy Sơn lại ân cần nhắc nhở chúng ta phải hết sức cẩn thận về nhân quả. Nhân quả không phải là chuyện chơi, giống như bóng theo hình, không trốn tránh đâu khỏi. Bởi vậy người tu thiền chúng ta cần phải học kỹ, phải tin sâu nhân quả mới không nguy hiểm. Nếu ai tạm hiểu lý đốn ngộ rồi mà không tin nhân quả thì đó là đọa không hay.

Cho nên, Hòa thượng Hư Vân chỉ dạy rõ ràng cho người muốn tu Thiền thì điều kiện tiên quyết là phải tin sâu nhân quả. Ngài bảo rằng: *“Không luận là người nào, nếu muốn dụng công tu tập thì trước cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không tin nhân quả mà thực hành cần bướng thì không những tu hành chẳng thành công mà tam đồ cũng khó tránh”*.

Đó là lời Ngài khuyên răn mà cũng là chỗ cảnh tỉnh của các bậc Tiên đức. Các Ngài thấy rõ những tai hại nên mới chỉ dạy lại chúng ta, cần phải biết để giữ gìn cẩn thận. Nghĩa là phải xét, cái nhân của người mãi thuận theo nhân tình thì cái quả là bị nhân tình nhận chìm. Nhân quả theo nhau. Còn cái nhân mà không lo tu thì cái quả là sanh tử nhận chìm. Hiện tại lo chạy theo danh

lợi thì cái quả là tội khổ buộc ràng. Nhân quả rõ ràng, há không lo sợ sao!  
Đó là lời các Ngài ân cần nhắc nhở!

***Giả sử trăm nghìn kiếp,***

***Nghiệp đã tạo chẳng mất.***

***Khi nhân duyên gặp gỡ,***

***Quả báo lại tự nhận.***

Đó là bài kệ trong kinh Nhân Quả. Kinh nói nhân quả theo nhau như bóng theo hình, chớ có xem thường.

*Có câu chuyện xưa ở xứ Kosmir có một vị tu sĩ theo Phật giáo, Ngài tu tập thiền định khá lâu nên cũng có được một số năng lực đặc biệt như là thần thông... Vị này biết được ý nghĩ của người khác, nhớ được những đời trước, đoán biết được vị lai, tức là túc mạng thông, tha tâm thông đều biết hết.*

*Một ngày nọ, vị này đang nhóm lửa để nấu nước nhuộm y. Ngay lúc đó, bỗng có một đám nông dân đi qua, họ bị mất con bò nên cùng nhau chạy đi tìm. Có một vị đi vào thì thấy thầy đang nấu nồi nước có màu đỏ đỏ, nhìn vào trong nồi không thấy rõ liền la lên:*

*- Mọi người hãy lại xem đây, nhanh đi! Cái tên già này bắt con bò của mình, đang nấu nồi súp đây nè!*

*Các vị kia nghe xong liền chạy lại, cũng không xem kỹ liền chụp đầu vị tu sĩ này định bắt đi.*

*Khi ấy, vị tu sĩ vẫn im lặng không nói gì. Những người nông dân kia thấy vậy nghĩ chắc là đúng rồi nên không cãi. Cho nên họ cùng lôi thầy về làng, rồi trình cho vị niên trưởng ở trong làng.*

*Vị này cũng không hỏi đầu đuôi gì hết, liền tin ngay. Đêm đó họ kết tội, xiềng chân thầy rồi cho nhốt vào hầm tối.*

*Học trò của vị tu sĩ này cố kêu oan, nhưng vị tu sĩ vẫn im lặng không nói lời gì để minh oan cho mình hết. Vì vậy, mọi người đình ninh là thầy nhận tội rồi.*

*Mấy ngày sau, mọi người tìm được con bò đi lạc ở đâu đó. Bấy giờ, cả đám đông mới hoảng sợ, kéo đến nhà vị tiên trưởng xin thả vị tu sĩ ra. Nhưng vị tiên trưởng này lại muốn né tránh trách nhiệm, mới chỉ qua cấp dưới. Thì vị cấp dưới này cho là không phải trách nhiệm của mình, cũng chỉ qua cho người thứ ba, thứ tư v.v..., cuối cùng là không ai giải quyết.*

*Trải qua sáu tháng, những học trò của vị tu sĩ này mới tìm cách về đến kinh đô xin gặp được nhà vua, và trình bày sự việc như vậy lên đức vua. Vị vua*

*này là người tin luật nhân quả, nghe qua câu chuyện đó rất là sợ, nghĩ đến hậu quả của những người liên quan sẽ phải chịu quả báo không lường. Nên ra lệnh thả ngay vị tu sĩ đó và đưa về kinh đô gặp vua.*

*Vị tu sĩ này được thả rồi về kinh đô. Vua mời ngồi và hỏi xem nhốt oan một vị tu hành có đức hạnh như vậy thì vua phải chuộc tội làm sao? Rồi phải xử những người có liên quan đến việc này như thế nào?*

*Vị tu sĩ nói: “Không cần phải trừng phạt ai cả. Đây cũng là cái khổ do nghiệp tôi đã tạo nên giờ phải gánh lấy kết quả như vậy”.*

*Vua hỏi lý do? Vị tu sĩ mới giải thích là vào một kiếp xa xưa của thầy, một lần thầy làm người bắt trộm con bò của người khác thì bị dân làng đuổi theo. Ông mới chạy vào trong sân nhà của một ông già, bỏ con bò đó lại rồi chạy trốn. Dân làng kết tội ông già này trộm bò, nhân đó khiến ông già bị tội oan. Ông già bị giam bỏ đói sáu ngày, nên giờ thầy mới bị quả báo là giam đến sáu tháng.*

*Từ đó đến nay trải qua vô số kiếp, nhân duyên đó hội ngộ đầy đủ để thầy trả món nợ này. Thế là vị tu sĩ trả xong nghiệp ác của mình đã tạo, và có lòng biết ơn những người liên quan kia giúp thầy trả xong món nợ được nhẹ nhàng. Vậy làm sao thầy có niệm thù hận ai được!*

*Chúng ta thấy người thấu rõ được nhân quả rồi, liền giải tỏa được tâm mình rất nhiều. Nếu là người không biết gì đến nhân quả thì lúc đó sẽ oán hận mọi người đã hợp tác làm hại mình. Mà càng hận thì càng kết oán, oan trái tiếp tục kết lại đời sau. Ở đây, nhờ biết rõ nhân quả cho nên thầy không thù hận ai hết, ngay đó là cởi mở thôi!*

*Nói xong, vị tu sĩ chào mọi người rồi trở về lại khu rừng thuở trước. Không lâu sau, vị ấy chứng A-la-hán.*

*Để thấy là nhân quả rõ ràng, theo lời Phật dạy là như bóng theo hình. Trước đã làm cho ông già kia phải bị tù oan 6 ngày nên bây giờ phải chịu oan lại nhưng đến 6 tháng, thời gian có sai biệt.*

*Cho nên, ai là người hiểu nhân quả thì phải lấy đó làm kinh nghiệm để hết sức cẩn thận, chớ có xem thường nhân quả, đừng có sanh lòng, sau ăn năn không kịp. Tức là chúng ta đã học nhiều về nhân quả, hiểu rồi sanh lòng hay là chai lì thành ra hết sợ nhân quả, đó là rất nguy hiểm!*

*Mỗi người cần hết sức cẩn thận về nhân quả, khi gặp những cảnh hoặc tốt, hoặc xấu, thuận hay nghịch đến với mình thì cũng bình tĩnh sáng suốt, lấy nhân quả để nhìn cho thấu đáo, nhờ vậy tâm mình sẽ được cởi mở rất nhiều.*

Khi có cảnh thuận đến chúng ta cũng lấy nhân quả nhìn biết đây do nhân tốt của mình đã tạo, chứ cũng phải hay gì, nên tâm không sanh kiêu ngạo. Nhờ vậy, cái tốt đến cũng không làm cho mình thêm chướng; rồi gặp cảnh nghịch đến cũng vậy, phải xét theo nhân quả.

Thí dụ như chúng ta không cư xử xấu với ai mà sao người ta cứ cư xử tệ với mình, thì cũng phải lấy nhân quả để nhìn cho thấu đáo. Chắc là cũng có cái nhân xấu mình tạo trước kia nên giờ nó đáp trả lại. Biết vậy thì mình khéo tu tập thêm để chuyển hóa, chứ không thì lấy đó thành oán hận rồi kết oan trái thêm nữa.

Nhờ vậy, tâm cũng được nhẹ nhàng, bởi vì nhân quả rất công bình, không tình cảm, không thiên vị ai cả. Con người có tình cảm nên có thiên vị, chứ còn nhân quả thì đâu có thiên vị. Cho nên, đối với nhân quả không thể lý luận để bao che hay là trốn tránh được.

Nghĩa là đối với nhân quả thì không có lý luận điều này tôi không có lỗi..., mà là dùng tâm chân thật để nhìn, biết rõ. Có lỗi thì mình phải khéo biết nhận để chuyển hóa, không được trốn tránh trách nhiệm. Nên đây Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta phải khéo biết nhân quả rõ ràng để mà cẩn thận!

---o0o---

***“Nên biết hình phạt trong ba cõi quán chặt, giết chết người. Phải gắng sức, siêng tu hành chớ để ngày giờ trôi qua suông”.***

Nhân quả trong ba cõi không tha ai đâu! Còn ở trong ba cõi này là còn chịu cái khổ đau sanh tử luân hồi, nên gọi là hình phạt trong ba cõi quán chặt, giết chết người. Bởi vì ba cõi cũng gọi là ngục tù tam giới, còn ở trong đây là còn phải chịu hình phạt trong ngục tù sanh tử này. Cho nên, trong kinh nói rõ: *“Nước mắt chúng sanh nhiều hơn bể cả”*, hay là *“Máu chúng sanh đổ ra cũng nhiều hơn nước biển”*, để thấy sống trong đây là chịu những hình phạt khổ đau sanh tử chớ có vui gì! Vì thế người hiểu đạo là phải lo giải quyết việc lớn, là việc lớn sanh tử này chớ không có chần chờ.

Đây Tổ Quy Sơn lại khuyên thêm một lần nữa là phải lo siêng tu hành, chớ để ngày giờ trôi qua suông. Từ đầu tới đây Ngài nhắc sáu bảy lần rồi; cứ nhắc là chớ có để ngày giờ trôi qua suông, sống vô ích. Tức là phải lo siêng năng tu hành, sống mà không có công phu gì để cứ tạo thành tội lỗi thì phí biết bao nhiêu thời giờ quý báu của mình, rồi lại đành mang lấy những nhân quả khổ đau nữa. Đó là điều đáng tiếc, thật đáng tiếc!!!

Nếu vậy thì người tu hành giải thoát, nhưng không thấy giải thoát đâu mà lại thấy khổ đau, thấy phiền não nhận chìm trong tội lỗi. Đến lúc đó thì trách ai đây? Nên đây Tổ Quy Sơn nhắc phải lo siêng tu.

---o0o---

***“Đã biết sâu tội lỗi, mới khuyên nhắc hành trì. Nguyện trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi đồng làm bạn pháp”.***

Tổ Quy Sơn hết tình nhắc chúng ta, vì Ngài thấy rõ những tội lỗi đó nên mới ân cần khuyên nhắc người tu hành ngừa tránh, không đập vào con đường nguy hiểm đó.

Đây là vì lợi ích cho người học, cho chúng ta chớ không phải vì Ngài. Không biết là có ai thấy được lòng từ của Ngài không? Học rồi chúng ta nghiệm sâu mới cảm được những lời chân thành của Tổ Quy Sơn.

Rồi Ngài lại còn nguyện trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi đồng làm bạn pháp với mọi người. Tức là dù trải qua thời gian lâu xa thế nào cũng không bỏ chúng ta, luôn nguyện cùng nhau làm bạn pháp. Nghe những lời này chúng ta không có một chút động lòng hay sao? Những lời nhắc nhở hết sức thiết tha, chân thành của Ngài!

Trên là phân văn xuôi, đến đây là bài minh văn vần, nhằm rút gọn ý nghĩa nhắc nhở dễ nhớ.

***Thân huyễn nhà mộng,***

***Trông không vật sắc.***

Luôn nhớ kỹ, thân này là thân huyễn hóa, không có gì là thật, là ta cả; chớ có điên đảo lầm mê chấp lấy nó. Còn thế gian hay ba cõi này, giống như căn nhà mộng cũng không thật, tỉnh ra thì có được gì đâu? Nếu ai còn nhận nó là ta, là của ta thì gọi đó là người gì? Phải thành thật để tự hỏi lại mình.

Rồi "trong không vật sắc", tức là những vật sắc hiện trong hư không thì bám vào đâu được? Cũng nói lên nó là không có thật. Đối với thân này, cảnh này cũng vậy không thể bám vào đâu được hết. Thấy thì như có, mà nắm lấy liền tay không, vượt mắt hết! Cho nên ai mà cố nắm bắt là tự chuốc lấy đau khổ, bởi vì cái không thể nắm mà cứ cố nắm thì phải thất vọng thôi. Đây gọi là trừ cái chấp thủ về thân cũng như cái chỗ mà thân nương tựa.

Hai câu này giống ý nghĩa của lời dạy đầu Ngài cũng nhắc rõ: "Xét bởi nghiệp trói buộc mà thọ lấy thân, tránh sao khỏi khổ lụy về hình hài". Đi tu là phải xả cái chấp này để mà vượt ra.

***Mé trước không cùng,***

***Mé sau chẳng quyết.***

Xét cho thấu thì không thấy đâu là chỗ bắt đầu gọi là mé trước, rồi cũng không thấy đâu là chỗ cuối cùng, tức là muốn nói dòng luân hồi này bất

định, không có gốc thật. Chính vì nó bất định nên chúng ta mới có thể tu và giải thoát.

Khi tu mà sạch hết những phiền não thì ngay đó là điểm cuối nên nói bất định. Còn nếu người không biết tu thì cứ như thế mà xoay vần mãi không biết đâu là ngày cùng.

Nhằm nói lên rằng, chúng ta sống ở đây là sống trong cái vô minh, sống trong cái lờ mờ cả thân phận của mình, không biết đâu là gốc nguồn. Vậy mà không lo tu để được sáng tỏ! Đó là chỗ Tổ Quy Sơn muốn nhắc.

***Ra đây vào kia,***

***Xuống lên quá nhọc.***

Đây là nói cảnh lần quần ở trong vòng luân hồi cứ ra vào rồi lên xuống nhọc nhằn, đâu có vui sướng gì mà ham ở trong đó. Có khi chúng ta ở cõi người rồi vào cõi quỷ, ra đây vào kia mà! Hoặc có khi ra cõi người, vào cõi súc sanh, vào cõi địa ngục. Hoặc có khi ra cõi địa ngục vào cõi súc sanh; có khi được tốt hơn thì ra cõi người này vào cõi người kia..., lần quần không biết đâu là cùng tận. Cho nên nói ra đây vào kia, xuống lên quá nhọc. Nhưng không biết có ai thấy nhọc hay chưa? Xét vậy thì mới thấy chẳng lẽ giờ mình cứ sống trong cái cảnh xoay vần ra vào lên xuống vậy mãi hay sao?

Đó là ý Tổ Quy Sơn muốn nhắc người tu phải luôn quán kỹ như vậy để mà lo linh tấn tu hành, vượt lên con đường giải thoát, giải quyết sanh tử luân hồi.

***Chưa khỏi tam luân,***

***Bao giờ thôi dứt?***

Tam luân tức là xoay vần trong ba cõi, chưa ra khỏi vòng này thì đành phải chịu bỏ thân này rồi thọ thân khác, ra vào xuống lên, lần quần trong đó không bao giờ thôi dứt. Đó gọi là cái khổ lớn của sanh tử. Còn cái khổ đói khát, lạnh rét so với cái khổ này cũng nhẹ, nhỏ thôi.

Chúng ta thấy là ngày nay mình có cơ duyên gặp được Phật pháp, được nghe những lời Phật dạy về những lẽ thật của kiếp luân hồi, nhờ vậy mới xuất gia tu hành để giải quyết cái khổ lớn này. Nhưng vào chùa rồi thì không chịu lo tu lại làm cái gì? Không lẽ là cứ muốn kéo dài cái khổ này mãi sao? Ngài nhắc chúng ta phải có ý thực để quán xét cho kỹ rồi lo tu.

***Tham luyến thế gian,***

***Ám duyên thành chất.***



Do tâm tham luyến thế gian này mà phải sanh trở lại thế gian. Đây là cái gì? Tức là lấy năm âm hòa hợp mà thành thân tâm. Nên thân này gọi là thân năm âm, hay năm uẩn.

Chữ âm tức là che, che mờ con người chân thật của mình; còn uẩn tức là tích tụ, tức là tích tụ các duyên, các phiền não mà thành chứ không có cái thật ngã. Rõ ràng nó không có bản chất thật, không có cái ngã thể thật mà chỉ do vọng chấp tạm có, tức là năm thứ đó hòa hợp tạm thành vậy thôi. Thấu rõ như vậy thì còn cái gì mà tham luyến! Đó là ý của Tổ Quy Sơn muốn nhắc chúng ta.

***Từ sanh đến già,***

***Toàn không chút được.***

Tức là vô sở đắc. Thân này đã là năm âm duyên hợp tạm thành. Tức nó là một tổ hợp của năm âm, chứ không có thật thể. Vậy thì xét tốt từ sanh cho đến già hoàn toàn không có một cái gì thật, không có cái gì để được hết.

Nhìn bằng trí tuệ giác ngộ mới thấy con người toàn sống trong vọng tưởng. Bởi vậy những bậc giác ngộ thấy rõ trong đây thật sự là không có thật ngã, nên sẵn sàng buông nó không chút luyến tiếc. Còn chúng ta vì sống trong vô minh, vọng tưởng nên thấy là thật rồi tham luyến thành khổ.

Đây là điều mà từ Phật cho đến chư Tổ đều luôn nhắc cho người là không có ai trong đó cả. Không có ai sanh, không có ai tử, không có ai vui, không có ai buồn, không có ai được, không ai mất gì hết. Chỉ là các nhân duyên kết hợp lại thôi. Nhân duyên tụ hợp tạm gọi là được, nhân duyên tan gọi là mất chứ không có ai được ai mất gì hết.

Sanh cũng vậy, nhân duyên đầy đủ gọi là sanh, nhân duyên tan rã gọi là tử, chứ không có ai sanh ai tử. Chính vì vô minh, điên đảo nên mới nhìn thấy nó là ta, rồi mới thấy ta sanh, thấy có ta tử cho nên thành khổ. Trên lẽ thật thì không có ai sanh ai tử gì hết, mà chỉ là một tổ hợp năm âm.

Thấy được vậy thì chúng ta giải tỏa khổ đau về sanh tử. Nếu nói theo tinh thần Bát-nhã thì rốt ráo nó chỉ là tánh không thôi. Mà tánh không thì chấp thủ vào đâu, bám vào đâu? Người thật tu cầu giải thoát cần phải thấy thấu đến chỗ này, để cởi mở tình chấp của mình, buông hết mọi chấp thủ, đặt gánh nặng này xuống. Đó là giải thoát.

***Cội gốc vô minh,***

***Nhân đây mê hoặc.***

Vốn từ cội gốc vô minh, tức là chấp ngã che mờ không thấy được lẽ thật, nên Ngài nói nhân đây mê hoặc. Như vậy, gốc đã không thật thì cả cuộc

sống chúng ta đây cũng là trong cái không thật, tức vọng tưởng điên đảo thôi.

Thí dụ khi mở ti-vi lên thì thấy những cảnh chiếu trong đó, gốc của nó là gì? Là không thật thì bao nhiêu cảnh đó cũng đều không thật. Đây cũng vậy, cái gốc của mình cũng là không thật, thì cả một dọc dài trong cuộc sống đây cũng vậy thôi đều là không thật. Thấy được chỗ đó rồi thì mới thấy được lẽ thật điên đảo của mình, mới hết làm mê. Ở đây nói vô minh nhưng vô minh thì lại không có gốc, tức do bất giác mà vọng khởi. Bởi vì nếu nó có gốc thì nó thành thật rồi, chính vì nó không có gốc nên gọi nó là vô minh, là vọng khởi. Thí dụ như nằm chiêm bao, thì cái chiêm bao đó đâu có gốc. Do nằm ngủ mê nên chiêm bao thấy thôi, tìm không có gốc thật. Chính vì không có gốc nên tỉnh rồi thì nó hết. Vô minh cũng vậy, do bất giác vọng khởi; khi giác ngộ thì nó hết, chớ không chắc chắn, không có cố định. Chính vì vậy mà chúng ta có đủ lòng tin để tu hành giải thoát, chớ không cúi đầu chấp nhận đầu hàng nó.

***Đáng tiếc thời giờ,***

***Sát-na khó biết.***

Thời giờ trôi qua nhanh chóng, sự sanh diệt trong từng sát-na vi tế thì với tâm phàm này thật là khó thấy biết hết được, cũng là khó lường thấu.

Vì lẽ thật của nó rất là vi tế nên phàm phu không thấy, không lường biết được rồi tưởng nó là thật, nó là thường; thành có cái thấy điên đảo, mới chấp trước, mới có tham ái trong đó thành có khổ đau. Còn các bậc chứng đạt thiên định sâu thì các Ngài thấy rõ là trong một sát-na chớp nhoáng đã có bao nhiêu lần sanh diệt rồi. Mới thấy cuộc sống này quả thật là hết sức mong manh, không có chút gì gọi là chắc chắn hết. Nó có thể chết lúc nào cũng được, không thể lường trước.

Như đang ngồi đây, vừa đi ra ngoài gặp làn gió độc thổi đến, trúng làn gió độc là có thể bệnh rồi chết; gặp duyên gì đó cũng có thể chết được. Nghĩa là cái chết nó không có lường trước ở mức nào. Vậy còn có gì để chúng ta tham luyện?

Phải quán kỹ như vậy thì trừ được tâm tham luyện. Nhưng với người mê thì thật khó nói. Vì mê cứ thấy thật nên khó nói vì họ không tin. Đây chính là những hồi chuông cảnh tỉnh lớn lao cho những ai còn ở trong mộng, phải mau thức tỉnh chớ có lo đắm chìm trong vô minh, hư dối thì cuộc sống không có nghĩa gì hết.

Chúng ta phải từ trong đó tỉnh lại để thấy được con người chân thật rồi sống trở về con người chân thật của mình, đó mới là cuộc sống có ý nghĩa. Còn

sống trong cái hư dối, toàn là bản chất hư dối thì có ý nghĩa gì. Đó là chỗ mà Ngài muốn nhắc.

***Đời nay luống qua,***

***Đời sau bít lấp.***

Đời nay không chịu thức tỉnh tu hành để cho nó luống qua trong sự mê mờ thì đời sau nó lại che mờ bít lấp thêm nữa. Rồi không lẽ chúng ta cứ lo kéo dài sự tối tăm mãi như vậy hay sao?

Ý Tổ Quy Sơn muốn cảnh tỉnh chúng ta phải khéo thức tỉnh vươn lên, chớ để chôn vùi trong sự bít lấp đó nữa.

***Từ mê đến mê,***

***Đều do sáu giác.***

Từ cái mê này đến cái mê kia, vậy là toàn ở trong mê. Do đâu? Do sáu giác. Sáu giác tức là sáu trần. Sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu giác này lấy sáu căn làm môi giới để đột nhập vào nhà rồi cướp đi những của báu công đức. Và nếu sáu căn này không làm môi giới thì sáu trần cũng không vào được.

Nên lỗi không phải ở sáu trần hay là sáu căn mà lỗi là ở tại nơi tâm sanh, tức là tâm duyên theo. Vì tâm mê mất tự tánh rồi phóng theo duyên nên bỏ hở cửa thành mới có giác vào được. Còn nếu tâm sáng suốt không làm theo thì trần đâu có vào được nên đâu có chuyện gì.

Thực tế chỗ chúng ta tu là ngay nơi sáu căn hiện tiền của mình, tức là thấy nghe, hiểu biết đối với sáu trần tâm phải sáng suốt rõ ràng để không mê làm theo duyên. Cho nên vua Trần Thái Tông làm bài sám hối sáu căn rất có ý nghĩa, đó là nhằm ngay sáu căn lúc nào cũng thường tỉnh trở lại không mê. Đó là chỗ tu thực tế.

***Sáu đường qua lại,***

***Ba cõi bò lên lét.***

Sáu đường tức là lục đạo luân hồi. Nghĩa là khi đã mê rồi thì cứ mãi tạo nghiệp. Tạo nghiệp rồi đi qua lại lẩn quẩn trong sáu đường, mà sáu đường thì không ngoài ba cõi. Nói theo chiều ngang thì sáu đường theo đó mà qua lại, còn nếu theo chiều dọc thì tức là là ba cõi bò lên lét xuống. Tức là từ cõi địa ngục, rồi bò lên cõi người, có khi bò lên cõi trời, rồi lét trở lại xuống cõi người hoặc là lét trở lại xuống cõi nga quỷ, súc sanh gọi là bò lên lét xuống.

Còn nói theo chiều ngang là cứ qua lại trong sáu đường, cứ qua lại qua lại, xoay vần như bánh xe nên gọi là vô thủy luân hồi vì không biết đâu là đầu mối. Đó là cái khổ lớn sanh tử.

Vậy mà vẫn không thấy được mấy người chán! Tuy đã biết tu cũng hiểu được về lẽ thật qua lời Phật, lời Tổ dạy, nhưng nhiều người cũng còn chưa thấy chán, nếu chán thì chắc là ngay đây dứt khoát, quyết tu giải thoát rồi, ngược lại cũng còn muốn kéo dài sự bò lên lét xuống! Mới thấy việc làm của chúng ta có thật sáng suốt không? Mỗi người cần kiểm lại chính mình!

***Sớm hỏi minh sư,***

***Gần người cao đức.***

Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta khi hiểu rõ rồi thì không thể nhắm mắt sống như vậy mãi, mà phải lo tìm bậc minh sư để thưa hỏi để biết đường ra.

Rồi gần người cao đức, tức là những bậc có kinh nghiệm tu hành để học hỏi, lần bước đi lên con đường giải thoát. Chúng ta là người đi sau, chưa có kinh nghiệm nên phải lo tìm những bậc sáng suốt, có kinh nghiệm đi trước để thưa hỏi, để biết đường ra, chớ không thể chấp nhận chôn vùi trong đó mãi.

***Giải tỏa thân tâm,***

***Trừ sạch gai góc.***

Nhờ gần những bậc như vậy, rồi thưa hỏi, tu hành, sáng tỏ được lẽ thật của thân tâm và giải tỏa không còn vướng mắc mê lầm thân tâm này nữa. Rồi cũng thấy rõ những gai góc chắt chứa lâu nay mà lo trừ sạch, Phật dạy đó là bậc trí.

Còn những điều mê lầm, những gai góc chắt chứa từ lâu trong tâm mà không lo trừ sạch, lại cứ thâm vào, rồi chắt chứa thì làm sao gọi là bậc trí sáng suốt được?

Gai góc là gì? Là những phiền não, chấp trước, ô nhiễm... Ai mà chứa gai góc càng nhiều thì sao? Chứa gai góc nhiều thì sẽ bị đâm, bị xước, đụng tới là có chuyện. Rồi đất vườn mà cứ chứa gai góc thì bước chân đi là đạp gai góc, thì chính chủ nhà cũng khổ, mà người khác cũng khổ lây, tức luôn sống trong phiền não, khổ đau. Vậy mỗi người hãy tự kiểm lại xem mình còn chứa gai góc nhiều ít, để biết mà lo tiên tu.

***Đòi tự đối hư,***

***Các duyên đâu bức.***

Cõi đời này đều từ cái nhân bất giác vọng khởi không thật. Mà bản chất cái nhân đã là hư dối không thật thì có cái gì bức ngặt được mình?

Như các hình ảnh trong ti-vi, mở lên có, tắt rồi đâu còn thì làm sao nó bứt ngặt được mình? Chính vì con người mê lầm điên đảo tưởng nó là thật, thành ra bị nó bứt ngặt, nó chi phối. Thí dụ như ti-vi chiếu cảnh lâm li thì cũng buồn, rớt nước mắt, còn thấy những cảnh vui thì cũng cười theo. Đó là bị nó chuyển, là bị mất tự chủ.

Nếu xét lại chúng ta đối với cuộc đời này thì cũng vậy, không khác gì hết. Cả cuộc đời này giống cảnh ở trong ti-vi, mà chúng ta cũng vì những cảnh đó bị nó bứt ngặt, chi phối. Do lầm mê thôi.

Cho nên ở đây chúng ta tu hành dùng trí tuệ thấy đúng lẽ thật để làm chủ trở lại, không bị lầm mê trong đó nữa. Khi ngộ thấu được lẽ thật rồi thì tâm tự giải thoát, đâu có trừ cái gì nữa? Nó là không thật mà!

Tội gì chúng ta lại để cho những cái hư dối nó bức lấy mình? Nói theo thông thường là "*ngu gì mà để cho mấy cái hư dối đó dối mình*" phải không? Nhưng rồi chúng ta lại cũng bị nó mê hoặc, mới thấy đó là cái lầm lâu đời lâu kiếp. Bởi vậy chúng ta cần xét sâu để thấy điều đó mà vươn lên.

***Xét tột pháp lý,***

***Lấy ngộ làm mục.***

Đây Tổ Quy Sơn nhắc chúng ta tu hành là phải xét cho thấu tột nơi lý chân thật của pháp, đừng thấy theo tướng hư dối đó mà lầm mãi. Và tu là phải lấy tỏ ngộ làm chùng mục. Tức là cần phải đạt đến chỗ tỏ ngộ chân thật. Nghĩa là tự mình phải sáng tỏ lấy, chứ không phải dừng ở trên sự học hiểu kiến giải bên ngoài, hoặc là ở trên kiến thức, chữ nghĩa. Trong nhà thiền gọi là "*được cá quên nôm*" hay là "*bắt thỏ mà bỏ bẫy*". Phải đạt đến như vậy, tức phải nắm được cái thật, chứ không phải kẹt trên phương tiện. Phải phát khởi được trí vô sư chân thật nơi mình. Phải tu đến như vậy.

***Tâm cảnh đều quên,***

***Chớ ghi chớ khắc.***

Tâm và cảnh đều quên tức là năng sở đều quên, vượt qua tâm đối đãi. Tức là buông sạch hết những dấu vết của cảnh duyên từ bên ngoài, không có dấu vết đối đãi. Không có cảnh duyên bên ngoài thì nó không đưa tin vào được nữa, vậy là hết chỗ để ghi, để khắc. Tức không lưu lại cái bóng dáng gì hết thì coi như đến đây là hết chỗ để so sánh, tâm cảnh đều quên rồi thì lấy gì để so sánh?

Trong Chứng Đạo Ca nói: "*Tâm pháp song vong, tánh tức chân*": tức là tâm và pháp cả hai đều quên thì ngay đó tánh tức chân. Phải tiến đến chỗ đó chớ không tìm gì khác nữa. Còn thấy có tâm có cảnh tức là có chia hai, thì có đối

đãi là còn có dấu vết che mờ. Đây thì sạch hết những dấu vết nên không có gì để ghi để khắc, tức không lưu bóng dáng gì trong đây hết.

***Sáu căn yên vui,***

***Đi đứng im bật.***

Đến đó thì sáu căn được yên vui, nước nhà thái bình. Đi đứng im bật tức là hết còn sóng gió sanh khởi. Đến đây mới an ổn, thấy nghe đều thành giải thoát, hết một đời lang thang! Tu như vậy mới thực sự là niềm vui giải thoát, không có niềm vui gì ở thế gian có thể sánh kịp được. Vậy thì tu là ban đầu biết rõ cái khổ để dứt khổ được an vui thực sự, không phải là bi quan, tiêu cực.

Vào đầu thì Ngài nói thân này là giả dối, là nguồn gốc của tội lỗi, nên chúng ta thấy giống như toàn là khổ đau, là đáng chán. Bởi phải thấy đúng là lẽ thật của nó để rồi chúng ta mới dứt khổ và đạt đến chỗ an vui chân thật. Đến đây đúng là đến chỗ an vui chân thật. Con đường chúng ta đi rõ ràng như vậy.

***Một tâm chẳng sanh,***

***Muôn pháp đều dứt.***

Nói nhiều, nhưng khi rút lại là "***một tâm chẳng sanh***" là xong, là thiên hạ thái bình, là muôn pháp tự dứt, tự an.

Một tâm chẳng sanh là pháp tự an rồi, thì chúng ta đâu cần phải trừ bỏ muôn pháp. Cho nên quan trọng là ở nơi tự tâm này, "***tâm không sanh***" thì pháp tự như, là tự an ổn.

Còn Tín Tâm Minh gọi là "***Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi***". Như vậy cho thấy cái lỗi là không phải ở nơi pháp mà chính là ở tại tâm. Cho nên một tâm chẳng sanh thì muôn pháp tự như. Đến đây gọi là núi sông trả về cho núi sông, không can hệ gì hết.

Yếu chỉ tu hành là ở đây. Quan trọng là ngay tự tâm của mỗi người, chúng ta phải nắm vững rõ ràng chỗ tu hành này.

Còn nói ngược lại một tâm đã sanh thì sao? Một tâm chẳng sanh thì muôn pháp đều dứt; còn nếu nói ngược lại, một tâm đã sanh thì xách gói chạy hoài, lang thang khắp đầu đường, cuối hẻm. Đơn giản vậy thôi! Lỗi là ở chỗ "***tâm này***", đừng đổ thừa tại pháp, tại cảnh này cảnh kia; mà phải ngay chỗ anh chàng tâm này, chỉ ngay mặt thì nó hết dối được. Còn cứ đổ thừa này kia tức là bỏ hở cửa cho nó dối gạt thêm. Hãy điếm mặt ngay đó: "***Chính mày đây chứ hỏng phải ai hết!***", ngay đó mà xử. Thấy được lẽ thật đó thì thấy được chỗ yếu chỉ tu hành của mình. Cho nên Tổ Quy Sơn kết thúc lại: "***Một tâm chẳng sanh, muôn pháp đều dứt***".

Tóm lại, học Quy Sơn Cảnh Sách để nhắc nhở chúng ta tiến tu. Thấy mình được xuất gia là một duyên lành hy hữu không phải dễ có. Nhờ đã từng gieo căn lành này từ đời trước cho nên nay mới được, do đó chớ có xem thường cho nó qua suông, thì thực là đáng tiếc! Phải nhớ rõ.

Chúng ta phải quán kỹ thân này là vô thường, mong manh, không bền chắc. Trong đây không có gì là ta, là của ta, không có ai trong đó hết, nó trống rỗng vậy thôi. Vì điên đảo chấp dính nên bị cái thân thúy này nó che mờ chân tánh xưa nay sáng suốt của mình, đó là thật đau! Quá đau!

Vậy thì mỗi người phải thật sự bước đi từng bước trên đường giải thoát. Điểm căn bản là cần phải thực tu, thực học nhờ đó sáng tỏ được tâm tánh của mình, vượt khỏi cái mê từ vô thủy kiếp mà giải quyết việc lớn sanh tử luân hồi để không uổng phí một đời tu của mình. Đó là điểm mà tất cả phải hết sức cảnh tỉnh, răn nhắc lấy mình!

Nên nhớ trong kiếp luân hồi lâu xa này thì mỗi người chúng ta ai cũng đã từng đi qua khắp hết các nẻo đường rồi, từ chỗ đau khổ cùng cực ở địa ngục cho đến chỗ nhiều vui sướng ở cõi trời, mỗi người chúng ta đã đi đủ, không thiếu gì hết.

Kiểm lại nội tâm của mình thì liền thấy rõ, có lúc thấy tâm rất vui, rất là cao thượng, giống như là người ở trên cõi trời hoặc là bậc hiền. Nhưng có lúc tâm mình cũng đen tối giống như súc sanh, địa ngục không khác, để thấy những chủng tử trong tâm mình chứa đủ hết. Những nẻo đường luân hồi đó chúng ta đã đi qua hết rồi thì còn tiếc gì nữa mà không dứt khoát để vượt ra? Ngay đây thấy chưa đủ hay sao? Không thấy chán hay sao? mà còn muốn kéo dài, bò lên lét xuống!

Rồi cuối cùng là trở về một tâm chẳng sanh, muôn pháp đều dứt, khỏi phải thêm bớt gì hết. Đó là chỗ yếu chỉ để mình tiến tu. Cho nên mỗi vị luôn thường nhớ để nhắc nhở mình, chớ để thời giờ qua suông thì nhân quả khó tránh. Bởi nhân quả đâu đó rõ ràng, không có trốn tránh được. Làm sao khéo sống trở về với con người chân thật của mình, chớ chạy theo cái hư dối. Đó mới là người trí. Đường mình đi là như vậy nên phải sáng suốt.

Nói tóm gọn lại thì tất cả đều ở ngay nơi **TÂM NÀY** chứ không gì xa xôi hết. Đơn giản. Đó là điều muốn nhắc cho tất cả!

---o0o---

**HẾT**